# ĐẶNG HOÀNG XA

Nhóm nghiên cứu Do Thái & Israel

# CÂU CHUYỆN HÀM AI LỊCH SỬ THĂNG TRẦM CỦA MỘT DÂN TỘC



## LÒI GIỚI THIỆU

Thế giới chúng ta đang số ng là một thế giới đa dạng, nhiề u sắ c màu. Có những dân tộc bị vùi dập xuố ng tận bùn đen, rồ i ngậm ngùi cho đó là "số phận". Có những dân tộc luôn sẵn sàng tiế n về phía trước, chấ p nhận thách thức và nhờ vậy đã thành công, có những phát kiế n, đóng góp vĩ đại cho nhân loại.

Người Do Thái và Quố c gia Do Thái Israel là một trong số rấ tít các ví dụ điển hình. Trên thế giới có lẽ chưa có trường hợp nào như người Do Thái, cả một dân tộc chịu cảnh "thiên di", số ng lưu vong, phiêu bạt khắ p nơi trên thế giới trên 2000 năm nhưng vẫn phục quố c thành công với nguyên bản sắ c và tôn giáo của mình. Không chỉ có vậy, với tổng số 16 triệu người, tức chiế m khoảng 0,2% dân số thế giới, người Do Thái đã đứng ở đỉnh cao trong rấ t nhiề u lĩnh vực và có đóng góp to lớn cho nhân loại, thể hiện rõ nhấ t qua việc họ giành được khoảng 30% tổng giải thưởng Nobel trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế và y học từ trước để n nay.

Với một cuố n khảo cứu hơn 300 trang dưới tiêu đề "Câu chuyện Do Thái: Lịch sử thăng trâ m của một Dân tộc", tác giả Đặng Hoàng Xa, người đã dành rấ t nhiề u thời gian và tâm sức cho đề tài này, đã vẽ nên một bức tranh lịch sử số ng động trải dài qua 4000 năm đâ y bi thương, nhưng cũng đâ y quả cảm của dân tộc Do Thái. Với óc quan sát tinh tế, cộng với tư duy logic của người làm khoa học, tác giả Đặng Hoàng Xa đã đưa ra cách nhìn đa chiế u về các yế u tố tôn giáo, văn hóa, kinh tế, chính trị, lịch sử và có những lý giải khá thuyế t phục về câu chuyện thành công của người Do Thái cũng như quá trình hình thành và xây dựng đấ t nước của Nhà nước Israel hiện đại ngày nay.

Tuy câu chuyện là của người Do Thái và Nhà nước Israel, nhưng qua đây chúng ta cũng thấ y có nhiệ `u nét tương đô `ng vê `tinh thâ `n bấ ´t khuấ ´t, không chịu lùi bước trước gian khó của người Việt và người Do Thái. Cuố ´n sách là tài liệu tham khảo hữu ích cho những ai muố ´n tìm hiểu vê `đấ ´t nước, con người Israel. Cái còn lại là câu hỏi còn bỏ ngỏ cho bạn đọc là liệu chúng ta có thể học gì để thành công trong công cuộc phát triển và bảo vệ đấ ´t nước như người Do Thái?

#### TS. Hoàng Anh Tuấ n

Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chiế n lược Ngoại giao

## LÒI CẢM TẠ

Cuố n sách này "Câu chuyện Do Thái: Lịch sử thăng trâ m của một Dân tộc", với nội dung trải dài 4000 năm lịch sử của dân tộc Do Thái, không thể hoàn thành nế u không có sự tham khảo các nguồ n tri thức vô tận từ sách vở, các bài báo thời sự, chính trị, các luận văn nghiên cứu của các học giả các trường đại học. Danh sách của những tư liệu này có thể nói là quá dài để liệt kê ra đây. Cuố n sách cũng không thể đế n tay bạn đọc nế u không có sự giúp đỡ và ủng hộ của bạn hữu xa gâ n.

Trước hế t, tôi xin gửi lời cảm tạ đế n Bà Meirav Eilon Shahar – Đại sứ của Israel tại Việt Nam – đã cho tôi cảm hứng để đặt bút viế t cuố n sách này về dân tộc Do Thái của Bà, một dân tộc mà tôi vô cùng ngưỡng mộ. Tôi xin cảm ơn người bạn của tôi – Amit Bachenheimer – đã giúp duyệt lại nội dung của cuố n sách. Xin cảm ơn sự ủng hộ nhiệt tình của các bạn trong Đại sứ quán Israel. Đố i với tôi sự ủng hộ của các bạn là vô giá.

Tôi cũng xin gửi lời cảm tạ chân thành đế n Tiế n sĩ Hoàng Anh Tuấ n – Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chiế n lược Ngoại giao đã viế t lời giới thiệu cho cuố n sách; Tiế n sĩ Nguyễn Mạnh Hùng – Tổng giám đố c Công ty CP Sách Thái Hà và cũng là người bạn rấ t tận tụy của tôi – cùng các bạn, các em trong Công ty CP Sách Thái Hà, đã hế t lòng giúp đỡ để đưa cuố n sách này tới tay bạn đọc.

Cuố i cùng, đó là lời cảm ơn đế n các bạn của tôi trong "Nhóm Nghiên cứu Do Thái & Israel" – Trâ n Trọng Thành, Vũ Trọng Đại và Trâ n Thị Thu Hương – đã cho những ý kiế n và lời khuyên đáng quí.

### LỜI NÓI ĐẦU



- Quố c gia chính thức hiện nay của người Do Thái là Israel, thủ đô là Jerusalem.
- Thời điểm thành lập Nhà nước Israel hiện đại: ngày 14 tháng Năm năm 1948.
- Biểu tượng Do Thái giáo và Nhà nước Israel: ngôi sao sáu cánh (ngôi sao David).
- Dân số Israel ngày nay: 8.180.000 (thố ng kê năm 2014).



#### Bản đô` Israel hiện đại

srael đứng ở ngã ba của châu Âu, châu Á và châu Phi. Về mặt địa lý, Israel thuộc về châu Á. Lãnh thổ Israel nă mở rìa phía Đông của Biển Địa Trung Hải thuộc bán đảo Ả Rập ngay giữa trung tâm của vùng Trung Đông (1). Vị trí địa lý của Israel là một nghịch cảnh: một đấ t nước nhỏ mang tín ngưỡng Do Thái giáo, vây quanh là các láng giê ng Ả Rập Hô i giáo đâ y thù hận. Chính sự khác biệt và thù nghịch mang nặng màu sắ c tôn giáo của các nước Ả Rập Hô i giáo láng giê ng đố i với Israel là một trong những lý do chính châm ngòi cho những bấ t ổn chính trị cho cả khu vực Trung Đông cả trăm năm nay.

Tại sao Israel ngày nay lại là một điểm "nóng" tại Trung Đông và là tâm điểm chú ý của toàn thế giới, cả về những xung đột đâ y bạo lực cũng như những thành tựu về kinh tế, văn hóa và con người đế n ngạc nhiên như thế?

Một vài học giả phương Tây nhận định rà `ng một phâ `n ba nê `n văn minh phương Tây mang dấ ´u â ´n của tổ tiên Do Thái. Chúng ta có thể cảm nhận sức nặng của nhận định này từ những tên gọi như Abraham Lincolh<sup>(2)</sup> – tên của tổng thố ´ng thứ 16 của nước Mỹ, cho để ´n bức tượng nổi tiê ´ng David<sup>(3)</sup> của điêu khắ ´c gia người Ý Michaelangelo; từ tên tuổi các tư tưởng gia đã làm thay đổi tư duy của thế ´ giới như Albert Einstein, Sigmund Freud; các chính trị gia lỗi lạc Henry Kissinger, Thủ tướng Áo Bruno Kreisky, Thủ tướng Pháp Pierre Mendès...; các văn sĩ nổi tiế ´ng Franz Kafa, Isasc Asimov, Shai Agnon...; các nhạc sĩ cổ điển Isaac Stern, Yascha Heifetz, Arthur Rubinstain... Cho đế ´n năm 2011 giải Nobel đã được trao cho trên 800 nhân vật và các tổ chức xã hội thì trong đó xấ ´p xỉ trên 180 người là người gố ´c Do Thái, tức là chiế ´m 22% số ´ nhân vật được coi là

những trí tuệ hàng đâ`u của nhân loại. Ở nước Mỹ hiện nay có 1/3 triệu phú và 20% giáo sư các trường đại học hàng đâ`u thê´ giới là người Do Thái.

Những tên tuổi và những con số rấ tấ n tượng này phâ n nào đã nói lên tâ m ảnh hưởng của trí tuệ Do Thái đố i với văn minh phương Tây. Song trên thực tế ảnh hưởng thực sự của trí tuệ Do Thái cổ đố i với văn minh phương Tây lại nă mở một phạm vi sâu rộng hơn rấ t nhiê u, đặc biệt trong việc văn minh phương Tây tiế p nhận quan điểm của người Do Thái trong cách kiế n giải những vấ n đề sâu sắ c của đời số ng, đặt nề n móng cho việc xây dựng một cơ cấ u xã hội ổn định và hiệu quả. Ngay những văn kiện sáng lập của nước Mỹ, trong đó có Tuyên ngôn Độc lập, Hiế n pháp và Tuyên ngôn Nhân quyê n, đề u dựa trên những nguyên tắ c đạo đức của Kinh Torah. Hệ thố ng pháp luật của các tiểu bang, liên bang và các địa phương ở Mỹ cũng đề u có nguồ n gố c từ Kinh Torah.

Văn minh Do Thái không để lại những kiế n trúc nổi tiế ng như những kim tự tháp, điện Pantheon hoặc Vạn Lý Trường Thành, nhưng nó lưu lại mãi mãi một di sản phi vật thể vô giá mà ít có nề n văn minh nào có thể sánh được về tâ m ảnh hưởng lâu dài, sâu sắ c đố i với văn minh toàn nhân loại.

Với những ảnh hưởng sâu sắ c như thế, chúng ta dễ mường tượng rã ng đấ t nước, con người, và lịch sử Do Thái phải vô cùng ấ n tượng và kỳ vĩ. Thực tế lại hoàn toàn trái ngược. Theo thời gian, người Do Thái là những kẻ đế n muộn trên sân khấ u lịch sử. Mảnh đấ t Canaan (4) cổ nhỏ bé là nơi định cư cuố i cùng của người Do Thái khi quố c gia Israel được Liêp Hợp Quố c chấ p nhận thành lập vào năm 1948 với diện tích ước chừng 15.000 km². Còn lịch sử của dân tộc Do Thái, nhìn từ bên ngoài, có thể nói là rấ t khiêm nhường, cũng giố ng như lịch sử của muôn vàn những dân tộc nhược tiểu khác.

Vậy thì chìa khóa của những thành tựu của người Do Thái nă mở đâu nế u không phải là nă mở nơi những cổ vật quí giá hay ở kích thước địa lý của đấ t nước và lịch sử. Lâ n theo câu hỏi này chúng ta phát hiện ra ră ng cái đã nâng người Do Thái từ tăm tố i lên tới vĩ đại chính là sự khao khát của họ trong việc truy câ u những ý nghĩa lớn lao của cuộc số ng. Trong các chương sau chúng ta sẽ cùng nhau ôn lại lịch sử lập quố c và sự hình thành của Do Thái giáo để tìm xem những ý nghĩa đó là gì.

Khác với các tôn giáo khác, điểm đặc biệt trong lịch sử hình thành Do Thái giáo là tôn giáo này gặ n liệ n với lịch sử lập quố c đã y chông gai của dân tộc Do Thái. Không những vậy, đó còn là một lịch sử lập quố c chịu nhiệ u cay đấ ng. Năm là n bảy lượt bị nô lệ, quố c gia bị diệt vong, dân chúng bị xua đuổi lang thang kiế m số ng khấ p thế giới, vậy mà người dân Do Thái vẫn giữ được bản sắ c dân tộc và bảo tô n được tôn giáo của mình cho để n tân ngày nay. Trong khi đó, những nê n văn minh cổ đại láng giê ng xung quanh Israel như nê n văn minh Ai Cập cổ đại, dân tộc đã xây dựng nên những kim tự tháp vĩ đại; Người Hy Lạp khởi đâ u cho nê n văn minh dân chủ, đã sản sinh cho the giới những Plato Aristotle danh tiế ng; Người La Mã với thời kỳ cổ đại hoàng kim, tấ t cả nay đã không còn. Những quố c gia văn minh cổ đại đó trong quá khứ đã từng xâm lặng giày xéo lên mảnh đấ t thiêng liêng của người Do Thái, cho để n nay tấ t cả chỉ còn lại là những dấ u tích đổ nát và mãi mãi chỉ còn trong ký ức. Riêng dân tộc Do Thái, trải qua biế t bao nhiều chìm nổi, vẫn còn cho để n ngày nay, hiện ngang và kiệu hãnh.

Hãy đọc những câu thơ trong một bài thánh vịnh của vua David cách đây ba ngàn năm:

Thiên Chúa là mục tử tôi, tôi không mong muố ngì hơn, Thiên Chúa đặt tôi nă m nghỉ trên đô ng cỏ xanh Thiên Chúa dẫn tôi đi bên mặt nước yên tĩnh

Thiên Chúa khôi phục linh hô `n tôi

Thiên Chúa dẫn tôi đi trên đường công chính vì danh Ngài

Dù có bước qua thung lũng bóng tố ´i của sự chế ´t

tôi cũng không sợ cái ác vì Thiên Chúa đang ở với tôi...

Những lời thơ â´y được cấ´t lên trong suố t hành trình gian nan của người dân Do Thái, trong nhà riêng, nơi thánh đường, trên đô ng cỏ, trong những đêm thâu vă´ng lặng hay giữa tiế ng reo hò của lễ hội, trong các trại tập trung u ám đâ y chế t chóc. Hô n thơ â´y là nơi trông cậy, là niê m hy vọng và sức mạnh tâm linh của một dân tộc lưu lạc.

Chúng ta hãy cùng nhau quay lại cuố n phim lịch sử, lâ n bước theo hành trình kinh ngạc của dân tộc đáng ngưỡng mộ này.

Đặng Hoàng Xa

2014

## CHƯƠNG I BẢN SẮC DO THÁI



"Tại Israel, để là một người thực tế , bạn phải tin vào phép lạ." – **David Ben-Gurion** (Thủ tướng đâ `u tiên của Nhà nước Israel hiện đại)

Từ khi Nhà nước Israel tuyên bố độc lập vào năm 1948, những đánh giá lịch sử về Israel thường chỉ đặt trọng tâm xoay quanh của các cuộc chiế n nảy lửa, các xung đột Ả Rập- Israel không bao giờ hế t và các cuộc đàm phán ngoại giao bế tắ c. Trọng tâm đó rấ t gây hiểu lâ m. Israel đã trải qua nhiệ u cuộc chiế n; Israel cũng luôn là mục tiêu của các cuộc tấ n công khủng bố nhiệ u hơn bấ t kỳ một quố c gia nào khác; cũng là một thành viên tích cực trong nỗ lực kiế n tạo hòa bình của Trung Đông trong nhiề u thập niên. Tuy nhiên, các xung đột và thương lượng, mặc dù thường xuấ t hiện với tâ n suấ t rấ t cao trên các tiêu đề truyề n thông hàng ngày, chỉ là một phâ n nhỏ của câu chuyện. Cuố n sách này "Câu chuyện Do Thái: Lịch sử thăng trâ m của một dân tộc" cho chúng ta nhìn thấ y một bức tranh quan trọng hơn và bao quát hơn: thực tế của đấ t nước này và con người của nó là gì?

Câu trả lời là Israel hiện đại đã và đang xây dựng một hệ thố ng chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa với một ý thức rõ ràng – mặc dù không hoàn hảo và chưa trọn vẹn. Đó là một quố c gia bình thường như mọi quố c gia khác, độc đáo, đặc sắ c, và mang nhiề u màu sắ c khác la.

Tuy ră `ng Israel hiện đại khởi nguồ `n từ một trong những nê `n móng xã hội và văn hóa lâu đời nhấ t trên trái đấ t, di sản cổ xưa của nó đã không giúp cho công cuộc xây dựng quố c gia Israel hiện đại dễ dàng hơn. Ngược lại, tôn giáo và chủ nghĩa duy vật, ngôn ngữ đa dạng, dân chúng với nhiê `u trình độ phát triển kinh tế , kinh nghiệm lịch sử khác nhau, trong số các yế u tố khác, đã khiế n cho công cuộc xây dựng quố c gia của Israel đặc biệt phức tạp và đâ `y thử thách. Một mảnh đấ t nhỏ bé và khô că `n, tài nguyên thiên nhiên ít ỏi, bao quanh bởi các nước láng giê `ng thù địch, cùng với những câu chuyện thành công ngoạn mục đã làm cho Israel trở nên một đấ t nước như huyê `n thoại.

# BẢN SẮC DO THÁI VÀ ĐỊNH NGHĨA ISRAEL HIỆN ĐẠI

Ý tưởng cho ră `ng người Do Thái là "chỉ là" một nhóm tôn giáo là một khái niệm bắ ´t đâ `u với cuộc Cách mạng Pháp năm 1789, nhưng đã không gây ảnh hưởng ở Tây Âu cho đế ´n giữa thế ´kỷ 19. Khái niệm này hoàn toàn không đứng vững trong các cộng đô `ng người Do Thái ở Đông Âu hay Trung Đông. Ở Tây Âu, những người có cảm tình với người Do Thái và những người Do Thái muố ´n mình hòa đô `ng với nề `n văn hóa của đa số ´, đã tìm cách mô tả người Do Thái như những công dân bình thường về `mọi mặt ngoại trừ trong khu vực cá nhân hạn hẹp của tôn giáo. Không tự coi mình là một dân tộc đặc biệt với môt nề `n văn hóa, ngôn ngữ, và bản sắ ´c riêng biệt là môt cách làm

của người Do Thái trong cố gặ ng đạt tới bình đẳng và loại bỏ chủ nghĩa bài xích Do Thái. Nhưng cách tiế p cận này đã không phản ánh được thực tế lịch sử và mâu thuẫn với chính hình ảnh bản thân của họ.

Trong Thời Kỳ Thánh Kinh [3000 TCN – 538 TCN], (1) và cho đế n thời điểm quố c gia Israel cổ đại bị người La Mã hủy diệt vào năm 70 CN, người Do Thái đã sinh hoạt như một quố c gia, được cho là đâ u tiên trong lịch sử. Sau đó, suố t trong hơn 19 thế kỷ, người Do Thái lưu vong (gọi là Do Thái Diaspora), trên những vùng đấ t mà họ cư ngụ, đã hình thành nên một dân tộc tách biệt với những tổ chức quản lý phi-nhà nước theo cung cách riêng của mình, với ngôn ngữ duy nhấ t, phong tục độc đáo, những ý tưởng khác lạ, và một nê n văn hóa rấ t khác biệt, chưa kể đế n những thứ như trang phục quâ n áo và nghệ thuật. Những từ như "Hebrew" và "Israeli", sử dụng phổ biế n hơn từ "Jews" - ngay trong thời hiện đại – đã phản ánh rã `ng bản sắ c dân tộc và con người Israel, đã tự mở rộng vượt ra ngoài phạm vi của tôn giáo.

Tôn giáo, như thế, chỉ là một dấ u hiệu trong bản sắ c người Do Thái, giố ng như một quố c gia trong tự nhiên. Không có mâu thuẫn nào giữa bản sắ c tôn giáo và bản sắ c dân tộc. Trong thế giới cổ đại và cũng ở ngay thời hiện đại, ở nhiề u nơi, một tôn giáo khác biệt là một trong những điểm nổi bật chính của nhà nước quố c gia. Điề u này đặc biệt đúng tại khu vực Trung Đông thời hiện đại, nơi mà Israel là một điển hình.

Trong suố t lịch sử, hành động đâ `u tiên đánh dấ ´u ră `ng người Do Thái có một bản sắ ´c dân tộc đặc biệt mạnh mẽ chính là việc họ đã từ chố ´i các vị thâ `n và các phong tục tôn giáo của ngay cả những dân tộc đã từng thố ´ng trị họ như người La Mã và sau đó người Kitô giáo và Hô `i giáo. Trong nhiê `u trường hợp khác, có những dân tộc chấ ´p nhận tôn giáo, ngôn ngữ, và bản sắ ´c của những người cai trị hoặc

hàng xóm để rô ì cuố i cùng biế n mấ t khỏi lịch sử. Điề ù đó cho thấ y ră ng một bản năng yế u kém không có chỗ tô n tại trong thế giới của quyề n lực. Cái bản sắ c tôn giáo-dân tộc kéo dài của người Do Thái đã tỏ ra mạnh hơn so với hâ ù như bấ t kỳ một dân tộc nào khác trên trái đấ t.

Khả năng sinh tô n này đã được định hình không phải chỉ do đặc tính "bướng bỉnh" và "bấ t chấ p" của người Do Thái, cũng không phải do những o ép đố i với họ bă ng vũ lực. Thay vào đó, người Do Thái đã hành động giố ng như một quố c gia hiện đại, dù ră ng đã mấ t quyề n kiểm soát hoặc hiện diện trong những vùng lãnh thổ đặc biệt. Thật vậy, việc ngăn cấ m tôn giáo đố i với người Do Thái bà ng cách pha loãng tập tục của họ hay tích hợp từ tập tục của những dân tộc khác trong thời cổ đại đã dẫn đế n cuộc nổi dậy thành công của người Do Thái vào năm 166 TCN chố ng lại người Syria dòng Seleucid để lập nên vương quố c Hasmoneans độc lập; và ngược lại là cuộc khởi nghĩa thấ t bại chố ng lại người La Mã và dẫn đế n sự hủy diệt của Jerusalem vào năm 70, buộc người dân Do Thái số ng cuộc đời lưu vong trong gầ n 2000 năm.

Sau khi dịch chuyển trung tâm sinh hoạt từ Vùng đấ t Israel đế n các cộng đô ng Do Thái Diaspora, rời xa khỏi quê hương lịch sử ở Trung Đông, người Do Thái vẫn tiế p tục cố gắ ng sinh hoạt như một quố c gia, mặc dù buộc phải chấ p nhận những thiệt thời của lố i số ng tách biệt, đó là sự phân biệt đố i xử và thậm chí bách hại dưới bàn tay của các nước láng giê ng. Qua nhiê u thế kỷ, trong khuôn khổ lãnh đạo của các giáo sĩ Do Thái, người Do Thái vẫn duy trì một hình thức chính phủ cộng đô ng của riêng mình, cùng với pháp luật, lịch, ngôn ngữ, các quan điểm triế t học, có thể nhìn thấ y trong các văn bản lớn của giáo hội và đặc biệt là qua đô ăn, tập quán, và trang phục quâ náo.

Đây không phải là một hoạt động mang tính cục bộ. Các cộng đô ng cá nhân của người Do Thái, ngay khi cách xa nhau ngàn vạn cây số và số ng trong những điể u kiện rấ t khác biệt, vẫn duy trì kế t nố i trong suố t thời gian dài thời Trung cổ và tiế p tục trong thời kỳ hiện đại. Thật vậy, đó chính là lý do giải thích tại sao người Do Thái vẫn có thể thành công trong việc duy trì thương mại ở tâ m xa, giữ được những tập quán khá đô ng nhấ t, và một đố i thoại trí tuệ thố ng nhấ t.

Tấ t cả người Do Thái, ngay cả những người nghèo và ít học nhấ t số ng ở các thôn xóm cô lập nhấ t, vẫn ý thức được nguồ n gố c của họ tại Vùng đấ t Israel trong Thánh Kinh; nhiê u người vẫn duy trì quan hệ với cộng đô ng rấ t nhỏ người Do Thái đang còn số ng ở đó và luôn tin ră ng số phận sẽ dẫn họ trở về khi Đấ ng Cứu Thế xuấ t hiện.

Chủ nghĩa Phục quố c Do Thái (Zionism – Chủ nghĩa Zion) xuấ thiện ở châu Âu vào cuố i thế kỷ 19 đã cập nhật tấ t cả những ý tưởng hiện có trên tinh thâ n tự giác và chủ nghĩa dân tộc đương đại. Nó đề xuấ t câu trả lời cho "câu hỏi Do Thái", ră ng làm thế nào để người Do Thái, bao gồ m cả những người có cuộc số ng không bị bao bọc bởi giới luật tôn giáo, đáp ứng những thách thức và cơ hội của thế giới hiện đại? Câu trả lời là không phải sự đồ ng hóa, cũng không phải là sự tô n tại thuâ n túy tôn giáo có thể đáp ứng những thách thức của thế giới hiện đại, mà chính là sự tô n tại của quố c gia: đó là sự câ n thiế t tạo ra một nhà nước Do Thái ngay trên quê hương lịch sử. Các nhà Zionist cũng lập luận ră ng việc thay thế sự kiên nhẫn của lòng tin bă ng hành động của con người sẽ bảo tô n cuộc số ng của chính những người Do Thái và sự thịnh vượng cho tôn giáo của họ.

Ở Đông Âu, nơi mà đại đa số người Do Thái châu Âu tập trung, trên thực tế một đời số ng quố c gia của người Do Thái vẫn tố n tại trong suố t thế kỷ 19 và kéo dài sang thế kỷ 20 ở nhiệ u nơi. Hã u hế t người Do Thái châu Âu nói tiế ng Yiddish, một ngôn ngữ có nguồ ngô c từ tiế ng Do Thái và tiế ng Đức. Họ câ `u nguyện hàng ngày trong các hội đường, lấ 'y Vùng đấ 't Israel là trung tâm tôn giáo, và sinh hoạt như một cộng đô `ng hoàn toàn tách biệt với các láng giê `ng. Vụ giê 't người hàng loạt của Đức Quố c Xã, cùng với sự đô `ng hóa cưỡng chê 'ở một số quố c gia châu Âu và Liên Xô cũ, đã kế 't thúc lố i số ng này.

Một bức tranh gâ n như song song ở Trung Đông. Ở đây, người Do Thái số ng gâ n như hoàn toàn cô lập trong cộng đô ng của họ, tuân theo các lê luật tôn giáo riêng, có trang phục và nghê nghiệp khác biệt, và nói một ngôn ngữ đặc biệt đó là Arabic-Hebrew hoặc Spanish-Hebrew tương tự như tiế ng Yiddish.

Với lịch sử như thế , nhận thức chung của nhiệ u người ngoài cuộc là người Do Thái luôn là người ngoài lê , không tự nguyện hội nhập hoàn toàn vào những cộng đô ng đa số nơi họ số ng. Đố i với người Do Thái ở châu Âu Kitô giáo hoặc Trung Đông với đa số Hô i giáo, chưa bao giờ – hoặc chỉ rấ t gâ n đây – có bấ t kỳ lời đề nghị hội nhập hoàn toàn. Tuy nhiên, đại đa số người Do Thái không nhìn bản sắ c khác biệt của họ với ý nghĩ tiêu cực mà vẫn coi mình đơn thuâ n là "hướng nội". Nói cách khác, người Do Thái tự coi họ là một phâ n của cộng đô ng Do Thái rấ t gắ n kế t của riêng mình, trong khi vẫn chia sẻ thế giới quan với các thành viên của các cộng đô ng khác bấ t kể vị trí địa lý và hoàn cảnh kinh tế của họ.

Thật vậy, Israel hiện đại không phải là một tác phẩm tùy ý hoặc ngẫu nhiên – nó không chỉ đơn thuâ `n là kế ´t quả của những thảm họa, ví dụ như, Holocaust. Thay vào đó, nó là sự tiế ´p nố ´i của một quá trình lịch sử lâu dài. Sự ra đời của Nhà nước Israel là không thể tránh khỏi và chỉ là một logic hợp lý cũng như bấ ´t kỳ nhà nước nào trên thế ´ giới hiện nay, được tạo ra bởi một cộng đô `ng của những

người có chung một thế giới quan, lịch sử, và ước muố n được chia sẻ số phận của mình.

Sự tố n tại của những cảm tình đố i với Chủ nghĩa Phục quố c Do Thái trong xã hội, tôn giáo và thế giới quan Do Thái có lẽ sẽ không đi tới đâu nế u không có một phong trào có tổ chức. Những nhà tư tưởng tiên phong giữa thế kỷ 19 – Moses Hess [1812-1875], Leon Pinsker [1821-1891], và những người khác – đã cung cấ p cái nhìn thoáng qua về ỳ tưởng lãn mạn của một nhà nước Do Thái, nhưng Theodor Herzl [1860-1904] và Ben-Gurion [1886-1973] mới là những nhà cách mạng đã đưa ý tưởng phục quố c trở thành hiện thực vào những năm 1890 khởi đâ u với khái niệm "Vùng đấ t Israel" (Land of Israel).

Cuộc di cư rải rác của những người dân Do Thái lưu vong về lại Vùng đấ t Israel và tham gia với cộng đô ng tôn giáo truyề n thố ng đã có ở đó dẫn để n sự ra đời của *Yishuv*. Đây là tên gọi cộng đô ng người Do Thái ở Vùng đấ t Israel giữa những năm 1880 và 1948, khi Israel tuyên bố trở thành một nhà nước độc lập. Cộng đô ng Do Thái Yishuv đóng vai trò quan trọng trong việc đặt nê n móng cho một Nhà nước Israel đã được trù liệu. Trong khi truyề n thố ng và lịch sử Do Thái là lớp nê n móng đâ u tiên trong việc định hình Nhà nước Israel hiện đại, Yishuv là lớp thứ hai.

Những thuộc tính văn hóa và cơ cấ u kinh tế -chính trị được tạo ra trong thời kỳ Yishuv đã trở thành những thuộc tính cơ bản của nhà nước và xã hội Israel hiện đại sau này. Các đặc trưng tiế `n-nhà nước được biế ´t đế ´n nhấ ´t bao gô `m: sự hô `i sinh của ngôn ngữ Hebrew, sự thành lập các tổ chức tự vệ, việc thành lập một nê `n tảng kinh tế công nghiệp theo cấ ´u trúc xã hội chủ nghĩa, sự phát triển của một hệ thô ´ng dịch vụ xã hội toàn diện, sự hòa hợp của một nê `n văn hóa nẩy sinh chủ yế ´u từ chấ ´t men trí thức của Đông Âu, việc lập ra các làng cộng đô `ng sáng tạo "Kibbutz" và các hợp tác xã "Moshav", và việc xây dựng một khuôn khổ quố ´c gia căn bản là thế ´ tục với các khía cạnh

tôn giáo lớn. Nhiê`u yế´u tố´ khác từ những năm Yishuv trong giai đoạn tiê`n-nhà nước vẫn tiế´p tục ảnh hưởng đế´n Israel rấ´t lâu sau khi Nhà nước Israel được thành lập.

Hãy xem xét, ví dụ, vai trò của tôn giáo. Để nói ră `ng Israel là một nhà nước Do Thái không có nghĩa là chỉ đơn thuâ `n là một bản tuyên bố ` vê ` bản să ´c tôn giáo. Nó trước tiên phải là một tuyên bố ´ vê ` bản să ´c dân tộc. Đại đa số ´ các nhà lãnh đạo Yishuv, và sau đó các nhà lãnh đạo Israel, là thế ´ tục (có nghĩa là không ràng buộc vào tôn giáo nào). Họ đô `ng thời công nhận tâ `m quan trọng của tôn giáo trong việc gắ ´n kế ´t người Do Thái lại với nhau, tôn trọng tín ngưỡng của các nhóm thiểu số ´, nhưng cũng muố ´n đảm bảo ră `ng tôn giáo không có quá nhiê `u quyê `n lực đố ´i với xã hội và văn hóa dân tộc.

Vì vậy, thế hệ lãnh đạo thố ng trị Yishuv và Nhà nước Israel ban đâ ù dã sớm đạt được một thỏa hiệp với các lãnh đạo tôn giáo - vào thời điểm đó là Chính Thố ng (Orthodox) – chấ p nhận quyề n lực của tôn giáo ở một số khía cạnh của xã hội. Ngày nay các tổ chức nhà nước vẫn tuân theo luật lệ về chế độ ăn chay (Kosher) của người Do Thái; các cửa hàng thường đóng cửa vào ngày Sabbath (mặc dù thực tế này đã bị xói mòn theo thời gian); nhà nước nghỉ làm việc trong các ngày lễ tôn giáo của người Do Thái; kế t hôn, ly hôn, và chôn cấ t được các giáo sĩ Do Thái điề ù khiển; sinh viên của các chủng viện Yeshiva dược hoãn nghĩa vụ quân sự. Thỏa hiệp này đảm bảo duy trì sự cân bă ng quyề n lực của cả hai phía thế tục và tôn giáo.

Tuy nhiên, thực tế thì Israel là một xã hội nghiêng về thế tục. Nói chính xác thì Israel được đặc trưng là một đấ t nước trong đó các khái niệm, phong tục và lịch sử có nguồ n gố c tôn giáo đã được đặt vào trong một khuôn khổ thế tục và quố c gia. Trong một ý nghĩa tương tự, quá trình này cũng đã diễn ra trong nề n văn minh phương Tây Kitô giáo.

Trong ba hoặc bố n thập niên đầ u tiên của Nhà nước Israel độc lập, người Israel Do Thái tiế p tục tự cho ră ng họ được phân chia rõ ràng thành hai nhóm tôn giáo và thế tục. Đế n những năm 1990, tuy nhiên, người Israel Do Thái nhận ra sự tố n tại của một chuỗi rộng các quan điể m cũng như trình độ của việc thực hành tôn giáo. Khi xã hội đã trở thành thế tục hơn và ít ý thức hệ hơn, một thành phâ n khá lớn dân số gọi là "truyề n thố ng" xuấ t hiện; họ vẫn duy trì các yế u tố của giới luật tôn giáo nhưng lại cam kế t cho một lố i số ng cơ bản thế tục. Cách tiế p cận này đặc biệt mạnh trong nhóm người Do Thái Mizrahi là những người Do Thái đế n từ Trung Đông và Bắ c Phi.

Các đảng phái chính trị tôn giáo vẫn tô `n tại sau sự ra đời của Chủ nghĩa Zion hiện đại. Tuy nhiên, các đảng phái này không tìm cách thay đổi thể chế ´. Thay vào đó, họ là các nhóm lợi ích với mục tiêu đơn thuâ `n là cung cấ ´p công ăn việc làm và kinh phí cho các cộng đô `ng của riêng họ, trong khi vẫn cố ´gă ´ng giữ nguyên trạng trật tự của xã hội. Mục tiêu của họ, khi đó, là không thay đổi, nhưng tiế ´p tục. Kế ´t quả là, các xung đột tôn giáo-thế ´ tục, mặc dù đôi lúc nóng bỏng, đã giảm dâ `n vê `tâ `m quan trọng theo thời gian.

Mặc dù có rấ t nhiệ u thách thức, Israel ngày nay có một hệ thố ng dân chủ đa nguyên được kiế n trúc để có thể dung chứa các cộng đô ng và các quan điểm khác nhau, mặc dù không đại diện vê địa lý.

Hệ thố ng kinh tế của Israel trong nửa đâ u thế kỷ 20 cũng đã được phát triển hòa điệu với các điề u kiện đặc biệt trong khi phải đố i mặt với hoàn cảnh của một dân tộc thiế u vố n tài chính, thiế u các tổ chức hiện đại và cố gắ ng tạo dựng trong hoàn cảnh của một đã t nước kém phát triển. Các công ty và doanh nghiệp nhà nước, ban đâ u được hỗ trợ vố n từ người Do Thái ở nước ngoài, là những công cụ đâ u tiên đã giúp thiế t lập nên nê n kinh tế của Yishuv và tạo ra công ăn việc làm. Trong những thập niên đã u tiên sau khi trở thành

nhà nước độc lập, nề `n kinh tế ´ của Israel được các Histadrut (nghiệp đoàn) và các công ty liên kế ´t của nó, chi phố ˙i phâ `n lớn cũng như bởi các doanh nghiệp hợp tác xã.

Nhưng đế n năm 1990, khi đấ t nước phát triển vượt quá mức mà cơ cấ u kinh tế của hệ thố ng xã hội chủ nghĩa có thể chịu đựng, Israel đã thực hiện một quá trình chuyển đổi khéo léo từng bước sang cơ cấ u dân chủ với mức độ tư nhân hóa lớn hơn. Israel cũng đã xây dựng một nề n kinh tế dựa trên những điểm mạnh của mình – công nghệ máy tính, nông nghiệp, y tế, khoa học đời số ng – mặc dù trong hoàn cảnh khó khăn về tài nguyên thiên nhiên, thương mại với các nước láng giề ng Ả Rập rấ t hạn chế, và thiế u một thị trường nội địa rộng lớn. Giai cấ p và các vấ n đề kinh tế – thường là chủ đề chính trong sinh hoạt chính trị của các nước khác – không phải là vấ n đề cố t lõi trong sinh hoạt chính trị Israel.

Một thách thức lớn khác là việc thành lập các lực lượng vũ trang và cơ cấ u an ninh quố c gia để đố i phó với các mố i đe dọa hủy diệt từ các nước Ả Rập láng giê `ng, một hoàn cảnh hy hữu không thấ y có trong số 200 quố c gia trong thế giới đương đại. Và nhiệm vụ này lại phải được thực hiện bởi một dân tộc hấ `u như không có chút kinh nghiệm quân sự nào trong quãng thời gian 2000 năm trước. Trong giai đoạn Yishuv, bố n lực lượng vũ trang ngâ `m đã được phát triển trong đó hai lực lượng đố i lập với lãnh đạo Israel. Tuy nhiên việc giải thể thành công của hai lực lượng này hợp nhấ t vào các lực lượng vũ trang quố c gia sau khi Israel giành được độc lập đã cung cấ p cho Israel một cơ cấ ´u tổ chức quân sự lấ ´y dân sự làm chủ đạo (civilian-directed military) đã tố `n tại khá ổn định suố ´t từ khi đó cho đế ´n ngày nay.

Đảm bảo ră `ng quân đội phản ánh đúng nguyên tấ c dân chủ của đấ t nước, hoạt động hiệu quả và gián đoạn tố i thiểu đế n đời số ng kinh tế xã hội, và cuố i cùng có thể bảo vệ Israel chố ng lại thù

nghịch là một nhiệm vụ lớn. Một hệ thố ng quân sự độc đáo đã được thiế t lập cách bă ng cách kế t hợp nghĩa vụ quân sự có thời hạn bắ t buộc với một lực lượng dự bị lớn và linh hoạt có thể được huy động bấ t cứ lúc nào. Thêm vào đó, Israel đã phát triển thành công một ngành công nghiệp quố c phòng tiên tiế n để bù đấ p cho sự vượt trội về số lượng của các lực lượng thù địch bên ngoài, cộng với một chiế n lược quân sự thông minh sẵn sàng đố i phó với các mố i đe dọa tiê m năng trên tấ t cả các vùng biên giới của đấ t nước.

Hệ thố ng quân sự này trên thực tế qua các cuộc chiế n đã chứng minh sự thành công vượt trội trong việc bảo vệ đấ t nước chố ng lại các mố i đe dọa bên ngoài. Hơn nữa, nó bắ t buộc phải như thế vì, như những bài học xương máu trong lịch sử Israel, chỉ cầ n một thấ t bại xảy ra thì có thể sẽ là dấ u chấ m hế t của Nhà nước Israel, và tiế p theo sẽ lại là thảm sát và xua đuổi.

Tuy nhiên, mặc dù tâ m quan trọng đặc biệt của các vấ n đề an ninh quố c phòng, Israel lại không phải là một xã hội đặt quá nặng trọng tâm vào quân sự. Israel có quá nhiề u những vấ n đề khác phải quan tâm, đó là đảm bảo ổn định xã hội, việc hòa nhập của dân nhập cư, an sinh, và phát triển đấ t nước.

Trong 40 năm đâ`u tiên của nê`n độc lập Israel, các lực lượng quân đội chính quy của tấ´t cả các nước láng giê `ng – trực tiế´p như Ai Cập, Syria và Jordan và gián tiế´p như Ả Rập Saudi và Iraq – là mô´i đe dọa chiế´n tranh hàng ngày. Bă `ng việc ký kế´t hiệp ước hòa bình với Ai Cập đâ`u tiên vào năm 1979 và sau đó với Jordan vào năm 1994, Israel đã loại bỏ hai trong số´ ba lực lượng thù địch Ả Rập chính mà Israel phải đố´i mặt. Sự yế´u kém của Syria đã tự nhiên loại bỏ lực lượng thứ ba còn lại và làm giảm khả năng chiế´n tranh quy ước trên các vùng biên giới của Israel xuố´ng bă `ng zero. Thêm vào đó, sự tan rã của nước Liên Xô cũ vào năm 1991, Iraq lo việc đố´i nội sau chiế´n tranh vùng Vịnh 1990-1991, các quố´c gia Ả Rập thì bận tâm với Iran

và mô i đe dọa của cách mạng Hô i giáo, tấ t cả đã giúp Israel giảm thiểu nguy hiểm ở mặt trận này.

Tuy nhiên, vào năm 2011, tình hình có vẻ như đổi hướng. Các nhóm Hô i giáo cực đoan Hamas<sup>(3)</sup> ở dải Gaza và Hezbollah<sup>(4)</sup> ở biên giới phía Bắ c đẩy mạnh chiế n tranh tên lửa trên các vùng biên giới của Israel; cuộc nổi dậy năm 2011 tại Ai Cập có thể dẫn đế n hủy bỏ hiệp ước hòa bình 1979; tiế n trình hòa bình Israel-Palestine ngưng trệ; cùng với sự phát triển của cách mạng Hô i giáo, tấ t cả cho thấ y các vấ n đề an ninh của Israel còn rấ t xa mới đế n hô i kế t. Không nghi ngờ gì nữa, các mố i đe dọa đố i với Israel vẫn ở mức cao so với bấ t kỳ quố c gia nào khác trên thế giới. Tuy nhiên, người Israel chủ yế u vẫn hướng tới giải pháp hòa giải với các quố c gia láng giệ ng như đã làm trong những thập niên trước.

Đố i mặt với thực tế đó, tinh thâ n quố c gia của người dân Israel tỏ ra rấ t cao. Trong các cuộc thăm dò hàng năm, số người bày tỏ sự hài lòng với cuộc số ng của họ và hy vọng vào tương lai đạt tới mức cao một cách khác thường. Gâ n 80% người Israel nói ră ng họ sẽ chiế n đấ u cho đấ t nước, trái ngược với 60% của người Mỹ và 40% của người Anh. Tỷ lệ những người trẻ tuổi sẵn sàng tình nguyện tham gia các đơn vị chiế n đấ u đã thách thức mọi dự đoán bi quan về tính ích kỷ và thái độ hưởng lạc trong giới trẻ.

Một yế u tố khác đã ảnh hưởng rấ t lớn đế n sự phát triển của Israel là những người nhập cư Do Thái đế n từ nhiề u quố c gia và các nề n văn hóa khác nhau đã hòa nhập thành công trong một xã hội thố ng nhấ t. Trước và sau độc lập của Israel vào năm 1948, những người nhập cư để n đầ u tiên từ châu Âu, sau đó chủ yế u là từ Trung Đông, sau này từ Liên Xô cũ, và với số lượng nhỏ hơn, từ Ethiopia. Hâ u hế t những người nhập cư là người tị nạn nghèo, mấ t hế t tài sản, cũng như bị chấ n thương tâm lý do điể u kiện số ng khắ c

nghiệt và khủng bố ở các quố c gia họ đã bỏ trố n. Họ đã tìm thấ y đời số ng mới trên Vùng đấ t Israel. Họ hy vọng.

Xã hội Israel đã giúp những người nhập cư hòa nhập trên cơ sở bình đẳng, mặc dù dưới những áp lực kinh tế khủng khiế p của thời kỳ hậu độc lập, và ngay cả khi chính phủ Israel buộc phải tiế n hành chính sách thấ t lưng buộc bụng và chia khẩu phâ n. Tuy nhiên, sau đó đã phát sinh khiế u nại rã ng quá trình hội nhập là cưỡng chế và có sự phân biệt đố i xử giữa các sắ c dân. Điể u này đã trở thành một vấ n đề chính trị và văn hóa khá nóng bỏng vào những năm 1980, tuy nhiên sau đó nó đã nhạt dâ n với sự ra đời của một thể hệ mới hòa nhập hơn và thường thông qua việc kế t hôn giữa các sắ c dân nhập cư khác nhau.

Mặc dù Israel được định nghĩa là một nhà nước Do Thái, nó lại hoạt động giố ng như một quố c gia Trung Đông truyề n thố ng đa nguyên – với một tôn giáo nhà nước và các nhóm thiểu số tự trị một phâ n – hơn là một nhà nước châu Âu dân tộc chủ nghĩa (mononationalist) của thế kỷ 20 đã xóa bỏ tấ t cả các nhóm thiểu số trong quá trình cưỡng bức đô ng hóa. Ở Israel, mỗi cộng đô ng tôn giáo có quyề n kiểm soát đố i với các vấ n đề riêng của cộng đô ng mình về tình trạng cá nhân, có quyề n duy trì văn hóa, tôn giáo, và, ở một mức độ nào đó, tự chủ về tư pháp.

Hệ thố ng nhà nước theo mô hình này của Israel, cũng như cách tiế p cận với tôn giáo nói chung, được thể hiện trong sự tố n tại của năm hệ thố ng trường học: hệ thố ng các trường nhà nước-thế tục, hệ thố ng các trường nhà nước-tôn giáo (Datim, hoặc Chính Thố ng hiện đại), hệ thố ng các trường Haredi (Chính Thố ng truyề n thố ng), hệ thố ng các trường dùng ngôn ngữ Ả Rập (cho những người nói tiế ng Ả Rập), và Shas (5) (các trường cho những người ủng hộ đảng chính trị này, chủ yế u là cho người Do Thái Mizrahi nghèo).

Israel nổi lên từ những năm trước và sau độc lập của mình với một thách thức chính trị, thế giới quan, kinh tế, văn hóa trộn lẫn từ nhiê `u yế `u tố khác nhau. Trong số các ảnh hưởng chính là xã hội Do Thái truyê `n thố ng cùng với những cải cách Yishuv và những vay mượn từ các nê `n văn hóa Đông Âu, Tây Âu và Trung Đông. Bổ sung theo thời gian là các yế ´u tố ´ văn hóa của Bắ ´c Mỹ, Địa Trung Hải, và Nga hiện đại, cũng như một môi trường văn hóa Ả Rập tự trị. Pha trộn tấ 't cả các yế ´u tố ´ dân tộc, ngôn ngữ, tôn giáo và văn hóa này với nhau đã tạo nên một môi trường xã hội phong phú, những ý thức hệ chính trị đa dạng và nhiê `u giai tâ `ng vê ` địa vị xã hội.

# CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA CHÍNH TRỊ VÀ CÁC XUNG ĐỘT BÊN NGOÀI

Giố ng như nhiệ `u quố c gia, Israel đã trải qua một giai đoạn anh hùng trước khi đạt để n một trật tự thể chế . Nhưng, không giố ng như các quố c gia khác, Israel vẫn tiế p tục cuộc chiế n đấ 'u cho sự số ng còn trong suố t sự tố `n tại của mình, và bấ t kỳ cuố n sách nào về `Israel chặ c chặ n sẽ phải tố n rấ t nhiệ `u giấ y mực để mô tả những xung đột của Israel với các nước láng giệ `ng và tác động của những xung đột ấ y. Tuy nhiên, vấ n đề `này chỉ là một khía cạnh của Nhà nước Israel, và thực chấ t không gây nhiệ `u ảnh hưởng và quan trong như những người ngoài cuộc vẫn là `m tưởng.

Tuy nhiên, để thấ u hiểu Israel, chúng ta câ n hiểu ră ng nhận thức vê mô i đe dọa hiện có vẫn luôn luôn như một bóng ma lơ lửng trong tâm thức mỗi người dân ở đấ t nước này. Đó là vì dấ u ấ n của các sự kiện đau thương ngày trước vẫn còn lưu lại đâu đó trong ký ức số ng của mỗi người dân Do Thái - cuộc thảm sát người Do Thái châu Âu trong Holocaust, cuộc số ng bấ p bênh và xáo trộn của hâ u như tấ t cả mọi gia đình Do Thái số ng tại các nước Hô i giáo - cả hai

trường hợp đề ù dẫn để n sự mất mát trong cuộc số ng, gia đình, người thân, tài sản và tiể n bạc. Chiế n thắ ng lẫy lừng của Israel trong Cuộc chiế n Sáu ngày chố ng lại Ai Cập, Jordan, và Syria năm 1967 không nên được ghi nhớ với lòng tự hào thái quá mà quên đi tình trạng ảm đạm của Israel trước cuộc chiế n và điể ù gì sẽ xảy ra nế u Israel lại bị đánh bại, giố ng như những bài học cay đấ ng đã xảy ra trong quá khứ.

Từ những năm 1930 để n năm 1977, thời kỳ trước và sau Nhà nước Israel độc lập, Israel do Đảng Lao động (6) điể u hành. Tâ m nhìn và các tổ chức của Đảng Lao động - bao gô m cả Histadrut - có ảnh hưởng rấ t lớn vì Đảng Lao động là người dẫn đâ u việc thay đổi từ Vùng đấ t Israel sang Nhà nước Israel, đã phác họa kế hoạch phát triển kinh tế của một nhà nước độc lập, và đã đóng một vai trò quyế t định trong việc định hình bản chấ t của xã hội Israel. Trên danh nghĩa, vai trò câ m quyề n của Đảng Lao động đã kế t thúc vào năm 1977 sau những tổn thấ t của Israel trong Cuộc chiế n Yom Kipper năm 1973, mặc dù Israel cuố i cùng đánh bại hai quố c gia xâm lược là Ai Cập và Syria. Sự thay đổi lãnh đạo là do sự hỗ trợ của đa số Mizrahi dành cho Đảng Likud (7) bảo thủ và sự thấ t vọng ngày càng tăng với một thể chế bị coi là quá cố thủ và trì trệ. Người anh hùng được chọn làm thủ tướng mới là Menahem Begin, một người đàn ông mang nặng bản sắ c của Đông Âu.

Nhìn lại, sự dịch chuyển chính trị năm 1977 và các sự kiện tiế p theo báo hiệu sự kế t thúc của kỷ nguyên lập quố c anh hùng của Israel và sự chuyển dịch sang một cơ cấ u xã hội mới, điển hình và vững bề n hơn cho một tương lai lâu dài. Chính vì sự tố n tại của Israel là một nhà nước đúng nghĩa với các yêu câ u về tiêu chuẩn hóa và thể chế hóa, các khái niệm xã hội chủ nghĩa và các tổ chức từ thời tiề n-nhà nước đã không còn tác dụng. Các khái niệm "tập thể" và "lý tưởng" đã từng mang lại chủ quyề n cho Israel đã đế n lúc phải

nhường chỗ cho những tập quán mới mang tính cá nhân, vật chấ thơn, điển hình của xã hội phương Tây. Đô `ng thời, đế ´n lúc này người dân Israel cũng đã hội nhập và trở nên đô `ng nhấ ´t hơn mặc dù có sự đa dạng hiện diện trong ba khuôn khổ: Ashkenazic<sup>(8)</sup>-Mizrahi<sup>(9)</sup>, tôn giáo-thế ´ tục, và Do Thái-Ả Rập.

Những sự phát triển xã hội này đô `ng thời xảy ra với (nhưng tương đô ´i không liên quan) cuộc tranh luận quan trọng nhưng không chính thức giữa những năm 1967 và 1993 về `việc làm thế ´ nào để đô ´i phó với xung đột Ả Rập-Israel đang diễn ra. Trong Cuộc chiế ´n Sáu ngày năm 1967, Israel đã chiế ´m Bán đảo Sinai và dải Gaza từ Ai Cập, Bờ Tây và Đông Jerusalem từ Jordan và Cao nguyên Golan từ Syria. Phe Chính trị cánh tả (Political left – cấ ´p tiế ´n) của Israel cho ră `ng các quố ´c gia Ả Rập và Palestine (mặc dù không nhấ ´t thiế ´t Tổ chức Giải phóng Palestine, PLO<sup>(10)</sup>) một ngày nào đó sẽ đàm phán nghiêm túc và khi điề `u đó xảy ra, Israel nên trả lại những vùng lãnh thổ đã chiế ´m được sau Cuộc chiế ´n Sáu ngày năm 1967 để đổi lấ ´y hòa bình.

Ngược lại, Phe Chính trị cánh hữu (Political right – bảo thủ) của Israel cho ră ng một đê nghị hòa bình chân chính sẽ không bao giờ xảy ra và do đó Israel nên xem những vùng lãnh thổ này như một phâ n của di sản Do Thái và hỗ trợ định cư cho người Do Thái ở đó.

Phe Chính trị trung tâm (Political centre) là phe trung dung đứng giữa, kế t hợp sự thiế u lòng tin của cánh hữu vào giá trị của các cuộc đàm phán với người Palestine và các quố c gia Ả Rập, với sự khẳng định của cánh tả ră ng Israel nên giảm bớt sự hiện diện trong các khu vực ở Bờ Tây. Theo cách tiế p cận này, phe Chính trị trung tâm ủng hộ các hành động đơn phương như hàng rào Bờ Tây và kế hoạch đơn phương rút quân của Israel song song với việc tiế p tục các hành động quân sự như một phương tiện chiế n đấ u chố ng lại chủ nghĩa khủng bố .

Sự đô `ng thuận cơ bản (trưng câ `u ý dân) của quố c dân là chố ´ng lại việc sáp nhập Bờ Tây, dải Gaza, hoặc Sinai, trong khi nhiê `u người, trong đó có nhiê `u người thuộc phe tả, ủng hộ sáp nhập Đông Jerusalem và Cao nguyên Golan vào Israel.

Bấ t kể quan điểm nào về việc cho phép hay khuyế n khích định cư Do Thái tại các vùng lãnh thổ chiế m được, không phe nào trong chính trị Israel cố gặ ng hế t sức để ngặn chặn nó. Sau hế t, cả hai phe đề u lập luận rặ ng nế u như có một thỏa thuận hòa bình nào đó trong tương lai, thì các khu định cư vẫn có thể được tháo dỡ. Và chừng nào mà Israel không đạt được bấ t cứ một cuộc đàm phán hòa bình nghiêm túc với người Palestine - đang được dẫn dặ t bởi PLO - thì khó mà có một quyế t định nào khác cho tương lai.

Mặc dù tranh luận như vậy, mỗi khi xuấ t hiện một cơ hội hứa hẹn để tìm kiế m khả năng cho hòa bình, chính phủ Israel không bao giờ bỏ qua. Cơ hội đầ u tiên đế n khi Tổng thố ng Ai Cập Anwar al-Sadat ý thức ră ng, vì lợi ích của mình, Ai Cập nên chấ m dứt các xung đột với Israel. Menahem Begin, Thủ tướng Israel khi đó, đã háo hức đáp ứng tại Cuộc họp trại David vào năm 1978 bă ng cách trao lại Bán đảo Sinai cho Ai Cập và đô ng ý dỡ bỏ các khu định cư Do Thái ở đó để đổi lấ y một hiệp ước hòa bình. Lãnh đạo của Chính trị cánh hữu của Israel, Đảng Quố c gia (National Camp), đã chứng tỏ khả năng linh hoạt rấ t thực dụng của chính phủ Israel trong cơ hội này.

Cuộc tranh luận nội bộ của Israel tiế p tục - nhưng chủ yế u vẫn là thảo luận trong nghị trường - cho để n Hiệp định Oslo năm 1993. Thỏa thuận Oslo 1993 là một thử nghiệm, mặc dù cũng là một rủi ro, để xem hòa bình có thể đạt được hay không. Israel đã trao trả phâ n lớn Bờ Tây và dải Gaza cho PLO. Ngược lại, cam kế t của Nhà câ m quyê n Palestine, là phải ngăn chặn hoạt động của các nhóm cực đoan chố ng lại Israel để chuẩn bị cho hòa bình và chấ m dứt xung đột.

Câu hỏi đặt ra là: liệu đề nghị nhượng bộ, trong đó gồ m cả việc trao trả lại hâ u như tấ t cả các vùng lãnh thổ mà Israel đã chiế m được và công nhận nhà nước Palestine, có đem lại hòa bình hay không? Và gồ c rễ xung đột Ả Rập-Israel có nă m trong việc Palestine và các nhà lãnh đạo Ả Rập từ chố i công nhận sự tô n tại của Israel hay không?

Trong khi Israel tham gia vào thử nghiệm kéo dài bảy năm này từ năm 1993 đế n năm 2000, các điể ù kiện của cuộc tranh luận nội bộ đã thay đổi. Những người Israel có quan điểm dao động từ "trung tâm đế n cánh tả" cho rã ng PLO, Nhà câ m quyề n Palestine, và lãnh đạo Fatah Yasir Arafat - nế u được chấ p nhận một nhà nước Palestine độc lập bao gô m Bờ Tây và dải Gaza — chấ c chấ n sẽ đàm phán một thỏa thuận hòa bình và giữ gìn nó. Phâ n thưởng không chỉ là hòa bình cho khu vực mà còn là khả năng tiế n đế n một "Trung Đông mới", như nhà lãnh đạo kỳ cựu của Đảng Lao động Shimon Peres kỳ vọng, trong đó tấ t cả mọi người sẽ phát triển thịnh vượng.

Còn quan điểm chung từ "trung tâm đế n cánh hữu" là nhượng bộ để đạt được một thỏa thuận hòa bình sẽ không có tác dụng và không những thể còn có khả năng sẽ nâng cao mức độ bạo lực và giúp các lực lượng thù địch mạnh hơn lên. Quan điểm này cho rã `ng khi các cuộc đàm phán cuố i cùng diễn ra, hai bên sẽ không đô `ng ý, tiế n trình hòa bình sẽ sụp đổ, và Israel sẽ rơi vào một tình trạng an ninh còn tô `i tệ hơn nhiê `u so với trước đây. Còn trường hợp nế u hai bên đạt được một thỏa thuận nào đó thì nhà nước Palestine mới được thành lập sẽ lại được sử dụng làm căn cứ cho một vòng xung đột thứ hai nhã `m xóa tên Israel khỏi bản đô `thế giới.

Trong thập niên 1990, sức nóng ngày càng dâng cao trong cuộc tranh luận mới này, được đổ thêm dâ`u do vụ ám sát Thủ tướng Yitzhak Rabin vào tháng Mười Một năm 1995. Nhà câ`m quyê`n Palestine đôi khi cũng cô´ gắ´ng ngăn chặn các cuộc tâ´n công khủng

bố nhă m vào thường dân Israel, nhưng mặt khác vẫn tiế p tục kích động thái độ và hành động chố ng lại Israel. Người Palestine đã thấ t bại trong việc chuẩn bị dân chúng cho một nề n hòa bình thực sự, nhưng mặt khác vẫn bề n bỉ yêu cầ u lấ y lại toàn bộ lãnh thổ bị Israel chiế m đóng. Tuy nhiên, vòng chung kế t của cuộc đàm phán sẽ chứng minh kịch bản này hay kịch bản khác chiế m ưu thế .

Năm 2000, có bố n sự kiện xảy ra. Hoa Kỳ tổ chức hội nghị thượng đỉnh Trại David trong đó Arafat từ chố i một khuôn khổ cho các cuộc đàm phán trong tương lai, và người Palestine đã quyế t định tiế p tục bạo lực toàn diện. Tiế p theo, Nhà câ m quyê n Palestine từ chố i kế hoạch hòa bình của Tổng thố ng Bill Clinton, và chính phủ Syria từ chố i thỏa thuận lấ y lại Cao nguyên Golan để đổi lấ y một hòa bình toàn diện.

Mặc dù được đề nghị một nhà nước Palestine độc lập với thủ đô là miề n Đông Jerusalem, cùng với hâ u như toàn bộ lãnh thổ trước năm 1967, và hơn 20 tỷ USD bô i thường, các nhà lãnh đạo Palestine đã từ chố i những đề xuấ t này, thậm chí chỉ để làm cơ sở cho những đàm phán tiế p theo. Tương tự, Syria đề nghị lấ y lại Cao nguyên Golan cho để n đường biên giới quố c tế công nhận năm 1923, cũng khăng khăng đòi thêm phâ n lãnh thổ mà họ đã chiế m đóng bấ t hợp pháp sau năm 1948. Vùng lãnh thổ này cho phép Syria tiế p cận Biển Galilee và một vùng đấ t chiế n lược khác mà chỉ có giá trị cho Syria trong việc can thiệp vào nguồ n cung cấ p nước của Israel hay để khởi động các cuộc tấ n công. Israel đã từ chố i yêu câ u này.

Vào năm 2001, tấ t cả những sự kiện này đã thuyế t phục đa số người Israel ră ng hòa bình không phải là ở trong tâ m tay và không thể giành được bă ng bấ t kỳ nhượng bộ nào về phía họ. Vấ n đề là sự tô n tại của Israel, chứ không phải là các chi tiế t của một thỏa thuận hòa bình. Các kế t quả bâ u cử tiế p theo, đặc biệt là trong năm 2001 và 2003, cho thấ y ră ng hy vọng của người Israel (hoặc ảo

tưởng, như nhiệ `u người nghĩ) đã bố c hơi. Hâ `u hế t không còn tin ră `ng chấ p nhận rủi ro và nhượng bộ sẽ mang lại hòa bình. Đây là một sự thay đổi bước ngoặt trong nhận thức của người Israel về `tiế n trình hòa bình.

Bài học khác mà người Israel học được từ kinh nghiệm của tiế n trình hòa bình trong thập niên 1990 để n từ sự nhận thức về việc rũ bỏ lời hứa của phương Tây. Hoa Kỳ và Châu Âu đã thúc giục Israel phải nhượng bộ và chấ p nhận rủi ro, nhấ n mạnh ră ng hành động như vậy là câ n thiế t để chứng minh ră ng Israel mong muố n hòa bình. Israel được bảo ră ng nế u lời đề nghị hòa bình thấ t bại, phương Tây sẽ tăng cường hỗ trợ cho Israel, vì ră ng các quố c gia phương Tây khi đó sẽ hiểu ră ng Israel không còn lựa chọn nào khác ngoài việc bảo vệ chính mình và từ chố i những nhượng bộ xa hơn nữa.

Trong thực tế´, điề`u ngược lại đã xảy ra. Mặc dù Israel đã rút quân khỏi miề`n nam Lebanon và sau đó khỏi dải Gaza, mặc dù sự hợp tác của Israel với Nhà câ`m quyề`n Palestine, và những lời đề nghị hòa bình chưa từng có của Israel (bao gô`m đề`nghị trả lại Cao nguyên Golan và dải Gaza, phâ`n lớn miề`n Đông Jerusalem, và gâ`n như toàn bộ Bờ Tây, cùng với việc sẵn sàng châ´p nhận một nhà nước Palestine độc lập), chỉ trích của phương Tây đố´i với Israel ngược lại tăng lên sau khi tiế´n trình hòa bình thâ´t bại, và sự ủng hộ của phương Tây đố´i với Israel dường như giảm bớt.

Từ những kinh nghiệm của những năm 1990 và năm năm tiế p theo của bạo lực và khủng bố của các nhóm cực đoan nhã m vào Israel, Israel đã đạt tới một sự đô ng thuận mới. Sự dịch chuyển quan điểm của hâ u hế t phe cánh tả và cánh hữu về phe Chính trị trung tâm đã định hình lại khung cảnh chính trị của Israel. Với những nghi ngờ về sự quan tâm của khố i Ả Rập (hoặc ít nhấ t là Palestine và Syria) đố i với giải pháp hòa bình và hoài nghi về thái độ của nước

ngoài (phương Tây), Israel đã áp dụng một mô hình mới. Họ lấ y một ý tưởng từ cánh tả - sẵn sàng rút khỏi những vùng lãnh thổ đã chiế m được vào năm 1967 và đô `ng ý chấ p nhận một nhà nước Palestine - và một ý tưởng từ cánh hữu – hoài nghi rã `ng có một ai đó bên phía Palestine thực sự là một đô i tác vì hòa bình.

Các chính trị gia của cả hai truyề n thố ng Chính trị cánh tả và Chính trị cánh hữu đã cùng chấ p nhận khái niệm mới này. Họ đô ng ý rã ng hòa bình không phải là trong tâ m tay và Israel vẫn đang ở trong một giai đoạn chuyển tiế p lâu dài. Israel câ n phải tiế p tục hợp tác với Nhà câ m quyề n Palestine để hạn chế kích động khủng bố và đảm bảo rã ng Nhà câ m quyề n Palestine sẽ không sụp đổ đặc biệt là sau khi Hamas nă m quyề n kiểm soát dải Gaza. Tuy nhiên người Israel cũng ý thức được rã ng Israel nên tiế p tục những nỗ lực này nhưng cũng không nên mang bấ t kỳ một ảo tưởng hay mong đợi nào.

Kể từ đó, dân chúng Israel đã bỏ phiế u cho các chính phủ kế tiế p ủng hộ nhượng toàn bộ dải Gaza, hâ u hế t Bờ Tây, và phâ n lớn miê n Đông Jerusalem để đổi lấ y một hòa bình trọn vẹn và lâu dài. Đô ng thời, các chính phủ Israel cũng yêu câ u trước khi một thỏa thuận như vậy được hoàn tấ t, Nhà câ m quyê n Palestine phải cung cấ p bă ng chứng thuyế t phục về sự sẵn sàng nhượng bộ về phía họ.

Kế hoạch hòa bình 2009 của chính phủ liên minh Israel bao gồ m cả hai Đảng Likud và Đảng Lao động kêu gọi công nhận Israel là một nhà nước Do Thái, tái định cư người tị nạn Palestine tại nhà nước Palestine mới, hạn chế các lực lượng quân sự của nhà nước Palestine, bảo đảm an ninh cho Israel, và nhấ t quyế t rặ ng bấ t kỳ thỏa thuận hòa bình nào cũng phải bao gồ m việc kế t thúc vĩnh viễn xung đột Israel-Palestine thay vì chỉ là khúc dạo đâ u cho một giai đoạn xung đôt mới.

Trong khi Israel nghiêng vê giải pháp hòa bình, các chính trị gia và dân chúng Israel không chấ p nhận quan điểm cho ră ng một thỏa thuận nhanh chóng là quan trọng hơn những rủi ro hoặc các điể u kiện kèm theo. Đây là sự thật mặc dù ră ng - hay chính xác hơn bởi vì - bản thân cuộc xung đột đã bước vào một giai đoạn mới. Thay vì phải đố i mặt với các chế độ và các phong trào dân tộc Ả Rập như kẻ thù chính của mình, Israel hiện đang bị đe dọa bởi các thành phâ n Hô i giáo cực đoan. Các lực lượng Hô i giáo cách mạng - trong đó có Hezbollah và Hamas - và các chính phủ Iran và Syria cam kế t sẽ hủy diệt Israel và từ chố i hòa bình dưới mọi hình thức.

Israel chủ yế u nhìn nhận ră ng các biế n động chính trị của thế giới Ả Rập trong năm 2011, thường được ca ngợi ở phương Tây như các phong trào dân chủ, chỉ là đánh dấ u một bước tiế n của cách mạng Hô i giáo. Israel kế t luận, nế u chủ nghĩa cực đoan ở Trung Đông ngày một dâng cao, nhượng bộ sẽ làm nguy hiểm tăng gấ p đôi, vì nhượng bộ sẽ cung cấ p thêm cho các kẻ thù chính của Israel các lợi thế chiế n lược.

Bên ngoài Trung Đông, Israel phải đố i mặt với nhiê u sự đố i kháng từ các phương tiện truyề n thông và giới trí thức phương Tây. Tuy nhiên, bức tranh không chỉ thuâ n là màu xám. Đấ t nước Israel luôn duy trì được các mố i quan hệ khá tố t với hâ u hế t các nề n dân chủ phương Tây. Và mố i quan hệ của Israel với các cường quố c như Nga và các quố c gia khác nổi lên từ Liên Xô cũ, Trung Quố c, Â n Độ và nhiề u quố c gia thế giới thứ ba dường như tố t hơn nhiề u so với những thập niên trước.

Tình hình an ninh nội bộ của Israel cũng tố t hơn so với trong quá khứ. Chiế n lược của Israel chố ng lại Phong trào Intifada II (phong trào nổi dậy của người Palestine chố ng lại Israel) trong những năm 2000 -2005, và chố ng lại các hoạt động xuyên biên giới từ Hamas (ở dải Gaza) và Hezbollah (ở phương Bắ c) đã đẩy tấ n công khủng bố

xuố ng mức thấ p hơn so với các năm trước. Trong khi Israel không phải đố i mặt với các mố i đe dọa ở mức độ cao, về mặt tâm lý, người dân Israel đã tự điề u chỉnh để biể n tình trạng này như một phâ n của sinh hoạt hàng ngày. Đây là điề u hiển nhiên trong những năm 2000 -2005, khi các cuộc tấ n công khủng bố dữ dội vào thường dân Israel đã không gây ra bấ t kỳ suy sụp đáng kể nào trong tâm lý của xã hôi.

Khả năng cho các cuộc tấ n công tên lửa lớn từ Lebanon và dải Gaza vẫn còn, và việc sở hữu tiê m năng vũ khí hạt nhân của Iran là mố i đe dọa mới, nhưng người dân Israel hiện đang tận hưởng một mức an ninh khá cao bă ng những kinh nghiệm và mong đợi của họ. Mặc dù xung đột Ả Rập-Israel vẫn đang xảy ra, Israel vẫn rấ t thành công trong việc đem lại cho người dân sự an ninh cá nhân và tập thể. Nế u số liệu thố ng kê tội phạm ở các nước phương Tây được tính đế n trong việc đánh giá mố i đe dọa, người dân Israel ít phải đố i mặt với nguy hiểm hơn rấ t nhiê u so với cư dân của hâ u hế t các thành phố ở châu Âu và châu Mỹ.

# NHỮNG THÁCH THỨC TRONG VIỆC XÂY DỰNG QUỐC GIA

Những thách thức mà Israel phải đố i mặt sau khi độc lập bao gố m không chỉ đảm bảo sự số ng còn chiế n lược của mình mà còn phải thiế t lập cho mình một nhà nước dân chủ ổn định với một nề n kinh tế công nghiệp tăng trưởng, nuôi dưỡng tinh thâ n dân chúng, duy trì hòa bình nội bộ và an sinh xã hội; trong khi các nước láng giê ng Ả Rập giàu có đông dân, có thể nói, không bao giờ từ bỏ ý định xóa sổ Israel trên bản đô thế giới. Ngoài những khó khăn đế n từ mố i đe dọa về sự tổ n tại, sự thù địch của các nước láng giê ng, vẫn còn rấ t nhiê u rào cản đố i với sự phát triển của Israel.

Trước hế t, Israel thiế u tài nguyên thiên nhiên câ n thiế t cho sản xuấ t, ngoại trừ phố t phát chấ t lượng cao ở biên giới phía Đông. Israel hâ u như không có dâ u và chỉ có một lượng nhỏ khí đố t tự nhiên. Nước cũng là một khó khăn khác: Israel phải đố i mặt với tình trạng thiế u nước định kỳ. Cơ sở hạ tâ ng yế u kém. Không có mạng lưới đường bộ tố t; chỉ có một hệ thố ng đường sắ t tố i thiểu; không có kế t nổ i giao thông với các nước láng giê ng kể từ khi biên giới của họ đóng cửa với nhà nước Do Thái; và cuố i cùng không một hệ thố ng phân phố i nước quố c gia.

Thứ hai, rấ t ít người Do Thái lưu vong trở về Israel có kiế n thức hoặc kinh nghiệm để giúp xây dựng một nhà nước hay một nề n kinh tế hiện đại. Hấ u hế t là những người nghèo trở về chỉ với bộ quâ náo trên người. Những người trẻ tuổi số ng sót Holocaust không có cơ hội học hành. Người Do Thái từ các nước Trung Đông cũng ở trong một tình trạng tương tự, để n từ các nước phi công nghiệp.

Hợp tác xã và các tổ chức khác trong thời kỳ đâ u là một trong những nỗ lực có ý thức trong hoạt động xây dựng quố c gia. Nế u, như một khẩu hiệu Zionist đê ra, những người nhập cư Do Thái đã vê đây để "xây dựng và được xây dựng", thì họ câ n phải có sự thay đổi về nhận thức: đó là chấ p nhận sự cao quý của lao động chân tay và chấ p nhận đặt lợi ích của đấ t nước lên trên lợi ích của mỗi cá nhân. Những người tình nguyện đang đổ sức ra xây dựng Nhà nước Xã hội chủ nghĩa trên Vùng đấ t Israel nhìn thấ y mình biế n đổi từ người Do Thái bị ràng buộc bởi truyề n thố ng trở thành những người tiên phong, những người lính, những người lao động dũng cảm. Mặc dù các khía cạnh lãng mạn và không tưởng của chương trình đâ y tham vọng này trong những ngày đầ u đã không đạt được, nhưng phâ n lớn những mục tiêu về nghề nghiệp, tâm lý, và thực tế đã được ghi nhận.

Khi Israel giành được độc lập, về cơ bản đó là một quố c gia thuộc Thế giới thứ Ba. Những năm đã u đã được đánh dấ u bởi các áp lực chiế n lược, nhập cư lớn, tình trạng thiế u nhà ở và khan hiế m nhu yế u phẩm, tấ t cả khiế n cho công cuộc xây dựng đấ t nước trở nên rấ t khó khăn. Một phâ n trăm dân số Israel đã bị chế t trong Cuộc chiế n Độc lập 1948-1949. Trong nhiệ u năm sau đó, chính sách chia khẩu phâ n được áp dụng (như chế độ tem phiế u của Việt Nam thời bao cấ p), hàng trăm ngàn người tị nạn đế n từ châu Âu và hàng trăm ngàn người khác đế n từ Trung Đông, hâ u hế t với bộ quâ n áo trên người và một túi tiế n trố ng rỗng.

Đây mới chỉ là phâ`n mở đâ`u của danh sách các thách thức vê` kinh tê´ mà Israel phải đô´i mặt. Cộng thêm vào đó là sự đa dạng của ngôn ngữ và phong tục, không có nê`n tảng công nghiệp và khoa học-kỹ thuật, các đô´i tác thương mại tiê`m năng bên ngoài bị các nước Ả Rập đe dọa tẩy chay kinh tê´. Dân sô´ Israel lại quá nhỏ và không có ảnh hưởng cho nên Israel không có thị trường nội địa câ`n thiế´t đủ để xây dựng một ngành công nghiệp nặng hoặc thậm chí sản xuấ´t sản phẩm với qui mô lớn.

Đổi mới, công nghệ, và tính linh hoạt đã trở thành trọng tâm trong chiế n lược xây dựng kinh tế . Ý tưởng là phải phát triển các giải pháp thích hợp đặc biệt cho Israel. Ví dụ, trong lĩnh vực nông nghiệp, vấ n đề là làm thế nào để phát triển cây trô ng nơi rấ t khan hiế m nước. Một loạt các giải pháp kỹ thuật đã được triển khai - tưới nhỏ giọt, phủ nhựa cho cánh đô ng, nhà kính, lai tạo cây trô ng, và tương tự - để thúc đẩy sản xuấ t. Thị trường đã được tìm thấ y ở châu Âu cho trái cây và rau quả trô ng trong mùa đông. Một ngành công nghiệp nhẹ và hàng tiêu dùng đã được tạo ra trên cơ sở tương tự.

Kinh nghiệm của Israel cho thấ y Chủ nghĩa Xã hội Dân chủ (Democratic Socialism) là một lựa chọn rấ t phù hợp với thực tế Israel trong hoàn cảnh thiế u vố n. Tại Israel, cách tiế p cận rộng rãi

chủ nghĩa xã hội (nhưng không hoàn toàn triệt để) đã được áp dụng trong những năm đâ u. Để tạo việc làm và đặt nê n móng cho một quố c gia thường đòi hỏi nhà nước phải gánh chịu tổn thấ t tài chính hoặc nế u không thì sẽ là rủi ro quá lớn cho các doanh nghiệp tư nhân. Do đó, một loạt các tổ chức quố c doanh (para state) và hợp tác xã được ưu tiên thành lập thay vì các tổ chức cá thể. Những thập niên sau đó, tuy nhiên, thời gian đã thay đổi và những thành công của Israel đã vượt quá tâ m cỡ và khả năng kiểm soát của những tổ chức này. Trong kinh nghiêm của các quố c gia phương Tây, các nhóm lợi ích, công đoàn, các đảng phái chính trị, và tính ì cố hữu có thể trở thành những lực cản mạnh mẽ ngăn chặn những thay đổi câ n thiế t. Nhưng trong những năm 1980, Israel đã làm được một kỳ tích qua việc chuyển dịch từ cơ chế nhà nước độc quyê n quản lý sang tư nhân hóa một cách tron tru về mặt chính trị và giảm thiểu tố i đa tổn thấ t xã hội. Tinh thâ n kinh doanh theo hướng thị trường mở cũng được nuôi dưỡng. Những đặc điểm phát triển từ sớm vào thời kỳ Yishuv - sự đổi mới, sáng kiế n khả năng thích ứng - tỏ ra cực kỳ hữu ích trong môi trường cá nhân, ý thức trách nhiệm, kinh tế , công nghệ và toàn câ u mới.

Ngày nay dân chúng Israel thường than vãn chi phí của những thay đổi kinh tế và xã hội. Họ liệt kê rấ t nhiề `u những thứ từ thời tiên phong đã `u tiên đã bị mấ 't: cảm giác về `cộng đô `ng đi xuô ´ng, sùng kính lợi ích cá nhân thì tăng lên, rô `i tham nhũng, hoài nghi, và chênh lệch thu nhập cá nhân ngày càng tăng. Đây là những xu hướng thường thấ y ở các nước phương Tây, nhưng ở Israel mức độ nhẹ hơn. Những xu hướng này báo hiệu đã tới lúc phải thực hiện thể chế hóa trên phạm vi quố c gia. Tuy nhiên, các yế u tố của thời kỳ "anh hùng ca" của Israel vẫn còn khắ c sâu trong cơ cấ u xã hội.

Sáng tạo và ngẫu hứng là lực đẩy chính trong chiế n lược phát triển liên tục, cũng như trong chiế n lược an ninh quố c gia. Gâ n đây Israel tập trung rấ t mạnh vào khoa học, y học, công nghệ, an ninh,

thiế t bị nông nghiệp, và rộng hơn, đẩy mạnh sáng tạo kinh doanh thông qua nghiên cứu và phát triển, bao gô m các công ty khởi nghiệp (start-up). Mặc dù dân số rấ t nhỏ, với xấ p xỉ hơn tám triệu người, Israel đã sở hữu một số lượng đáng ngạc nhiên các phát minh trong một loạt các lĩnh vực. Israel cũng đã nhanh chóng thích ứng với các điể u kiện đang thay đổi, mở rộng thị trường mới, và gia nhập vào các lĩnh vực mới và sáng tạo.

Văn hóa của Israel là một sản phẩm tổng hợp và ngẫu hứng. Từ những chấ t liệu như lịch sử lâu đời của người Do Thái, Yishuv, từ những vay mượn và sự thích nghi của người Do Thái nhập cư từ vài chục quố c gia, kinh nghiệm của Israel, và ảnh hưởng của nhiê u nê n văn hóa đương đại (bao gô m cả Tây Âu, Đông Âu và Trung Đông), một kho tàng phong phú của các tác phẩm âm nhạc, múa, văn học và nghệ thuật đã xuấ t hiện.

Rấ tít quố c gia trên thế giới, đặc biệt những quố c gia thành lập sau Thế Chiế n II, đã thành công trong việc xây dựng xã hội dân chủ ổn định hoặc kinh tế tiên tiế n. Tuy nhiên, mặc dù có nhiề u bấ t lợi hơn so với những nước khác, Israel đã vươn lên xế p hạng trong số các quố c gia tiên tiế n về kinh tế, mức số ng, tự do và xã hội. Trong năm 2010, vị trí này được xác nhận qua việc Israel được gia nhập Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) gồ m các quố c gia có nề n kinh tế tiên tiế n và ổn định nhấ t.

Những thành tựu ấ n tượng của Israel có thể được giải thích như thế nào? Cơ bản mà nói thì điể u này đạt được chủ yế u là do những người sáng lập Nhà nước Israel mà tiêu biểu là Ben-Gurion đã lựa chọn và đi theo một đường lố i chiế n lược rấ t đúng đấ n, và những người kế thừa của họ luôn sẵn sàng và dám thay đổi.

# MỘT QUỐC GIA HIỆN ĐẠI

Tại Israel, cũng như ở tấ t cả các nước, các tâ ng lớp xã hội tô n tại. Nhưng trong một xã hội còn quá non trẻ như Israel, dựa trên tính cá nhân và chố ng lại chủ nghĩa truyề n thố ng, thì tâ ng lớp xã hội không có tâ m quan trọng về mặt chính trị. Mọi người không có xu hướng "gắ n nhãn" mình vào một đám đông nào đó, và do đó việc phân chia giai tâ ng xã hội ở Israel không quá nặng như ở các nước khác.

Với sự suy giảm của các ý hệ tư tưởng, các khái niệm "phe tả" và "phe hữu" không bị phân biệt rõ ràng như vẫn tô `n tại ở các nơi khác, ngoài các vấ n đề `liên quan để n các cuộc xung đột Ả Rập-Israel và Israel-Palestine. Sau những kinh nghiệm về `tiế n trình hòa bình trong thập niên 1990, khoảng cách của những ý kiế n đã thu hẹp. Vẫn có những lòng trung thành về `chính trị và các tranh luận sôi nổi, nhưng mặt khác ý thức về `cộng đô `ng xã hội đã được nâng cao.

Các dấ u hiệu dễ thấ y nhấ t của sự phân chia là giữa người Do Thái và người Ả Rập, và riêng trong cộng đô ng người Do Thái lại được chia nhỏ giữa các thành phâ n thế tục và một vài khu vực tôn giáo khác nhau. Một dấ u hiệu phân chia khác là theo nguô n gố c dân tộc, vẫn còn quan trọng, nhưng đang giảm dâ n: khoảng 40% các cuộc hôn nhân của người Do Thái là giữa một Ashkenazic và một đố i tác Sephardic (11). Tương tự như vậy, làn sóng xấ p xỉ một triệu dân nhập cư từ Liên Xô cũ cũng đã hòa nhập vào cộng đô ng lớn của xã hôi.

Những độc đáo của Israel ngày nay đã đem lại cho Israel rấ t nhiê `u ưu điểm vượt trội hơn so với các nước công nghiệp khác mà nhiê `u người vẫn chưa nhận ra. Israel có một hệ thố ´ng bâ `u cử ổn định, một nê `n kinh tế ´ thịnh vượng hòa điệu với thế ´ kỷ 21, và một xã hội cởi mở, đa nguyên, và tự do. Nhiê `u khu vực của thế ´ giới và của phương Tây vẫn nhìn Israel với một hình ảnh không lành mạnh,

nói đúng hơn là "xâ u xí", không đúng với hình ảnh tố t đẹp thực có của đâ t nước và người dân ở xứ này.

Trên thực tế, có thể nói người Israel là những người có tinh thấ n phê và tự phê cao nhấ t trên thế giới. Họ sẵn sàng – và thường háo hức - xem xét lại tấ t cả mọi điề ù họ tin, nghĩ và làm. Nghệ sĩ hài nổi tiế ng Israel Ephraim Kishon đã viế t khi ông về tới Israel vào năm 1949: "Khi tấ ù gấ n cập bờ và trời rấ t nóng, mọi người bắ t đã ù chỉ trích chính phủ về thời tiế t." Xu hướng chỉ trích này dường như bào mòn, nhưng trên thực tế nó lại rấ t hữu ích trong việc thách thức các vấ n đề và sửa chữa những yế u kém, mặc dù nó khiế n người ngoài cuộc hiểu sai về mức độ bấ t mãn trong nước. Đó là một phâ n thiế t yế u của sự cởi mở để cải thiện, thích ứng và đổi mới, những yế u tố cơ bản đem đế n sự thành công của đấ t nước.

Vê chính trị, các chiế n binh ở cả hai đâ u của đấ u trường chính trị Israel cho ră ng những nhượng bộ vê vấ n đê Israel- Palestine có thể là một điể u câ n thiế t cho sự tô n tại nhưng cũng có thể là con đường dẫn đế n tự vẫn. Có những phàn nàn gay gặ t vê quyê n lực thường phóng đại của các cộng đô ng tôn giáo, vê bản chấ t Zionist của nhà nước (chủ yế u là từ các nhà hoạt động Israel-Ả Rập), và vê việc thể chế hóa một xã hội đã từng là tiên phong chuyển dịch sang một xã hội kiểu phương Tây, vật chấ t, và tiêu dùng. Danh sách phàn nàn vẫn kéo dài...

Cuố i cùng, Israel đang hướng mọi tập trung về công việc làm ăn thương mại, cùng với mố i quan tâm về việc phát triển một xã hội, văn hóa, kinh tế, và các khía cạnh khác của cuộc số ng mà không quá xoay quanh những chủ đề liên quan đế n chiế n tranh và bang giao quố c tế. Israel đã trở thành một quố c gia Địa Trung Hải-Trung Đông với các đặc điểm hiện đại và truyề n thố ng đi liề n nhau, cùng với các khía cạnh độc đáo và màu sắ c không thấ y có ở các quố c gia khác như Mỹ và châu Âu.

Trên tấ t cả, mặc dù là một quố c gia luôn bị đe dọa và đôi khi bị chửi rủa, một quố c gia phải đố i mặt với các mố i đe dọa thực sự và buộc phải dựa chủ yế u vào nguồ n lực của mình, Israel không chỉ số ng sót mà phải hướng tới hưng thịnh.

## CHƯƠNG II DO THÁI GIÁO (JUDAISM)

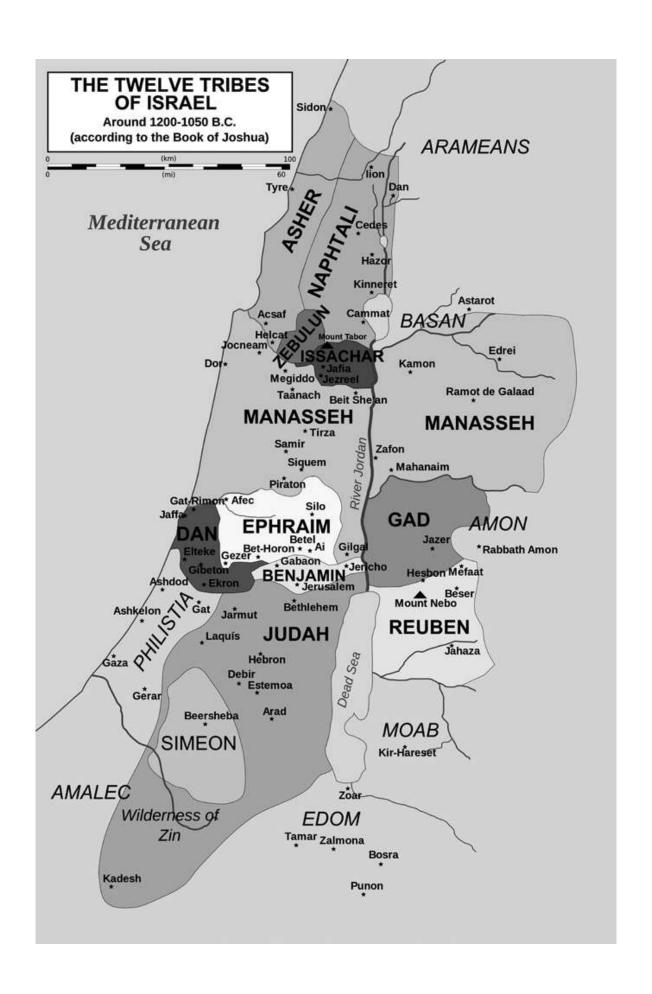


"Shema Yisrael Adonai Eloheinu Adonai Echad"

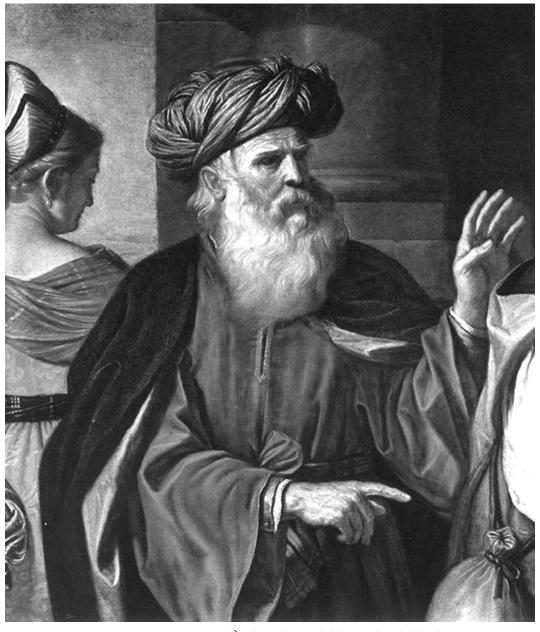
"Nghe đây, hỡi Israel, Thiên Chúa là Thượng Đế´ của chúng ta, Thiên Chúa là Duy nhấ t"

#### TÓM LƯỢC

- Đâ´t tổ của Do Thái giáo là vùng Canaan cổ (thuộc Palestine, Jordan, Israel ngày nay).
  - Thời điểm sáng lập Do Thái giáo: 2000 TCN.
  - Sáng tổ: Moses thế kỷ 15-14 TCN.
- Dân số Do Thái giáo ngày nay: 13-14 triệu tín đô (thố ng kê năm 2012).



# LỊCH SỬ LẬP QUỐC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DO THÁI GIÁO

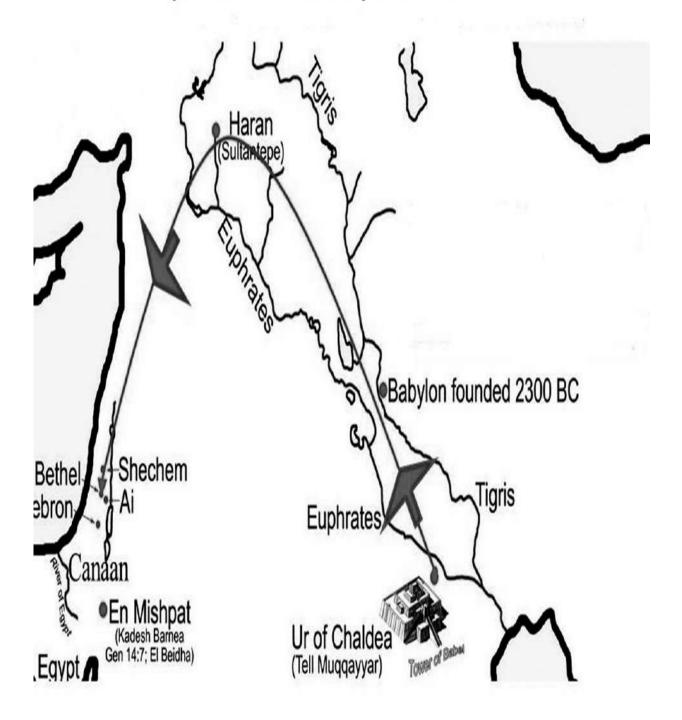


Nguô`n: http://www.bible-people.info/Abraham-activities.htm

#### Abraham

Theo Sách Sáng Thể trong Kinh Thánh Hebrew<sup>(1)</sup> (Kinh Thánh Do Thái), Abraham là tổ phụ đâ u tiên của người Do Thái và Ả Rập<sup>(2)</sup> với tên lúc sinh ra là Abram, có nghĩa là "người cha được tôn quí". Abram sinh ra khoảng 2000 năm TCN tại thành Ur thuộc phía Bắ c vùng Mesopotamia<sup>(3)</sup> cổ (vùng Lưỡng Hà) – nay là Đông-Nam Thổ Nhĩ Kỳ. Theo những chuyện kể trong Kinh Thánh thì các tổ phụ người Do Thái là dân du mục, thường xuyên di chuyển từ nơi này qua nơi khác tìm kiế m đô ng cỏ và nước uố ng cho gia súc. Theo sử gia Josephus [37-100] và các học giả Do Thái như Maimonides cũng như theo truyề `n thố ´ng Hô `i giáo, Abraham rời bỏ quê hương ở Ur đi để n Harran, lưu lại một thời gian ngặ n, rô i cùng vợ Sarai và người cháu tên Lot và các tôi tó tiế p tục cuộc di cư để n xứ Canaan. Khi rời khỏi Harran, Abram không biế t tương lai của mình sẽ ra sao. Tuy nhiên ông tin ră ng Thiên Chúa muố n ông đi tới Canaan như đã có lâ n ông được nghe Thiên Chúa kêu gọi ông: "Này Abram, hãy đi khỏi xứ này, rời khỏi họ hàng của ngươi và nhà của cha ngươi. Hãy tới một xứ sở mà ta sẽ chỉ cho. Ta sẽ làm cho ngươi trở thành một dân tôc vĩ đại. Ta sẽ chúc lành cho ngươi và làm cho tên của người trở thành lớn lao. Qua ngươi, hế t thảy các dân tộc trên thế gian sẽ được chúc phúc". Tin vào lời gọi của Thiên Chúa, không chút ngà n ngai, Abram mang theo gia đình cùng toàn thể tôi tớ và gia súc rời khỏi Harran lên đường đi Canaan, một vùng đấ t kéo ngang từ bờ sông Jordan tới biển Địa Trung Hải ngày nay. Theo Kinh Thánh, đó là một vùng đấ t đâ y sữa và mật ong.

#### Abraham's Journey from Ur to Land of Canaan



Hành trình của Abraham

Năm Abram 99 tuổi, Thiên Chúa hiện đế n cùng ông và phán ră `ng: "ta là Thiên Chúa toàn năng, và Ta lập giao ước với ngươi. Ngươi sẽ là tổ phụ của nhiê `u dân tộc, và để đánh dâ ´u giao ước này, ngươi sẽ đổi tên thành Abraham (có nghĩa là "cha của nhiê `u dân tộc"). Ta sẽ giữ lời hứa, và xứ Canaan sẽ thuộc về `ngươi và dòng dõi của ngươi đời đời; và Ta sẽ là Thiên Chúa của họ". Xứ Canaan về `sau được gọi là "Miê `n Đấ ´t Hứa" là vì vậy. Trong Sách Sáng Thế ´, chân dung của Abraham được phác họa như là một người được Thiên Chúa tin cậy và yêu thương không ai sánh bă `ng. Lòng tin tuyệt đố ´i vào Thiên Chúa của Abraham được xem là sự chấ ´p nhận giao ước với Thiên Chúa: tôn thờ Thượng Đế ´ - Đức Jehovah (4) là Thiên Chúa duy nhấ ´t của vũ trụ.

Cuộc số ng của những thế hệ sản sinh từ Abraham đã được dùng làm chấ t liệu để thể hiện cung cách Thiên Chúa định hình thế giới. Đố i với Abraham, ông xem tín ngưỡng mình đang theo không phải là tôn giáo của con người lập nên, mà là tôn giáo của Thượng Đế ban cho con người. Thượng Đế và Giao ước của Ngài đưa ra cho Abraham là độc nhấ t vô nhị và trở thành tư duy trong suố t lịch sử bố n nghìn năm sau đó của những người xem ông là tổ phụ của dân tộc Do Thái. Mặc dù câu chuyện giữa Abraham và Thượng Đế chỉ là truyề n thuyế t, thậm chí Giao ước của Thượng Đế và dân Do Thái thông qua Abraham cũng là một truyề n thuyế t, song ý nghĩa của nó trong thực tế lại vô cùng lớn lao. Vì ră ng cho đế n ngày hôm nay mỗi người dân Do Thái vẫn nă m lòng ý tưởng được "Chúa chọn" này.

Lòng tin là dân tộc được Chúa chọn chính là hạt giố ng ban đâ ù được gieo vào tâm thức của mỗi người dân Do Thái trong khao khát ră ng, dù cay đă ng, dù khổ đau, dân tộc Do Thái cuố i cùng cũng sẽ đạt đế n vinh quang. Chính hạt giố ng này là chấ t xúc tác giúp cho trí tuệ Do Thái được tỏa sáng, lòng dũng cảm được hun đúc, và tính kiên trì nhẫn nại được rèn giữa

không mệt mỏi trong suố t chiế `u dài 4000 năm lịch sử lập quố `c Do Thái.

Sau khi Abraham chế t, trách nhiệm lãnh đạo được truyề n lại cho con trai của ông là Isaac, và rô i để n con trai của Isaac là Jacob. Jacob về phâ n mình có 12 người con trai. Tấ t cả từ Abraham, Isaac, Jacob cho để n 12 người con trai của Jacob được gọi là "tổ phụ" (Patriarchs) tức là tổ tiên của dân tộc Israel. Chữ "Israel" lâ n đâ u tiên được dùng trong Kinh Thánh có liên quan để n Jacob. Một đêm, Jacob vật lộn với một người lạ, và sau đó, chính người lạ ấ y - hình bóng của Thượng Đế - đã chúc phúc và đặt cho ông cái tên Israel, có nghĩa là "Kẻ chiế n đấ u với Thượng Đế ". Kể từ đó, người Hebrew được gọi là người Israel.

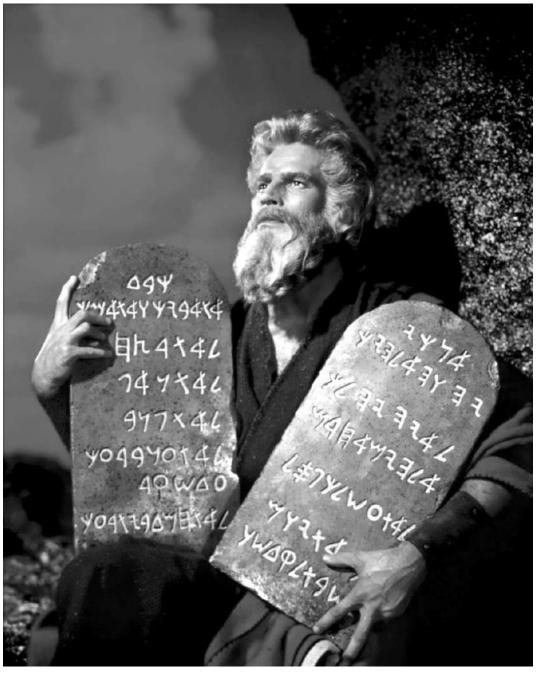
100 năm sau Abraham, vào thời đại của Jacob, đấ t Canaan roi vào cảnh mấ t mùa đói kém. Dân Do Thái lại phải tiế p tục di cư tìm kiế m những đô ng cỏ mới. Lúc này, đấ t Ai Cập với phù sa sông Nil là vựa lúa của vùng Địa Trung Hải và là miê n đấ t hứa cho các dân tộc quanh đó tìm để n khi gặp đói kém hoan nan. Toàn thể gia tộc Israel với nhân số khoảng 70 người dưới sự lãnh đạo của Jacob di cư sang Ai Cập và ở lại đó theo lời mời của Pharaoh<sup>(5)</sup> Ai Cập. Chuyế n đi tị nạn tưởng chỉ một đôi vụ mùa, đâu ngờ kéo dài tới 400 năm. Mười hai người con trai của Jacob phát triển thành 12 chi tộc số ng ở Goshen, vùng đấ t phì nhiều của Ai Câp, thuận lợi cho việc trô ng trọt và chăn nuôi. Nhưng rô i thời thế lại thay đổi, 70 người di dân nay phát triển thành hàng trăm ngàn người, và trở thành mố i lo ngại cho người Ai Cập ră ng người Hebrew có thể phá hủy để chế Ai Cập. Các Pharaoh vê sau quay lưng lại ngược đãi người Do Thái, bóc lột họ như nô lệ và độc ác nhấ t là ra lệnh giế t tấ t cả con trai vừa lọt lòng của họ để kìm hãm đà gia tăng dân số người Do Thái.

#### MOSES VÀ HÀNH TRÌNH VỀ MIỀN ĐẤT HỰA

Cũng lúc này, một ngẫu nhiên lại để n, như một phép màu, đã giải cứu dân Do Thái khỏi ách nô lê. Đó là sư xuấ t hiện của Moses vào khoảng thế kỷ 15-14 TCN. Moses - người ban hành luật lệ Do Thái và là vị tiên tri<sup>(6)</sup> đâ u tiên của Do Thái giáo cũng như Kitô giáo, Hô i giáo. Chuyện kể trong Kinh Thánh là nguô n thông tin duy nhấ t vê cuộc đời của Moses. Lúc mới sinh ra từ một phụ nữ Do Thái, ông được ơn thiêng che chở để số ng sót, làm con nuôi của một công chúa và được giáo dưỡng như một hoàng tử trong hoàng cung Ai Cập. Sau đó, vì bênh vực đô ng bào của mình mà ông đã giế t chế t một người lính Ai Cập và phải bỏ hoàng cung, trố n tránh qua vùng sa mạc Sinai khô că n làm người chăn cừu. Theo Sách Xuấ t Hành 2-3 (Kinh Thánh Hebrew), một là n trong khi Moses dẫn cừu đi sâu vào vùng núi thiêng của Sinai, bỗng nhiên Thiên Chúa hiện ra ở giữa một bụi gai đang bố c cháy. Rô i Moses nghe tiế ng Thiên Chúa nói, "Ta đã thấ y nỗi thố ng khổ của dân ta ở Ai Cập, nơi họ đang bị đố i xử như nô lệ. Ta sẽ giải phóng chúng khỏi đấ ´t nước tàn bạo đó, và ban cho chúng một mảnh đấ t khác tố t lành, đượm sữa và mật. Vì thế, ngươi, Moses, phải dẫn dă t dân ta ra khỏi Ai Cập vê Miê n Đâ t Hứa".

Thế là Moses, câ m theo cây gậy linh thiêng của Thiên Chúa ban cho, cùng với vợ con lên đường trở lại Ai Cập đặng giải thoát dân Do Thái đang bị câu thúc. Biế n cố ly kỳ này được ghi lại trong Sách Xuấ t Hành, mô tả chi tiế t hành trình gian truân về Miề n Đấ t Hứa (sử hiện đại gọi là *The Exodus*) của khoảng 40 vạn dân Do Thái, chạy trố n khỏi Ai Cập, vượt qua Biển Đỏ (*Red Sea*), đi về hướng Đông qua nhiê u sa mạc hoang vu và lưu lạc ở đó suố t 40 năm, cuố i cùng số ng sót trở về lại vùng đấ t Canaan mà Thượng Đế đã hứa

cho họ từ thời Abraham. Riêng Moses, dù số ng thọ đế n 120 tuổi, Moses đã không được vào Miê `n Đấ t Hứa mà phải chế t trong sa mạc.



Nguô`n: www.dailymail.co.uk

Moses và Mười Điề `u Răn

Trong hành trình gian truân về Miề n Đấ t Hứa, một sự kiện rấ t trọng đại đã xảy ra có liên quan để n "Mười Điề ù Răn" (The Ten Commandments) của Thiên Chúa. Đó là thời điểm khi người Do Thái dừng chân tại vùng núi thiêng Sinai. Từ ngọn núi này, Thiên Chúa đã truyề n ban Lê luật cho dân Do Thái thông qua Moses. Mười Điề ù Răn tuyệt đố i này, rấ t căn bản cho đời số ng của người Do Thái giáo, được tìm thấ y trong Sách Xuấ t Hành 20:1-17 và Sách Đệ Nhị Luật 5:6-21 của Kinh Thánh Hebrew. Mười Điề ù Răn này có thể tóm lược như sau:

- 1. Ta là Đấ ng tố i cao, Thượng Đế của các ngươi. Ta đã đem các ngươi ra khỏi xứ Ai Cập, khỏi nơi bị đọa đâ y. Các ngươi không được có Thiên Chúa nào khác, ngoài ta.
- 2. Các ngươi không được tạc tượng vẽ hình để mà thờ.
- 3. Các ngươi không được dùng danh Thiên Chúa một các bấ t xứng.
- 4. Các ngươi phải giữ ngày nghỉ thứ bảy là ngày Sabbath và coi đó là ngày thánh.
- 5. Các ngươi phải tôn kính cha mẹ.
- 6. Các ngươi không được giế t người.
- 7. Các ngươi không được ngoại tình.
- 8. Các ngươi không được trộm că p.
- 9. Các ngươi không được làm chứng gian hại người.
- 10. Các ngươi không được ham muố n chiế m đoạt tài sản người khác.

Trước đây, Thượng Đế giao ước riêng với Abraham, còn là `n này, Ngài giao ước với toàn thể dân tộc Do Thái qua những là `n Moses lên đỉnh núi Sinai để trực tiế p gặp Ngài. Qua những là `n gặp gỡ Thượng Đế , Moses chuyển giao lại cho dân tộc Do Thái các huấ n thị của Ngài. Thượng Đế lúc này tỏ lộ danh xưng là "YHWH", gọi là Jehovah, nghĩa là "Ta là kẻ ta là". Và đặc điểm của giao ước là `n này cũng rấ t rành rọt, đó là chừng nào dân Ngài chọn còn vâng lời Ngài, chừng đó nó sẽ được Ngài che chở.

Giao ước Abraham và lời mặc khải thiêng liêng của Thiên Chúa đã định hình nên cách số ng và tư duy của người Do Thái, giúp cho dân Do Thái trở thành một dân tộc không thể gục ngã và cũng là một dân tộc được chúc phúc.

Căn bản thì các điể ù răn nhấ n mạnh để n sự vâng lời và trung thành với Thiên Chúa và để n cách cư xử lễ độ đố i với các thành viên trong cộng đô ng. Những điể ù răn này được mô tả chi tiế t trong các Sách Xuấ t Hành, Sách Lêvi, Sách Dân Số và Sách Đệ Nhị Luật trong Ngũ kinh Moses và trở thành phâ n quan trọng nhấ t trong Kinh Thánh Hebrew.

Trong nhiê `u thê ´ kỷ, người Do Thái giáo luôn hướng về ` Thánh Kinh và Mười Điê `u Răn để tìm nguô `n cảm hứng và sự dẫn dắ ´t, đế ´n độ Do Thái giáo được mệnh danh là tôn giáo của Lê ` luật và người Do Thái là dân tộc duy nhâ ´t quan tâm đế ´n sự vâng phục Lê ` luật của Thượng Đế ´.

40 năm hành trình trong hoang mạc là thời kỳ tôi luyện cho người dânDo Thái. Làm sao một dân tộc quen số ng trong cảnh sung túc rố i chịu làm nô lệ hàng trăm năm có đủ tính cách và bản lĩnh để có thể chinh phục vùng đấ t trước mặt và xây dựng một quố c gia hùng mạnh trong tương lai. Làm sao lời giao ước của Thượng Đế , vố n thuấ n túy chỉ là những hứa hẹn, được pháp chế hóa thành luật lệ và

thiêng liêng hóa trong những ràng buộc mang tính tôn giáo. Để có khả năng tiế p nhận Miê n Đấ t Hứa và xứng đáng làm người chủ của nó, dân Do Thái phải trải qua cuộc thanh tẩy trong đạo đức cùng thao luyện trong gian khổ. Chính những trui rèn này trong 40 năm lưu lạc tại hoang mạc đã giúp hình thành tính cách kiên cường và bấ t khuấ t cho người dân Do Thái trong suố t chiế u dài tiế p theo của lịch sử 4000 năm lập quố c gian truân của dân tộc mình.

Những sự kiện và mục đích của việc xuấ t hành về Miề n Đấ t Hứa trở thành tâm điểm và linh hô n của Do Thái giáo. Thiên Chúa đã hành động để cứu dân tộc được Ngài chọn, khải thị (7) cho các nhà lãnh đạo Do Thái tôn danh và luật thiêng của Ngài, và cuố i cùng, đã giải thoát dân Do Thái khỏi vòng nô lệ một cách nhiệm màu, thoát khỏi Ai Cập, đưa họ trở về Miề n Đấ t Hứa Canaan. Những tư liệu pháp lý liên quan để n sự kiện trên núi Sinai trở thành những tư liệu quan trọng nhấ t trong Kinh Thánh Hebrew. Theo Sách Sáng Thế , các nguyên lý căn bản của Do Thái giáo thực sự được mặc khải (8) tuầ n tự theo dòng dõi các tổ phụ, từ Adam đế n Jacob. Tuy nhiên, Do Thái giáo thực sự được hình thành như là một tôn giáo chỉ khi Moses nhận lãnh Mười Điề u Răn trên núi Sinai, cùng với hệ thố ng tư tế và các nghi thức thờ phụng tại Đề n Thờ Jerusalem sau khi dân tộc này được giải cứu khỏi Ai Cập.

Moses được mô tả trong Thánh Kinh là một lãnh tụ tôn giáo, người công bố luật pháp, nhà tiên tri đâ u tiên của Do Thái giáo. Ông được xem là người viế t Kinh Torah (năm sách đâ u tiên của Kinh Thánh Hebrew, còn gọi là Ngũ thư Moses) trong quãng thời gian 40 năm trong sa mạc. Những mặc khải thiêng liêng này đã trở thành Điê u luật của Thượng Đế về lê luật đạo đức, xã hội, hiế n tế, nghi lễ và đã trở thành khuôn mẫu tiêu chuẩn trong cuộc số ng và đạo đức của người Do Thái.

Moses và Kinh Torah đã trở thành hòn đá tảng trong việc đặt một nề `n móng tâm linh cho đấ ´t nước Israel ổn định và vững chặ ´c ngày nay.

Moses còn được coi là một thiên tài quân sự và là một vị anh hùng dân tộc của người Do Thái. Buổi đâ `u sự nghiệp của ông khá giố `ng với vua Cyrus Đại Đế - vị Hoàng đế khởi lập Đế quố c Ba Tư<sup>(9)</sup>. Ông cùng với vua Cyrus Đại Đế đề `u đóng vai trò vô cùng lớn lao trong lịch sử của dân tộc mình.

Ngoài những Lê` luật của Chúa, những năm tháng lưu lạc trong hoang mac Sinai đã đem lai cho người Do Thái hai đinh chế tôn giáo khác, đó là Hòm Bia Giao Ước và Lê u Hội Ngộ. Mười Điê u Răn được viế t trên hai phiế n đá và được đặt trong một hòm bă ng vàng gọi là "Hòm Bia Giao Ước". Hòm Bia Giao Ước vì thế trở thành quan trong đố i với người Do Thái vì nó nhắ c nhỏ họ về lời giao ước của Thiên Chúa ră ng Ngài sẽ luôn luôn ở bên họ. Bởi vì dân Do Thái số ng du mục cho nên họ làm một cái lê u di động gọi là "Lê u Hội Ngộ" (Tabernacle) mà họ có thể dựng lên bấ t cứ nơi nào như một chố n linh thiêng để Thiên Chúa hiện diện. Lê `u Hội Ngộ chính là tiê `n thân của Đề n Thờ Jerusalem sau này. Tabernacle có kích thước 14x4x5m được làm bă ng khung gỗ, phủ vải gai dày màu xanh, tím và đỏ. Họ đặt Hòm Bia Giao Ước trong cái Lê u này, rô i mỗi ngày tập trung quanh Lê u để hiế n tế và câ u nguyện. Đây là nơi sùng bái quan trọng nhấ t đố i với người Do Thái. Nhiệ u năm sau, khi người Do Thái đã định cư yên ổn ở Canaan, vua David cho xây một đê n thờ tại Jerusalem để cấ t giữ Hòm Bia Giao Ước và thờ phụng Thiên Chúa. Lê u Hội Ngộ từ đó không còn nữa.

Suố t 40 năm lưu lạc trong hoang mạc, đã có là n đoàn người tới được bên rìa Miê n Đấ t Hứa Canaan. Nhưng những là n đó, dân Do Thái chỉ nhìn thấ y Miê n Đấ t Hứa như một bóng mây, thoáng đế n

rô ì lại vụt bay đi mấ t. Sau những gian nan tưởng như bấ t tận, đoàn người lên tới khoảng 60 vạn người và chuyển sang một thế hệ mới, với tâm trạng mới và tính cách mới. Họ trở nên kỷ luật hơn, thiện chiế n hơn, tư cách hơn, và chỉ thế hệ mới này mới đủ tiêu chuẩn vào Miê `n Đấ t Hứa. Cuố i cùng, mang theo Lê `u Hội Ngộ cùng Hòm Bia Giao Ước trong đó đựng Mười Điê `u Răn, và mang theo lời truyề `n khẩu vê `Lê `luật mà 300 năm sau ghi lại thành bộ Kinh Torah, đoàn người vượt sông Jordan vào Miê `n Đấ t Hứa Canaan. Dưới sự lãnh đạo của Joshua, một người thân cận của Moses, người Do Thái đã chinh phục vùng đấ t này và định cư ở đó. Trong khi những vùng đấ t chung quanh có vua chúa, thờ phụng nhiê `u thâ `n linh bản địa bă `ng ngẫu tượng theo tôn giáo tự nhiên, thì chỉ một mình dân Do Thái thờ phụng Thượng Đế ´, biế ´n niê `m tin thành giới luật và thoát ra ngoài sự sùng bái quỉ thâ `n và mê tín.

Hành trình về Miề n Đấ t Hứa và các sự kiện trước đó, ngược trở lại thời gian của Tổ phụ Abraham, đố i với người Do Thái, là một phép màu. Đây là một thực tế hiển nhiên: một nhóm người lẻ loi, tổ chức lỏng lẻo, làm sao lại có thể thoát khỏi sự truy đuổi gắ t gao của đội quân của Pharaoh thiện chiế n, thoát khỏi cái nóng đế n thiêu đố t của sa mạc, khỏi cái đói cái khát đeo bám hàng ngày trong suố t 40 năm lang thang nơi hoang mạc, nế u không có bàn tay che chở của Thượng Đế . Người Do Thái đã cảm nhận được sự che chở màu nhiệm ấ y của Ngài trên từng bước đi trong hành trình của họ. Ngay từ ban đầ u, Thượng Đế là người đã dẫn đường, đã che chở và định hình dân tộc mà Ngài đã chọn, biế n nó từ một nhóm người lẻ loi trở thành một dân tộc quật cường và tràn đầ y sức mạnh. Và người Do Thái giáo ngược lại đã chăm sóc, giữ gìn, đã nuôi dưỡng lòng tin ấ y, vào Thương Đế , cho đế n tân ngày nay.

## ĐỊNH CƯ Ở MIỀN ĐẤT HỰA CANAAN

Miê n Đấ t Hứa Canaan được chia vùng cho 12 chi tộc sinh số ng, còn Lê u Hôi Ngô với Hòm Bia Giao Ước được đặt tại Shiloh. Lúc đâ u, người Do Thái không có vua. Họ chỉ liên kế t với nhau dựa vào những điệ u răn của Thiên Chúa và chung số ng dựa vào sự hiểu biế t Thiên Chúa của họ. Từ khoảng năm 1200 TCN cho tới năm 1047 TCN, các bộ tộc người Do Thái số ng bă ng nghệ canh nông và chăn nuôi, không có chính quyề n trung ương và được phân xử bởi các thủ lĩnh, còn gọi là thẩm phán. Thẩm phán có trách nhiệm đặc biệt phân xử vê đấ t đai, hôn nhân và các sự việc liên quan tới Lê luật. Đô ng thời, họ còn lãnh đạo những cuộc hành quân phố i hợp giữa các bộ tộc trong những trận đánh với các dân tộc chung quanh, đặc biệt với quân Philistine, tiê n thân của người Palestinesau này. Tuy nhiên tình trạng tranh chấ p và chia rẽ giữa các bộ tộc cùng với xung đột với các dân tộc bản địa xung quanh dâ n dà vượt ra ngoài tâ m giải quyế t của các thủ lĩnh. Đã tới lúc người Do Thái đòi hỏi câ n phải có một chính quyê `n trung ương, dưới sự cai trị của một vị vua. Thế Ìà Saul [1079 TCN - 1007 TCN] trở thành vị vua đâ`u tiên của Do Thái. Nô´i dõi Saul là con rể David [1040 TCN - 970 TCN] và sau đó là Solomon [970 TCN - 931 TCN], con trai của David.

Tôn giáo của người Do Thái có một bước ngoặt lớn dưới thời vua David, vị vua vĩ đại nhấ t trong lịch sử Israel. Qua David, Thượng Đế hoàn thành lời hứa với Abraham, biế n Israel thành một dân tộc vĩ đại. David hoàn thành công cuộc thố ng nhấ t đấ t nước Israel năm 1003 TCN với "Ngôi Sao David" được dùng làm biểu tượng cho dân tộc Do Thái, gồ m hai hình tam giác đề u đặt ngược nhau làm thành 12 tam giác nhỏ, tiêu biểu cho 12 chi tộc của dân tộc Do Thái. Cũng từ thế kỷ 17 trở đi, Ngôi Sao David đã được dùng làm biểu tượng của Do

Thái giáo. David cũng được cho là tác giả của Sách Thánh Vịnh, dùng làm cố t lõi cho Kinh Nguyện Do Thái giáo suố t mấ y ngàn năm. Vua David chọn Jerusalem làm thủ đô của vương quố c Do Thái thố ng nhấ t và với tài lãnh đạo quân sự và quản trị của mình, ông đã giúp Do Thái trở thành một vương quố c nhỏ phố n vinh và hùng mạnh của vùng Trung Đông cổ. Tên Jerusalem, theo truyề n thuyế t, bắ t nguồ n từ hai từ tiế ng Do Thái cổ là "ir" nghĩa là thành phố và "shalom" – hòa bình, thể hiện ước mơ được bày tỏ trong ước vọng cao cả của người dân Do Thái: ước mơ về thành phố hòa bình. Ở Jerusalem ngày nay, việc người Do Thái giáo, Kitô giáo, Hồ i giáo được tự do tiế n hành các hoạt động tôn giáo tại các nơi thiêng liêng của họ, cùng các cuộc tiế p xúc giữa các cộng đồ ng tôn giáo và chủng tộc hế t sức đa dạng, có thể được xem như một mẫu hình của hòa bình và chung số ng.

Vua David qua đời năm 970 TCN, nổ i ngôi là hoàng tử Solomon là một người đâ y trí tuệ. Thời đại Solomon thịnh trị, thu phục được lòng tin của lân bang, mở rộng ngoại thương tới các xứ xa. Về mặt kinh điển, Kinh Torah được ghi thành văn bản dưới triề u Solomon. Về mặt xây dựng đấ t nước, Solomon đã phát triển Vương quố c thành một trung tâm buôn bán hùng mạnh và thịnh vượng, và năm 960 TCN khởi công xây dựng Đề n Thờ Jerusalem, hoàn thành vào năm 825 TCN và được xem là kỳ quan đệ nhấ t của thế giới thời đó. Có thể nói thời đại David-Solomon là thời kỳ huy hoàng nhấ t của Israel. Nó vĩnh viễn là một hoài niệm đâ y tự hào của dân Do Thái suố t mấ y ngàn năm.

#### NHỮNG THĂNG TRẦM BAN ĐẦU

Khi các Đế quố c là n lượt nổi lên thì vùng đấ t Canaan trở thành địa điểm chiế n lược. Nó trở thành một hành lang nă m giữa biển và sa mạc, cung cấ p cho các đoàn thương buôn và các đạo quân chinh

phục một con đường độc nhấ t xuyên giữa các quố c gia rộng lớn và hùng mạnh xung quanh. Thế kỷ này nổ i tiế p thế kỷ kia, ngàn năm này sang ngàn năm khác, những cuộc hành quân lũ lượt đi qua nó: các binh đội của vua Ai Cập, những đoàn bộ hành Ả Rập, xe trận từ Assyria (10) và ky binh từ Babylon (11), sau này người Ba Tư với Cyrus (12), Macedonia (13) với Đại đế Alexander và rồ i tới lượt người Hi Lạp, La Mã, Parthia.

Năm 922 TCN, sau triê u đai Solomon, một cuộc nổi loan chia quố c gia Do Thái thành hai nước. Jeroboam, người không thuộc hoàng tộc David, lãnh đạo cuộc nổi loạn của 10 bộ tộc phương Bắ c lập nên nước Israel lấ y thủ đô là Samaria. Chỉ còn lại hai bộ tộc Judah và Benjamin trung thành với hoàng tộc David làm thành nước Judah ở phương Nam, nơi có Đê `n Thờ Jerusalem, lâ y thủ đô là Jerusalem. Vương quố c Israel [930 TCN - 720 TCN] phương Bắ c chỉ tố n tại được khoảng 200 năm. Năm 720 TCN, Vương quố c Israel bị Đế quố c Assyria, một cường quố c ở vùng Mesopotamia (vùng Lưỡng Hà) xâm chiế m, toa lac tai thương nguồ n sông Tigris với thủ đô là Niniveh. Tấ t cả 10 bộ tộc của quố c gia phương Bắ c bị giế t, bị lưu đày, và biế n mấ t khỏi lịch sử. Vương quố c phương Nam Judah [930 TCN – 586 TCN] tô n tại lâu hơn trong sự lệ thuộc vào người Assyria rôìi cuối cùng cũng bị các đạo quân xâm lặng Babylon hủy diệt vào năm 586 TCN. Thành phố Jerusalem bị tàn phá, Đề n Thờ Jerusalem bị san thành bình địa, dân nước Judah hoặc bị giế t hoặc bị lưu đày sang Mesopotamia, đặc biệt là tới thủ phủ Babylon. Sư kiện này đánh dấ u sự kế t thúc thời kỳ được sách vở gọi là "Đê `n Thờ thứ nhâ t" [825 TCN - 586 TCN].

Cuộc đi đày ở Babylon mang lại một số thay đổi quan trọng như Kinh Torah nổi lên với vai trò trung tâm trong đời số ng tinh thâ n của người Do Thái; từ đây bấ t đâ u thời kỳ các học giả tôn giáo, các

nhà hiê`n triê´t trỗi dậy trở thành lãnh tụ tinh thâ`n của người Do Thái giáo.

Về việc phân chia giai đoạn, trong các sách lịch sử Do Thái, khoảng thời gian từ năm 3000 TCN – 538 TCN được gọi là Thời Kỳ Thánh Kinh, và bố n thế kỷ tiế p theo từ năm 538 TCN – 60 TCN được gọi là Thời Kỳ Tự Trị Do Thái.

## THỜI KỲ TỰ TRỊ DO THÁI [538 TCN -60 TCN]

Năm 538 TCN, sau khi người Ba Tư chinh phục đế chế Babylon, Hoàng đế Ba Tư là Cyrus đã ban hành chỉ dụ trả lại tự do cho người Do Thái đang số ng ở Babylon, cho phép họ quay trở lại đấ t tổ Judah. Đề n Thờ được xây dựng lại và cuộc số ng của người Do Thái trên đấ t Israel được khôi phục. Trong lâ n trở về này, gâ n 40 nghìn người Do Thái quay trở lại vùng đấ t Israel. Tuy nhiên, một số lượng lớn người Do Thái vẫn tiế p tục ở lại Mesopotamia, nơi mà trong các thế kỷ sau, là nhà của những cộng đô ng người Do Thái biệt xứ nổi bật nhấ t bên ngoài vùng đấ t Israel. Việc xây dựng lại Đề n Thờ Jerusalem mấ t khoảng 20 năm; lễ khánh thành Đề n Thờ vào năm 515 TCN đánh dấ u bắ t đầ u thời kỳ mà sách vở gọi là "Đề n Thờ thứ hai". Trong bố n thế kỷ sau đó, người Do Thái được trao nhiề u quyề n tự trị dưới sự đô hộ của người Ba Tư và Hy Lạp.

Vào khoảng năm 500 TCN, Kinh Torah trở thành kinh sách căn bản của Do Thái giáo dưới triệ `u Solomon , đặt ra những lê `luật cho đời số 'ng hàng ngày, giữ gìn văn hóa và lễ nghi Do Thái cho mãi để 'n tận ngày nay. Đây là một trong những cột mố 'c rấ 't quan trọng trong lịch sử của Do Thái giáo.

Trong số những người Do Thái có ảnh hưởng nhấ t trở về Jerusalem từ Babylon có Ezra [480 TCN - 440 TCN]. Ezra là một thâ y tế lễ đã mang theo mình một bản Sách Thánh mà ông dùng để đọc cho các công dân thành Jerusalem đang được xây dựng lại. Ezra được cho là đã tiế n hành qui điển hóa những cuố n sách được coi là lời vàng ngọc của Thượng Đế . Nên nhớ ră ng người Do Thái được biế t không những là một dân tộc của Lê luật mà còn là một dân tộc hình thành xung quanh một quyển kinh. Vì thế công việc qui điển hóa này của Ezra có ý nghĩa rấ t quan trọng. Từ lúc này, người Do Thái tin ră ng Thượng Đế không nói qua các tiên tri nữa mà nói qua sách của Ngài.

...Tiế p theo sau sự thố ng trị của Ba Tư vào thế kỷ 5 TCN, Canaan liên tục đổi chủ qua Macedonia, rố i quố c gia Ai Cập của họ Ptolemy và Syria của họ Seleucus. Khi người của đế quố c Seleucid áp đặt nhiệ u biện pháp nhã m đàn áp tôn giáo và việc thực hành tôn giáo của người Do Thái, một cuộc khởi nghĩa của người Do Thái đã nổ ra vào năm 166 TCN dưới sự lãnh đạo của Maccabees (Hasmoneans). Một vương quố c Do Thái độc lập đã được thành lập dưới sự trị vì của các vua Do Thái triệ u đại Hasmoneans [140 TCN - 37 TCN], và kéo dài khoảng 80 năm.

## THỜI KỲ NƯỚC NGOÀI CAI TRỊ [60 TCN - 1948]

Đây là thời kỳ lưu lạc và bươn chải của dân Do Thái, kéo dài gâ n 2000 năm từ thế kỷ 1 cho tới thế kỷ 19.

Từ năm 60 trở đi, vương quố c Hasmoneans bị suy yế u bởi các mâu thuẫn bên trong và dâ n rơi vào sự thố ng trị của người La Mã. Cuố i thế kỷ thứ nhấ t, vào năm 66, mâu thuẫn giữa người Do Thái

và người La Mã ở Judah đã lên đế n đỉnh điểm và biế n thành cuộc nổi dậy của người Do Thái chố ng lại La Mã. Ban đâ `u người Do Thái chiế m ưu thế , nhưng chiế `u hướng thay đổi vào năm 68. Người La Mã dưới sự lãnh đạo của vua La Mã Titus [39-81] đã dành lại quyề `n chủ động và vào mùa hè năm 70, quân La Mã đánh bại quân khởi nghĩa Do Thái tại Jerusalem. Hàng ngàn người Do Thái bị giế t hoặc bị bắ t làm nô lệ. Đề `n Thờ Jerusalem bị san bắ `ng. Cuộc khởi nghĩa thấ t bại và một phâ `n lớn người Do Thái bị lưu đày và phân tán đi khắ ´p các miề `n của Đế ´ quố ´c La Mã (14). Sự kiện này đánh dấ ´u sự kế ´t thúc của thời kỳ Đề `n Thờ thứ hai [515 TCN – 70 CN].

Năm 70 CN được đánh dấ u là điểm dịch chuyển rấ t lớn trong lịch sử dân tộc Do Thái. Từ đây Đê `n Thờ Jerusalem không còn nữa. Do Thái giáo chuyển hướng.

Dưới sự cai trị của Đế quố c La Mã [70-313] và Đế quố c Byzantine<sup>(15)</sup> [313-636], cộng đô ng Do Thái trên vùng đấ t này vẫn tiế p tục duy trì và phát triển các nê n tảng giáo dục, văn hóa và luật pháp riêng của mình. Luật pháp Do Thái quan tâm đế n mọi khía cạnh của cuộc số ng, đã được ghi lại trong Kinh Mishna (thế kỷ 2) và được giải thích trong Kinh Talmud (thế kỷ 3-5). Các luật này, về sau có một số phâ n được sửa đổi lại cho phù hợp với hoàn cảnh, ngày nay vẫn được những người Do Thái giáo tuân thủ.

Sau đó, suố t từ thế kỷ 7 cho đế n đâ u thế kỷ 20, Canaan lâ n lượt rơi vào tay người Ả Rập [636-1091], sau đó là người Seljuk [1091-1099], quân Thập Tự Chinh [1099-1291], quân Mamluk [1291-1516], người Thổ Nhĩ Kỳ thời Đế chế Ottoman [1517-1917], và cuố i cùng là Anh Quố c [1917-1948].

#### DO THÁI DIASPORA (DO THÁI LƯU VONG)

Có thể nói cuộc xâm lăng Israel của người Assyria vào năm 721 TCN đã khởi đâ `u phong trào tị nạn của người Do Thái sang các quố c gia khác trên thế giới, hình thành nên các Cộng đô `ng Do Thái Diaspora (Cộng đô `ng Do Thái lưu vong). Có người bị ép buộc. Có người tự ý di cư. Dân tộc Do Thái lưu lạc, lang thang khắ p Trung Đông, Địa Trung Hải và châu Âu qua nhiê `u thê kỷ. Phong trào tị nạn càng mạnh hơn vào cuố i thê kỷ thứ nhấ t sau công lịch sau cuộc nổi dậy của người Do Thái chố ng lại người La Mã bị thấ t bại và quân La Mã phá hủy và san bă `ng Jerusalem.

Trong năm thế kỷ đâ u tiên sau công lịch, trung tâm đời số ng của người Do Thái chuyển từ vùng đấ t Israel sang Mesopotamia.

Trong giai đoạn đâ u thời Trung Cổ (16), vào thế kỷ 6 và 7, Babylon, Baghdad và Tây Ban Nha là những nơi được ưa thích cho sinh hoạt Do Thái giáo. Mặc dù số ng lưu lạc, ở những nơi này, các hoạt động của người Do Thái giáo trong việc nghiên cứu, thảo luận, bổ sung các điể u luật, giới răn, và xây dựng Pháp điển (Talmud) được diễn ra rấ t mạnh mẽ.

Từ thế kỷ 8 cho đế n 12, nhiệ `u người Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư di chuyển bên trong lãnh thổ các vương quố c Hồ `i giáo, nhấ t là Yemen, Syria, Lebanon, Ai Cập, Maghreb. Người Do Thái ở Bắ c Phi định cư ở bán đảo Iberia rô `i Sicily. Người Do Thái từ Đế chế Byzantine định cư ở Nam Ý. Những làn sóng di cư Do Thái này tạo ra các cộng đô `ng Do Thái thành thị nhỏ khắ ´p thế ´ giới. Nế ´u lấ ´y bản đô ` thế ´ giới, gặ ´n định ghim đỏ lên những nơi có người Do Thái sinh số ´ng năm 1170 thì tấ ´m bản đô ` đó sẽ rực một màu đỏ từ Anh, bán đảo Iberia cho tới ´n Độ. Giai đoạn này, từ thế ´ kỷ 8 cho đế ´n thế ´

kỷ 12, được coi là giai đoạn hoàng kim của lịch sử Do Thái trong đời số ng lưu lạc. Việc làm ăn buôn bán của người Do Thái được phát triển mở mang, tấ t cả đề ù có mức số ng cao, giáo dục cho tâ ng lớp trẻ rấ t được quan tâm và để lại một di sản trí tuệ bề n vững và xuyên suố t qua nhiề ù thể kỷ sau này cho Do Thái giáo. Về sau, với sự sa sút của những khu vực này do cuộc chinh phạt Trung Đông của người Mông Cổ từ những năm 1220 tới những năm 1250, người Do Thái giáo chuyển hướng mở rộng di cư sang khắ p các nước khác của châu Âu. Việc này kéo dài cho để n tận thể kỷ 13-15.

Riêng Tây Ban Nha, người Do Thái có mặt ở đây từ khoảng đâ ù thế kỷ 1. Khi Đế quố c La Mã cải đạo sang Kitô giáo vào cuố i thế kỷ 4, người Do Thái giáo ở Tây Ban Nha được quyề n lựa chọn giữa cải đạo và trục xuấ t. Nước Tây Ban Nha Hô i giáo suy vong vào đâ ù thế kỷ 8. Sự trỗi dậy tiế p theo của Kitô giáo dẫn đế n khó khăn hơn cho người Do Thái giáo. Những bách hại và cưỡng bức cải đạo tăng lên. Hàng ngàn người Do Thái bị thảm sát năm 1391. Nhiê ù người chấ p nhận cải đạo sang Kitô giáo. Áp lực tiế p tục tăng lên cho đế n năm 1492 khi vua Ferdinand phát ra sắ c lệnh trục xuấ t người Do Thái giáo và Hô i giáo khỏi Tây Ban Nha. Hàng ngàn người Do Thái một lầ n nữa lại phải trố n sang Bô Đào Nha, Ý, Marocco, Balkan và Thổ Nhĩ Kỳ.

Trong suố t thời gian biệt xứ kéo dài mười mấ y thế kỷ, hấ u như người Do Thái ở đâu cũng bị khinh bỉ và đàn áp xua đuổi, từ Tây Âu Kitô giáo và Đông Âu Chính Thố ng giáo cho để n Trung Đông Hô i giáo và ngay trên chính quê nhà ở Canaan.

Người dân Do Thái lưu lạc khỏi đấ t tổ Israel buộc phải chấ p nhận một khái niệm mới về Thượng Đế và những định chế thờ phụng khác. Trước kia họ nghĩ Đức Jehovah là vị thấ n bản địa của họ, ngự trong Đề n thánh tại Jerusalem. Bây giờ thành phố Jerusalem bị tàn phá, Đề n Thờ bị san bă ng, người dân số ng rải rác đó đây trên

những miê n đấ t la. Cái ý niệm xưa kia không còn thích hợp nữa. Lúc này một phong trào được khơi dậy là việc phát triển những tổ chức của các nhà tiên tri. Trong những thăng trâ m của xã hội Do Thái vào thế kỷ 8 TCN, phong trào tiên tri đã sản sinh ra bố n nhân vật kiệt xuấ t - Amos, Hosea, Isaiah và Micah - được nhớ để n không chỉ do những tiên đoán của họ mà còn cả thái độ can đảm lên án những bấ t công xã hội của thời đại họ. Văn chương và thơ ca nhiệt thành của họ đã giúp củng cố lòng tin cho người Do Thái và đưa người Do Thái quay vê với Thương Đế. Để đáp ứng với những thay đổi trong cuộc số ng lưu lạc của người Do Thái, nhà tiên tri Isaiah tuyên bố rặ ng Đức Jehovah không chỉ là Thượng Đế´ của người Do Thái mà còn thực sự là một Thượng Đế Tách thực cho mọi dân tộc trên thế giới. Và như thể người Do Thái có thể hướng để n câ u nguyện Thượng Đế ở bấ t kỳ nơi nào trên trái đấ t. Một định chế mới được lập ra, đó là Hội đường Do Thái giáo - synagogue ("synagogue" có nghĩa "nhà câ u nguyện", "nhà hội họp") là nơi sinh hoạt tôn giáo của các tín đô Do Thái giáo. Hội đường thường là một căn nhà lớn hình chữ nhật, mặt quay vê hướng của Đê n Thờ Jerusalem. Sinh hoạt tôn giáo chủ yế u tại hội đường là vào ngày Sabbath thứ bảy trong tuâ n, gô m có câ u nguyện và đọc Kinh Thánh bă ng tiế ng Hebrew, sau đó là bă`ng tiê´ng Aramaic<sup>(17)</sup>, cuô´i cùng là bài giảng cho đoạn Kinh Thánh vừa đọc. Buổi câ u nguyện có thể thực hiện khi nào có một cuố n Sách Lê luật và 10 tín đô Do Thái nam trưởng thành (trên 13 tuổi). Định chế này vẫn được tiế p tục cho để n ngày nay. Các buổi câ u nguyện như thế được hướng dẫn bởi các "rabbi". Rabbi không phải là thâ v tế lễ hay giáo sĩ theo nghĩa truyê n thố ng. Theo nghĩa đen rabbi là "thâ `y tôi". Họ là những người giáo dân có hứng thú nghiên cứu Kinh Thánh và tư nguyên giảng day giáo lý cho công đô ng. Ở đây chúng ta có thể tạm dịch "rabbi" là "giáo sĩ Do Thái".

Cũng cầ n nhấ c lại một chút quan hệ về khía cạnh tôn giáo của Do Thái giáo với Kitô giáo và Hô i giáo . Kitô giáo khởi đầ u như là

một chi nhánh của Do Thái giáo, với Chúa Jesus và các tông đô của Ngài là những người thực hành Do Thái giáo. Chúa Jesus là người Do Thái vùng Galilee, sinh vào khoảng đâ`u thê´ kỷ thứ nhâ´t. Kitô giáo lấ y Kinh Thánh, các hình thức thờ phụng, và học thuyế t tân thế của mình trực tiế p từ Do Thái giáo. Những nhà thờ Kitô giáo được biế t để n trong thời kỳ đầ u chính là ở tại các Hội đường Do Thái giáo trên kha p Đế quố c La Mã. Vào năm 323, Hoàng đế La Mã Constantine I [272-337] trở thành vị hoàng đế duy nhất còn lại của Đế quố c La Mã. Do vơ và me mình mà Constantine có xu hướng thiên vê` Kitô giáo và từng bước làm cho Kitô giáo trở thành quố c giáo. Điệ u này đã được hoàn thành vào cuố i thế kỷ và sự trỗi dậy của Kitô giáo mang để n áp lực và thù nghịch với người Do Thái giáo trên khắ p Đế quố c La Mã. Nguyên do của sự thù nghịch của Kitô giáo đô i với Do Thái giáo bă t nguô n từ việc Do Thái giáo từ chô i công nhận Chúa Jesus là vị cứu tinh và bị cho là chịu trách nhiệm trong cái chế t của Chúa Jesus. Ran nứt ngày càng nghiêm trọng đã dẫn đế n sự ly khai của Kitô giáo khỏi Do Thái giáo.

Vào thế kỷ 7, Hồ i giáo ra đời, khởi sinh từ các thành phố Mecca và Madinah xứ Ả Rập. Muhammad [570-632] là nhà sáng lập và tiên tri của Hồ i giáo. Tuy nguyên thủy không phải là một nhánh ly khai từ Do Thái giáo hay Kitô giáo, Hồ i giáo tự cho mình là sự tiế p nổ i và thay thế cho hai tôn giáo nói trên. Vì vậy người ta có thể tìm thấ y trong Hồ i giáo nhiê u di sản từ Do Thái giáo và Kitô giáo như tín đồ Hồ i giáo tin vào một dị bản của câu chuyện Sáng thế (18), họ cũng tin ră ng người Ả Rập là dòng dõi của Abraham theo phổ hệ Ishmael. Cả ba tôn giáo Do Thái giáo, Kitô giáo và Hồ i giáo, do đó, được gọi là các tôn giáo khơi nguồ n từ Abraham.

Mâu thuẫn giữa Kitô giáo với Do Thái giáo và Hô`i giáo lên đế´n đỉnh điểm vào thế´ kỷ 11 khi Giáo Hoàng Innocent II của Kitô giáo khởi đâ`u các cuộc Thập Tự Chinh vào năm 1096. Giáo Hoàng thúc giục các nhà câ`m quyề`n Kitô giáo tấ´n công người Do Thái giáo và

người Hô ì giáo ở châu Âu và thu hô ì các vùng thánh địa ở Palestine (tức Canaan) đang nă `m dưới sự thố ´ng trị của người Hô `i giáo. Các cộng đô `ng Do Thái giáo và Hô `i giáo ở khă ´p châu Âu bị Thập Tự quân càn quét dữ dội để ´n nỗi nhiề `u người Do Thái giáo phải đào thoát sang Ba Lan hoặc các quố c gia Hô `i giáo nơi mà nhà câ `m quyề `n khoan dung hơn. Vào cuố ´i thế ´ kỷ 16, ước tính có hơn nửa triệu người Do Thái số ´ng ở Ba Lan và trở thành cộng đô `ng người Do Thái giáo đông nhấ ´t trên thế ´ giới thời bấ ´y giờ. Từ khoảng thời gian này, người Do Thái giáo hoàn toàn bị tẩy chay hoặc chính thức bị trục xuấ ´t hâ `u hế ´t ở mọi quố c gia châu Âu. Ở mọi nơi người Do Thái giáo bị dô `n vào những khu ổ chuột rấ ´t tù túng và không ánh sáng gọi là Ghetto. Nhiê `u cuộc thảm sát người Do Thái giáo xảy ra.

Cuố i thế kỷ 18, một làn gió mới đế n từ Bắ c Mỹ đã đem lại hy vọng hỗ i sinh cho người Do Thái giáo. Ở Bắ c Mỹ, quố c gia Hoa Kỳ được thành lập vào năm ngày 4 tháng Bảy năm 1776 đã cho ra đời một bản hiế n pháp tiế n bộ nhấ t của nhân loại qui định ră ng mọi người đề u bình đẳng trước pháp luật. Lâ n đã u tiên trong lịch sử hiện đại, một quố c gia ngoại giáo tuyên bố ră ng người Do Thái được quyê n số ng và mưu câ u hạnh phúc như những người khác. Ở nước Pháp, cuộc cách mạng 1789 và tiế p theo là tuyên ngôn nhân quyê n được áp dụng gồ m cho cả người Do Thái. Người Do Thái được nhận vào các trường đại học Tây Âu và được tham gia vào xã hội Tây Âu ở mọi tâ ng lớp.

Tuy thế, ở Đông Âu, cuộc số ng người Do Thái giáo vẫn không có gì cải thiện. Ở Nga, người Do Thái bị o ép và bị đô n vào các khu định cư Do Thái tố i tăm. Một cuộc xuấ t hành lớn từ Đông Âu lại diễn ra cuố i thế kỷ 19 và đâ u 20. Hàng ngàn hàng ngàn người Do Thái lánh nạn sang Mỹ.

#### DO THÁI GIÁO

Do Thái giáo không thể được định nghĩa chủ yế u về phương diện đức tin tôn giáo bởi vì có những người gọi là Do Thái giáo nhưng tự coi mình là vô thấ n. Do Thái giáo cũng không thể định nghĩa về phương diện ngôn ngữ hay sắ c tộc. Người Do Thái nói và viế t nhiệ u ngôn ngữ và đã tiế p nhận nhiệ u nề n văn hóa của những vùng đấ t nơi họ cư ngụ. Mặc dù có sự khác nhau về thực hành tôn giáo, những người Do Thái vẫn có một điểm chung nhấ t là đề u có lòng tin vào tính độc nhấ t vô nhị của Thượng Đế , là người đã điệ u khiển các biế n cố lịch sử và, bă ng phương cách nào đó, đã chọn dân tộc Do Thái làm dân của Ngài.

Theo người Do Thái, Do Thái giáo khởi nguô n từ Giao ước giữa Thiên Chúa và ông Abraham, tôn thờ Đức Jehovah, là Cha của các Tổ Phụ Abraham, Isaac và Israel (Jacob). Ngài cũng là Đấ ng, qua Moses, đã giải phóng dân Do Thái thoát ách nô lệ khỏi Ai Cập và mang họ vượt Biển Đỏ trở về quê hương an toàn. Tuy thế Do Thái giáo thực sự được hình thành như là một tôn giáo chỉ khi Moses nhân lãnh Mười Điệ u Răn trên núi Sinai, cùng với hệ thố ng tư tế và các nghi thức thờ phụng tại Đê `n Thờ Jerusalem sau khi dân tộc Do Thái được giải cứu khỏi Ai Cập. Vai trò của Moses trong việc hình thành Do Thái giáo là đã củng cố được sức mạnh dân tộc bă ng cách đoàn kế t toàn dân Do Thái trong niê m tin vào một Thiên Chúa duy nhất. Toàn dân Do Thái chỉ có một tôn giáo gọi là "Đạo của người Do Thái" dựa trên căn bản một giao ước giữa Thiên Chúa và dân tộc Do Thái. Theo giao ước này thì dân tộc Do Thái chỉ tôn thờ một Thiên Chúa, ngược lại Thiên Chúa sẽ chọn Do Thái làm dân riêng của Ngài. Giao ước giữa Thiên Chúa và dân tộc Do Thái có thể được tóm tặ t gọn lai là: Thiên Chúa ban on hoặc trừng phạt dân tộc Do Thái tùy thuộc vào sự trung thành của họ đố i với Thiên Chúa. Quan niệm này vê sự giao ước giữa Thiên Chúa và con người là một nét đặc thủ của Do Thái giáo và sau

này Kitô giáo. Kitô giáo cũng có một giao ước tương tự: Jesus là con của Thiên Chúa xuố ng trâ n thế làm người và chịu chế t để chuộc tội thiên hạ. Ai tin Ngài sẽ được cứu rỗi, ai không tin sẽ bị đâ y xuố ng hỏa ngục đời đời. Người Kitô Giáo gọi giao ước này là Tân Ước (New Covenant, New Testament) và gọi giao ước của Do Thái giáo là Cựu Ước (Old Testament).

Ngoài Giao ước giữa Thiên Chúa và dân tộc Do Thái, điề ù quan trọng nhấ t là Moses đã biể n Do Thái giáo của các tổ phụ thành một "Tôn giáo của Luật". Căn bản Thánh Kinh của Do Thái giáo là "Torah" có nghĩa là "Luật" được tóm tắ t trong 10 Điề ù Răn như đã nói ở trên. Trong nhiê ù thế kỷ, người Do Thái giáo đã hướng về Thánh Kinh để tìm nguô n cảm hứng và sự dẫn dắ t, để n độ Do Thái giáo được mệnh danh là tôn giáo của Lê luật và người Do Thái là dân tộc duy nhấ t quan tâm để n sự vâng phục Lê luật của Thượng Đế.

Khác với các tôn giáo khác, người Do Thái không tìm cách phát triển tràn lan tôn giáo của mình qua con đường truyề n đạo như Kitô giáo, Hô i giáo hay Phật giáo, mà luôn tìm cách giữ gìn sao cho Do Thái giáo được "thuâ n khiế t". Chính vì vậy mà trong suố t gâ n 2000 năm lưu vong các giáo sĩ Do Thái giáo vẫn kiên tâm lặng lẽ giữ gìn những giá trị truyề n thố ng của Do Thái giáo và giúp các cộng đô ng Do Thái giáo gắ n kế t trong lòng tin không bao giờ suy suyển vào Thiên Chúa.

Vê mặt thâ n học, Do Thái giáo là một tôn giáo độc thâ n (Monotheism) dựa trên những nguyên tắ c và đạo đức đã được đề cập trong Kinh Thánh Hebrew, và cũng được giảng giải kỹ trong sách Talmud và các sách thánh khác. Trước khi Moses xuấ t hiện, tư tưởng về một Thiên Chúa Duy Nhấ t chỉ có ý nghĩa ám chỉ mà thôi. Từ thời Abraham để n thời Moses [2000-1250 TCN], người Semitic cổ (19) thờ Elohim được hiểu là Thượng Đế duy nhấ t của người Do Thái và là người sáng tạo nên vũ trụ như được nói trong Tanakh: "Lúc khởi đâ u

Thượng Đế (Elohim) sáng tạo nên trời và đấ t" (Sách Sáng Thế 1:1). Sau này, khi Thượng Đế tỏ lộ danh xưng (tên riêng) là "YHWH" (gọi là "Yahweh" hay "Jehovah") cho Moses trên núi Sinai, thì tên gọi Yahweh/Jehovah được dùng cho Thượng Đế trong ý tưởng thể hiện sự gâ ngũi của Thượng Đế với con người. Đó là một Thượng Đế hiện hữu, ghét cái ác và sẵn lòng cứu chuộc con người khỏi tội lỗi. Cho tới đời Moses, tư tưởng Độc Thâ n Giáo vẫn chưa thực sự thành hình. Phải đợi nhiê `u thế kỷ sau, khi các nhà thâ `n học Do Thái đưa ra ý niệm rõ ràng hơn về một Thiên Chúa Duy Nhấ t, lúc đó Độc Thâ `n Giáo mới thực sư ra đời.

#### KINH THÁNH HEBREW

Thâ `n học Do Thái giáo đặt nê `n tảng trên *Kinh Thánh Hebrew* (*The Hebrew Bible* hay còn gọi là *The Jewish Bible*). Kinh Thánh (*Bible*) là thuật ngữ áp dụng cho các văn bản thiêng liêng của nhiê `u niê `m tin khác nhau, nhưng thường là từ các tôn giáo khởi nguô `n từ Abraham. Những người lãnh đạo của các cộng đô `ng này tin ră `ng Kinh Thánh là các sách được linh truyê `n từ Thiên Chúa để thể hiện lịch sử uy quyê `n trong mố i liên hệ giữa Thiên Chúa và dân của Ngài. Thuật ngữ "Kinh Thánh" được chia sẻ giữa Do Thái giáo và Kitô giáo, tuy nhiên nội dung các sưu tập của họ vê `các văn bản kinh điển không giố ´ng nhau.

Trong Do Thái giáo, Kinh Thánh Hebrew là thuật ngữ được các nhà học giả Kinh Thánh dùng để viện dẫn *Tanakh* - là phâ `n chung của qui điển Kinh Thánh Do Thái giáo và Kitô giáo. Các tín đô `Kitô giáo gọi là Cựu Ước để phân biệt với Tân Ước do các tông đô `của Chúa Jesus (và những người thừa kế họ) viế t ra. Từ "Tanakh" được tạo thành từ những chữ đâ `u trong tiế ng Hebrew của ba bộ sách: Torah (Sách Lê `luật), Nevi'im (*các Sách Tiên tri*) và Ketuvim (các *Sách Văn chương*). Toàn bộ Kinh Thánh Hebrew có 24 cuố n sách, trong đó

Torah (Sách Lê`luật) gô`m năm cuô´n, Nevi'im (các *Sách Tiên tri*) gô`m tám cuô´n, và Ketuvim (các Sách *Văn chương*) gô`m 11 cuô´n. Các sách văn chương có lẽ được viê´t trong hoặc sau thời kỳ lưu đày ở Babylon, tức là từ thê´ kỷ 13 TCN cho đê´n thê´ kỷ 6 TCN.

Kinh Torah, hay còn gọi là Ngũ thư Kinh Thánh hay Ngũ kinh Moses, là một cuố n kinh đặc biệt đố i với người Do Thái vì nó chứa đựng lời của Thiên Chúa ban truyề n lại cho người Hebrew qua Moses. Sự mặc khải thiêng liêng này đã trở thành Điề u luật của Thiên Chúa về đạo đức, xã hội, hiể n tế và nghi lễ. Những lề luật này đã tạo nên khuôn mẫu tiêu chuẩn trong cuộc số ng, hành vi và đạo đức của người Do Thái. Moses đã viế t cuố n kinh này trong 40 năm lưu lạc ở sa mạc. Kinh Torah còn có tên gọi khác là "Torah Viế t" với hàm ý là "Torah được viế t ra". Kinh Torah gô m năm cuố n sách đầ u tiên của Kinh Thánh Hebrew. Đó là Sách Sáng Thế (Genesis), Sách Xuấ t Hành (Exodus), Sách Lêvi (Leviticus), Sách Dân Số (Numbers), Sách Đệ Nhị Luật (Deuteronomy).

- **Sáng Thê** là cuố n sách mở đâ u nói về lịch sử của vũ trụ, nhân loại và đặc biệt là dân tộc Israel cho để n khi con trai thứ 12 của Jacob và gia đình sang Ai Cập. "Lúc khởi đâ u, Thiên Chúa sáng tạo trời đấ t...".
- Xuấ t Hành là cuố n sách tiế p theo nói về sự xuấ t hiện của Moses và cuộc giải thoát của dân Do Thái khỏi Ai Cập, dưới sự dẫn dă t của Moses. Những mặc khải của Thiên Chúa tại núi Sinai và việc lập giao ước giữa Thiên Chúa với dân Do Thái thông qua Mười Điề u Răn để trở thành "dân tộc được Chúa chọn".
- Lêvi là phâ n tiế p nổ i của Sách Xuấ t Hành, viế t tiế p cụ thể về những lê luật, qui định, nghi lễ và đạo đức dân Do Thái phải tuân giữ để cụ thể hóa việc trở thành "dân tộc được Chúa chọn". Trọng tâm của cuố n sách này cũng nói về vai trò của hàng tư

tế (các thâ y Lêvi) trong dân tộc Do Thái nên người ta đã lấ y tên Lêvi để đặt tên cho cuố n kinh.

- **Dân Sô** là cuố n sách ghi những cuộc kiểm tra dân số của 12 chi tộc người Do Thái sau khi rời khỏi Ai Cập để đi đế n Miê n Đấ t Hứa.
- Đệ Nhị Luật là một bản Dân Luật và Luật Tôn giáo. Đệ Nhị Luật cũng tiế p tục ghi chép lại hành trình trong 40 năm của dân tộc Do Thái trong sa mạc, hướng đi mới cùng những lời tiên tri về tương lai của dân tộc Do Thái.

Kinh Torah chứa đựng những vấ n đề lớn liên quan để n lịch sử Do Thái. Những lê luật và các điê u răn ghi lại trong Sách Xuấ t Hành, Sách Lêvi và Sách Đệ Nhị Luật hướng dẫn từ việc nhỏ nhấ t về vệ sinh thân thể tới cung cách hiế n tế và nghi lễ, từ hôn nhân tới ăn uố ng kiêng khem (Kosher), các lễ lạt từ ngày Sabbath hàng tuâ n tới các ngày lễ trong năm, hướng dẫn con người cách số ng, suy nghĩ, cách cư xử liên quan đế n gia đình hàng xóm láng giê ng. Các điê u răn và hướng dẫn vê xã hội và đạo đức thường thảo luận vê những trách nhiệm phải tuân theo, on lành cho những ai vâng phục và hình phạt nế u vi phạm. Tấ t cả đề u nhã m giúp con người đạt tới một cuộc số ng thuâ n khiế t trong hành trình của cuộc đời. Thí dụ như có những điê u luật cụ thể và thực tế trong đời số ng hàng ngày như:

- Phải thờ kính cha mẹ, kính trọng người già.
- Không được trộm că p, không được nói dố i, không được lừa gạt đô ng bào mình.
- Không được bóc lột đô ng loại, không được cướp tiê n công của người làm thuê.
- Không có hành vi xấ u với người tàn tật.

- Không được quan hệ tình dục ngoài hôn nhân.
- Không được làm sai lệch công lý, không được thiên vị ai, không được nhận quà hố i lộ vì quà hố i lộ làm cho nhưng kẻ khôn ngoan hóa ra đui mù và làm hỏng việc của những người công chính....

Tấ t cả gô m 613 giới luật với chỉ dẫn chi tiế t về những điề u phải làm và những điề u không được làm. 613 giới luật đó bao gô m 248 phát biểu tích cực về cách phải làm tương ứng với 248 bộ phận của thân thể; và 365 lời phát biểu về những điề u không nên làm, tương ứng với 365 ngày một năm theo lịch Do Thái trên cơ sở âm lịch. Trong 613 giới luật này, một số điề u răn chỉ được áp dụng cho nam giới hoặc nữ giới, một số điề u chỉ dành cho các thâ y tế lễ thời xưa, một số điề u răn dành riêng cho nông dân trong vùng đấ t Israel. Nhiê u điề u răn chỉ được áp dụng khi Đề n thờ Jerusalem còn chưa bị phá hủy, và ngày nay người ta chỉ phải tuân theo chưa tới 300 điề u răn trong sách này. Vâng lời Thượng Đế tức là tuân giữ Lề luật của Ngài. Người Do Thái còn tin ră ng bên cạnh Kinh Torah được Moses công khai truyề n cho dân Israel, còn có Kinh Torah được Moses truyề n riêng cho các đệ tử thân tín, đó chính là phâ n huyê n học, hay gọi bí pháp Kabbalah.

Kinh Torah được Moses viế t xuố ng trong những năm lưu lạc trong sa mạc trên đường tìm về Miề n Đấ t Hứa và trở thành kinh sách căn bản của Do Thái giáo vào năm 500 TCN dưới triể u vua Solomon. Người Do Thái bắ t đầ u học Kinh Torah từ lúc nhỏ. Một thiế u niên Do Thái, để n tuổi 13, được gọi là *Bar-Mitzvah* (con trai của Luật). Cậu được xem là người trưởng thành, và vào ngày Sabbath sau sinh nhật 13 tuổi, cậu có thể đọc Torah trong Hội đường. Thiế u nữ Do Thái thì trở thành *Bat-Mitzvah* (con gái của Luật) vào tuổi 12. Có thể nói Thượng Đế , Hội đường và Kinh Torah là ba thành phâ n bấ t khả phân ly trong đời số ng tinh thầ n của người Do Thái giáo.

Đức tin của một số nhóm Do Thái giáo như nhóm Sadducee, nhóm Karaite là chỉ dựa vào các bản văn của Kinh Torah, nhưng hâ u hế t các tín hữu Do Thái giáo đề u tin vào "Khẩu Luật". Những truyê n thô ng này được truyê n miệng trong phái Pharisees ở thời kỳ cổ xưa của đạo, sau đó được ghi chép lại thành văn bản và được các giáo sĩ Do Thái (rabbi) loan truyê n rộng rãi. Các rabbi thường că t nghĩa một điệ u luật trong Kinh Torah (Torah Việ t) song song với một truyề n thố ng được truyề n miệng. Khi trong Kinh Torah có những từ ngữ chưa được giảng giải, những nghi thức không có hướng dẫn thì người Do Thái giả định ră ng họ đã biế t thông qua kiểu truyê n miệng. Cách giải thích song song này dâ n dâ n trở thành khẩu luật. Kế t quả là trong vài ba thế kỷ sau sự sụp đổ Đê n thờ Jerusalem, nhiệ u phâ n trong khẩu luật được các giáo sĩ Do Thái giáo sưu tập và biên soạn lại thành một bộ sách rấ t quí giá khác gọi là Talmud (sách Pháp điển). Đây là một văn bản trung tâm của các giáo sĩ Do Thái giáo. Talmud gô m hai bộ: Mishna (sách Ôn Cô, còn gọi là Mishnah) được soạn vào thế kỷ 2, và Gemara được soạn vào thế kỷ 5. Mishna là bản tóm lược đâ u tiên bă ng văn bản của "Khẩu Luật" hay "Torah Nói" (Oral Torah) của Do Thái giáo, bao gô m những chú giải và những tranh luận được rabbi Judah Hanasi<sup>(20)</sup> sưu tập từ thời Ezra, và trở thành cột mố c vĩ đại vê kinh điển trong lịch sử Do Thái giáo. Riêng bộ Gemara thì vượt trên cả những chú giải trong sách Mishna và Kinh Torah, đê cập tới mọi lĩnh vực trong đời số ng của người Do Thái giáo trong những năm lưu lạc. Có hai phiên bản Gemara: một Gemara được cộng đô ng Do Thái giáo ở Palestine biên soạn và một Gemara được biên soạn ở Babylon. Pháp điển Talmud là kê t quả khi gộp chung Gemara và Mishna. Bộ Talmud của Palestine được hoàn thành vào năm 425. Còn bộ Talmud của Babylon hoàn thành vào năm 500, có khố i lượng gấ p ba lâ n bộ Talmud của Palestine và có ảnh hưởng rấ t lớn với cộng đô ng người Do Thái giáo. Toàn bộ Pháp điển Talmud bao gô m 63 bài luận, bao gô m những ý kiế n của hàng ngàn giáo sĩ Do Thái trong nhiệ u chủ đề, bao gồ m

cả pháp luật, đạo đức, triế t học, phong tục, lịch sử, thâ n học, truyề n thuyế t và nhiề u chủ đề khác. Trong một số sách vở, thời kỳ thế kỷ 3-5 được gọi là "Thời kỳ Talmud".

### KINH TORAH - TRỤ CỘT CỦA DO THÁI GIÁO

Trong thiên niên kỷ thứ nhấ t trước Công nguyên, hai trụ cột của Do Thái giáo là Đê `n Thờ Jerusalem và Kinh Torah. Trụ cột thứ nhấ t làm cho tín ngưỡng Do Thái cũng giố 'ng như các tín ngưỡng phổ biế 'n khác ở Địa Trung Hải và Trung Đông. Trong cả hai thời kỳ của Đê `n Thờ thứ nhấ 't (825 TCN - 586 TCN) và Đê `n Thờ thứ hai (515 TCN - 70 CN), lễ đê `n và hiế 'n tế ' là điểm chung cho mọi tôn giáo trong đó có Do Thái giáo. Hành hương tới Jerusalem và dâng lễ vật ở Đê `n Thờ được coi là những nghĩa vụ tín ngưỡng cao nhấ 't mà tấ 't cả người Do Thái phải thực hiện.

Sự khác biệt nă mở trụ cột thứ hai của Do Thái giáo, đó là Kinh Torah. Kinh Torah, gô m cả Toral Viế t và Torah Nói, đã đặt nê n móng căn bản cho bộ luật tôn giáo Do Thái - Halakha - trong những thế kỷ sau đó. Niê m tin vào sự tô n tại của một Chúa duy nhấ t và món quà Torah mà Chúa ban tặng cho người Do Thái thông qua Giao ước Moses làm cho Do Thái giáo rấ t khác biệt so với các tín ngưỡng khác. Torah Viế t (Ngũ kinh Moses) đóng vai trò trung tâm trong việc định hình tấ t cả các khía cạnh của đời số ng Do Thái trong và sau cuộc lưu đày Babylon [586 TCN - 538 TCN]. Còn Torah Nói (Talmud) phát triển dựa trên các cuộc thảo luận, phán quyế t, phân xử của các thế hệ nhà tiên trị, học giả, nhà hiê n triế t, những người nổi lên như những lãnh tụ tôn giáo thế hệ mới trong thời kỳ Đê n Thờ thứ hai. Bộ luật tôn giáo Do Thái - Halakha - quy định những điê `u người Do Thái được và không được làm, những điê `u họ nên và không nên làm trong

mọi khía cạnh của cuộc số ng thường nhật, từ việc thực hiện nghĩa vụ tôn giáo, lễ nghi cho tới quan hệ hôn nhân, từ ứng xử trong cộng đô ng cho tới luật dân sự và hình sự.

Với việc người La Mã phá hủy Đề n Thờ thứ hai vào năm 70 CN, Do Thái giáo từ lúc này vĩnh viễn mấ t đi một trong hai trụ cột và bắ t đâ u đi trên một con đường độc đáo. Học giả và giáo sĩ Do Thái giáo - các lãnh tụ tôn giáo nổi lên sau cuộc chiế n tranh Do Thái-La Mã lâ n thứ nhấ t - thay thế lễ đề n và hiế n tế trong Đề n Thờ bà ng việc nghiên cứu Kinh Torah trong các Hội đường Do Thái giáo. Chức năng cố t lõi của Kinh Torah là dạy tôn giáo cho cả người lớn và trẻ em. Một người Do Thái mộ đạo phải là một người đọc và nghiên cứu Kinh Torah và đưa con mình tới trường để học Kinh Torah.

Một bước quan trọng trong việc học Kinh Torah là biế n việc đọc kinh trở thành một đặc điểm trung tâm của Do Thái giáo khi Ezra khởi xướng việc đọc Kinh Torah nơi công cộng như là một nế p số ng mới của đời số ng Do Thái. Đó là vào khoảng thế kỷ 5 TCN. Kể từ đó, Kinh Torah được đọc và giải thích thường xuyên nơi công cộng. Trước thời Ezra, hâ u hế t những việc liên quan đế n Kinh Torah thuộc kiểm soát độc quyê n của các đại giáo chủ của các giáo phái.

Sự thành công đáng kinh ngạc của người Do Thái trong lịch sử đã trở thành điề `u bí ẩn và được nghiên cứu qua nhiề `u thế ´ hệ và từ nhiề `u góc độ. Nhiề `u học giả cho ră `ng trọng tâm của Do Thái giáo chính là đọc sách, học tập, và làm theo những lề `luật và các điề `u răn trong Kinh Torah. Kinh Torah hé lộ những lời dạy cụ thể giúp con người kéo dài cuộc số ´ng, tăng cường sức khỏe thể chấ ´t, mang lại sự ổn định về `tinh thâ `n, giúp xây dựng gia đình và xã hội vững mạnh, và cung cấ ´p sự khôn ngoan trong mọi quyế ´t định của cuộc số ´ng. Để có một bức tranh rõ hơn, trong phâ `n tiế ´p theo, chúng ta sẽ cùng nghiên cứu xem giáo dục Kinh Torah đã giúp định hình lịch sử, văn hóa và trí tuệ người Do Thái như thế ´ nào.

## GIÁO DỤC - MỘT CHUẨN MỰC CỦA DO THÁI GIÁO

Vê mặt giáo dục, Kinh Torah chính là lực đẩy đặ ng sau sự phát triển các thể chế giáo dục Do Thái. Việc người La Mã phá hủy Đê n Thờ thứ hai vào năm 70 CN, và việc thay thế lễ đề n và hiế n tế trong Đề n Thờ bă ng việc nghiên cứu Kinh Torah trong các Hội đường Do Thái giáo đã làm thay đổi tư duy giới lãnh đạo tôn giáo trong cộng đô ng Do Thái, biế n Do Thái giáo từ một tín ngưỡng dựa trên nghi lễ hiế n tế thành một tôn giáo với giáo dục là chuẩn mực chính yêu câ u tâ t cả người Do Thái phải đọc và nghiên cứu Kinh Torah bă ng tiế ng Hebrew, cũng như gửi con trai của mình từ 6 đế n 7 tuổi tới trường tiểu học hoặc Hội đường để học Kinh Torah. Kinh Torah đê cao tâ m quan trọng của việc học hành trong suố t cuộc đời, quy định nghĩa vụ người cha phải dạy con mình lê luật Do Thái giáo. Con trẻ Do Thái sẽ học cả lê luật lẫn việc làm của cha ông mình để có thể noi gương cha ông, và với nê n tảng kiế n thức pháp luật, họ sẽ không pham tội, không bao biện bă ng cách nói ră ng mình không hiểu biế t pháp luật. Truyề n thố ng này vẫn tiế p tục cho để n tận ngày nay.

Trong các gia đình Do Thái giáo, việc dạy dỗ cho trẻ em bắ t đầ u từ việc dạy cho trẻ những lời câ u nguyện và những lời chúc phúc ngay khi trẻ còn học ở mã m non. Học cách câ u nguyện là một phâ n rấ t quan trọng với Do Thái giáo. Trong Do Thái giáo, có 18 lời câ u nguyện bắ t đầ u từ câu: "Nghe đây, hõi Israel, Thiên Chúa là Thượng Đế của chúng ta, Thiên Chúa là Duy nhấ t" ("Shema Yisrael Adonai Eloheinu Adonai Echad") và những lời câ u nguyện khác như Câ u nguyện cho sự sáng suố t của Chúa Thánh Thâ n, Câ u nguyện cho sự ăn năn, Câ u nguyện tha thứ mọi tội lỗi, Câ u nguyện cho sự hàn gắ n mọi vế t thương, Câ u nguyện cho một năm

bội thu, Câ`u nguyện cho sự gian trá sẽ bị hủy diệt, Câ`u nguyện Đâ´ng Cứu Thê´ sẽ đê´n, Câ`u nguyện hòa bình của Thiên Chúa sẽ ở lại cùng dân tộc Do Thái... Những lời câ`u nguyện này sẽ được câ`u nguyện ba lâ`n mỗi ngày.

Sau khi học xong các lời câ`u nguyện, những đứa trẻ sẽ bắ t đâ`u học chúc phúc. Chúng sẽ được khuyê n khích câ`u nguyện trước mỗi bữa ăn và cảm ơn Thượng Đê đã đem lại cho những thứ đô ăn ngon lành. Mỗi tô i trước khi đi ngủ, bô mẹ sẽ chúc cho con cái mình ngủ ngon và con trẻ, vê phía mình, cũng chúc lành cho gia đình, nhà cửa, thậm chí cả những con vật nuôi trong nhà như chó mèo. Lành thay cho những lời chúc phúc đơn sơ như thế!.

Những lễ nghi này, lặp lại mỗi ngày, sẽ giúp cho đứa trẻ luôn ghi nhớ trong tâm thức của nó những điể `u tố t lành và lớn lên trong tình yêu thương giản dị và sâu đậm với Thiên Chúa, với gia đình và thế giới quanh mình. Chúng sẽ nhìn cuộc đời bă `ng con mặ t bao dung và trang trọng. Do Thái giáo giải thích rặ `ng con người sinh ra luôn có hai khuynh hướng đố i lập: làm điể `u tố t lành và làm điể `u xấ ´u. Kinh Torah chính là quà tặng của Thượng Đế ´ giúp đỡ con người trong hành trình cuộc số ´ng của họ; nghiên cứu và tuân theo lời Chúa giúp cho con người phát triển khuynh hướng tố ´t và ngăn chặn khuynh hướng gây tội ác của chính mình.

Để tìm hiểu thêm vê vấ n đê này, chúng ta hãy quay ngược trở lại lịch sử vào thời kỳ Đê n Thờ thứ hai [515 TCN - 70 CN]. Giố ng hâ u hế t các tôn giáo ngày nay bao gô m cả Do Thái giáo, Do Thái giáo thời Đê n Thờ thứ hai là một nhóm gô m nhiê u tôn giáo: người Sadducees và người Pharisees là hai nhóm Do Thái chính, luôn tranh giành vị trí lãnh đạo; cùng với người Essenes, Sicarii, Zealot, Samaria và rấ t nhiê u giáo phái Do Thái-Kitô giáo cùng chung số ng ở vùng đấ t Israel. Thành viên của các giáo phái Do Thái gâ n như không khác biệt gì vê mặt ngôn ngữ, ăn uố ng, trang phục, làm việc, cưới

hỏi hay các vấ n đề thường nhật khác. Nhưng mỗi nhóm ngày càng đặt ra các chuẩn mực tôn giáo khác biệt làm yêu câ u chính để gia nhập nhóm. Chính môi trường cạnh tranh tôn giáo, văn hóa giữa những người lãnh đạo Do Thái này đã đẩy manh phong trào giáo dục và tao ra bước ngoặt mang tính cách mang đưa để n việc hình thành một hệ thố ng giáo dục Do Thái rấ t độc đáo. Khoảng năm 63-65 CN, đại giáo chủ của phái Pharisees là Joshua B en Gamla ban hành sắ c lệnh tôn giáo yêu câ u tấ t cả các ông bố Do Thái phải gửi con trai 6-7 tuổi tới trường tiểu học. Điệ u quan trong là sắ c lệnh này được ban hành dưới dạng "takkanah", một điệ u luật tôn giáo bặ t buộc mọi người cha Do Thái phải tuân theo. Từ thời điểm này, giáo dục tôn giáo (tức học đọc và nghiên cứu Kinh Torah) cho cả trẻ em và người lớn trở thành một chuẩn mực tôn giáo, và rô i mấ y thế kỷ sau trở thành "đòn bẩy" quyế t định trong sự phát triển trí tuệ của người Do Thái giáo cho để n tận ngày nay. Những nghiên cứu của các học giả phương Tây cho thấ y ră ng vào thế kỷ 1, người Do Thái số ng trên mảnh đấ t Israel và Mesopotamia đa phâ n làm nghê nông và mù chữ. Nhưng nhờ đòn bẩy của giáo dục mà từ thế kỷ 8 trở về sau, trong khi dân trí của các dân tộc tại Trung Đông và Châu Âu còn thấ p kém, người Do Thái đã trở thành một nhóm thiểu số biế t đọc biế t viế t và làm những công việc đòi hỏi phải có hiểu biế t và tay nghệ như nghê thủ công, lái buôn, cho vay lãi, doanh nghiệp, ngân hàng, tài chính, luật sư, bác sỹ, học giả tại hàng trăm các đô thị rải rác khắ p châu Âu, châu Phi và châu Á, từ Seville thuộc Tây Ban Nha tới Mangalore của ´n Độ. Đặc biệt giai đoạn phát triển hoàng kim của các cộng đô ng Do Thái lưu vong từ thế kỷ 8 cho đế n thế kỷ 12 đã để lại cho Do Thái một di sản trí tuệ bê n vững và xuyên suố t qua nhiê u thê kỷ.

#### CÁC TRƯỜNG PHÁI DO THÁI GIÁO

Những thố ng kê mới nhấ t (tính đế n đã u năm 2013) ước lượng có tới 13.854.800 người Do Thái trên thế giới, chiế m tỷ lệ 0,2% của dân số toàn thế giới. Tel Aviv có 3,2 triệu, New York (Hoa Kỳ) xấ p xỉ 2 triệu là những nơi có cộng đô ng Do Thái lớn nhấ t so với bấ t cứ nơi nào trên thế giới. Do số ng rải rác khắ p nơi, người Do Thái giáo trên thế giới rấ t khác nhau về đức tin và tập tục.

Những người được gọi là Chính thố ng (Orthodox Jews) là nhóm đông nhấ t. Do Thái giáo Chính thố ng phấ n đấ u bảo tố n văn hóa và tôn giáo truyề n thố ng Do Thái để gâ n với bản chấ t của Do Thái giáo theo Kinh Thánh và Sách Lê luật. Luật Kosher vê kiêng cữ một số đô ăn được nhấ n mạnh, cùng với việc tuân thủ nghiêm ngặt ngày Sabbath. Ở Hội đường nam và nữ phải ngô i riêng và phải trùm đâ u. Tiế ng Hebrew là ngôn ngữ thờ phụng của Do Thái Chính thố ng giáo.

Ngoài ra có chi nhánh khác như Do Thái giáo Cải cách (Reform Judaism) thể hiện nỗ lực thông giải Do Thái giáo dưới ánh sáng của học vấ n và tri thức hiện đại – và xa thêm nữa, có tiế n trình của Do Thái giáo Cấ p tiế n. Một trong những phái triển đặc biệt của Do Thái giáo Cải cách là việc tấ n phong phụ nữ làm rabbi. Do Thái giáo Bảo thủ (Conservative Judaism), khởi đầ ù vào thế kỷ 19, nỗ lực làm dịu phái Chính thố ng bă ng cách nhấ n mạnh các thành tố lịch sử tích cực của truyề n thố ng Do Thái và thể hiện sự quan tâm lớn hơn trong việc nghiên cứu có tính khoa học đố i với Kinh Thánh và những tư liệu do các rabbi giảng dạy.

Cũng có số lớn những người Do Thái thế tục (secular Jews) hoặc là không giữ đạo (non-observant Jews). Nhiệ `u người trong số họ đề `cao nê `n văn hóa và di sản Do Thái nhưng không chia sẻ những đức tin hoặc tập tục tôn giáo của các cộng đô `ng Do Thái giáo.

### NGÀY LỄ VÀ CÁC LỄ NGHI

Ngày nghỉ nổi bật và quan trọng nhấ t trong tấ t cả các ngày nghỉ của Do Thái giáo là ngày Sabbath. Theo Kinh Thánh, Thượng Đế là Đấ ng đã sáng tạo ra vũ trụ và muôn loài trong sáu ngày và ngày thứ bảy Ngài nghỉ ngơi. Vì thế Do Thái giáo cũng dành ngày thứ bảy cho việc nghỉ ngơi, đoàn tụ cùng gia đình, ban bè và thờ phụng. Ngày Sabbath, bă t đâ u lúc mặt trời lặn chiê u thứ sáu và kế t thúc lúc mặt trời lặn chiệ u thứ bảy, là tâm điểm của việc giữ đạo. Trong ngày Sabbath, giao thông công cộng tạm ngừng hoạt động, các hoạt động buôn bán đóng cửa, không TV, không sử dụng các thiế t bị điện sinh hoạt trong gia đình. Ngày Sabbath giố ng như là ngày người Do Thái giáo tập trung giữ cho tâm mình được nghỉ ngơi tĩnh lặng trong sự hiện diện của Thượng Đế. Vào tố i thứ sáu, ngày Sabbath được mở đâ u với nghi thức Kiddush, làm phép trên rượu vang hoặc bánh mỳ, sau đó đố t đèn và làm phép đèn câ y Sabbath, do phụ nữ trong nhà thực hiên. Theo truyề n thố ng, thức ăn ngon nhất trong tuấn được dọn ra vào bữa ăn tố i thứ sáu. Sang sáng thứ bảy người Do Thái giáo Chính thố ng và Bảo thủ dự lễ ở Hội đường để nghe giảng một phâ n trong Kinh Torah. Cứ mỗi tuâ n một đoạn thì khoảng một năm là đọc hế t cuố n Torah. Vào ngày đọc đoạn cuố i cùng của Kinh Torah và chuẩn bi trở lai chương Sáng-thế để bắ t đâ u cho một vòng mới, người Do Thái giáo ăn mừng Simchar Torah, có nghĩa là "lễ mừng vê luật pháp". Vào ngày đó, họ rước những cuố n Kinh Torah và diễu hành quanh Hội đường, hát lời cảm tạ Thiên Chúa. Theo truyề n thô ng, tín hữu Do Thái giáo câ u nguyện ba lâ n mỗi ngày và bố n lâ n trong ngày Sabbath hoặc các ngày lễ khác của Do Thái giáo. Trọng tâm của mỗi buổi câ u nguyện là "Amidah" hay còn gọi là "Shemoneh Esrei", đây là lời nguyên chính bao gô m 19 lời chúc lành.

Ngoài ngày lễ Sabbath, Do Thái còn một số ngày lễ khác như Lễ Vượt Qua (Pesach), Lễ các Tuâ n (Shavuot), Mừng Năm Mới (Rosh

Hashanah), Lễ Ăn Năn hay còn gọi là Lễ Đê `n Tội (Yom Kippur), Lễ Lê `u Tạm (Sukkot), Lễ Cung Hiế ´n Đê `n Thờ (Chanukah), Lễ Gieo Quẻ (Purim), Lễ Bar-Mitzvah (Lễ Con Trai của Luật). Những ngày lễ này hoặc là để nhă ´c nhở những sự kiện lịch sử như Lễ Vượt Qua mừng sự giải thoát của người Do Thái khỏi ách nô lệ ở Ai Cập, Lễ Lê `u Tạm nhă ´c lại thời gian dân Do Thái số ´ng trong những chiế ´c lê `u tạm trong sa mạc sau khi rời khỏi Ai Cập; hoặc được chọn thời gian theo chu kỳ gieo trô `ng, mưa và thu hoạch mùa màng của dân Do Thái. Trong sách Lêvi có dùng từ *chag* tiế ´ng Hebrew để chỉ những ngày lễ của người Do Thái, mà từ chag này có nguô `n gố ´c từ từ *chagag* có nghĩa là "chuyển động theo vòng tròn" hay "nhảy múa". Ngụ ý chính là chỉ thời gian vui vẻ mà Thiên Chúa â ´n định cho dân Người.

Nế u bạn đế n thăm một ngôi nhà của người Do Thái, điể ù trước tiên bạn sẽ nhận thấ y là ở trên thanh dọc phía bên phải của cánh cửa ra vào có một hộp dài trang trí rấ t lạ mắ t và làm từ nhiề ù nguyên liệu khác nhau như gố m, đá, đô ng, bạc, gỗ... Bên trong hộp có chứa một mảnh giấ y da cuộn tròn, gọi là "mezuzah", có ghi những lời cấ ù nguyện "Shema Yisrael" từ Kinh Torah, bắ t đâ ù bă ng cụm từ "Shema Yisrael Adonai Eloheinu Adonai Echad" ("Nghe đây, hỡi Israel, Thiên Chúa là Thượng Đế của chúng ta, Thiên Chúa là duy nhấ t"). Tên của Thiên Chúa sẽ được viế t vào mặt sau của miế ng giấ y da. Chiế c hộp có thể có nhiề ù kiểu dáng khác nhau và không mang ý nghĩa tâm linh, ý nghĩa tâm linh thực sự của mezuzah nă m trong miế ng giấ y da bên trong.

Việc treo mezuzah cũng như câ ù nguyện cũng có những hướng dẫn nghiêm ngặt. Đâ ù tiên mezuzah được gắ n trên thanh dọc phía bên phải của cánh cửa theo hướng đi vào trong phòng. Trước khi bước vào nhà, người Do Thái sẽ hôn lên tay phải và chạm vào mezuzah. Nhiê ù người ở các quố c gia lạc hậu và nhiê ù thành kiế n thường giễu cợt và cho ră ng mezuzah của người Do Thái không khác gì một lá bùa trừ ma quỉ - đó là một thành kiế n hẹp hòi và nông cạn. Đố i

với người Do Thái, mỗi khi bước vào trong nhà, mezuzah trên cánh cửa giố ng như một lời nhặ c nhỏ cho những người số ng trong ngôi nhà ră ng ngôi nhà này đã được dâng cho Thiên Chúa và những người trong nhà phải cam kế t số ng và tuân theo lời Thiên Chúa, phải làm những điê u tố t. Mezuzah cũng được xem là vật để nhặ c nhỏ Thiên Chúa bảo hộ cho ngôi nhà.

Tấ t cả những nghi lễ và phong tục này đã nói lên điề ù gì? Các học giả tôn giáo phương Tây nhận định ră ng nghi lễ của Do Thái giáo mang chức năng "thâ n thánh hóa" mọi khía cạnh của cuộc số ng. Người Do Thái giáo nhìn thế giới là "phản chiế u" hình ảnh của thánh thâ n, cụ thể là Đức Jehovah. Theo sách Talmud, ăn hay uố ng mà không câ u nguyện được ví như đã cướp đi tài sản của Thượng Đế . Lê luật Do Thái giáo dạy mọi người khi ăn thì nên chuẩn bị bữa ăn trong sự có mặt của Thượng Đế . Lê luật cũng dạy mọi người khi uố ng thì nên dùng rượu vang đỏ để dâng tặng ngày Sabbath. Và khi vui vẻ nhảy múa thì hãy nhảy múa xung quanh Kinh Torah.

Những lễ nghi thiêng liêng và câ`u nguyện lặp lại hàng ngày, kéo dài suố t mâ y ngàn năm lưu lạc, như một chấ t keo thiêng liêng đã gă n kế t dân tộc Do Thái cho dù ở bấ t cứ nơi nào trên trái đấ t thành một khố i sức mạnh dường như vô cùng, không bao giờ tan chảy. Trong mọi hành vi, mọi việc làm, mọi ý tứ của cuộc số ng, người Do Thái luôn tìm thấ y ý nghĩa chân thực, trải dài hàng thế kỷ, trong sự khẳng định ră ng Thượng Đế luôn dành lòng yêu thương lớn lao đế n cho người dân của Ngài. Người dân Do Thái, với sự thành kính này, không bao giờ nản lòng trước thử thách, cũng không buông thả trong hòa bình.

## CUỘC TRUY CẦU Ý NGHĨA CỦA CUỘC SỐNG

Trong phâ n mở đâ u, chúng ta đã nói ră ng chìa khóa để nâng người Do Thái từ tăm tố i lên tới vĩ đại chính là sự khao khát của họ trong việc truy câ u những ý nghĩa lớn lao của cuộc số ng. Từ những trình bày ở trên về lịch sử lập quố c và sự hình thành của Do Thái giáo chúng ta sẽ tóm lược ở đây những ý nghĩa đó là gì.

### 1. Ý nghĩa về Thượng Đế

- "Lúc khởi đâ `u Thượng Đế sáng tạo nên trời và đấ 't..." Từ khởi đâ u cho để n cuố i cùng, cuộc truy câ u ý nghĩa cuộc số ng của người Do Thái giáo đã bén rễ và ăn sâu trong những hiểu biế t của họ vê Dâ ng Tô i Cao. Bản thân con người vô n nhỏ nhoi và yế u ớt, cho dù họ là ai, mang triệt lý gì, vẫn cân phải tìm kiệm một hình tượng siêu nhiên nào đó để vịn dựa. Đố i với các dân tộc Địa Trung Hải, mỗi sức mạnh thiên nhiên là một vị thâ n: họ có thâ n đấ t, thâ n biển, thâ n mặt trăng, thâ n mặt trời, thâ n sông, thâ n núi... Còn người Do Thái giáo chỉ tôn thờ duy nhất một Thượng Đế là Đấ ng Tổ i Cao đã sáng tạo ra muôn loài. Đó là một Thượng Đế quyê `n uy, nghiêm khă ´c và đâ `y lòng vị tha. Trong khi các vị thâ `n trên đỉnh Olympus trong các truyện thâ n thoại Hy Lạp chỉ biế t ăn chơi và hưởng thụ thì khái niệm "Thượng Đế" của người Do Thái giáo được dùng để biểu hiện một thực thể vừa có tính sáng thế, vừa có nhân cách. Đấ ng Thượng Đế ấ y được mô tả như một hình tượng vừa đâ y quyê n năng, lại mang cả nhân cách vì có thể lă ng nghe tường tận những ý nguyện nơi con người.
- Người Do Thái giáo đã chăm sóc, giữ gìn, đã nuôi dưỡng lòng tin â´y, vào Thượng Đế´, cho đế´n tận ngày nay. Chính lòng tin â´y đã

gă´n kế´t dân tộc Do Thái thành một khố´i đoàn kế´t thố´ng nhấ´t, không bao giờ bị rạn nứt, không bao giờ bị bào mòn theo thời gian.

### 2. Ý nghĩa về sự sáng thế

• Nói vê sự sáng thế, người Hy Lạp tư duy rấ t mơ hô . Còn triế t học n Độ thì coi vật chấ t như một thực thể ô trọc, sự cứu rỗi chỉ đạt tới khi con người giải thoát linh hô n ra khỏi cái vỏ bọc cơ thể vật chấ t tạm bợ. Kinh Thánh Hebrew có cái nhìn khác. Mở đâ `u với lời tuyên ngôn rấ t rõ ràng: "Lúc khởi đâ `u Thượng Đế sáng tạo nên trời và đấ t..." và kế t thúc chương Sáng-thế Ký 1: "Thượng Đế thấ y mọi việc Ngài đã làm ra là **rấ t** tố t đẹp." Sự nhấ n mạnh vào từ "**rấ t**" này đã nâng tâ `m nhìn của người Do Thái giáo, và cả văn minh phương Tây, lên một tâ `ng cao mới, bao quát toàn bộ thế giới tự nhiên. Thậm chí khi chế t, người Do Thái giáo vẫn không có ý nghĩ từ bỏ thân thể; bởi lẽ người Do Thái giáo (và cả Kitô giáo, Hô `i giáo) luôn có lòng tin vững chắ c vào sự phục sinh của thân xác.

#### 3. Ý nghĩa về sự hiện hữu của con người

• Trong nhân sinh quan của con người, hình ảnh bản thân là một yế u tố vô cùng quan trọng. Con người tự biế t rấ t sâu sắ c về khả năng rấ t giới hạn của họ: so với thâ n thánh, con người chỉ là "cát bụi". Vì thế đánh giá được phẩm chấ t và giới hạn của chính mình là rấ t câ n thiế t trong ước vọng đạt tới sự hoàn thiện của bản thân. Một người hoàn hảo nế u bỏ đi tính nhu nhược sẽ trở nên thiế u tính hiện thực. Nế u bỏ đi sự cao quý thì khát vọng sẽ bị lu mờ. Nế u bỏ đi tội lỗi thì sự đa cảm sẽ không còn. Bỏ đi quyề n tự quyế t thì trách nhiệm sẽ bị thui chột. Cuố i cùng, nế u bỏ đi tình yêu thương thì linh hồ n không khác gì què quặt.

- Người Do Thái giáo, trong lịch sử trải dài 4000 năm, luôn khát khao tìm hiểu những tố chấ t của dân tộc mình, không phải vì những mục đích nghiên cứu học thuật. Họ muố n hiểu ngọn ngành bản sắ c của dân tộc mình, cả tố t và xấ u, để từ đó có thể phát huy cái đẹp tiê m ẩn trong mỗi con người đế n tố i đa, đế n một tâ ng cao mà ở đó trí tuệ Do Thái được tỏa sáng.
- Câu hỏi mà nhiệ u người vẫn thắ c mắ c rã ng tại sao người Do Thái lại đặc biệt thông minh và trí tuệ có lẽ đã được minh bạch.

### 4. Ý nghĩa về lịch sử

• Lịch sử có ý nghĩa hay không tùy thuộc vào thái độ của chúng ta vê trật tư xã hội cũng như sinh hoạt của cộng đô ng trong trật tự đó. Nê u chúng ta cho ră ng lịch sử không có ý nghĩa gì thì đương nhiên là các định chế chính trị, xã hội và văn hóa của cuộc số ng không có gì đáng để ta phải bận tâm. Người Do Thái, ngược lại, nhìn về lịch sử tuyệt không thờ ơ và coi lịch sử là vô cùng quan trọng. Đố i với người ´n Độ, số phận con người nă m ngoài lịch sử. Với các dân tộc láng giê ng xung quanh Israel, số phận con người ngược lại nă m trong lịch sử nhưng trong một định chế khô cứng vì họ cho ră ng trật tự xã hội không bao giờ thay đổi được theo qui luật của tự nhiên. Cách nhìn nhận về lịch sử của người Do Thái có khác biệt vì họ có ý tưởng riêng vê Thượng Đế . Với người Do Thái, ý muố n và quyê n năng của Thượng Đế sẽ vượt qua những gì đang xảy ra trong lịch sử. Trong cách tư duy â y, Do Thái giáo đã thành công khi tạo dựng được nê n tảng cho một lương tâm xã hội, một nê `n tảng rấ 't vững chặ c và linh hoat, đúng như định chuẩn của văn minh phương Tây. Trên nê n tảng đó, khi sự việc xảy ra không đúng như nó nên có, sự thay đổi là câ n thiế t, giố ng như một bộ máy hoàn hảo, rấ t năng động, có thể tư sửa chữa, tự hàn gắ n khi gặp trục trặc. Các nhà tiên tri Do Thái giáo chính là những kiế n trúc sư đã tạo ra mô hình như thế. Được những

giới luật bảo vệ, họ chính là lực lượng cải cách mà lịch sử không thể nào vượt qua.

#### 5. Ý nghĩa về đạo đức

- Có một học giả Mỹ nói ră `ng con người là những sinh vật của xã hội. Thiế 'u người khác, họ không đủ để trở thành con người. Tuy nhiên nế 'u có sự hiện diện của người khác thì họ lại thường hành xử rấ 't thô thiển. Thực tế 'hai mặt này dẫn đế 'n nhu câ `u vê `đạo đức.
- Đúng ra thì không ai thích luật lệ bấ t kể là luật lệ gì, nhưng nế u không có những ràng buộc về nguyên tắ c thì xã hội con người sẽ rố i tinh rố i mù và dễ dàng vượt ra ngoài vòng kiểm soát. Với hiểu biế t đó, người Do Thái đã biên soạn rấ t nghiêm túc luật lệ của họ nhã m qui định những ràng buộc tố i câ n thiế t cho đời số ng. Bố n trong Mười Điề u Răn đặt trọng tâm vào việc kiểm soát bố n khu vực nguy hiểm nhấ t trong quan hệ con người, đó là không giế t người, không ngoại tình, không làm chứng gian hại người và không chiế m đoạt tài sản người khác. So sánh với Phật giáo thì những giới luật này tương tự với Ngũ giới của Phật giáo không sát sinh, không trộm cấ p, không tà dâm, không nói dố i, không dùng chấ t gây nghiện. Đó phải chăng chính là sự tương đô ng thiêng liêng giữa các tôn giáo khác nhau: mặc dù có thể không giố ng nhau về triế t lý thầ n học, song các tôn giáo đề u hướng con người để n một đời số ng trong sạch, để n cái đẹp thánh thiện của cuộc số ng.
- Có thể nói tâ m quan trọng của Mười Điê u Răn trong phương diện đạo đức của Kinh Thánh Hebrew không phải là nă mở tính duy nhất mà là nă mở tính phổ quát của nó. Mười Điê u Răn không nói đế nhình phạt của các giới luật, mà nhấ n mạnh vào việc tuân thủ những giới luật đó.

### 6. Ý nghĩa về công lý

- Trong suố t hành trình lập quố c và hình thành Do Thái giáo, có thể nói các nhà tiên tri Do Thái đã đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc xây dựng một bệ đỡ công lý cho đấ t nước. Đây là nơi qui tụ những tinh hoa bậc nhấ t của dân tộc Do Thái. Moses là nhà tiên tri đứng một mình trong thế hệ tiên tri đâ u tiên. Tiế p theo sau là Elijah, Elisha, Nathan..., rô i sau là Amos, Hosea, Jeremiah, Isaiah và những người khác nữa.
- Tại sao lại nói vai trò của các nhà tiên tri rấ t quan trọng trong xã hội Do Thái giáo? Bởi vì một mặt nhà tiên tri được coi là người giao dịch trực tiế p mặt-đô i-mặt với Thiên Chúa, nhận những lời khuyên dạy và phán bảo của Ngài; mặt khác họ là những người chịu trách nhiệm thiế t kế cấ u trúc cho xã hội Do Thái, nhă m tạo nên một trật tự xã hội ổn định và hiệu quả nhấ t. Nguyên tắ c bấ t di bấ t dịch của các nhà tiên tri Do Thái là: luôn luôn đặt công lý lên trên hế t để đảm bảo sự ổn định chính trị của xã hội, bởi vì theo lẽ tự nhiên và công bă ng thì những bấ t công trong xã hội không được phép tô n tại. Nói về mặt thâ n học điê u này có thể hiểu là: Thượng Đế có chuẩn mực rấ t cao và tính thâ n thánh sẽ không bao giờ chấ p nhận cái xấ u và những điê u tâ m thường xảy ra trên đấ t nước của Ngài.
- Các nhà tiên tri Do Thái đế n từ các tâ ng lớp khác nhau, tuy nhiên họ đề u có một tiế ng nói chung dựa trên niề m tin ră ng mỗi con người, bởi đức hạnh của nhân loại, đề u là con của Thượng Đế, và do đó đề u có quyề n số ng, quyề n làm người mà bấ t cứ một ai, bấ t cứ một nhà câ m quyề n nào cũng phải tôn trọng.

#### 7. Ý nghĩa về sự thất bại và mất mát

• Từ thế kỷ 8 đế n thế kỷ 6 TCN, quố c gia Israel (ở phương Bắ c) và Judah (ở phương Nam) lung lay trước nạn ngoại xâm từ Syria,

Assyria, Ai Câp và Babylon. Người Do Thái giáo đứng trước hai lựa chọn: chấ p nhận thấ t bai hoặc đứng lên chố ng ngoại xâm. Với một lực lượng mỏng manh và không chuẩn bị sẵn sàng, người Do Thái chỉ còn chấ p nhận thấ t bại và chờ đợi Thượng Đế may ra sẽ giải cứu họ ở giây phút cuố i cùng. Nhưng kịch bản này đã không đế n, và thấ t bại đã không thể ngăn chặn. Năm 721 TCN, Assyria xóa số vương quô c phương Bă c của Canaan vĩnh viễn khỏi bản đô thế giới. Quố c gia phương Nam Judah kéo dài tuổi thọ tới năm 587 TCN trong sự lệ thuộc vào người Assyria rô i cuố i cùng cũng bị các đạo quân xâm lăng Babylon hủy diệt vào năm 568 TCN. Dân Do Thái và những người câ m đâ u vương quố c Judah bị đày sang Babylon làm nô lệ. Nế u có một thời điểm nào đó trong lịch sử Do Thái giáo mà mọi ý nghĩa dường như can kiệt thì chính là lúc này. Người Do Thái giáo quă n quại trong đau khổ và tuyệt vọng. Đức tin của dân Do Thái đã trải qua một cuộc thử thách nặng nê khi họ chứng kiế n cảnh Đê n Thờ bị tàn phá và bị lưu đày sang Babylon. Các nhà tiên tri giải thích ră ng đây là một hình phạt vê tội bấ t trung với Giao ước, đã được cảnh báo nhiệ u là n. Không phải là Thiên Chúa bỏ rơi người Do Thái, nhưng là người Do Thái đã bỏ Ngài, khi họ tìm sự nương tựa nơi các thể lực ngoại bang và ngay cả khi việc thờ phụng của họ dường như chỉ mang tính chấ t hình thức trố ng rỗng.

• Thế nhưng trong hoàn cảnh hâ `u như tuyệt vọng â ´y, các tiên tri thời lưu đày vẫn tiế ´p tục đào sâu hơn khía cạnh bê `n bỉ của niê `m tin vào Thiên Chúa: tin không những có nghĩa là giữ vững lòng tin tưởng kể cả lúc gặp thử thách, tin còn có nghĩa là hy vọng ngay trong những hoàn cảnh trái ngược. Các tiên tri nhắ ´c nhở dân Do Thái hãy bì nh tâm tín thác vào Thiên Chúa: Thiên Chúa là đá tảng của sự tin cậy. Nế ´u không làm được điê `u này có nghĩa là người Do Thái đã mặc nhiên chấ ´p nhận một logic là thượng đế ´ của kẻ thắ ´ng mạnh hơn thượng đế ´ của kẻ bại, cũng có nghĩa là dâ ´u chấ ´m hế ´t cho lòng tin vào Thiên Chúa và cũng là dâ ´u chấ ´m hế ´t cho dân tộc Do Thái.

- Các nhà tiên tri Do Thái đã từ chố i logic đó và chính sự từ chố i đó đã cứu vớt tương lai cho đấ t nước Do Thái. Một vị tiên tri Do Thái giáo vào thế kỷ 6 đã ghi lại rã ng thượng đế của người Babylon Marduk đã không thể đánh bại được Đức Jehovah; và lịch sử vẫn thuộc về vương quố c của Ngài. Đức Jehovah muố n người Do Thái giáo phải học bài học từ thấ t bại và lưu đâ y, nhưng trải nghiệm của họ sẽ cứu chuộc cho cả thế giới. Đó là bài học về giá trị thực sự của tự do, cái giá trị mà người Do Thái trước đây và rấ t nhiê u dân tộc khác chưa từng thấ u đáo và đã ngộ nhận với con mặ t quá dễ dãi. Qua bài học â y, người Do Thái giáo đã thực sự biế t phải làm gì để tự mình vượt qua những gian khó, giành lấ y tự do và độc lập cho dân tộc.
- Có thể nói, qua những thấ t bại và mấ t mát mà người Do Thái đã trải qua, Thượng Đế đã thắ p sáng trong lòng họ niề m khát khao cháy bỏng cho tự do và công lý, và ngọn lửa đó đã lan tỏa đế n cho toàn thể nhân loại.

#### DO THÁI GIÁO NGÀY NAY

Israel là một nước nhỏ, cả về diện tích địa lý lẫn dân số, nhưng khát vọng và tư cách của họ thì vĩ đại và cháy bỏng.

Năm 70 CN, người La Mã đã phá hủy Jerusalem và san bà ng Đê n Thờ Jerusalem mà người Do Thái đã xây dựng lại lâ n thứ hai sau khi quay trở vê từ cuộc lưu đày ở Babylon. Cũng từ thời điểm này, người dân Do Thái bắ t đâ u cuộc số ng lưu vong gâ n 2000 năm. Từ đây, Do Thái giáo dâ n dâ n dịch chuyển trọng tâm từ lễ nghi cúng tế của Đê n Thờ Jerusalem sang việc nghiên cứu học tập Kinh Thánh Torah và câ u nguyện tại các Hội đường Do Thái trên những mảnh đấ t mà họ cư ngụ. Việc thực hiện các buổi câ u nguyện như thế được các rabbi điề u hành. Trong suố t 2000 năm đã ng đẳng lưu đày, chính các rabbi - những tinh hoa tri thức của dân tộc Do Thái - luôn

xuấ t hiện từ thế hệ này qua thế hệ khác là những người đã kiên tâm lặng lẽ giữ gìn những giá trị truyề n thố ng của Do Thái giáo và giúp các cộng đô ng Do Thái giáo gặ n kế t thành một sức mạnh thâ n thánh. Suố t 2000 năm! Có thể nói nỗ lực không biế t mệt mỏi này của các rabbi là một trong những điể u kì diệu của lịch sử và chính nó là nhân tố cơ bản giúp Do Thái giáo trở thành mảnh đấ t tinh thâ n vững chặ c trên đó đấ t nước Israel đã được xây dựng và nở hoa cho để n ngày nay.

Nế u Giao ước giữa Abraham và Thượng Đế mang đế n cho người Do Thái lòng tin là "Dân tộc được Chúa chọn"; Nế u Moses, Mười Điề u Răn và Kinh Torah là đá tảng trong việc đặt một nề n móng tâm linh cho đấ t nước Israel ổn định và vững chắ c ngày nay; Nế u người La Mã phá hủy Đề n Thờ thứ hai vào năm 70 CN và từ thời điểm này Do Thái giáo chuyển dịch từ một tín ngưỡng dựa trên nghi lễ hiế n tế thành một tôn giáo lấ y giáo dục là chuẩn mực; thì những nỗ lực của các rabbi đã giúp giữ gìn niề m tin, lê luật, và những giá trị truyề n thố ng của Do Thái giáo được "thuâ n khiế t" trong suố t 2000 năm lưu lạc. Đây là những điểm sáng trong lịch sử hình thành nên văn hóa, trí tuệ, bản sắ c của người Do Thái và là bệ đỡ vững chắ c cho Nhà nước Israel hiên đại ngày nay.

Vào đâ`u thế´ kỷ 21, một trong những nhiệm vụ chủ yế´u của Do Thái giáo là tiế´p tục tìm hiểu ý nghĩa của cuộc Đại Thảm Sát Holocaust đã lấ´y đi sáu triệu mạng người dân Do Thái. Phải chăng là Chúa đã chế´t đố´i với người Do Thái, hay Chúa đã quay lưng lại với người Do Thái, hay họ đã bị trừng phạt vì tội gì chăng? Những câu hỏi này và nhiê`u câu hỏi khác đã được đặt ra cho các nhà tư tưởng Do Thái giáo hiện đại.

Ngày nay dân số Israel tính tới đâ u năm 2014 là 8.180.000 người, trong đó người Do Thái chiế m 6.110.600 người. Số còn lại gồ m người Hồ i giáo, Kitô giáo, Samaria và Druze. Ngôn ngữ chính

thức là tiế ng Hebrew, và lịch sử Kinh Thánh được dùng trong trường học để dạy cho trẻ em như là câu chuyện trường thiên của dân tộc.



Nguô`n: http://www.pacraig.com/historical-site-of-the-wailing-wall.html/wailing-wall-live-camimage

Câ`u nguyện tại Bức tường phía Tây (Western Wall - Wailing Wall) của Jerusalem

## PHỤ LỤC 1 - CÁC CỘT MỐC THỜI GIAN

- 3760 TCN: Bắ t đâ u lịch Do Thái
- 1812 TCN: Ngày sinh theo truyề n thố ng của Abraham.
- 1300 TCN: Moses dẫn người Do Thái chạy trố n khỏi Ai Cập về Miề n Đấ t Hứa (Exodus). Trên đường đi, Moses nhận Mười

Điề u Răn của Thiên Chúa tại núi Sinai, Ai Cập.

- 1200-400 TCN: Giai đoạn Kinh Torah được biên soạn.
- 1000-586 TCN: Thời gian áng chừng của các vương quố c Israel theo kinh thánh.
- 1025 TCN: Người Do Thái thành lập vương quố c Israel, trị vì bởi Saul.
- 1003 TCN: David trở thành vua của Israel, lấ y Jerusalem làm thủ đô.
- 960 TCN: Solomon nô i ngôi David và bă t đâ u qui hoạch xây dựng lại Jerusalem.
- 922 TCN: Vương quố c Israel bị chia thành Israel ở phương Bắ c và Judah ở phương Nam. Jerusalem trở thành thủ đô của Judah.
- 825 TCN: Đề `n Thờ Jerusalem được hoàn thành.
- 721 TCN: Người Assyria xâm lược Israel và trục xuấ t 10 bộ tộc người Do Thái.
- 625 TCN: Đế quố c Assyria bị liên minh của Đế quố c Babylon và Đế quố c Median tiêu diệt.
- 586 TCN: Vua Nebuchadrezzar II của Babylon phá hủy Đề n thờ của Solomon và bắ t dân Do Thái về Babylon làm nô lệ. Kế t thúc thời kỳ Đề n Thờ thứ nhấ t [825 TCN - 586 TCN].
- 538 TCN: Đại đế Cyrus của Ba Tư tiêu diệt Đế quố c Babylon và cho phép người Do Thái trở về Jerusalem. Một số người lựa chọn không trở về : bắ t đâ u thời kỳ Cộng đô ng Do Thái Diaspora.

- 538 TCN: Sau khi trở về từ Babylon, các học giả Do Thái bắ t đầ u sử dụng chữ viế t Aramaic để viế t chữ Hebrew.
- 515 TCN: Khánh thành Đê`n Thờ Jerusalem xây dựng lâ`n thứ hai. Bắ t đâ`u thời kỳ Đê`n Thờ thứ hai.
- 500 TCN: Kinh Torah trở thành kinh sách căn bản của Do Thái giáo, đặt ra những lê luật cho đời số ng hàng ngày, giữ gìn văn hóa và lễ nghi Do Thái.
- 63-65 CN: Đại giáo chủ của phái Pharisees Joshua Ben Gamla ban hành sắ c lệnh tôn giáo "takkanah" yêu câ `u tâ ´t cả các ông bố ´ Do Thái phải gửi con trai 6-7 tuổi tới trường tiểu học.
- 63: Quân La Mã xâm lược Israel.
- 66: Các đội quân La Mã đụng độ với người Do Thái ở Jerusalem, khởi đâ`u cho cuộc Đại khởi nghĩa của người Do Thái.
- 70: Quân La Mã đánh chiế m Jerusalem và san bà ng Đề n Thờ. Người Do Thái di cư khắ p Đế quố c La Mã. Kế t thúc thời kỳ Đề n Thờ thứ hai [515 TCN - 70 CN].
- 200: Sách Mishna hoàn thành.
- 500: Sách Talmud (Pháp điển) của Babylon hoàn thành. Thời kỳ thế kỷ 3-5 gọi là thời kỳ Talmud.

# PHỤ LỤC 2 - DÂN SỐ DO THÁI TRÊN THẾ GIỚI (20 NƯỚC VỚI DÂN SỐ CAO NHẤT)

Dân số Do Thái nòng cố t của thế giới vào đâ u năm 2013 ước tính là 13,9 triệu người (khoảng 0,2% dân số thế giới). Trong khi hàng chục quố c gia có ít nhấ t một dân số nhỏ người Do Thái, cộng đô ng Do Thái tập trung chủ yế u ở một số ít quố c gia như: Israel và Hoa Kỳ chiế m 82% dân số Do Thái, trong khi tổng cộng 18 quố c gia chiế m 98%.

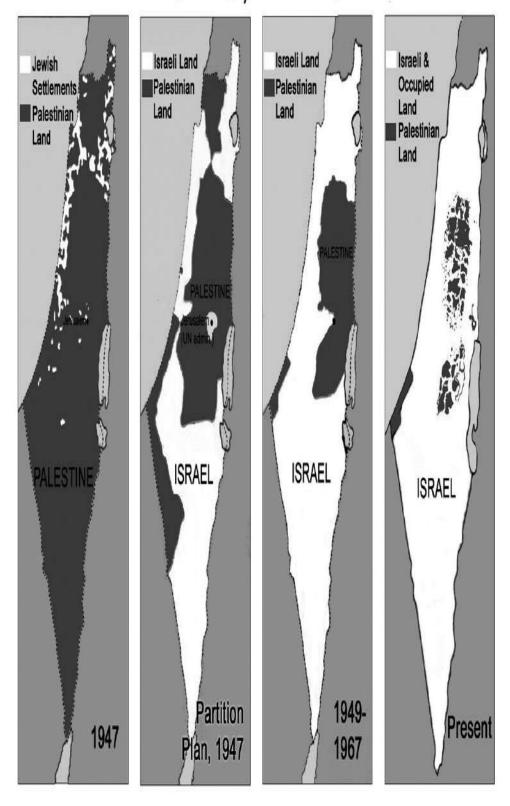
Với chỉ hơn 6 triệu người Do Thái, Israel là quố c gia với phâ n lớn là người Do Thái và duy nhấ t là nhà nước Do Thái. Số liệu dân số của người Do Thái ở Hoa Kỳ đang tranh cãi, dao động từ 5,4 và 6,8 triệu.

Quốc gia	Dân số Do Thái nòng cốt <sup>1</sup>	Tỷ lệ dân số toàn quốc	Dân số Do Thái mở rộng²	Tỷ lệ dân số toàn quốc
Toàn thế giới	13,859,800	0,196%	18,437,400	0,257%
Hoa Kỳ	5,400,000 - 6,800,000	2,11%	8,300,000	2,644%
• Israel	6,180,300	75,4%	6,332,900	79,394%
○ EU	1,105,700	0,22%	1,574,300	0,313%
Pháp	478,000	0,751%	600,000	0,943%
<b>I</b> ◆ <b>I</b> Canada	380,000	1,089%	500,000	1,433%
Anh	290,000	0,459%	360,000	0,57%
	190,000	0,133%	380,000	0,266%
Argentina	181,500	0,445%		-
Đức	119,000	0,144%	250,000	0,305%
Brazil	107,329	0,049%	-	-
Australia	112,000	0,3%[19]	-	-
Ukraine	67,000	0,143%	400,000	0,286%
Nam Phi	70,000	0,137%	-	-
• Mexico	67,476	0,034%	-	-
Hungary	48,000	0,485%	95,000	0,96%
Bi	30,000	0,27%	40,000	0,36%
Hà Lan	29,900	0,179%	50,000	0,299%
<b>■</b> Italy	28,100	0,046%	37,000	0,061%
Chile	18,500	0,106%	7.	-
Thụy Sĩ	17,400	0,218%	25,000	0,313%

# CHƯƠNG III NHỮNG XUNG ĐỘT, HIỆP ƯỚC VÀ TIẾN TRÌNH HÒA BÌNH



# Israel Map over times



 $Ngu\^o n: https://fasttimesinpalestine.files.wordpress.com/2009/10/four-panel-map.jpg$ 

#### TÓM LƯỢC

Cuộc xung đột Israel-Palestine bắ t nguô n từ tranh chấ p vê đấ t đại mà người Do Thái khiế u nai theo như quyề n thừa kế trong Kinh Thánh và của người Palestine đang tìm kiế m quyề n tự quyế t của mình. Tình trang căng thẳng này giữa người Israel và người Palestine và các nước láng giê ng Ả Rập khởi nguô n từ những ngày cuố i thế kỷ 19 sang đầ u thế kỷ 20 khi người Do Thái lưu vong bă t đâ u di cư với số lượng đáng kể vê lại đấ t tổ Palestine, khi đó còn dưới sự cai trị của Đế quố c Ottoman (cho đế n 1917) tiế p theo là chế độ ủy trị<sup>(1)</sup> Anh quố c (1917-1948). Đó là thời kỳ được đánh dấ u bởi sự ra đời của hai phong trào dân tộc lớn của người Do Thái (Zionism - Chủ nghĩa Zion hay Chủ nghĩa Phục quố c Do Thái) và người Ả Rập (Chủ nghĩa Dân tộc Ả Rập). Cả hai đề u hướng để n việc tranh giành chủ quyề n dân tôc tại Trung Đông. Ngoài lý do tranh chấ p về đấ t đai, khác biệt về tôn giáo cũng là một lý do khác không thể bỏ qua. Vị trí địa lý của Israel là một nghịch cảnh: một đấ t nước nhỏ với 8 triệu dân (theo số liệu thố ng kê 2014) trong đó 6 triệu người Do Thái giáo, vậy quanh là xấ p xỉ 300 triệu người láng giê ng Ả Rập Hô i giáo đâ y thù hận, lúc nào cũng sẵn sàng hủy diệt và xóa tên Israel khỏi bản đô thế giới.

Mặc dù Chủ nghĩa Zion hiện đại - ý tưởng về một quê hương đấ t nước của người Do Thái ở Palestine – mới chỉ bắ t đã u vào cuố i thế kỷ 19, Vùng đấ t Israel vẫn luôn là tâm điểm trong ý thức của người Do Thái kể từ khi người Do Thái lưu vong gâ n 2000 năm trong thời gian Kinh Thánh. Tại Palestine, cộng đô ng nhỏ người Do Thái số ng hòa bình bên cạnh người Hô i giáo và Kitô giáo Ả Rập trong nhiê u thế kỷ. Nhưng những thế kỷ bài Do Thái ở châu Âu, mà đỉnh cao là Holocaust của Đức Quố c Xã đã lấ y đi sáu triệu mạng người Do Thái

trong Thế´ Chiế´n II, đã dẫn đế´n gia tăng áp lực về` một mảnh đấ´t quê hương cho người Do Thái. Tháng Mười Một năm 1947, Đại hội đô `ng Liên Hợp Quố´c đã thông qua một kế´ hoạch phân chia vùng Palestine, sau khi chế´ độ ủy trị của Anh chấ´m dứt trên mảnh đấ´t này, thành hai nhà nước Ả Rập Palestine và Do Thái. Tháng Năm năm 1948, người Do Thái ở Palestine tuyên bố´ thành lập Nhà nước Israel độc lập. Về `phâ`n nhà nước Ả Rập Palestine, do xung đột kéo dài, phải đế´n tháng Năm năm 1994, sau Hiệp định Oslo, chính quyề `n Palestine (tự trị) đứng đâ`u là Yasser Arafat mới được thành lập trên hai vùng đấ´t tách biệt: Bờ Tây và dải Gaza. Hai bộ phận này của lãnh thổ Palestine, Bờ Tây và dải Gaza, trên thực tế´, là hai vùng đấ´t cách nhau khoảng 45 km. Bờ Tây nă`m giữa Jerusalem, từ lâu đã được tuyên bố´ là thủ đô của cả Palestine và Israel, và Jordan về `phía Đông. Dải Gaza là một dải đấ´t nhỏ dọc theo bờ biển Địa Trung Hải phía Tây của Israel.

Vài giờ sau khi Israel tuyên bố độc lập, năm quố c gia Ả Rập là Ai Cập, Syria, Iraq, Jordan và Lebanon ngay lập tức liên minh tấ n công Israel, và trong cuộc xung đột tiế p theo, khiế n khoảng 750.000 người Palestine đã phải chạy trố n hoặc bị buộc phải rời bỏ nhà cửa của họ. Ngược lại, một số lượng tương tự người Do Thái di cư về Israel cũng bỏ lại nhà cửa của họ ở các nước Ả Rập vì lo ngại về một phản ứng dữ dội của các nước Ả Rập đang chờ đợi họ.

Nhiê `u người Do Thái đã nhìn thấ y sự thành lập Nhà nước Israel là hiện thân của khát vọng lâu đời của họ đố i với một vùng đấ t của riêng mình, nhưng đố i với người Palestine mấ t nhà cửa và đấ t đai vào năm 1948 được gọi là một thảm họa - "al Nakba".

Một làn sóng thứ hai của người Palestine đã được di dời trong cuộc chiế n tranh sáu ngày 1967 khi Israel đố i đâ u với liên minh Ai Cập, Jordan, Syria và Iraq. Israel đã giành chiế n thắ ng tuyệt đố i sau sáu ngày giao tranh, chiế m được Bờ Tây - bao gồ m cả Đông

Jerusalem - cũng như dải Gaza, Bán đảo Sinai và Cao nguyên Golan. Ước tính có khoảng 500.000 người Palestine chạy trố n, theo Liên Hợp Quố c, phâ n lớn để n Ai Cập, Syria, Lebanon và Jordan.

Tổ chức cứu trợ của Liên Hợp Quố c cho người tị nan Palestine tại Cân Đông (UNRWA) bắ t đâ u hoat đông vào năm 1950, ban đâ u là một giải pháp tạm thời với cuộc khủng hoảng nhân đạo do bởi những người tị nạn mới. Ngày nay, cơ quan này là cơ quan chính đáp ứng nhu câ u của người tị nạn Palestine ở Bờ Tây và dải Gaza, Lebanon, Jordan và Syria với các dịch vụ cơ bản như giáo dục, y tế và dịch vụ xã hội. Riêng ở Bờ Tây và dải Gaza, hơn 50% người Palestine số ng ở đây -2,2 triệu người - là người ti nan, nhiệ u người số ng trong các trai ti nạn chật chội. Cuộc số ng ở các vùng lãnh thổ Palestine càng trở nên tô i tệ trong những năm gâ n đây và khó khăn kinh tế đã làm đời số ng ở các khu vực này thêm năng nê. Các lê u trai tam thời của những trại tị nạn thời kỳ đâ u tiên dâ n dâ n nhường chỗ cho những tòa nhà bê tông dùng cho các trại hiện nay vì rõ ràng ră ng không ai có thể nhìn thấ y một giải pháp nào tố t hơn trong tương lai cho hoàn cảnh của những người tị nạn. Tình trạng vệ sinh, bệnh tật,... của người ti nan Palestine trở thành những mố i quan tâm rấ t lớn cho công đô ng thể giới.

Tình trạng của những người tị nạn là một vấ n đề quan trọng trong các cuộc đàm phán hòa bình, với nhiề u người Palestine tuyên bố "Quyê n Hô i hương" (ROR - Right of Return) – tức là quyê n quay trở lại ngôi nhà của mình mà bây giờ thuộc về Israel. Một số người Palestine vẫn còn giữ chìa khóa ngôi nhà gia đình họ bị mấ t vào năm 1948.

"Quyê`n Hô`i hương" của người Palestine, theo luật quô´c tế´, khẳng định ră`ng người tị nạn Palestine, bao gô`m cả những người tị nạn thê´ hệ đâ`u tiên (khoảng 50.000 người tính đế´n năm 2012) và con cháu của họ (khoảng 5 triệu người tính đế´n năm 2012), có

quyê `n hô `i hương, và hưởng quyê `n tài sản của bản thân hoặc tổ tiên của họ đã để lại tại Israel và các vùng lãnh thổ Palestine, do kế t quả của cuộc ra đi của người Palestine vào năm 1948, cũng như trong cuộc chiế ´n 1948 và chiế ´n tranh sáu ngày năm 1967. Israel lo ngại ră `ng đô `ng ý Quyê `n Hô `i hương này sẽ là thảm hoạ cho Israel, nguyên do là do tỷ lệ sinh đẻ cao hơn của người Palestine sẽ dẫn đế ´n tình trạng là dân số ´ Palestine sẽ mau chóng vượt quá dân số ´ Do Thái. Nế ´ u vậy thì trong tương lai không xa đấ ´t Israel sẽ trở thành của người Palestine chứ không còn là của người Do Thái nữa.

Vê phía Israel, "Luật Hô i hương" (Law of Rerurn) của Israel, thông qua ngày 5 tháng Bảy năm 1950, cho người Do Thái quyê nhô i hương, quyê nsố ngở Israel và quyê ncông dân. Năm 1970, quyê nhập cảnh và định cư đã được mở rộng cho những người dân có tổ tiên gố c Do Thái, và người phố i ngẫu của họ. Như thế "Luật Hô i hương" của Israel cho phép bấ t cứ ai có ít nhấ t một ông hay bà là người Do Thái được định cư ở Israel và có quyê ncông dân. Tuy nhiên, theo luật công dân này, những người Palestine kế thôn với người Ả Rập Israel bị từ chố i cư trú tại Israel.

Nhiê `u cuộc xung đột, chiế ´n tranh đã nổ ra giữa Israel và các nhóm Hô `i giáo Palestine và các quố ´c gia Hô `i giáo Ả Rập láng giê `ng từ năm 1948 cho đế ´n nay, bắ ´t nguô `n từ những xung đột vê `đấ ´t đai và tôn giáo lẻ tẻ trong phạm vi địa phương trên vùng đấ ´t Palestine ủy trị của Anh quố c hô `i đâ `u thế ´ kỷ 20, rô `i bùng nổ thành thù địch toàn diện giữa Israel và khố ´i Ả Rập và trở thành "điểm nóng" của thế ´ giới sau khi Israel tuyên bố ´ độc lập vào năm 1948. Chiế ´n tranh xảy ra đa dạng dưới nhiê `u hình thức với quân đội chính qui, các nhóm bán quân sự, các đơn vị khủng bố ´ và cá nhân. Thương vong không chỉ hạn chế ´ cho quân đội mà với một con số ´ tử vong lên đế ´n hàng vạn thường dân của cả hai phía. Xung đột tiế ´p tục không ngừng cho đế ´n nay ở các mức độ khác nhau với năm cuộc chiế ´n lớn và rấ ´t nhiê `u những xung đột nhỏ. Nó cũng dẫn đế ´n hai

cuộc nổi dậy (gọi là Intifada) của người Palestine trên dải Gaza và Bờ Tây. Từ cuố i năm 2008, Israel đã tiế n hành ba chiế n dịch quân sự qui mô lớn (2008, 2012, 2014) ở Gaza với mục đích làm suy yế u lực lượng Hamas và chấ m dứt Hamas bắ n tên lửa sang đấ t Israel. Gâ n đây nhấ t là vào tháng Bảy năm 2014.

Bạo lực của cuộc xung đột Israel-Palestine, trong một khu vực thấ m đẫm lịch sử, văn hóa và tôn giáo, đã trở thành đố i tượng của rấ t nhiề u hội nghị quố c tế liên quan với quyề n lịch sử, an ninh và nhân quyề n. Nhiề u nỗ lực của cộng đô ng quố c tế cũng như hai phía Israel và Palestine nhà m chấ m dứt cuộc xung đột. Cho để n nay dường như không có một giải pháp nào có thể gọi là khả thi.

Sau cuộc chiế n sáu ngày năm 1967, đã có những cải thiện đạt được trong tiế n trình hòa bình lâu dài và hòa giải chung của Israel với Ai Cập và Jordan. Sau Hiệp ước Trại David năm 1978 được ký kế t giữa Tổng thố ng Ai Cập Anwar Sadat El và Thủ tướng Israel Menachem Begin, Hiệp ước Hòa bình Ai Cập-Israel cuố i cùng đã được ký vào tháng Ba năm 1979. 15 năm sau, Hiệp ước Hòa bình Jordan-Israel cũng được ký kế t năm 1994. Biên giới giữa Israel với Ai Cập và Jordan vẫn yên tĩnh từ đó cho đế n ngày nay, không bên nào vi phạm hiệp ước. Biên giới phía Bắ c của Israel với Lebanon và Syria sau cuộc chiế n Lebanon 2006 thỉnh thoảng vẫn còn có những xung đột nhỏ.

Nan giải vẫn là xung đột Israel-Palestine trên các vùng đấ t Palestine ở Bờ Tây và dải Gaza. Hiệp định Hòa bình Oslo I vào năm 1993 đã giúp đưa hai phía Israel và Tổ chức Giải phóng Palestine (PLO) lâ n đâ u tiên vào bàn hội nghị, dẫn đế n việc thành lập chính quyê n Quố c gia Palestine như là một "chính quyê n tự trị lâm thời 5-năm" trên lãnh thổ Palestine (dải Gaza và Bờ Tây), do Yasser Arafat làm tổng thố ng. Tuy nhiên những đàm phán tiế p theo vê "tình trạng cuố i cùng" (fnal status), với hàm ý một "Nhà nước Palestine" độc lập, gặp rấ t nhiê u trục trặc và ngưng trệ cho để n tận ngày nay. Cho để n thời điểm hiện tại 2014, Israel và Palestine vẫn không đạt được một thỏa thuận hòa bình cuố i cùng trên mảnh đấ t Palestine. Các vấ n đề quan trọng còn tố n tại là: công nhận lẫn nhau, biên giới, an ninh, quyề n lãnh hải, việc kiểm soát Jerusalem, khu định cư của Israel, quyề n tự do trong các hoạt động của người Palestine, và giải quyề t các khiế u nại của người Palestine về "Quyề n Hồ i hương" cho người tị nạn.

Ngay từ những năm đâ`u thế kỷ 20, thế giới các nước Hô`i giáo Ả Rập không ngừng phản đố i việc thành lập một quố c gia Do Thái ở Palestine, và tìm cách đánh bại hoặc gây suy yế u Israel bă ng các cuộc tấ n công quân sự, chiế n tranh khủng bố hay cấ m vận toàn diện. Tranh chấ p về đấ t đai và sự thù nghịch mang nặng màu sắ c tôn giáo của các nước Ả Rập Hô`i giáo đố i với Israel đã châm ngòi cho những bấ t ổn chính trị cho cả khu vực Trung Đông kéo dài cho để n ngày nay. Nhưng cũng chính sự thù nghịch ấ y là một thách thức số ng còn cho dân tộc Israel, đẩy họ vào một vị thế buộc phải sử dụng tấ t cả những tinh túy nhấ t chấ t lọc từ 4000 năm lịch sử để số ng, để tô n tại.

### NHỮNG QUAN ĐIỂM VỀ TIẾN TRÌNH HÒA BÌNH

Tiế n trình hòa bình trong cuộc xung đột Israel-Palestine đã bắ t đâ `u hình thành trong những năm qua mặc dù bạo lực đang diễn ra vẫn thá ng thế kể từ những ngày đâ `u của cuộc xung đột. Từ những năm 1970 đã có một nỗ lực song song được thực hiện để tìm kiế m những tiê `n đê `nhờ đó hòa bình có thể đạt được trong cả hai cuộc xung đột Ả Rập-Israel và Palestine-Israel. Một số ´quố ´c gia Ả Rập đạt được hiệp ước hòa bình với Israel, như Hiệp ước Hòa bình Ai Cập-Israel (1979) và Hiệp ước Hòa bình Jordan-Israel (1994), trong khi

một số nước vẫn chưa tìm thấ y một tiế ng nói chung với Israel để làm như vậy.

William B. Quandt, một học giả Hoa Kỳ, trong phâ n giới thiệu của cuố n sách "Tiế n trình Hòa bình" của mình, nói:

"Giữa những năm 1970, thuật ngữ 'tiế n trình hòa bình' đã được sử dụng rộng rãi để mô tả những nỗ lực do Mỹ đứng đâ u để mang lại một nê n hòa bình qua đàm phán giữa Israel và các nước láng giê ng. Cụm từ bị mắ c kẹt, và kể từ đó nó đã được đô ng nghĩa với cách tiế p cận dâ n, từng bước để giải quyế t một trong những xung đột rắ c rố i nhấ t trên thế giới..."

Kể từ Lộ trình Hòa bình 2003, những phác thảo hiện tại cho một thỏa thuận hòa bình giữa Palestine-Israel là một giải pháp hai nhà nước (two-state solution).

#### Quan điểm của Palestine

Palestine có những quan điểm và nhận thức khác nhau về tiế n trình hòa bình. Điểm khởi đâ u quan trọng để hiểu được những quan điểm này là việc nhận thức những mục tiêu khác nhau của những người ủng hộ sự nghiệp của người Palestine. Nhà sử học Israel Ilan Pappe của nhóm "New Historians" cho biế t nguyên nhân của cuộc xung đột từ quan điểm của người Palestine là thời điểm thành lập Nhà nước Israel năm 1948 (chứ không phải là quan điểm của Israel cho ră ng năm 1967 là thời điểm mấ u chố t và sự trả lại những vùng lãnh thổ bị chiế m đóng là tâm điểm của những đàm phán hòa bình), và, theo quan điểm của người Palestine, xung đột là phương thức đấ u tranh để mang lại cho người tị nạn một Nhà nước Palestine. Vì vậy đố i với một số người thì đây là lựa chọn duy nhấ t trong khi theo đuổi tiế n trình hòa bình, và các nhóm cực đoan như Hamas rấ t ủng hộ quan điểm như thế . Tuy nhiên quan điểm "maximalist" cực đoan này, tức là tiêu diệt Israel để giành lại những vùng đấ t của người Palestine, một quan

điểm mà Arafat và PLO định ra từ ban đâ ù, đã liên tục được tiế t chế từ cuố i những năm 1960 trở đi để chuẩn bị cho việc đàm phán và thay vì thế tìm kiế m một giải pháp thỏa hiệp hai nhà nước. Hiệp định Oslo đã chứng minh việc công nhận sự chấ p nhận này của lãnh đạo Palestine về quyề n tô n tại của Nhà nước Israel để đổi lấ y việc rút quân đội Israel khỏi dải Gaza và Bờ Tây. Tuy nhiên có những chủ đề ẳn hiện thường xuyên trong suố t những đàm phán tiế n trình hòa bình bao gồ m một cảm giác ră ng Israel đã chịu nhường nhịn quá ít, mố i ngờ vực về các hành động và động cơ của họ. Tuy nhiên, yêu câ ù về "Quyề n Hô i hương" cho người tị nạn Palestine về lại Israel vẫn là một nề n tảng trong quan điểm của người Palestine và đã nhiê ù lâ n được đề ra bởi Tổng thố ng Palestine Mahmud Abbas, người đạng dẫn đâ ù Palestine trong các nỗ lực hòa bình đề ra.

#### Quan điểm của Israel

Có một số quan điểm khác nhau của Israel về tiế n trình hòa bình. Chương I Tổng Quan về Israel đã trình bày khái quát về các quan điểm của phe chính trị cánh tả, cánh hữu và phe trung tâm cùng với sự tiế n triển của tiế n trình hòa bình. Quan điểm chính thức của Nhà nước Israel là hòa bình phải được đàm phán trên cơ sở từ bỏ một số quyề n kiểm soát tại các vùng lãnh thổ bị chiế m đóng để đổi lấ y một điểm dừng cho cuộc xung đột và bạo lực. Israel khẳng định ră ng Tổng thố ng Palestine Mahmoud Abbas là đố i tác đàm phán của mình về hòa bình. Israel không chấ p nhận đàm phán với Hamas do tính cách cực đoan và các cuộc tấ n công khủng bố không ngừng của Hamas đố i với thường dân Israel. Hiệp định Oslo, cùng các cuộc đàm phán Hội nghị Thượng đỉnh Trại David năm 2000 cho thấ y khả năng của một hệ thố ng hai nhà nước được lãnh đạo Israel chấ p nhận như một giải pháp hòa bình có thể.

Tuy nhiên, mức độ bạo lực của phong trào Intifada lâ n thứ hai và sự thành công chính trị của Hamas đã thuyế t phục nhiê u người

Israel ră ng hòa bình và đàm phán là không thể và một hệ thố ng hai nhà nước không phải là câu trả lời. Nhóm bảo thủ tin ră ng Israel nên sáp nhập toàn bộ lãnh thổ Palestine, hoặc ít nhấ t là tấ t cả trừ dải Gaza. Israel xem tiế n trình hòa bình gâ n như bấ t khả thi do sự đe dọa khủng bố của các nhóm Hô i giáo cực đoan và do không tin tưởng lãnh đạo Palestine có thể duy trì kiểm soát được tình hình. Một chủ đề phổ biế n trong suố t tiế n trình hòa bình là cảm giác ră ng người Palestine nhượng bộ quá ít trong lời mời gọi hòa bình của họ.

#### Quan điểm của Hoa Kỳ

Có nhiê `u quan điểm khác nhau vê `tiế ´n trình hòa bình theo cách nhìn của các quan chức, các công dân và các nhóm vận động hành lang Hoa Kỳ. Tấ ´t cả các tổng thố ´ng gâ `n đây của Hoa Kỳ đề `u duy trì một chính sách ră `ng Israel phải từ bỏ một số ´vùng đấ ´t mà họ đã giành được trong Cuộc chiế ´n 1967 để đạt được hòa bình; ră `ng người Palestine phải tích cực ngăn chặn chủ nghĩa khủng bố ´; và ră `ng Israel có quyê `n tô `n tại một cách vô điề `u kiện. Các Tổng thố ´ng George W. Bush, Bill Clinton công khai ủng hộ việc thành lập một nhà nước Palestine mới trên các vùng lãnh thổ Palestine hiện nay, dựa trên ý tưởng vê `quyê `n tự quyế ´t cho người dân Palestine, và Tổng thố ´ng Barack Obama đã tiế ´p tục chính sách đó. Ngoại trưởng Hoa Kỳ Hillary Clinton cho ră `ng hòa bình chỉ có thể đạt được thông qua các cuộc đầm phán song phương trực tiế ´p giữa người Israel và người Palestine.

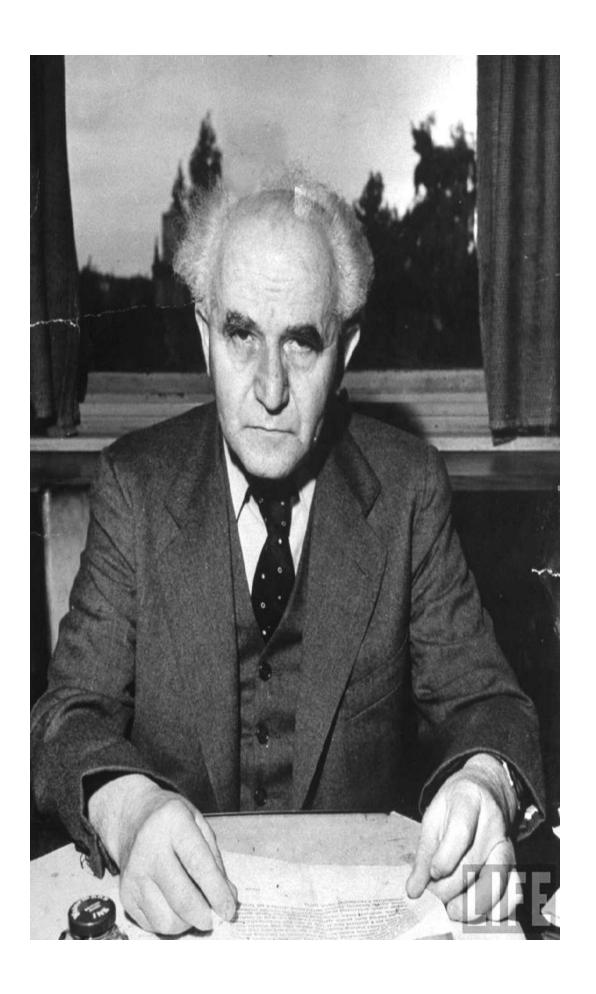
### NIÊN SỬ CÁC SỰ KIỆN

Chủ nghĩa Zion (Zionism - Chủ nghĩa Phục quốc Do Thái)

Vào thế kỷ 18, ở Tây Âu, người Do Thái đã có lúc tưởng như rặ ng họ được chấ p nhận vào xã hội Tây Âu hiện đại như những người bình đẳng. Tuy thế, cảm giác bài Do Thái vẫn còn nă m sâu dưới bê mặt của châu Âu Kitô giáo. Sự thù nghịch vẫn tô n tại và rấ t nhiệ u người Do Thái tin ră ng cho dù các quố c gia châu Âu tự do như thế nào đi chăng nữa, dân tộc Do Thái sẽ không bao giờ được đố i xử bình đẳng cho để n khi họ có một quố c gia của riêng mình. Vào lúc này Theodor Herzl [1860-1904], một nhà báo người Do Thái ở Hungary đã khởi xướng Chủ nghĩa Phục quố c Do Thái (Zionist Movement) hay còn gọi là Chủ nghĩa Zion trong nỗ lực chố ng lại ách áp bức và ngược đãi người Do Thái và tìm ra bấ t cứ mảnh đấ t nào trên thế giới để người Do Thái có thể thành lập quố c gia của riêng họ. Tuy thế, trong thâm tâm, người Do Thái luôn biế t ră ng không đâu bă ng đấ t tổ Palestine mà họ đã bỏ ra đi ngàn năm trước. Vì thế Chủ nghĩa Zion kêu gọi việc thành lập một nhà nước quố c gia của người Do Thái ở Palestine dùng làm nơi trú ẩn cho những người Do Thái trên thế giới và ở đó họ sẽ có quyề n tự quyế t. Các thành viên Zion ngày càng tin ră ng nhà nước này phải ở trong quê hương lịch sử của họ, mà họ gọi là Vùng đấ t Israel (The Land of Israel).

Tiế p theo Theodor Herzl, một Zionist khác, David Ben-Gurion [1886-1973], người mà sau này trở thành vị thủ tướng đâ `u tiên của nhà nước Israel vào năm 1948, đã tiế p nổ i và trở thành người lãnh đạo của Chủ nghĩa Phục quố c Do Thái. Với lòng khao khát vô bờ bế n cho sự nghiệp phục quố c của người Do Thái, David Ben-Gurion đã đấ u tranh không ngừng nghỉ và sau này được vinh danh là "người cha sáng lập ra tổ quố c Israel". Nế u Theodor Herzl có thể khái quát hóa tầ `m nhìn cho chủ quyề `n của người Do Thái và kích thích cộng đô `ng Do Thái tha hương bă `ng khái niệm lãng mạn về ` một nhà nước chủ quyề `n, thì Ben-Gurion mới chính là người đưa tầ `m nhìn này từ một ý tưởng để trở thành một nhà nước thực sự có năng lực vận

hành. Ông được biế t là một người vô cùng bướng bỉnh và không bao giờ lùi bước trước khó khăn.



#### David Ben-Gurion

Để có một bức tranh bao quát hơn, chúng ta nên nhặ c lại đôi chút vê hoàn cảnh địa-chính trị của Palestine và các vùng đấ t láng giê ng quanh nó trong hơn một thể kỷ vừa qua. Trong khoảng thời gian 1453-1917, Palestine không phải là một quố c gia độc lập mà là một vùng đấ t mênh mông thuộc Đế quố c Ottoman (còn gọi là Đế quố c Thổ Nhĩ Kỳ) với đa số là dân Ả Rập Hồ i giáo và Ả Rập Thiên Chúa giáo, cũng như một thiểu số người Do Thái, Hy Lạp, Druze, Bedouin và các dân tộc thiểu số khác. Vào thời điểm này, người Do Thái phâ`n lớn số ng lưu vong tập trung ở Đông Âu, Trung Âu và các cộng đô ng lớn ở Địa Trung Hải, Trung Đông và Mỹ. Thời đỉnh cao quyề n lực ở thế kỷ 16 và 17, lãnh thổ của Đế quố c Ottoman trải dài qua các vùng Tiểu Á, Trung Đông, nhiệ u phâ nở Bắ c Phi và đa phâ n Đông Nam châu Âu đế n tân Kavkaz. Trong Thế Chiế n I, Đế quố c Ottoman đứng trong phe Liên minh Trung tâm (Central Powers) cùng với Đức, Áo-Hung và Bulgaria chố ng lại phe Hiệp ước gô m Anh, Pháp, Nga và sau đó thêm Hoa Kỳ cùng một số nước khác. Năm 1917, Anh Quố c đánh bại Đế quố c Ottoman. Thế Chiế n I kế t thúc. Đế quố c Ottoman sụp đổ. Số phận của các vùng đấ t thuộc Đế quố c Ottoman và đặc biệt là Palestine sẽ được giải quyê t như thê nào?

Tháng Tư năm 1920 Hiệp định San Remo (The San Remo Conference) được nhóm họp với sự tham gia của Anh, Pháp, Ý và Nhật nhà máp dụng chế độ ủy trị cho các vùng đấ t trước đây bị Đế quố c Ottoman chiế m đóng tại Trung Đông. Kế t quả là Syria và Lebanonđược đặt dưới quyề n ủy trị của Pháp, còn Iraq và Palestine dưới quyề n uỷ trị của Anh. Tại thời điểm này, vùng đấ t Palestine rấ t rộng lớn bao gồ m cả lãnh thổ thuộc Jordan ngày nay. Năm 1922, Hội Liên đoàn các Quố c gia hay Hội Quố c Liên (Council of the

League of Nations) quy định lại biên giới Palestine chỉ đế n miề n Tây sông Jordan, còn phâ n phía Đông sông Jordan tách ra thành một quố c gia riêng biệt gọi là Transjordan vẫn thuộc quyề n ủy trị Anh. Sau Thế Chiế n II, Anh buộc phải huỷ bỏ chế độ uỷ trị, công nhận Transjordan là một quố c gia độc lập có chủ quyề n. Ngày Ba năm 1946, hai nước ký Hiệp ước Hữu nghị và Đô ng minh. Ngày Năm năm 1946, Transjordan được hoàn toàn độc lập và đổi tên nước thành Jordan vào năm 1948. Các nước láng giề ng khác của Palestine cũng lâ n lượt giành được độc lập: Ai Cập (1922), Iraq (1932), Syria (1946), Lebanon (1946),... Riêng vùng đấ t Palestine còn lại từ phía Tây sông Jordan sang tới bờ biển Địa Trung Hải thuộc quyề n ủy trị của Anh cho đế n 1947 và được chuyển giao sang cho Liên Hợp Quố c để giải quyế t tranh chấ p giữa người Do Thái và người Ả Rập Palestine trên vùng đấ t này.

Có một câu chuyện nhỏ đã ảnh hưởng không ít đế n việc nhập cư của người Do Thái châu Âu về Palestine trong những năm đâ u thế kỷ 20. Đó là trong Thế Chiế n I [1914-1918], nhà bác học Anh gố c Do Thái Chaim Weizmann [1874-1952] đã chế tạo thành công được chấ t Acétone nhân tạo là chấ t liệu chính để sản xuấ t chấ t nổ T.N.T giúp quân Đô ng minh chố ng lại Phát xít Đức. Để trả ơn cho Chaim Weizmann, năm 1917 Thủ tướng Anh Lloyd George đã chấ p nhận cho Người Do Thái tại châu Âu trở về nhập cư vào Palestine. Tuyên bố Balfour năm 1917 xác nhận ră ng chính phủ Anh Quố c "nhìn nhận với sự ưu tiên việc thành lập tại Palestine một nhà nước quê hương cho người Do Thái". Tuy nhiên Tuyên bố Balfour chỉ nặng về hình thức và việc giải quyế t tranh chấ p lãnh thổ giữa người Do Thái và người Ả Rập Palestine trên mảnh đấ t Palestine vẫn gặp rấ t nhiề u rấ c rố i cho để n tận năm 1948 và tiế p tục cho đế n ngày nay.

Thực tế thì ngay từ đâ u những năm 1900, người Do Thái đã bấ t đâ u mua đấ t và bắ t đâ u phát triển những vùng định cư ở Palestine. Vào năm 1909, thành phố Tel Aviv của Do Thái đã được thành lập, và vào năm 1920, khoảng 50.000 người Do Thái đã di cư trở về Palestine. Đế n năm 1933 dân số Do Thái ở Palestine lên tới 220.000 người. Sự xuấ t hiện của họ ở Palestine đã không được người Ả Rập Palestine đang định cư ở đó chào đón và người Ả Rập Palestine đã tìm mọi cách để chố ng lại việc di cư và mở rộng đấ t đai của người Do Thái. Xung đột nổ ra giữa hai sắ c dân trên mảnh đấ t Palestine suố t từ đó cho để n ngày nay.

#### 1939-1945: Cuộc Đại Thảm sát - Holocaust

Thảm hoa lớn nhấ t của dân tộc Do Thái để n vào cuố i những năm 30 đâ u những năm 40 của thế kỷ 20 trong Thế Chiế n II, khi sáu triệu người Do Thái trên khấ p châu Âu bị đưa vào các trại tập trung của Phát xít Đức để bị giế t hại. Năm 1933, Adolf Hitler trở thành quố c trưởng Đức và sau đó quố c gia này rấ t nhanh chóng trở thành bài Do Thái. Hitler với chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Đức đã khơi dây được lòng tư hào và đô ng thuận của người Đức khi khẳng định rặ ng người Aryan là chủng tộc siêu đẳng và những chủng tộc khác, đặc biệt là người Do Thái, là ha đẳng. Thêm vào đó, sự bai trận của Đức sau Thế Chiến I, cũng như những thảm họa lạm phát về kinh tế Đức, đề u được Hitler đổ lỗi cho người Do Thái. Với Hitler, tấ t cả mọi vấ n đề trên thế giới đề u có nguồ n gố c từ Do Thái và do người Do Thái gây nên. Phải giải quyế t nạn "Do Thái Diaspora" ở châu Âu như thể nào? Nước Đức Quố c xã của Hitler đã tìm ra một giải pháp rẻ và nhanh nhấ t: tập trung ngươi Do Thái ở khặ p châu Âu vào các trại tập trung và giế t bă ng hơi ngạt Zyklon B. Cuộc đại thảm sát này, còn gọi là Holocaust (tiế ng Hy Lap: holokáutoma: holo – "hoàn toàn" – và kausis – "thiêu, đô t"), đã lâ y đi sáu triệu mạng người dân Do Thái tức là một phâ n ba dân số Do Thái. Một điệ u đáng buô n là vào lúc mà người Do Thái câ n cứu giúp nhấ t thì trên toàn thế giới các cánh cửa đã đóng lai với ho.

# 1948: Israel tuyên bố độc lập

Vào năm 1947, người Anh tuyên bố rút khỏi Palestine và chuyển giao trách nhiệm sang cho Liên Hợp Quố c định đoạt số phận của mảnh đấ t Palestine nhiệ u tranh cãi này. Dưới sự vận động mạnh mẽ của Chủ nghĩa Phục quố c Do Thái và cũng qua tôi ác diệt chủng ghê ron của Phát xít Đức đố i với người Do Thái trong cuộc Đại Thảm Sát Holocaust, Liên Hợp Quố c đã họp bàn và đi để n kế t luận ră ng thực tế người Do Thái không thể có một cuộc số ng an toàn tại bấ t cứ nơi nào ở châu Âu và phải giúp họ một mảnh đấ t để định cư. Cùng với việc công nhân "mô i liên hệ lịch sử của người Do Thái với Palestine" và "cơ sở cho việc tái thiế t Ngôi nhà Dân tộc của người dân Do Thái trên mảnh đấ t đó", ngày 29 tháng Mười Một năm 1947, Đại Hội Đô ng Liên Hợp Quố c bỏ phiế u chấ p thuận phân chia vùng đấ t Palestine thành hai nhà nước: một của người Do Thái và một của người Ả Rập Palestine, với Jerusalem sẽ thuộc quyề n quản lý của Liên Hợp Quố c. Nhà nước Ả Rập Palestine được dự tính phân bổ 11.000 km² (4.300 mi²) với số lương rất nhỏ người Do Thái; còn Nhà nước Do Thái được dự tính 15.000 km² (5.700 mi²) với thiểu số người Å-rập. Người Do Thái chấ p nhận quyế t định của Liên Hợp Quố c và chuẩn bị tuyên bố độc lập. Người Ả Rập Palestine phản đô´i.

Tuy nhiên gâ `n đế ´n ngày 14 tháng Năm năm 1948 là ngày kế ´t thúc chế ´ độ ủy trị của Anh trên miê `n đấ ´t Palestine, Liên Hợp Quố ´c, Anh và Mỹ lại gây áp lực yêu câ `u chính phủ Lâm thời của Ben-Gurion hoãn lại ngày tuyên bố ´ độc lập. Ngày 12 tháng Năm, Liên quân Ả Rập phát động tấ ´n công. Ben-Gurion và Ủy ban Trung ương vẫn cương quyế ´t không thay đổi kế ´ hoạch tuyên bố ´ độc lập. Ngày 14 tháng Năm, Quố ´c gia của người Do Thái với tên gọi Israel, sau gâ `n 2000 năm kể từ khi vương quố ´c Hasmonean bị La Mã tiêu diệt, đã được tái lập với lời tuyên ngôn độc lập của David Ben-Gurion,

người sáng lập và cũng là vị thủ tướng đâ u tiên của Israel, trên vùng đấ t Palestine với diện tích khoảng 15.000 km² (bă ng 1/16 diện tích nước Việt Nam). Từ nay, người Do Thái đã được chính thức số ng trên mảnh đấ t tổ tiên của họ (Vùng đấ t Israel), nói ngôn ngữ bản địa của họ, và câ u nguyện ở thủ đô Jerusalem của họ. Nhưng ngay trong lúc Ben-Gurion tuyên bố độc lập, khói đạn của chiế n tranh đã lan khắ p vùng đấ t Palestine.

Năm 70, Israel chỉ là hoang mạc khi Jerusalem bị người La Mã tàn phá và người Do Thái bắ t đâ u cuộc số ng lưu vong suố t 2000 năm. Giờ đây khi người Do Thái được quyê n quay trở về đâ t nước Israel đã độc lập của mình, ngôi nhà của họ vẫn là hoang mạc, với khói đạn và láng giê ng thù địch vây quanh. Israel sẽ phải làm sao để tố n tại? Đó là một câu hỏi, một câu hỏi rấ t lớn.

# 1948-1949: Cuộc chiế n Độc lập của Israel

Chưa đâ y 24 tiế ng sau khi Israel tuyên bố độc lập, quân đội của năm nước Ả Rập láng giê `ng là Ai Cập, Syria, Iraq, Jordan và Lebanon đã chính thức liên minh tấ n công Nhà nước Israel non trẻ với ý đô tiêu diệt Israel ngay khi nó còn yế u kém, bắ t đâ u "Cuộc chiế n Độc lập" của Israel. Mục tiêu của Liên quân Ả Rập trong chiế n dịch này là hướng tới thành lập một "Nhà nước Thố ng nhấ t Palestine" thay thế cho Nhà nước Israel và Nhà nước Palestine theo như giải pháp của Liên Hợp Quố c. Với ưu thế về máy bay, xe bọc thép và đại bác, bộ chỉ huy chiế n dịch của Liên quân Ả Rập tiên đoán ră ng quố c gia Israel sẽ thấ t thủ chỉ trong vòng vài ba ngày. Về mặt quân sự đó là một logic gâ n như hiển nhiên. Trong mười ngày đâ u, máy bay Ai Cập ném bom xuố ng Tel Aviv và những trận chiế n đẫm máu xảy ra ở cả miê n Bă c, Jerusalem và Negev đã đẩy quân Israel vào tình trạng gâ n như tuyệt vọng. Nhưng với tài chỉ huy và quyế t đoán của Ben-Gurion, càng vê sau diễn biế n trên mặt trận dâ n dâ n thay đổi theo chiê u hướng ngược lại. Chiế n lược của Ben-Gurion là cố gặ ng kéo

dài thời gian để chờ đợi vũ khí sát thương hạng nặng và máy bay chiế n đấ u gửi về từ nước ngoài. Mười ngày sau, ngày 24 tháng Năm, chiế c máy bay Messerschmitts đâ u tiên do Đức chế tạo, đã từ Tiệp Khắ c về tới Israel. Tiế p theo là đại bác và súng trường... "Đó là bă t đâ u cho một bước ngoặt", Ben-Gurion viế t trong nhật ký của mình. Trong một cuộc chiế n quả cảm và máu lửa kéo dài hơn một năm, Israel cuố i cùng đã đẩy lùi các lực lượng thù địch, sau đó còn tiế n quân chiế m thêm một số vùng lãnh thổ vố n được quy định dành riêng cho người Ả Rập Palestine theo kế hoạch phân chia lãnh thổ của Liên Hợp Quố c. Chiế n thặ ng này đã hiện thực hóa lời nói của Ben-Gurion với nội các của ông: "Chúng ta sẽ kế t thúc chiế n tranh và giải quyế t mọi nợ nâ n của cha ông chúng ta với người Ai  $C\hat{q}p$ , Assyria  $v\hat{a}$  Aram(2)". Thực ra, ngay từ những năm 1946 & 1947, khi ý tưởng về một quố c gia Israel độc lập vẫn còn mơ hồ thì Ben-Gurion đã nhìn thấ y trước rặ ng sự khai sinh của Israel sẽ sớm thúc đẩy cuộc xâm lăng của các quố c gia Ả Rập láng giê ng và việc chuẩn bị cho cuộc chiế n đó là một điể u số ng còn. Vì vậy ngay khi quố c gia Israel còn chưa tuyên bố độc lập, Ben-Gurion đã lao vào nghiên cứu các vấ n đề quân sự và tấ m nhìn xa trông rộng của ông đã giúp quân đội Israel giành được thă ng lợi ngay trong hoàn cảnh khấ t khe nhâ t.

Vào năm 1949, cuộc chiế n kế t thúc với việc ký kế t các hiệp định đình chiế n dựa trên ranh giới ngừng bắ n giữa Israel và các nước láng giê `ng tham chiế n (Ai Cập, Lebanon, Jordan và Syria), hợp thức hóa quyê `n kiểm soát của Israel trong khu vực được Liên Hợp Quố c phân bổ cho Nhà nước Do Thái cộng với quá nửa diện tích phân bổ cho Nhà nước Ả Rập Palestine mà Israel đã chiế m được. Điề `u này có nghĩa là Israel đã mặc nhiên mở rộng lãnh thổ của mình qua khỏi đường ranh giới mà Liên Hợp Quố c đã phê chuẩn với diện tích tổng cộng là khoảng 20.700 km² (8.000 mi²). Theo những thỏa thuận của các hiệp định đình chiế n thì Bờ Tây (gồ `m cả Đông Jerusalem) sẽ do

Jordan quản lý, trong khi dải Gaza thuộc quyề n quản lý của Ai Cập. Ranh giới đình chiế n đã chia Jerusalem thành hai nửa, Jordan chiế m giữ nửa phía Đông bao gồ m Thành phố Cổ, còn Israel giữ nửa phía Tây. Trong 19 năm tiế p theo, các bức tường bê tông và dây kẽm gai đã chia cắ t thành phố này thành hai nửa tách biệt.

Trong cuộc chiế n, khoảng 700.000 - 750.000 người Ả Rập Palestine đã chạy trố n hoặc bị trục xuấ t khỏi các khu vực chiế m đóng của Israel và trở thành những người mà ngày nay gọi là tị nạn Palestine. Người tị nạn Palestine không được phép trở về Israel và hã ù hế t các quố c gia Ả Rập láng giê ng, ngoại trừ Jordan, từ chố i cấ p quyề n công dân cho họ và con cháu của họ. Năm 1949, Israel đưa ra đề nghị cho phép một số thành viên của các gia đình đã bị ly tán trong chiế n tranh trở lại, cho mở lại các tài khoản người tị nạn bị đóng trong các ngân hàng Israel, và cho hồ i hương 100.000 người tị nạn. Các quố c gia Ả Rập từ chố i đề nghị này, ít nhấ t một phâ n vì họ không muố n có bấ t kỳ hành động có thể được hiểu là công nhận Israel. Tính để n hôm nay, hã ù hế t trong số người này vẫn số ng trong các trại tị nạn và những câu hỏi về tình trạng của họ nên được giải quyế t như thế nào vẫn là một trong những vấ n đề chính của cuộc xung đột Israel-Palestine.

Vê phía Israel, sau cuộc chiế n tranh này vào năm 1948 và vê sau, khoảng 856.000 người Do Thái đã chạy trố n hoặc bị trục xuấ t khỏi nhà của họ ở các nước Ả Rập và hâ u hế t đã bị buộc phải từ bỏ tài sản. Vào năm 1948, dân số của Israel chỉ vẻn vẹn có 700 ngàn người. Sau 1948, dòng chảy những người Do Thái nhập cư vào Israel tăng lên cuố n cuộn: năm 1949 là 239.576 người; năm 1950 là 170.249 người; năm 1951 là 175.095 người. Trong vòng bố n năm, 686.748 di dân đã hố i hương, và, cùng với mức tăng tự nhiên, họ giúp đẩy mạnh dân số lên 120%. Chỉ tiêu của Ben-Gurion tăng gấ p đôi dân số trong bố n năm đã hoàn thành vươt mức. Ben-Gurion đã

sẵn sàng sử dụng nguô`n nhân lực đô`i dào cho những mục tiêu kế´ tiế´p.

Trong nhật ký của mình, Ben-Gurion viế t ră ng bố n năm đâ u của nhà nước Israel là "những năm tháng vĩ đại nhấ t trong lịch sử của chúng tôi...". Cũng trong những năm tháng này, ông hiểu ngay được sự cấ p thiế t cấ n phải có liên minh với một cường quố c nước ngoài nhã m đảm bảo rã ng các nước Ả Rập sẽ không thể hủy diệt được Israel. Nhưng có thể liên minh với cường quố c nào? Đó là một câu hỏi mà sau nhiệ u năm Israel mới tìm được lời giải. Ben-Gurion hiểu ră ng Israel không thể đứng trung lập, và, nế u xung đột thế giới nổ ra, Israel không thể tiế p tục giữ vị thế trung lập vì khi đó các phe phái chẳng ai màng tới cái vị thể trung lập â y, và một khi nước Nga Xô Viế t mở rộng can thiệp vào Trung Đông, thì đó sẽ cũng là "dâ u châ m hê t của Nhà nước Israel và Chủ nghĩa Zion". Mặc dù vào những năm cuố i 1949 đâ u 1950, Hoa Kỳ và Anh quố c vẫn quay lưng lại Israel, Ben-Gurion vẫn giữ vững luận điểm mà sẽ trở thành đá tảng cho những quyế t sách của ông sau này: Israel sẽ là thành lũy của phương Tây ngay tại Trung Đông.

Vào cuố i năm 1952, Israel đã định rõ đường lố i chính trị của mình, từ bỏ chính sách "không liên kế t" và chấ p nhận thái độ nghiêng hẳn về phương Tây. Đàm phán hòa bình với các nước Ả Rập đã thấ t bại, Israel phải chấ p nhận đố i mặt với thực tế rã ng đấ t nước sẽ không thể trông chờ vào giải pháp của Liên Hợp Quố c mà chỉ có thể trông vào tiê m năng quân sự của chính mình cho thời gian dài trước mặt.

#### 1956: Cuộc chiế n Sinai – Khủng hoảng kênh đào Suez

Tháng Hai năm 1955. Dải Gaza dậy lên cuộc leo thang quân sự căng thẳng giữa Israel và Ai Cập. Mọi triển vọng hòa bình bị thiêu rụi. Tháng Chín, căng thẳng đang lên cao thì một tin sững sở ập để n từ Cairo: thỏa thuận vũ khí của Tiệp Khắ c – Ai Cập được ký kế t. Tin này làm toàn bộ phương Tây chấ n động. Tổng thố ng Ai Cập – Nasser – xuấ t hiện như một người hùng của thế giới Ả Rập. Ông cũng tạo cảm hứng cho hàng triệu người Ả Rập tin rã ng ngày tàn của Israel đang để n. Ngay khi thỏa thuận giao dịch vũ khí Tiệp Khắ c – Ai Cập được công bố, Hoa Kỳ đã từ chố i hỗ trợ vũ khí cho Israel. Những cố gắ ng của Ben-Gurion về một hiệp ước liên minh và thậm chí giao cho Hoa Kỳ những căn cứ quân sự tại Israel đã bị hủy bỏ.

Mùa xuân năm 1956, tấ t cả các đường biên giới của Israel tràn ngập khói đạn: phía Bắ c là quân đội Syria, phía Đông là Jordan, và ở phía Nam các lưc lương Ai Cập tràn vào Bán đảo Sinai. Cuộc chiế n với Ai Cập có thể bùng nổ bấ t kỳ lúc nào. Tuy nhiên một thay đổi có lợi đã đế n với Israel: chính phủ mới bâ u cử của Pháp tháng Một năm 1956 đứng đâ u bởi Mollet đã đánh dấ u bước ngoặt trong quan hệ Pháp – Israel. Mollet ủng hộ Israel. Cuố i tháng Năm, một hiệp ước bấ t thành văn của Israel với Pháp nhặ m chố ng lại và thậm chí có thể lật đổ Nasser đã hình thành. Ngày 24 tháng Bảy, chuyế n tàu chở vũ khí của Pháp bí mật cập bế n Israel. Hai ngày sau, Nasser tuyên bố quố c hữu hóa kênh đào Suez. Lâ n này Nasser dường như đã đi quá xa. Tin tức về việc quố c hữu hóa kênh đào Suez đã khiế n phương Tây nổi giận. Trong khi Hoa Kỳ vẫn không muố n dùng vũ lực ở Trung Đông thì Anh và Pháp muố n phố i hợp hành động với Israel ngay lập tức tấ n công Ai Cập. Kế hoạch là Israel sẽ tấ n công Sinai rô i tiế n vào phía Đông kênh đào Suez, còn Anh và Pháp sẽ tấ n công trực tiế p khu vực kênh đào.

Ngày 29 tháng Mười, vào lúc 4 giờ 59 chiế ù, 395 lính dù Israel nhảy dù xuố ng Sinai: Chiế n dịch Sinai bắ t đâ ù. Mấ y giờ sau, chính phủ Pháp và Anh gửi lời kêu gọi ngừng bắ n và yêu câ ù rút quân đế n chính phủ Ai Cập và Israel để tạo điể ù kiện cho quân đội Pháp và Anh triển khai và chiế m giữ tạm thời các điểm xung yế u dọc theo kênh đào nhã m đảm bảo an ninh. Israel chấ p nhận lời kêu

gọi theo như kế hoạch đã định với Pháp và Anh. Ai Cập từ chố i và rơi vào cái bẫy mà Pháp và Anh đã giăng sẵn: Pháp và Anh chỉ đợi Ai Cập từ chố i để lấ y cớ tấ n công Ai Cập. Ngày 31 tháng Mười, Pháp và Anh mở màn các đợt tấ n công vào khu vực kênh đào. Ngày 3 tháng Mười Một, phâ n lớn bán đảo Sinai đã nă m trong ta y Israel, và vào ngày 5 tháng Mười Một, quân đội Israel đã chiế m Sharm el-Sheikh và các đảo Tiran cùng Snapir. Cùng ngày, Anh và Pháp tiế n quân vào Ai Cập. Tuy nhiên ngày 5 tháng Mười Một cũng đánh dấ u một bước phát triển đáng báo động nhấ t cùa cuộc chiế n: Xô Viế t can thiệp vào cuộc khủng hoảng.

Nỗi lo sợ vê sự can thiệp của Xô Viế t bao trùm toàn thế giới. Tin tức tình báo cho biế t sự hiện diện quân sự của Xô Viế t tại Syria và Ai Cập. Một báo cáo rò ri từ các nguô n tin CIA tại Paris: Liên bang Xô Viế t dự định xóa sổ hoàn toàn Israel bặ ng một trận không kích ô at sẽ được phát động trong vòng 24 tiế ng đô ng hô . Thế giới đố i mặt với hiểm họa chiế n tranh hạt nhân. Anh, Pháp và Israel tham chiế n với giả thuyế t ngâ m ră ng Hoa Kỳ đứng vê phía họ nế u có bấ t cứ sư can thiệp quân sư nào của Xô Việ t. Mọi chuyện lại xảy ra ngược lại. Tổng thố ng Hoa Kỳ Eisenhower giận dữ rút lại các đảm bảo của Hoa Kỳ. Ben-Gurion, "con sư tử bị thương" của Israel, dưới áp lực từ mọi phía, đặc biệt là lời đe dọa của Xô Viê t và nguy cơ của một cuộc chiế n tranh thế giới, đã dũng cảm chấ p nhận thực tế và đô ng ý rút quân, không kèm theo một thỏa hiệp hòa bình nào. Giữa tháng Một năm 1957, Israel rút vệ là n ranh cuố i cùng của ho khỏi eo biển Tiran và dải Gaza. Vài ngày sau, quân đội Ai Cập quay trở lại dải Gaza. Hoa Kỳ đô ng thuận với phương án của Israel vê hòa bình và tự do hàng hải tại eo biển Tiran theo như trù liệu ban đâ u. Nhưng vê phâ n dải Gaza, Israel đã bị lừa.

Giai đoạn 1957 - 1967

Kể từ sau Cuộc chiế n năm 1956, Ai Cập đô ng ý để Liên Hợp Quố c triển khai lực lượng gìn giữ hòa bình tại Bán đảo Sinai để đảm bảo phi quân sự khu vực này và ngăn chặn du kích (fedayeen) người Palestine xâm nhập phá hoại Israel. Ai Cập cũng đô ng ý mở eo biển Tiran cho thuyê n bè Israel, vố n là một trong những nguyên do góp phâ n gây ra cuộc Khủng hoảng kênh đào Suez. Biên giới Ai Cập và Israel được yên tĩnh trong một thời gian.

Vê phía Israel, Ben-Gurion có vẻ như đã thua cuộc chiế n ngoại giao, và một chiế n thắ ng quân sự vang dội tại Sinai đã quay ngược lại trở thành một thấ t bại chính trị. Tuy nhiên, thời gian qua đi, và Chiế n dịch Sinai đã mang lại cho Israel một món hời lớn, trước hế t là 10 năm hòa bình. Trong 10 năm đó, biên giới Israel hoàn toàn yên tĩnh. Ben-Gurion đã lợi dụng thời gian yên ắ ng này để đạt tới mục tiêu số ng còn của Israel: xây dựng liên minh ở Trung Đông và đẩy mạnh quan hệ với các cường quố c phương Tây.

Khủng hoảng Suez đã giúp các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ ý thức được về `tâ `m nguy hiểm của việc can thiệp của Xô Viế t vào Trung Đông. Trong những năm tiế p theo, khi Ai Cập, Syria và Iraq ngả về `phía Xô Viế t, thì sự phát triển của Israel dựa trên nề `n tảng dân chủ phương Tây như một lực lượng đố i trọng với ảnh hưởng của Xô Viế t tại Trung Đông đã củng cố thêm quan hệ Hoa Kỳ - Israel.

Tại Trung Đông, trong cảm giác ră ng vòng vây của Xô Viế t ngày càng thá t chặt, Israel đã làm mọi nỗ lực trong kế hoạch xây dựng một "hiệp ước ngoại vi" với các nước xung quanh bờ Trung Đông: Thổ Nhĩ Kỳ và Iran ở phía Bắ c, Ethiopia ở phía Nam. Sự phát triển này đã gợi ý cho các cường quố c phương Tây, đặc biệt là Hoa Kỳ, trong việc hỗ trợ và sử dụng liên minh này như một lực lượng để cân bắ ng với ảnh hưởng của Xô Viế t tại Trung Đông. Trong sự dịch chuyển về cách nhìn của phương Tây, quan hệ của Israel với các cường quố c phương Tây như Anh, Pháp, Đức và đặc biệt Hoa Kỳ â m dâ n.

Năm 1964, Tổ chức Giải phóng Palestine (PLO – Palestine Liberation Organization) được thành lập chủ yế u từ người tị nạn Palestine từ Jordan, đứng đâ u bởi Chủ tịch Yasser Arafat. Ngay lập tức, nó được sự ủng hộ của đa số các nhà nước Ả Rập và được giữ một ghế trong Liên Đoàn Ả Rập (Arab League).

# 1967: Cuộc chiế n Sáu ngày

Mười năm yên tĩnh 1957-1967 dường như chỉ là giả tạm. Bên dưới sự yên tĩnh đó, những đợt sóng ngâ m của chiế n tranh vẫn âm ỉ. Mâu thuẫn giữa Israel với các quố c gia Ả Rập láng giê ng dâng cao trong một vài năm trước 1967. Các cuộc tấ n công khủng bố của fedayeen được Ai Cập hỗ trợ vào các trung tâm dân cư của Israel tiế p tục tiế p diễn.

Mùa xuân năm 1967, phía Liên Xô cung cấ p cho chính phủ Syria những tin giả là Israel đang chuẩn bị tấ n công Syria; Syria thông báo cho Ai Cập. Ngày 22 tháng Năm, để đáp lại, Ai Cập tuyên bố ngoài việc yêu câ u quân Liên Hợp Quố c rút lui khỏi Bán đảo Sinai, họ cũng sẽ đóng cửa eo biển Tiran với tàu thuyê n "mang cờ Israel hoặc chuyên chở vật liệu chiế n lược", bắ t đâ u từ ngày 23 tháng Năm. Phát biểu trước Liên đoàn thương mại Ả Rập ngày 26 tháng Năm, Tổng thố ng Ai Cập là Gamal Abdel Nasser tuyên bố : "Nế u Israel dâ n sâu vào các hoạt động thù địch chố ng lại Syria hay Ai Cập, thì trận chiế n chố ng lại Israel sẽ là trận chiế n toàn diện, không chỉ giới hạn ở biên giới Syria hay Ai Cập và mục tiêu cơ bản của chúng ta là hủy diệt Israel."

Với những hành động gây hấ n của Nasser, bao gô m việc phong tỏa eo biển Tiran và triển khai quân đội tại Bán đảo Sinai, gây nên sức ép quân sự và kinh tế lên Israel, cùng với việc Hoa Kỳ còn đang trù trừ vì vướng vào cuộc Chiế n tranh Việt Nam, lãnh đạo quân sự Israel thấ y ră ng chỉ có một khả năng có thể xoay chuyển được tình thế là

đánh phủ đâ`u. Nội các Israel nhóm họp ngày 23 tháng Năm quyế t định mở cuộc tấ n công nế u eo biển Tiran không được mở trở lại ngày 25 tháng Năm. Lãnh đạo Israel quyế t định là nế u như Hoa Kỳ không làm gì, và Liên Hợp Quố c án binh bấ t động, thì Israel phải tự hành động. Ngày 1 tháng Sáu, tướng Moshe Dayan được cử làm Bộ trưởng Quố c phòng Israel. Israel đã sẵn sàng.

Tháng Sáu năm 1967, trong một kế hoạch quyế t liệt nhã m hủy diệt Israel, quân đội Ả Rập thố ng nhấ t triển khai với số lượng lớn dọc các đường biên giới với Israel, trong khi Ai Cập đóng cửa eo biển Tiran và Nasser yêu câ u Lực lượng phản ứng nhanh của Liên Hợp Quố c UNEF (United Nations Emergency Force) rời Ai Câp. Để chuẩn bị cho cuộc chiế n, Ai Cập tập trung khoảng 100 ngàn trong tổng số 160 ngàn quân về Bán đảo Sinai, bao gồ m toàn bộ bảy sư đoàn (bố n sư đoàn bô binh, hai sư đoàn xe boc thép và một sư đoàn cơ giới), cũng như bố n lữ đoàn bộ binh độc lập và bố n lữ đoàn bọc thép độc lập. Không dưới một phâ n ba trong số đó là các binh lính kỳ cựu từ cuộc can thiệp của Ai Cập vào nội chiế n Yemen cùng với khoảng một phâ n ba khác là quân dư bị. Lực lượng này có 900-950 xe tăng, 1.100 xe bọc thép (APC) và hơn 1.000 khẩu pháo. Không quân Ai Cập được cho là lớn và hiện đại nhấ t trong số các quố c gia Ả Rập, với khoảng 450 máy bay chiế n đấ u của Liên Xô, trong đó có nhiề u máy bay MiG- 21 hiện đại bậc nhấ t lúc đó. Trong thời gian đó, Nasser tiế p tục tiế n hành các hoạt động nhã m gia tăng mức động viên quân đội từ Ai Câp, Syria và Jordan, nhã m gia tăng sức ép lên Israel.

Jordan chuẩn bị cho cuộc chiế n với chín lữ đoàn đóng ở Bờ Tây, gố m 45 ngàn quân, 270 xe tăng, 200 trọng pháo, với hai trung đoàn bọc thép tinh nhuệ tại Thung lũng Jordan. Khoảng 100 xe tăng và một sư đoàn bộ binh Iraq cũng được đặt ở tình trạng báo động gâ n biên giới Jordan. Hai phân đội máy bay chiế n đấ u Hawker Hunter và MiG-21, cũng được chuyển vê gâ n các căn cứ sát biên giới Jordan. Syria có 75 ngàn quân, chia làm chín lữ đoàn, hỗ trợ bởi xe tăng và

pháo binh để chuẩn bị cho cuộc chiế nở vùng Cao nguyên Golan. Chỉ huy vùng Bờ Tây của Jordan cam kế t là "trong vòng ba ngày chúng ta sẽ để n Tel Aviv".

Vê phía mình, quân Israel ra lệnh tổng động viên, bao gô m cả quân dự bị, gô m 264.000 người. Dù số quân đó không thể duy trì lâu dài, vì quân dự bị đóng vai trò số ng còn trong vận hành cuộc số ng hàng ngày của đấ t nước, phóng viên Hoa Kỳ James Reston, trong New York Times ngày 23 tháng Năm năm 1967, nhận xét: "Vê mặt kỷ luật, huấ n luyện, tinh thấ n, trang bị và năng lực nói chung, quân đội của Nasser và các lực lượng Ả Rập khác, không kể đế n trợ giúp trực tiế p từ Liên Xô, không phải là đố i thủ của người Israel...".

Cuộc chiế n tranh sáu ngày bắ t đâ u ngày 5 tháng Sáu. Lúc 7:45 sáng ngày 5 tháng Sáu, khi còi báo động vang lên trên toàn Israel cũng là lúc không quân Israel (IAF) mở Chiế n dịch Focus (Moked). Gâ n 200 chiế c máy bay phản lực cấ t cánh từ các sân bay Israel ào ạt tấ n công các sân bay của Ai Cập. Cơ sở phòng không của Ai Cập rất yếu, không có sân bay nào được trang bị boong-ke bọc thép để bảo vệ máy bay. Máy bay của Israel bay ra Địa Trung Hải trước khi vòng lại hướng về Ai Cập. Trong khi đó, phía Ai Cập lại tự làm hại mình bă ng cách đóng toàn bộ hệ thố ng phòng không của họ, vì họ sợ lực lượng nổi dậy Ai Cập có thể bắ n hạ máy bay chở Nguyên soái chiế n trường Amer và Trung Tướng Sidqi Mahmoud, đang trên đường từ al Maza tới Bir Tamada ở Sinai để gặp các chỉ huy tại đó. Dù thể nào đi chặng nữa thì việc đó cũng không làm tình hình thay đổi mâ y, vì các phi công Israel bay râ t thâ p để tránh radar và bay dưới tâ m mà tên lửa phòng không SA-2 có thể bấ n được họ. Các phi công Israel phố i hợp nhiệ u chiế n thuật cùng lúc: ném bom và dùng hỏa lực oanh tạc các máy bay đang đậu trên đường băng, ném bom xuyên phá đường băng để máy bay Ai Cập không cấ t cánh được, làm mô i cho các đợt không kích tiế p theo của máy bay Israel. Cuộc không kích thành công vượt mức, phá hủy gâ n như toàn bộ không quân Ai Cập

ngay trên mặt đấ t. Hơn 300 máy bay Ai Cập bị phá hủy, hơn 100 phi công Ai Cập chế t. Phía Israel mấ t 19 máy bay, phâ n lớn do trục trặc kỹ thuật, hay tai nạn. Cuộc không tập mang lại cho Israel ưu thế áp đảo trên không cho để n hế t cuộc chiế n.

Cùng ngày IAF đô `ng thời tấ n công các lực lượng không quân Jordan, Syria và Iraq. Tới tố i, không quân Jordan bị xóa sổ, không quân Syria và Iraq bị thiệt hại nặng tới mức không còn khả năng chiế n đấ u. Sau hai ngày đấ `u chiế n sự, Israel cho biế t họ đã phá hủy 416 máy bay của phe Ả Rập, trong khi mấ t 26 máy bay.

Sau những thă ng lợi mở đâ u của không quân, Israel mở chiế n dịch tấ n công toàn diện trên bộ đánh chiế m Bờ Tây của Jordan ngày 7 tháng Sáu, dải Gaza và Bán đảo Sinai từ Ai Cập ngày 8, và Cao nguyên Golan của Syria ngày 9.

Tuy mang tên Cuộc chiế n Sáu ngày, song Israel đã thắ ng ngay trong ngày đầ u tiên, trong vòng vài giờ đồ ng hồ . Tới ngày 11 tháng Sáu, các lực lượng Ả Rập buộc phải rút lui và tấ t cả các bên chấ p nhận lời kêu gọi ngừng bắ n của Hội đô ng Bảo an Liên Hợp Quố c theo Nghị quyế t 235 và 236. Cuộc chiế n kéo dài chỉ vỏn vẹn trong sáu ngày với thắ ng lợi tuyệt đố i nghiêng về phía Israel: Israel giành được quyề n kiểm soát một vùng đấ t rộng lớn gồ m Bán đảo Sinai, dải Gaza, Cao nguyên Golan, Bờ Tây (gồ m cả Đông Jerusalem), và một trong những lăng mộ thiêng liêng nhấ t của người Do Thái là "Bức tường phía Tây<sup>(3)</sup>." (The Western Wall) hay còn gọi là "Bức tường Than Khóc" (The Wailing Wall), đây là một phâ n của Đề n Thờ còn lại sau cuộc chiế n tranh với người La Mã năm 70.

Israel sau đó sáp nhập Đông Jerusalem vào Tây Jerusalem và từ năm 1980 tuyên bố Jerusalem là thủ đô "vĩnh viễn và không bị chia că t của Israel". Việc này đã gây nhiê `u tranh cãi vì Đông Jerusalem

vô n được cho là thủ đô đang được chờ đợi của đâ t nước Palestine tương lai.

Với kế t quả này, lãnh thổ Israel rộng thêm được 7.099 km2 (2.743 mi²) gô m5.879 km² (2.270 mi²) của Bờ Tây (West Bank), 70km² (27mi²) của Đông Jerusalem (Israel đơn phương tuyên bố sáp nhập năm 1980), và 1.150 km² (444 mi²) của Cao nguyên Golan (Israel tự sáp nhập không tuyên bố chính thức); với một triệu người Ả Rập bị đặt dưới quyê n kiểm soát của Israel trong các lãnh thổ mới chiế m được. Chiế u sâu chiế n lược của Israel kéo dài ra ít nhấ t 300 km về phía nam, và 20 km lãnh thổ đô i núi hế t sức hiểm trở ở phía bắ c, một lá bài an ninh hế t sức quan trọng trong cuộc chiế n tranh Yom Kippur sáu năm sau. Bã ng Cuộc chiế n Sáu ngày, Israel đã hoàn thành mỹ mãn ý đô mở rộng phạm vi kiểm soát của người Do Thái tới hâ u hế t các vùng đấ t lịch sử của Israel mà Chủ nghĩa Zion đã theo đuổi ban đâ u. Người dân Do Thái tin rã ng Thượng Đế đã đứng về phía họ trong cuộc chiế n này.

Sau Cuộc chiế n Sáu ngày năm 1967, chính phủ Israel bắ t đâ u xây dựng các khu định cư Do Thái trên các vùng đấ t mới chiế m đóng. Thường được xây dựng trên vùng đấ t cao, nhiệ u khu định cư bỏ qua các thị trấ n và làng mạc của người Palestine, và đã có những căng thẳng giữa hai cộng đô ng. Các nghị quyế t của Hội đô ng Bảo an Liên Hợp Quố c, Tòa án Công lý Quố c tế đề u tuyên bố các khu định cư này là bấ t hợp pháp theo luật quố c tế, nhưng Israel đã bác bỏ các phán quyế t và tiế p tục mở rộng khu định cư của mình.

# 1967: Nghị Quyế t Khartoum

Sau Cuộc chiế n Sáu ngày, Nghị Quyế t Khartoum được ban hành ngày 1 tháng Chín năm 1967 tại cuộc họp Thượng đỉnh của Liên đoàn Ả Rập nhóm họp tại Khartoum – thủ đô của Sudan. Cuộc họp kéo dài từ ngày 29 tháng Tám cho để n ngày 1 tháng Chín với sự tham dự của

nguyên thủ tám nước Ả Rập. Nghị Quyế t được biế t để n với sự đô ng thuận "ba không" nổi tiế ng: Không hòa bình, Không công nhận và Không đàm phán với Israel.

# 1967: Nghị Quyế t Liên Hợp Quố c 242

Cũng sau cuộc Chiế n tranh Sáu Ngày, Hội đô ng Bảo an Liên Hợp Quố c thông qua Nghị Quyế t 242 ngày 22 tháng Mười Một năm 1967 trong đó đề xuấ t một giải pháp hòa bình cho cuộc xung đột Ả Rập-Israel. Nghị quyế t đã được chấ p nhận bởi Israel, Jordan và Ai Cập, nhưng bị Syria từ chố i cho để n 1972-1973 và Chiế n tranh Yom Kippur. Cho để n ngày nay, Nghị Quyế t 242 vẫn còn gây tranh cãi trong cách giải thích mâu thuẫn là bao nhiều phâ n lãnh thổ Israel sẽ bị yêu câ u rút khỏi để phù hợp với Nghị Quyế t.

Sau việc chiế m đóng của Israel ở Bờ Tây sau Cuộc chiế n Sáu ngày, chủ nghĩa dân tộc Palestine đã tăng lên đáng kể. Các cuộc kháng chiế n võ trang đã được khuyế n khích từ bên trong các vùng lãnh thổ bị chiế m đóng mới và từ các quố c gia Ả Rập bị thấ t bại trong chiế n tranh.

# 1967 – 1970: Chiế n tranh Tiêu hao của Ai Cập

Năm 1969, Ai Cập đưa ra sáng kiế n Chiế n tranh Tiêu hao, với mục tiêu làm kiệt quệ tinh thâ n và kinh tế của Israel buộc họ đã u hàng tại Bán đảo Sinai. Tuy nhiên cuộc chiế n tranh chấ m dứt với cái chế t của Nasser năm 1970. Hiệp định ngừng bắ n được ký kế t giữa hai phía năm 1970 và đường ranh giới giữ nguyên không thay đổi.

# 1973: Cuộc chiế n Yom Kippur

Chiế n thă ng Sáu Ngày 1967 đã mang đế n cho người Do Thái cảm giác chủ quan bấ t khả chiế n bại. Không một ai nghĩ người Ả Rập dám mạo hiểm khai chiế n nữa. Thế nhưng, vào ngày 6 tháng Mười

năm 1973, trong khi toàn bộ đấ t nước Israel đang ngừng mọi hoạt động để ăn mừng ngày lễ Yom Kippur, ngày lễ sám hố i linh thiêng nhấ t theo lịch Do Thái, liên quân Ả Rập do Ai Cập và Syria dẫn đấ ù phát động Cuộc chiế n Yom Kippur (hay còn gọi là Cuộc chiế n Ramadan, Cuộc chiế n Ả Rập — Israel 1973) tấ n công chớp nhoáng vào Bán đảo Sinai và Cao nguyên Golan trước sự bấ t ngờ của Israel. Trong 48 giờ đấ ù tiên quân đội Ai Cập và Syria giành ưu thế , nhưng sau đó cán cân nghiêng về phía Israel. Đế n tuấ n thứ hai của cuộc chiế n, Syria đã bị đẩy hoàn toàn ra khỏi Cao nguyên Golan. Tại Bán đảo Sinai ở phía Nam, Israel đã tấ n công vào "bản lê" giữa hai đội quân Ai Cập, vượt qua kênh đào Suez, và cấ t đứt toàn bộ quân đội Ai Cập khi lệnh ngừng bắ n của Liên Hợp Quố c bắ t đầ ù có hiệu lực vào ngày 25 tháng Mười. Trong thời gian này, Mỹ ủng hộ thiế t bị quân sự cho Israel trong khi Liên Xô hậu thuẫn cho Ai Cập.

Quân đội Israel cuố i cùng đã rút khỏi phía tây của kênh đào Suez và người Ai Cập giữ vị trí của họ trên một dải hẹp ở phía Đông cho phép họ mở lại kênh đào và tuyên bố "chiế n thă ng". Trên thực tế, Israel rõ ràng đã giành chiế n thă ng quân sự, nhưng bị một cú "số c" lớn về tinh thâ n cũng như số thương vong tới 3000 người.

Kế t quả của cuộc chiế n tranh Yom Kippur là đã thiế t lập sân khấ u cho "một giai đoạn mới trong quan hệ giữa Israel và Ai Cập", cuố i cùng kế t thúc trong việc ký kế t Hiệp ước Trại David vào năm 1978.

Thập niên 70 của thế kỷ 20 được coi là "thập niên mấ t mát" của Israel. Bài học mà người Israel học được qua cuộc chiế n Yom Kippur này là, ở vào một vị trí đâ y nghịch cảnh như Israel, không bao giờ được phép buông thả mình ngay trong hòa bình.

1978: Hiệp ước Trại David 1978 (giải quyế t xung đột Ai Cập - Israel)

Tiế n trình hòa bình đã bắ t đâ u hình thành trong những năm 1970 với những nỗ lực được thực hiện để tìm kiế m những tiế n đề nhờ đó hòa bình có thể đạt được trong cả hai cuộc xung đột Ả Rập-Israel và Palestine-Israel. Hiệp ước Trại David năm 1978 nhã m giải quyế t xung đột Ai Cập — Israel là khởi đâ u của tiế n trình hòa bình này.

Các Hiệp ước Trại David đã được ký kế t giữa Tổng thố ng Ai Cập Anwar Sadat El và Thủ tướng Israel Menachem Begin vào ngày 17 tháng Chín năm 1978, sau 13 ngày đàm phán bí mật tại Trại David. Hai hiệp định khung đã được ký kế t tại Nhà Tră ng với sự chứng kiế n của Tổng thố ng Hoa Kỳ Jimmy Carter. Hiệp định Khung thứ hai (Hiệp định khung cho phâ n cuố i của Hiệp ước Hòa bình Ai Cập-Israel) dẫn trực tiế p để n Hiệp ước Hòa bình Ai Cập-Israel ký vào tháng Ba năm 1979.

Hiệp định Khung thứ hai phác thảo cơ sở cho Hiệp ước Hòa bình Ai Cập-Israel chủ yế u liên quan đế n tương lai của Bán đảo Sinai. Theo đó, Israel đô ng ý rút lực lượng vũ trang khỏi Sinai, sơ tán 4.500 cư dân, và trả lại Sinai cho Ai Cập để đổi lấ y quan hệ ngoại giao bình thường với Ai Cập, quyề n tự do đi lại qua kênh đào Suez và các đường thủy lân cận khác (như eo biển Tiran), và một hạn chế về lực lượng Ai Cập có thể đóng trên Bán đảo Sinai, đặc biệt là trong vòng 20-40 km từ Israel. Quá trình này sẽ mấ t ba năm để hoàn thành. Israel cũng đô ng ý hạn chế lực lượng của mình trong khoảng cách nhỏ hơn (ba km) từ biên giới Ai Cập, và đảm bảo tự do đi lại giữa Ai Cập và Jordan.

Trên thực tế, tháng Tư năm 1982, Israel rút lui đơn vị quân đội cuố i cùng khỏi bán đảo Sinai và trả lại Sinai cho Ai Cập. Israel cũng trả lại các mỏ dâ u Abu-Rudeis của Ai Cập ở phía Tây Sinai, trong đó có những giế ng khoan sản xuấ t thương mại lâu dài. Riêng dải Gaza vẫn thuộc quyê n kiểm soát của Israel.

Từ sau thời điểm này, biên giới Israel – Ai Cập giữ được yên tĩnh cho để n ngày nay.

Do Hòa ước này, Sadat và Begin được nhận chung giải Nobel Hòa bình năm 1978. Hiệp định Khung đâ `u tiên (Hiệp định Khung cho Hòa bình ở Trung Đông), trong đó có liên quan với các vùng lãnh thổ Palestine, được soạn thảo mà không có sự tham gia của người Palestine, đã có rấ tít ảnh hưởng và bị Liên Hợp Quố c lên án. Sự tín nhiệm đang suy yế u của Sadat trong dân chúng Ai Cập đã được cải thiện rấ t lớn nhờ vào kế t quả của Hòa ước. Về `phâ `n Israel, Hòa ước đạt được với Ai Cập đem đế ´n cho Israel hy vọng có thể đạt tới những hòa ước tương tự với các nước láng giê `ng Ả Rập khác và giúp giải quyế t bài toán Palestine vố n đang bị bế tă ´c.

Do ký Hiệp ước Hòa bình với Israel, Tổng thố ng Ai Cập Anwar Sadat đã bị một nhóm cực đoan Hồ i giáo Ai Cập ám sát ngày 6 tháng Mười năm 1981.

#### 1982: Cuộc chiế n Lebanon

Cuộc chiế n Sáu ngày năm 1967 đã ảnh hưởng đáng kể đế n chủ nghĩa dân tộc Palestine. Do Israel giành được chủ quyề n tại Bờ Tây từ Jordan và dải Gaza từ Ai Cập, PLO đã không còn giành được quyề n kiểm soát trên mặt đấ t và buộc phải thiế t lập trụ sở chính tại Jordan, nơi có hàng trăm ngàn cư dân Palestine, và được quân đội Jordan hỗ trợ trong cuộc Chiế n tranh Tiêu hao. Tuy nhiên, cuộc nội chiế n Jordan và Palestine năm 1970 bùng nổ khiế n các căn cứ của Palestine ở Jordan sụp đổ. PLO thấ t bại và Vua Hussein của Jordan trục xuấ t PLO khỏi Jordan. Hấ u hế t các chiế n binh Palestine phải chạy đế n Nam Lebanon, nơi họ nhanh chóng chiế m cứ một vùng đấ t rộng lớn, tạo ra cái gọi là "Fatahland" (Vùng đấ t của Fatah (4.)).

Cuộc nổi dậy của người Palestine ở Nam Lebanon đạt đỉnh điểm vào những năm đâ u thập niên 1970, khi Lebanon đã được sử dụng

như một căn cứ để khởi động các cuộc tấ n công vào miề n Bắ c Israel và các chiế n dịch máy bay không tặc trên toàn thế giới, thu hút sự trả đũa của Israel. Ngày 6 tháng Sáu năm 1982, quân đội Israel tấ n công Lebanon với mục đích đẩy bật PLO ra khỏi miề n Nam Lebanon nhà m bảo vệ miề n Bắ c Israel khỏi các cuộc tấ n công khủng bố . Israel nhanh chóng giành thắ ng lợi trong cuộc chiế n. Các chiế n binh PLO đã bị đánh bại trong vòng vài tuầ n, Beirut bị Israel chiế m đóng, và trụ sở của PLO một lầ n nữa lại phải sơ tán để n Tunisia vào tháng Sáu theo quyế t định của Chủ tịch PLO Yasser Arafat.

Mặc dù Israel đã thành công trong việc trục xuấ t PLO bao gồ m Arafat để n Tunisia, Israel lại gặp rắ c rồ i với các lực lượng chiế n binh Hồ i giáo địa phương, đặc biệt là Hezbollah, trong nỗ lực kháng chiế n của họ để chấ m dứt sự chiế m đóng của Israel tại Lebanon.

Tháng Ba năm 1983, Israel và Lebanon ký kế t một thỏa thuận ngừng bắ n. Tuy nhiên, Syria đã gây sức ép buộc Tổng thố ng Amin Gemayel của Lebanon phải hủy bỏ hiệp ước này vào tháng Ba năm 1984. Tháng Sáu năm 1985, Israel rút hấ u hế t quân khỏi Lebanon, để lại một lực lượng dân quân Israel và một lực lượng quân đội do Israel hỗ trợ ở miê n Nam Lebanon như là một "khu vực an ninh" và vùng đệm chố ng lại các cuộc tấ n công vào lãnh thổ phía Bắ c Israel.

Theo Nghị quyế t 425 của Hội đô ng Bảo an Liên Hợp Quố c (kêu gọi Israel hoàn toàn rút khỏi Lebanon), 15 năm sau, Israel đã hoàn toàn rút quân khỏi Lebanon vào tháng Năm năm 2000, để lại một khoảng trố ng quyế n lực mà Syria cùng Hezbollah đã nhanh chóng nă m lấ y.

# 1987-1993: Cuộc nổi dậy thứ nhấ t (Intifada I)

Phong trào Intifada I, 1987-1993, bắ t đâ u từ một cuộc nổi dậy của người Palestine, đặc biệt là những người trẻ, chố ng lại sự chiế m

đóng quân sự của Israel ở Bờ Tây và dải Gaza sau sự thấ t bại của PLO để đạt được bấ t kỳ giải pháp ngoại giao có ý nghĩa cho vấ n đề Palestine. Một trong các nhóm chiế n binh Hô i giáo tham gia trong cuộc nổi dậy là nhóm Hamas, viế t tắ t của Islamic Resistance Movement (Phong trào Kháng chiế n Hô i giáo), nổi lên trong thời gian này và dẫn đâ u một chiế n dịch đánh bom tự sát trong thập niên kế tiế p như một phâ n của mục tiêu đã đề ra là tiêu diệt Israel. Hamas đặt căn cứ tại dải Gaza và giành được sự ủng hộ của dân chúng dựa trên một chương trình phúc lợi xã hội trong việc chăm sóc sức khỏe, giáo dục và các dịch vụ xã hội cho người dân Palestine. Ảnh hưởng của Hamas ngày càng lớn trên các vùng lãnh thổ Palestine về những năm sau này, đặc biệt là dải Gaza.

Để ngăn chặn cuộc nổi dậy, quân đội Israel đã trả đũa mạnh mẽ chố ng lại dân Palestine như một toàn thể. Họ đã sử dụng một hệ thố ng các trạm kiểm soát để kiểm soát sự di chuyển của người và hàng hóa xung quanh Bờ Tây, áp đặt lệnh giới nghiêm vào những thời điểm bảo mật cao và bắ t giữ nhiê u người Palestine.

Các nhà lãnh đạo PLO lưu vong ở Tunisia nhanh chóng đảm nhận một vai trò trong phong trào Intifada. Cuộc nổi dậy đã đẩy cao tâ m quan trọng của phong trào Hô i giáo và phong trào quố c gia Palestine, và ngày 15 tháng Mười Một năm 1988, một năm sau khi bùng nổ của phong trào Intifada đâ u tiên, PLO tuyên bố thành lập Nhà nước Palestine từ thủ đô Algiers của Algeria. Tuy nhiên "Nhà nước Palestine" được tuyên bố này không phải và chưa bao giờ thực sự là một nhà nước độc lập, vì nó chưa bao giờ có chủ quyê n đố i với bấ t cứ vùng lãnh thổ nào trong lịch sử. Dù sao sau tuyên bố này, Hoa Kỳ và nhiê u quố c gia khác đã công nhận PLO.

Trong thời gian Chiế n tranh vùng Vịnh năm 1990-1991 (từ ngày 2 tháng Tám năm 1990 để n ngày 28 tháng Hai năm 1991), Arafat hỗ trợ cuộc xâm lược Kuwait của Saddam Hussein và chố ng lại các cuộc

tấ n công liên minh do Mỹ dẫn đâ ù vào Iraq. Sau Chiế n tranh vùng Vịnh, chính quyê n Kuwait gây áp lực yêu câ ù gâ n 200.000 người Palestine rời khỏi Kuwait. Đây là một phản ứng của Kuwait đố i với sự liên kế t của lãnh đạo PLO Yasser Arafat với Saddam Hussein. Quyế t định của Arafat cũng dẫn đế n că t đứt quan hệ với Ai Cập và rấ t nhiê ù các quố c gia Ả Rập sản xuấ t dâ ù mỏ hỗ trợ liên minh do Mỹ dẫn đâ ù. Nhiê ù người ở Mỹ cũng sử dụng sai lâ m của Arafat là một lý do để gạt bỏ tuyên bố của ông như một đố i tác vì hòa bình. Sau khi chiế n sự vùng Vịnh kế t thúc, nhiê ù quố c gia Ả Rập ủng hộ liên minh că t giảm kinh phí cho PLO đã đẩy PLO đế n bờ vực của cuộc khủng hoảng.

#### 1991: Hội nghị Madrid

Chiế n thă ng của liên minh do Hoa Kỳ dẫn đâ ù trong Chiế n tranh vùng Vịnh 1990-1991 đã mở ra một cơ hội mới để thúc đẩy tiế n trình hòa bình của vùng Trung Đông. Hoa Kỳ đưa ra một sáng kiế n ngoại giao hợp tác với Nga mà kế t quả là Hội nghị Hòa bình Madrid tháng Mười năm 1991. Hội nghị được chính phủ Tây Ban Nha, tổ chức Mỹ và Liên Xô đô ng tài trợ. Hội nghị Hòa bình Madrid là một nỗ lực của cộng đô ng quố c tế để khởi đâ ù một tiế n trình hòa bình Israel-Palestine thông qua các cuộc đàm phán liên quan đế n Israel và Palestine, cũng như các nước Ả Rập bao gồ m Syria, Lebanon và Jordan.

Sau khi Chiế n tranh vùng Vịnh kế t thúc, vào ngày 6 tháng Ba năm 1991, Tổng thố ng Bush cha trong một diễn văn đọc trước Quố c hội Hoa Kỳ đã đề cập để n chính sách của chính phủ Mỹ đặt trọng tâm vào một "trật tự thế giới mới" (new world order) ở Trung Đông sau khi đánh bật Iraq ra khỏi Kuwait. Ngoài việc duy trì một sự hiện diện hải quân Hoa Kỳ thường trú tại vùng Vịnh, cung cấ p tài chính cho phát triển Trung Đông, và tiế n hành các biện pháp chố ng lại sự truyề n lan của các loại vũ khí phi qui ước (unconventional weapons),

sử gia kiêm Đại sứ Israel tại Hoa Kỳ là Michael Oren đã ghi chú ră `ng "Trọng tâm chương trình của Bush, tuy nhiên, là việc đạt tới một hiệp ước Ả Rập-Israel dựa trên nguyên tắ c và việc thực hiện các quyê `n của người Palestine." Sự dịch chuyển này của Bush cho thấ y thời kỳ ưu ái Israel của Tổng thố ng Reagan đã chấ m dứt.

Đoàn Palestine là một phâ`n của một phái đoàn Palestine- Jordan và bao gô `m cả người Palestine từ Bờ Tây và dải Gaza. Mặc dù Israel phản đô ´i, PLO vẫn đặc phái một "phái đoàn cô ´ vâ ´n" không chính thức do Faisal Husseini câ `m đâ `u để hoạt động như một trạm liên lạc. Trong thời gian hội nghị, các nhân vật PLO luôn có mặt ở hậu trường để tư vâ ´n đoàn đại biểu Palestine.

Ngày 3 tháng Mười Một, Hội nghị được nổ i tiế p bă ng các đàm phán song phương giữa Israel và lâ n lượt với liên đoàn đại biểu Jordan-Palestine, và các đoàn Lebanon, Syria. Các cuộc họp song phương tiế p theo diễn ra tại Washington từ ngày 9 tháng Mười Hai năm 1991. Ngày 28 tháng Năm năm 1992, các cuộc đàm phán đa phương về hợp tác khu vực đã được bắ t đâ u ở Moscow với sự tham gia của Israel, liên đoàn Jordan-Palestine và cộng đô ng quố c tế, nhưng không có Lebanon và Syria.

Mục đích của hội nghị là nhã m phục vụ như một diễn đàn mở cho những người tham gia và không có quyề n áp đặt các giải pháp hoặc phủ quyế t các thỏa thuận. Nó mở đâ u đàm phán trên cả hai kênh song phương và đa phương cùng với sự tham gia của cộng đô ng quố c tế. Các nhà đàm phán Syria và Lebanon đê u nhấ t trí vê một chiế n lược chung.

Trong bài báo "Xung đột Palestine-Israel: Một mở đâ `u cơ bản", hai học giả về `Trung Đông là Gregory Harms và Todd Ferry lập luận ră `ng "ý nghĩa biểu tượng của hội nghị Madrid đã vượt quá những thành tựu vô ´n rấ ´t mỏng manh của nó". Tuy nhiên, với tiêu chí của

Hội nghị Madrid, một ví dụ đã được thực hiện và một mô hình tương lai đã được đặt ra. Hội nghị Madrid là hội nghị đâ u tiên nơi mà đại diện tấ t cả các quố c gia thù địch đã gặp gỡ nhau "mặt đố i mặt".

# Kê t quả:

- Các cuộc đàm phán song phương giữa Israel và Palestine cuố i cùng dẫn để n việc trao đổi thư từ và ký kế t tiế p theo của Hiệp định Hòa bình Oslo I, trên bãi cỏ của Nhà Trắ ng vào ngày 13 tháng Chín năm 1993. Hiệp định này và bản "Tuyên bố về các Nguyên tắ c", cùng với Tiế n trình Hòa bình Oslo, đã được coi là kim chỉ nam cho những đàm phán Israel-Palestine từ đó tới nay. Hiệp định Hòa bình Oslo cho phép PLO rời khỏi Tunisia và trở về Bờ Tây và dải Gaza, lập nên chính quyê n Quố c gia Palestine.
- Những đàm phán giữa Israel-Jordan phát xuấ từ Hội nghị
   Madrid, dẫn đế n Hiệp ước Hòa bình Israel-Jordan năm 1994.
- Các cuộc đàm phán giữa Israel và Syria bao gồ m hàng loạt các cuộc họp tiế p theo, theo một số báo cáo, đã đạt khá nhiề u tiế n bộ, nhưng không dẫn để n một hiệp ước hòa bình nào trong thập niên 1990.

Đây là hội nghị cuố i cùng được tổ chức với sự có mặt của cả Liên Xô và Mỹ. Liên Xô sụp đổ năm sau đó vào tháng Mười Hai năm 1991.

**1993-2000: Tiế n trình Hòa bình Oslo** (giải quyế t xung đột Israel-Palestine)

Hiệp định Hòa bình Oslo I, chính thức được gọi là "*Tuyên bố vê* các *Nguyên tă c cho việc Să p xê p chính phủ Tự trị* Lâm thời" (Declaration of Principles on Interim Self-Government Arrangements), gọi tấ t là "*Tuyên bố vê* các *Nguyên tă c*" (DOP -

Declaration of Principles) là một nỗ lực vào năm 1993 nhà `m thiế t lập một khuôn khổ dẫn để n việc giải quyế t các xung đột đang diễn ra giữa Israel và Palestine. Đây là hiệp ước "mặt đố i mặt" đâ `u tiên giữa chính phủ Israel và PLO.

Các cuộc đàm phán liên quan đế n thỏa thuận này, một kế t quả tự nhiên của Hội nghị Madrid năm 1991, đã được tiế n hành bí mật tại Oslo, Na Uy, được tổ chức bởi Viện Fafo, và hoàn thành vào ngày 20 tháng Tám năm 1993. Tiế p theo trong "Thư Công nhận lẫn nhau" (Letters of Mutual Recognition) vào ngày 9 tháng Chín năm 1993, cả hai phía đề u tuyên bố công nhận phía kia là đố i tác đàm phán. PLO công nhận "quyê n tổ n tại trong hòa bình và an ninh" của Israel, và ngược lại Israel công nhận "PLO là đại diện của nhân dân Palestine".

Hiệp định Oslo I sau đó đã chính thức ký kế t tại một buổi lễ công cộng tại thủ đô Washington, Mỹ, vào ngày 13 tháng Chín năm 1993, trong sự hiện diện của Chủ tịch PLO Yasser Arafat, Thủ tướng Israel Yitzhak Rabin và Tổng thố ng Hoa Kỳ Bill Clinton. Các văn kiện đã được ký kế t giữa Mahmoud Abbas đại diện cho PLO, Bộ trưởng Ngoại giao Israel là Shimon Peres, Ngoại trưởng Hoa Kỳ Warren Christopher và Bộ trưởng Ngoại giao Nga Andrei Kozyrev.

Hiệp định Oslo I đã "định hình các nguyên tắ c cho một quá trình tương lai của việc thành lập một chính quyê `n tự trị lâm thời năm-năm" trên lãnh thổ Palestine gô `m dải Gaza và Bờ Tây. Chính quyê `n Quố c gia Palestine (PNA – Palestine National Authority) được thành lập sẽ mang những chức năng hạn chế trong việc quản lý những vùng lãnh thổ Palestine đang bị chiế m đóng. Hiệp định cũng kêu gọi sự rút lui của Lực lượng Phòng vệ Israel (IDF - Israel Defense Forces) khỏi các khu vực của dải Gaza và Bờ Tây.

Sự sắ p xế p này được dự tính sẽ kéo dài trong một khoảng thời gian tạm thời năm-năm trong đó những đàm phán về "tình trạng lâu dài", hàm ý một "Nhà nước Palestine" độc lập, sẽ được bắ t đâ u không muộn hơn tháng Năm năm 1996, nhã m đạt tới một thỏa thuận cuố i cùng. Các vấ n đề còn tô n tại như Jerusalem, người tị nạn Palestine, các khu định cư của Israel, an ninh và biên giới sẽ là một phâ n của những đàm phán về "tình trạng lâu dài" này.

Vào tháng Năm năm 1994, giai đoạn đ â u tiên của DOP được thực hiện. Arafat trở vê dải Gaza và thành lập chính quyê n Quố c gia Palestine với chức năng là một "chính quyê n tự trị lâm thời năm-năm" theo Hiệp định Oslo I, Tổng thố ng là Yasser Arafat và phâ n lớn nội các là các thành viên Fatah. Arafat đô ng thời là Chủ tịch của PLO. Đa phâ n dải Gaza được chuyển sang quyê n kiểm soát hạn chế của chính quyê n Palestine.

Ngày 28 tháng Chín năm 1995, Thủ tướng Yitzhak Rabin của Israel và Chủ tịch PLO Yasser Arafat ký tiế p tại Washington D.C. bản "Thỏa thuận Lâm thời về Bờ Tây và dải Gaza" được biế t là Hiệp định Oslo II, mở rộng quyề n kiểm soát của chính quyề n Palestine tới các thành phố của Bờ Tây, dưới sự chứng kiế n của Tổng thố ng Hoa Kỳ Bill Clinton, và các đại diện của Nga, Ai Cập, Jordan, Nauy và Liên minh Châu Âu. Theo Hiệp định Oslo II, chính quyề n Palestine được chỉ định có quyề n kiểm soát một diện tích chiế m khoảng 40% của Bờ Tây. Diện tích còn lại 60% nă m dưới sự kiểm soát của Israel. Hiệp định Oslo II được coi là một thỏa thuận tạm thời vì nó được cho là cơ sở cho các cuộc đàm phán tiế p theo.

Cả hai Hiệp định Oslo I và II định hình việc thành lập một chính quyề `n tự trị lâm thời Palestine ở các vùng lãnh thổ Palestine, nhưng chưa đạt được hứa hẹn của một Nhà nước Palestine độc lập. Dù sao những thỏa thuận này cũng đã là một bước đột phá về `khái niệm cơ

bản đạt được bên ngoài khuôn khổ Hội nghị Madrid. Sau đó, một quá trình dài đàm phán được gọi là "Tiế n trình hòa bình Oslo" bắ t đâ `u.

Hỗ trợ tài chính bắ t đâ u đổ vào Palestine từ phương Tây và Nhật Bản. Nhưng không may, xu hướng mới trong quan hệ giữa Israel và Palestine cũng kéo theo một làn sóng bao lực của các nhóm Hô i giáo cực đoan của công đô ng Palestine như Hamas và Thánh chiế n Hô i giáo (Islamic Jihad). Nổi lên ở Gaza vào những năm 1970, Thánh chiế n Hô i giáo là một phong trào chiế n binh có đảng phái chính xác không rõ ràng, tài trơ của Thánh chiế n Hồ i giáo được cho là để n từ Syria, Iran và Hezbollah. Thánh chiế n Hộ i giáo hoạt động chủ yế u ở Bờ Tây và Gaza, và đã nhân trách nhiêm vê nhiê u vu đánh bom tự sát chố ng lại Israel, cùng với các cuộc tấ n công ở Lebanon. Cũng giố ng như Hamas, mục tiêu của Thánh chiế n Hồ i giáo là hủy diệt Israel. Những nhóm cực đoan này ngay lập tức bắ t đâ u một chiế n dịch tấ n công nhă m mục tiêu vào người Israel. Điệ u này khiế n nhiệ u người Israel sợ hãi và tin rặ ng thực tế mới được tạo ra tại các Hiệp định Oslo, cụ thể là sự hiện diện của một lực lượng cảnh sát vũ trang của khoảng 30.000 người Palestine,... có thể dễ dàng chuyển đổi từ hợp tác để thành thù địch.

Trong tháng Mười năm 1998, Arafat và Thủ tướng Israel khi đó là Benjamin Netanyahu đã ký kế t "Biên bản Ghi nhớ Wye" (Wye Memorandum), theo đó "kêu gọi thực hiện các bước triển khai thứ nhấ t và thứ hai của Israel theo DOP trong ba giai đoạn." Ít lâu sau đó, chính phủ Netanyahu đổ và Đảng Lao động của Ehud Barak giành quyê `n kiểm soát Cơ quan Lập pháp Israel (Knesset). Năm 1999, Ehud Barak đã được bâ `u làm Thủ tướng mới của Israel. Barak tiế p tục chính sách của Rabin trong việc hỗ trợ tiế ´n trình hòa bình.

Các Hiệp định Oslo, được gắ n vào với một cái bắ tay mang tính biểu tượng giữa các nhà lãnh đạo Palestine Yasser Arafat và Thủ tướng Israel Yitzhak Rabin trên bãi cỏ Nhà Trắ ng vào năm 1993, đã được ca ngợi như là khởi đâ`u của một tiế´n trình hòa bình với hy vọng sẽ dẫn đế´n một kế´t thúc vĩnh viễn cho cuộc xung đột. Trong Tiế´n trình hòa bình Oslo suố´t những năm 1990, khi cả hai bên có nghĩa vụ phải làm việc hướng tới một "giải pháp hai nhà nước", Israel và PLO đã tiế´p tục nỗ lực đàm phán nhã `m đạt đế´n một thỏa thuận chung. Tuy nhiên, sự lạc quan đã mờ dâ`n khi người Palestine cảm thấ´y vỡ mộng và tiế´p tục số´ng dưới những hạn chế´ bị áp đặt do sự chiế´m đóng của quân đội Israel, và ngược lại Israel thì quá mệt mỏi với các cuộc tấ´n công của các chiế´n binh Palestine cực đoan.

Tiế n trình hòa bình Oslo chấ m dứt với sự thấ t bại của Hội nghị Thượng đỉnh Trại David năm 2000 và sự bùng nổ của Intifada thứ hai.

#### 1994: Hiệp ước Hòa bình Jordan-Israel

Hiệp ước Hòa bình Jordan-Israel đã được ký kế t năm 1994. Lễ ký kế t diễn ra tại biên giới phía nam của Arabah vào ngày 26 tháng Mười năm 1994. Jordan là quố c gia Ả Rập thứ hai, sau Ai Cập, ký hiệp ước hòa bình với Israel.

Hiệp ước giải quyế t mố i quan hệ giữa hai nước, điề ù chỉnh tranh chấ p đấ t đai và lãnh hải, và mở rộng hợp tác trong ngành du lịch và thương mại. Hiệp ước cũng cam kế t ră ng cả Jordan và Israel sẽ không cho phép lãnh thổ của mình trở thành một bàn đạp tấ n công quân sự của một quố c gia thứ ba.

#### 2000: Israel rút quân khỏi Lebanon

Năm 2000, 18 năm sau khi Israel chiế m đóng miề n Nam Lebanon trong cuộc Chiế n tranh Lebanon năm 1982, Israel kế t thúc sự chiế m đóng và đơn phương rút toàn bộ các lực lượng còn lại từ "khu vực an ninh" ở miề n nam Lebanon.

2000: Trại David 2000

Trong khi bạo lực gia tăng với rấ tí thy vọng cho chính sách ngoại giao, vào tháng Bảy năm 2000, Hội nghị Thượng đỉnh Trại David năm 2000 đã được tổ chức nhà `m đạt được một thỏa thuận về `"tình trạng cuố i cùng" của chính quyề `n Palestine. Tuy nhiên Hội nghị đã sụp đổ sau khi Yasser Arafat không chấ p nhận một đề `nghị được soạn thảo bởi các nhà đàm phán Mỹ và Israel. Trong đề `xuấ t này, Barak dự kiế ´n giao lại Palestine toàn bộ dải Gaza, thủ đô Palestine trong một phâ `n của Đông Jerusalem, 73% của Bờ Tây (không bao gồ `m Đông Jerusalem) và sẽ tăng lên mức 90-94% sau 10-25 năm, và bô `i thường tài chính cho người tị nạn Palestine với mục đích hòa bình. Arafat từ chố ´i lời đề `nghị và không đưa ra một đề `nghị thay thế ´ nào.

#### 2000-2005: Cuộc nổi dậy thứ hai (Intifada II)

Sau khi ký kế t Hiệp định Oslo thấ t bại trong việc đem lại một nhà nước Palestine, vào tháng Chín năm 2000. Một chuyế n viế ng thăm gây tranh cãi của Ariel Sharon, lúc đó là thủ lĩnh đảng đố i lập Likud, tới tổ hợp Al Aqsa ở Jerusalem, một địa điểm thiêng liêng với cả người Do Thái và người Hồ ì giáo đã là nguyên cớ gây nên Intifada II. Một thời kỳ gia tăng bạo lực giữa Palestine-Israel đã gây ra thương vong cho hàng ngàn nạn nhân của cả hai bên, gô m cả chiế n binh và thường dân, và được coi là khố c liệt hơn rấ t nhiề u so với Intifada đã u tiên. Nhiê u người Palestine xem Intifada II là một cuộc chiế n hợp pháp trong sự nghiệp giải phóng dân tộc chố ng lại sự chiế m đóng của nước ngoài, trong khi nhiê u người Israel coi đây là một chiế n dịch khủng bố.

Trong bố i cảnh lo ngại ngày càng gia tăng do các vụ đánh bom tự sát chố ng lại Israel của nhóm chiế n binh Palestine như Hamas, quân đội Israel tái chiế m lại các thành phố ở Bờ Tây, đô ng thời siế t chặt các biện pháp an ninh xung quanh các vùng lãnh thổ Palestine, ngăn chặn việc đi lại và buôn bán của hàng ngàn người Palestine tại Israel. Sự thấ t bại của tiế n trình hòa bình và sự bùng nổ

của Intifada II, trong đó bao gồ m sự gia tăng các cuộc tấ n công khủng bố của các nhóm Hồ i giáo cực đoan vào thường dân Israel, khiế n đa số dư luận công chúng và nhiề u lãnh đạo chính trị Israel mấ t niề m tin vào chính quyề n Palestine như một đố i tác hòa bình.

Hoạt động khủng bố của Hamas vẫn gia tăng không ngừng cho để n ngày nay đặc biệt ở dải Gaza.

#### 2001: Hội nghị Thượng đỉnh Taba

Hội nghị Thượng đỉnh Taba là cuộc hội đàm giữa Israel và Palestine, tổ chức từ 21 để n ngày 27 tháng Một năm 2001 tại Taba, thuộc Sinai. Đây là cuộc hội đàm hòa bình nhã m cải thiện các đàm phán về "tình trạng cuố i cùng" để chấ m dứt xung đột Israel-Palestine. Theo lời tuyên bố của các nhà đàm phán vào cuố i các cuộc hội đàm, họ đã gầ n đạt để n một giải pháp cuố i cùng hơn trong bấ t kỳ cuộc đàm phán hòa bình trước đó. Tuy nhiên các cuộc hội đàm đã ngưng vào ngày 27 tháng Một do cuộc bầ u cử sắ p tới của Israel.

Tại Israel, sau sự sụp đổ của chính phủ Barak, ngày 06 tháng Hai năm 2001, Ariel Sharon được bâ `u làm Thủ tướng chính phủ Israel. Sharon mời Đảng Lao động Israel tham gia chính phủ để tăng cường hỗ trợ cho kế hoạch rút quân khỏi dải Gaza. Do tình hình chính trị trong nước chưa ổn định, Sharon đã từ chố i tiế p tục đàm phán với chính quyê `n Palestine tại Hội nghị Thượng đỉnh Taba, hoặc trong bấ t kỳ khía cạnh của Hiệp định Oslo.

#### 2002: Hội nghị Thượng đỉnh Beirut 2002

Hội nghị thượng đỉnh Beirut của các nhà lãnh đạo chính phủ Ả Rập diễn ra tháng Ba năm 2002 dưới sự bảo trợ của Liên đoàn Ả Rập. Hội nghị thượng đỉnh kế t thúc với một kế hoạch nhà m chấ m dứt xung đột Israel-Palestine. Một phâ n của kế hoạch này là tấ t cả các quố c

gia Å rập sẽ bình thường hóa quan hệ với Israel và mang đế n dấ u chấ m hế t cho các cuộc xung đột Israel - Ả Rập để đổi lấ y việc Israel rút hoàn toàn khỏi Cao nguyên Golan, dải Gaza và Bờ Tây bao gố m cả Đông Jerusalem. Ngoài ra, kế hoạch yêu câ u Israel thỏa thuận việc thành lập một nhà nước Palestine độc lập, và những cái mà kế hoạch mô tả như là "một giải pháp" cho những người tị nạn Palestine phù hợp với Nghị quyế t Đại hội đô ng Liên Hợp Quố c 194. Israel bác bỏ các từ ngữ của sáng kiế n này và tuyên bố Israel chưa sẵn sàng nhập cuộc đàm phán như kêu gọi của Liên đoàn Ả Rập với lý do Israel không chấ p nhận "rút lui triệt để về biên giới năm 1967 và quyê n hô i hương cho người tị nạn Palestine". Tuy nhiên, người phát ngôn chính thức của Israel bày tỏ sự hoan nghênh về một sáng kiế n Ả Rập cho hòa bình và bình thường hóa quan hệ với Israel trong khu vực.

# 2002: Chiế n dịch Lá chắ n Phòng thủ (Operation Defensive Shield)

Sau một thời gian tương đố i kiể m chế về phía Israel, một cuộc tấ n công tự sát xảy ra vào ngày 27 tháng Ba năm 2002 tại khách sạn Park Hotel tại Netanya, khiế n cho 30 người Do Thái bị sát hại. Sharon ra lệnh tiế n hành "Chiế n dịch Lá chă n Phòng thủ", một chiế n dịch quân sự quy mô lớn được các lực lượng Quố c phòng Israel từ 29 tháng Ba đế n ngày 10 tháng Năm năm 2002 tại các thành phố Palestine ở Bờ Tây thực hiện. Chiế n dịch này đã góp phâ n đáng kể vào việc giảm bớt các cuộc tấ n công khủng bố của các nhóm Hồ i giáo cực đoan tại Israel.

Cũng là một phâ`n của những nỗ lực chố ng khủng bố Palestine, vào tháng Sáu năm 2002, Israel đã bắ t đâ`u xây dựng Hàng rào Bờ Tây (West Bank Fence) dọc theo ranh giới Green Line (5), một công trình dài 712 km một phâ`n tường, một phâ`n hàng rào ngăn cách các khu định cư của Israel với các cộng đô ng người Palestine ở Bờ Tây. Sau khi hàng rào được dựng lên, đánh bom tự sát Palestine vào Bờ Tây

và các cuộc tấ n công khác trên khă p Israel giảm 90%. Tuy nhiên, hàng rào này đã trở thành một vấ n đề lớn liên quan để n sử dụng đấ t đai và đi lại của người dân Palestine.

Năm 2004, Tòa án quố c tế ở Hague đã ban hành một "ý kiế n tư vấ n" (một bản án không có hiệu lực pháp luật) tuyên bố các hàng rào là bấ t hợp pháp. Israel bác bỏ phán quyế t, nói rã ng hàng rào là rấ t quan trọng để bảo vệ họ.

#### 2002: Lộ trình Hòa bình

Vào tháng Bảy năm 2002, "Bộ Tứ" gồ m Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, Liên Hợp Quố c, và Nga đã phác thảo các nguyên tắ c cho "lộ trình hòa bình", một thời gian biểu theo từng giai đoạn được thiế t kế để dẫn đế n một nhà nước Palestine độc lập tổ n tại song song cùng với nhà nước Israel. Cả Hoa Kỳ và Israel từ chố i làm việc với Arafat và đã kêu gọi một vị trí Thủ tướng mới của Palestine. Lộ trình đã được phác họa vào tháng Tư năm 2003 sau khi Arafat bổ nhiệm Mahmoud Abbas là Thủ tướng đâ u tiên của chính quyê n Palestine vào ngày 19 tháng Ba năm 2003.

Gác sang một bên các vấ n đề gây tranh cãi như quyề n hồ i hương của người tị nạn Palestine, tình trạng của Jerusalem, và biên giới của một nhà nước Palestine, Lộ trình 2003 đặt ra một thời gian biểu hai năm mà thỏa thuận về một giải pháp cuố i cùng có thể đạt được. Bộ Tứ kêu gọi Israel và chính quyề n Palestine hành động độc lập, và hoãn lại các tranh chấ p cho để n khi mố i quan hệ giữa hai phía được thiế t lập. Trong bước đầ u tiên, chính quyề n Palestine phải "thực hiện những nỗ lực có thể nhìn thấ y trên mặt đấ t để bắ t giữ, làm gián đoạn, và hạn chế các cá nhân và các nhóm đang điề u hành và lập kế hoạch các cuộc tấ n công bạo lực vào Israel ở bấ t cứ nơi nào" và "bộ máy an ninh Palestine phải được tổ chức lại để có thể duy trì, mục tiêu và hoạt động có hiệu quả đố i phó với tấ t cả những

ai tham gia hoạt động khủng bố cũng như triệt tiêu các khả năng và cơ sở hạ tâ ng của khủng bố ."Vê phía Israel: Israel được yêu câ u dỡ bỏ các khu định cư thành lập sau tháng Ba năm 2001, ngừng tấ t cả hoạt động định cư, di chuyển quân đội khỏi các khu vực của người Palestine bị chiế m đóng sau ngày 28 tháng Chín năm 2000, chấ m dứt lệnh giới nghiêm và giảm bớt các hạn chế di chuyển của người và hàng hóa.

Theo kế hoạch hòa bình, chính quyề n Palestine đã kiề m chế hoạt động của phiế n binh, và bắ t tay vào một chiế n dịch pháp luật và trật tự do Mỹ hậu thuẫn ở Bờ Tây. Nhưng tại dải Gaza, Hamas bác bỏ lời kêu gọi công nhận Israel và từ bỏ bạo lực.

Mặc dù lộ trình chưa được chính thức bị bỏ rơi, tiế n trình hòa bình đã tam thời bị treo lai.

# 2003: Hội nghị Thượng đỉnh Aqaba

Theo sau tình hình kinh tế và an ninh nghiêm trọng ở Israel, Đảng Likud do Ariel Sharon đã chiế n thắ ng áp đảo trong cuộc bầ ù cử của Israel vào tháng Một năm 2003. Cuộc bầ ù cử đã dẫn tới một thỏa thuận ngừng bắ n tạm thời giữa Israel và Palestine, và Hội nghị Thượng đỉnh Aqaba trong tháng Năm năm 2003. Trong Hội nghị, Sharon đã thông qua Lộ trình Hòa bình được Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu và Nga đưa ra, mở ra một cuộc đố i thoại với Mahmoud Abbas, và công bố cam kế t của mình để thành lập một nhà nước Palestine trong tương lai. Sau cam kế t về Lộ trình, "Bộ Tứ về Trung Đông" được thành lập, bao gồ m đại diện từ Hoa Kỳ, Nga, EU và Liên Hợp Quố c là cơ quan trung gian của cuộc xung đột Israel-Palestine.

Nhiệm kỳ Thủ tướng Palestine của Abbas được đặc trưng bởi nhiê `u cuộc xung đột giữa ông và Arafat trong việc phân chia quyê `n lực giữa hai người. Hoa Kỳ và Israel cáo buộc Arafat không ngừng phá hoại Abbas và chính phủ của ông. Bạo lực tiế ´p diễn và âm mưu ám sát

những người Israel "mục tiêu" của những kẻ khủng bố buộc Abbas cam kế t một cuộc đàn áp để tăng cường uy tín của chính quyề n Palestine trong Lộ trình Hòa bình. Điề u này dẫn đế n một cuộc đấ u tranh quyề n lực giữa ông và Arafat trong quyề n kiểm soát các hoạt động an ninh Palestine. Arafat từ chố i nhường quyề n kiểm soát cho Abbas và ngăn ngừa Abbas sử dụng chúng trong các chiế n dịch truy quét phiế n quân. Abbas từ chức Thủ tướng chính phủ trong tháng Mười năm 2003, với lý do thiế u sự hỗ trợ từ Israel và Mỹ cũng như "kích động nội bộ" chố ng lại chính phủ của ông.

Sau cái chế t của Chủ tịch chính quyề n Palestine Yasser Arafat, cũng là người lãnh đạo lâu năm của PLO, vào tháng Mười Một năm 2004, Mahmoud Abbas lại quay trở lại và được bầ u làm Tổng thố ng của chính quyề n Palestine vào tháng Một năm 2005 và tiế p tục cho để n ngày nay.

#### 2005: Israel hoàn toàn rút khỏi dải Gaza

Năm 1993, sau những thỏa thuận hòa bình giữa Palestine- Israel, được gọi là Hiệp định Hòa bình Oslo, đa phâ`n dải Gaza được chuyển sang quyề `n kiểm soát hạn chế ´ của chính quyề `n Palestine. Tháng Hai năm 2005, chính phủ Israel thông qua kế ´ hoạch đơn phương rút quân gây nhiề `u tranh cãi của Thủ tướng Ariel Sharon khỏi dải Gaza bắ ´t đâ `u từ ngày 15 tháng Tám năm 2005. Kế ´ hoạch này yêu câ `u dỡ bỏ toàn bộ các khu định cư của người Israel, và dời toàn bộ người định cư Israel cùng các căn cứ quân sự khỏi dải Gaza, một tiế ´n trình được dự định hoàn thành vào ngày 12 tháng Mười Hai năm 2005 khi chính quyề `n Israel chính thức tuyên bố ´ kế ´t thúc giai đoạn quân quản ở dải Gaza sau 38 năm kiểm soát.

# 2006: Cuộc chiế n Lebanon 2006

Cuộc chiế n tranh Lebanon 2006 bắ t đâ u vào ngày 12 tháng Bảy năm 2006, với một cuộc tấ n công của nhóm Hô i giáo cực đoan

Hezbollah tai Lebanon vào Israel. Ba binh sĩ Israel đã thiệt mang, hai người bị bắ t cóc và bắ t làm tù binh. Trong một hoạt động tìm kiế m cứu nạn để tìm lại những người lính bị bắ t, thêm năm binh sĩ Lực lượng Phòng vệ Israel thiệt mạng. Nó đánh dấ u sự khởi đã u của một làn sóng mới của cuộc xung đột giữa Israel và Hezbollah. Quân đội Israel ta n công thủ đô Lebanon, sân bay quố c tế duy nhất của Lebanon, và nhiệ u vùng ở miệ n nam Lebanon, trong khi lực lượng chiế n binh Lebanon, chủ yế u là Hezbollah, bắ n phá các thành phố miệ n Bắ c của Israel và thâm chí cả thành phố Haifa ở miệ n Nam. Cuộc xung đột đã đưa đế n cái chế t của khoảng 1.191-1.300 người, hâ u hế t trong số đó là dân thường Lebanon và chiế n binh Hezbollah, 165 người Israel, đã khiế n di dời khoảng một triệu người Lebanon và 300.000-500.000 người Israel. Lo ngại ngày càng tặng và tình hình được dự đoán xấ u hơn nữa, với khả năng rặ ng Syria hoặc Iran sẽ tham gia cuộc chiế n. Tuy nhiên, một lệnh ngừng bắ n của Liên Hợp Quố c đã được ký kế t và cuộc chiế n chấ m dứt vào ngày 14 tháng Tám.

# 2007: Hamas giành quyê`n kiểm soát dải Gaza

Vào thời gian này, tín nhiệm của Hamas trong cộng đô `ng người Palestine lên cao do cảm nhận ră `ng, trái ngược với đảng đố i thủ Fatah, Hamas không dính vào tham nhũng. Trong cuộc bâ `u cử Hội đô `ng Lập pháp Palestine (Quố c hội) vào ngày 25 tháng Một năm 2006, Hamas giành chiế ´n thă ´ng, với 76 ghế ´ trong tổng số ´ 132 ghế ´, và trở thành người lãnh đạo trong chính phủ Đoàn kế ´t Dân tộc Palestine. Phe thiểu số ´ là Fatah. Do tính chấ ´t của hệ thố ´ng nghị viện của Palestine, điể `u này có nghĩa là Hamas cũng kiểm soát các vị trí điề `u hành của chính quyề `n Palestine, trong đó có vị trí Thủ tướng chính phủ và nội các. Ismail Haniyeh của Hamas được đề ` cử cho vị trí Thủ tướng mới của chính quyề `n Palestine. Mahmoud Abbas của Fatah vẫn là Tổng thố ´ng. Tuy nhiên, chính phủ Đoàn kế ´t Dân tôc Palestine đã sup đổ khi cuộc xung đột bao lực giữa Hamas và Fatah

nổ ra sau đó, chủ yế u là ở dải Gaza. Sau khi Hamas chiế m quyề n kiểm soát dải Gaza vào ngày 14 tháng Sáu năm 2007, Tổng thố ng Mahmoud Abbas của chính quyề n Palestine đã giải tán chính phủ do Hamas lãnh đạo và thành lập một chính phủ khẩn cấ p do Fatah lãnh đạo ở Bờ Tây do Salam Fayyad làm Thủ tướng.

Sự việc này đã chia đôi chính quyề n Palestine thành hai chính thể và cả hai đề u tuyên bố ră ng mình là đại diện thực sự của người dân Palestine. Fatah kiểm soát Palestine ở Bờ Tây và Hamas kiểm soát dải Gaza. Liên minh châu Âu và Hoa Kỳ vẫn coi Hamas là tổ chức "khủng bố", và chiế n thă ng bâ u cử của Hamas dẫn đế n một cuộc tẩy chay viện trợ của các chính phủ phương Tây.

### 2007: Hội nghị Annapolis

Nhận thức toàn cầ`u từ trung tâm của cuộc xung đột Israel-Palestine tới các sự kiện ở Iraq, Lebanon, và "cuộc chiế n chố ng khủng bố", cùng với lo ngại về sự xuấ t hiện của hai đố i thủ Fatah và Hamas trong các vùng lãnh thổ Palestine, đã làm số ng lại sự quan tâm của lãnh đạo phương Tây trong nỗ lực ngoại giao để chấ m dứt cuộc khủng hoảng. Từ tháng Mười Hai năm 2006 đế n giữa tháng Chín năm 2008, Thủ tướng Israel Ehud Olmert và Tổng thố ng Mahmoud Abbas của chính quyề n Palestine đã gặp nhau 36 lầ n; cũng có những cuộc hội đàm cấ p thấ p hơn.

Tháng Mười Một năm 2007, tại một hội nghị do Hoa Kỳ tổ chức ở Annapolis, Maryland, các nhà lãnh đạo Israel và Palestine đã nổ i lại các cuộc đàm phán hòa bình chính thức đâ u tiên sau bảy năm. Trong nỗ lực của mình để thương lượng một hiệp ước hòa bình và thiế t lập một nhà nước Palestine, Olmert đã đề xuấ t một kế hoạch cho người Palestine. Trung tâm của đề xuấ t của Olmert là một đường biên giới vĩnh viễn, dựa vào đó Israel sẽ rút khỏi phâ n lớn Bờ Tây. Đổi lai phâ n đấ t mà Israel giữ lai ở Bờ Tây, người Palestine sẽ được

nhận đấ t thay thế ở Negev, tiế p giáp với dải Gaza, cũng như đường liên kế t lãnh thổ cho tự do đi lại giữa dải Gaza và Bờ Tây. Theo đề nghị của Tổng thố ng Abbas, hơn 60% những người định cư sẽ ở lại tại chỗ. Olmert, về phâ n mình, đã trình bày một kế hoạch trong đó các khu định cư thưa thớt nhấ t sẽ được sơ tán. Olmert và Abbas cả hai thừa nhận ră ng mố i quan hệ tương hỗ là câ n thiế t, không tách biệt đóng kín. Họ cũng thừa nhận sự câ n thiế t phải chia sẻ một hệ sinh thái kinh doanh duy nhấ t, trong khi hợp tác mạnh mẽ trên mặt nước, an ninh, băng thông, ngân hàng, du lịch và các lĩnh vực khác. Về Jerusalem, các nhà lãnh đạo đô ng ý ră ng khu dân cư của người Do Thái vẫn nên thuộc chủ quyề n của Israel, trong khi các khu dân cư Ả Rập sẽ thuộc chủ quyề n của Palestine. Cuố i cùng người Palestine bác bỏ kế hoạch của Olmert với lý do ră ng nhà nước Palestine như hình dung sẽ thiế u sự liên tục về lãnh thổ cũng như thủ đô của nó là Jerusalem.

### 2008: Cuộc chiế n Gaza 2008 (Operation Cast Lead)

Do tính chấ t cực đoan của Hamas, sự thù địch giữa Hamas và Israel ngày càng tăng. Ai Cập làm trung gian thỏa thuận ngừng bắ n Israel-Hamas 2008, kéo dài nửa năm bắ t đâ u từ ngày 19 tháng Sáu năm 2008 cho để n ngày 19 tháng Mười Hai năm 2008. Ngay sau đó Hamas tiế p tục tăng cường các cuộc tấ n công tên lửa sang đấ t Israel, lấ y có là do các cuộc tấ n công của Israel và việc Israel phong tỏa liên tục dải Gaza. Để đáp trả, Israel mở cuộc tấ n công lớn nhấ t tại Gaza trong vòng bố n thập niên qua với mục tiêu là để ngăn chặn chiế n binh Hamas bắ n rocket vào Israel, mở đâ u chiế n dịch Operation Cast Lead kéo dài ba tuâ n từ ngày 27 tháng Mười Hai năm 2008 và kế t thúc ngày 18 tháng Một năm 2009 với tuyên bố ngừng bắ n đơn phương của Israel.

Theo Trung tâm Nhân quyề `n Palestine, 1.417 người trong đó có 926 dân thường thiệt mạng. Israel mấ t 10 binh sĩ và ba dân thường

trong chiế n đấ u. Israel ước tính 1.166 người Palestine thiệt mạng, trong đó là 295 người dân thường.

Các cuộc không kích đã gây hư hại bệnh viện, hệ thố ng cấ p nước, các tổ hợp của Liên Hợp Quố c, nhà thờ Hồ i giáo và các tòa nhà chính phủ cũng như nhà riêng. Israel cáo buộc Hamas đã trú quân lẫn lộn trong các khu dân cư và sử dụng nhà thờ Hồ i giáo và trường học làm các cứ điểm quân sự. Các quan chức chính phủ Israel cho biế t mục tiêu của chiế n dịch là nhã m làm suy yế u Hamas bă ng cách tiêu diệt lực lượng chiế n binh và phá hủy kho vũ khí tên lửa của Hamas. Israel cũng ném bom phá hủy mạng lưới các đường hâ m đế n Gaza từ nước láng giê ng Ai Cập. Người Palestine sử dụng mạng lưới này để nhập lậu vũ khí. Israel rút quân ra khỏi dải Gaza hai ngày sau tức là ngày 21 tháng Một năm 2009.

## 2010: Hội đàm trực tiế p

Năm 2009, Thủ tướng mới của Israel Benjamin Netanyahu cam kế t sẽ đàm phán với người Palestine và lâ n đâ u tiên chấ p nhận triển vọng của một nhà nước Palestine trong tương lai nhưng nhấ n mạnh ră ng người Palestine câ n phải thể hiện những cử chỉ đố i ứng và chấ p nhận hai nguyên tắ c: 1. công nhận Israel là nhà nước quố c gia của người Do Thái; 2. nhà nước Palestine trong tương lai phải là phi quân sự và chấ p nhận những cam đoan vê an ninh, bao gô m các đường biên giới phòng thủ cho Israel. Cuố i năm đó, Nhà Trắ ng tuyên bố sẽ tổ chức một cuộc họp ba bên giữa Tổng thố ng Obama, Thủ tướng Netanyahu của Israel và Tổng thố ng Mahmoud Abbas của Palestine, trong một nỗ lực đặt nê n móng cho các cuộc đàm phán mới vê hòa bình Trung Đông.

Tháng Chín năm 2010, lâ n đâ u tiên sau hai năm, chính quyê n Obama lại thúc đẩy hô i sinh lại tiế n trình hòa bình đang bị ngưng trệ bă ng cách kéo các bên liên quan đô ng ý ngô i xuố ng đàm phán

trưc tiế p. Mục đích của các cuộc đàm phán là tạo ra khuôn khổ cho một thỏa thuận cuố i cùng trong vòng một năm, mặc dù kỳ vọng chung của thành công là rấ t thấ p. Các cuộc đàm phán nhặ m mục tiêu là đưa cuộc xung đột Israel-Palestine vào hộ`i kế t thúc chính thức bă ng cách hình thành một giải pháp hai nhà nước cho cả hai dân tộc Do Thái và Palestine, thúc đẩy ý tưởng vê hòa bình vĩnh cửu và chính thức chấ m dứt mọi khiế u nại về đấ t đai, cũng như chấ p nhận bác bỏ bấ t cứ sự trừng phạt mạnh mẽ nế u bạo lực tái xuấ t hiên. Tuy nhiên hai nhóm Hôìi giáo cực đoan Hamas tại Gaza và Hezbollah tại Lebanon vẫn tiế p tục đe dọa dùng bạo lực, đặc biệt là nê u Israel hoặc Palestine có biểu hiện thỏa hiệp để đạt tới thỏa thuận. Hamas luôn khẳng khẳng lên án các khái niệm vê các cuộc đàm phán trực tiế p với Israel và không công nhận quyề n tô n tại của Israel. Kế t quả là, chính phủ Israel công khai tuyên bố rặ ng hòa bình không thể tố n tại ngay cả khi cả hai bên đã ký thỏa thuận, do lập trường quá cực đoan của Hamas và Hezbollah. Do đó, Hoa Kỳ buộc phải tái tập trung vào việc loại bỏ các mố i đe dọa gây ra bởi lập trường của Hamas và Hezbollah như một phâ n của tiế n trình hội đàm trực tiế p. Israel vê phâ n mình, hoài nghi ră ng một thỏa thuận cuố i cùng sẽ đạt được và tình hình sẽ thay đổi, vì Hamas và Hezbollah vẫn sẽ nhận được hỗ trợ để châm lửa cho những bao lực mới. Ngoài ra, chính phủ Israel bác bỏ bấ t kỳ thỏa thuận có thể với Palestine chừng nào Palestine vẫn từ chố i công nhận Israel là một nhà nước Do Thái.

Điề ù này phù hợp với nguyên tắ c của giải pháp hai nhà nước, lâ n đã ù tiên được đề xuấ t vào những năm 1980. Khuynh hướng chính trong nội bộ PLO cho thấ y họ chấ p nhận nghiêm túc khái niệm về thỏa hiệp lãnh thổ và ngoại giao và cho thấ y sự quan tâm nghiêm túc của họ về vấ n đề này. Trong các cuộc hội đàm năm 2010, Tổng thố ng Palestine Mahmoud Abbas nói ră ng Palestine và Israel đã đô ng ý trên nguyên tắ c việc hoán đổi đấ t, nhưng Israel

vẫn chưa xác nhận. Vấ n đề còn tranh cãi là tỷ lệ đấ t Israel sẽ trao trả cho người Palestine để đổi lấ y việc giữ lại các khu định cư, với người Palestine đòi hỏi tỷ lệ này là 1: 1, và Israel muố nít hơn. Vào tháng Tư năm 2012, Mahmoud Abbas đã gửi thư để n Benjamin Netanyahu nhă c lại ră ng để tiế p tục các cuộc đàm phán hòa bình, Israel phải ngừng xây dựng các khu định cư ở Bờ Tây, bao gô m cả Đông Jerusalem, và chấ p nhân đường biên giới năm 1967 làm cơ sở cho giải pháp hai nhà nước. Tháng Năm nă m 2012, Tổng thố ng Abbas nhặ c lai sư sẵn sàng làm việc với người Israel nế u Israel đệ xuấ t "bấ t cứ điệ `u gì hứa hẹn hay tích cực". Netanyahu trả lời bức thư tháng Tư của Abbas chưa đâ y một tuâ n sau đó và, là n đâ u tiên, chính thức thừa nhân quyề n của người Palestine để có nhà nước riêng của họ, mặc dù cũng như trước đây ông tuyên bố nhà nước Palestine sẽ phải là phi quân sự, và cho biế t chính phủ đoàn kế t dân tộc mới của Palestine phải tạo cơ hội nổ i lại các cuộc đàm phán và hướng vê phía trước.

## 2012: Cuộc chiế n Gaza 2012 (Operation Pillar of Defense)

Tháng Mười Một năm 2012, Israel phát độ ng chiế n dịch Operation Pillar of Defense mở màn với việc tiêu diệt chỉ huy trưởng quân sự Ahmed Al-Jaabari của Hamas trong một cuộc không kích chính xác vào ngày 14 tháng Mười Một. Israel cho biế t vụ tấ n công này là để đáp trả lại các vụ leo thang tấ n công tên lửa từ Gaza. Ngày hôm sau hai quả rocket từ Gaza nhấ m vào mục tiêu Tel Aviv, đây là cuộc tấ n công đầ u tiên của Hamas vào thủ đô thương mại của Israel trong 20 năm. Israel tiế p tục cuộc tấ n công của mình bă ng cách bắ n phá Gaza từ mặt đấ t, trên không và trên biển, và huy động hàng chục ngàn quân dự bị dọc biên giới với Gaza. Chiế n binh Hamas và Thánh chiế n Hồ i giáo đã bắ n 1.456 quả rocket sang đấ t Israel, và 142 rocket roi trên đấ t Gaza.

Khoảng 133 người Palestine - trong đó có nhiệ u trẻ em - đã thiệt mạng, 840 người bị thương, nhiệ u gia đình đã mấ t nhà cửa, và sáu người Israel đã thiệt mạng do tên lửa trước khi một thỏa thuận ngừng bắ n do Ai Cập làm trung gian có hiệu lực từ ngày 21 tháng Mười Một năm 2012.

### 2013-2014: Các cuộc hội đàm

Ngày 17 tháng Bảy năm 2013, Ngoại trưởng Hoa Kỳ John Kerry đã giành được sự chứng thực từ Liên đoàn Ả Rập về "công thức" liên quan đế n các khuyế n khích kinh tế cho người Palestine và bảo đảm an ninh cho Israel cùng với một khuôn khổ chính trị mới cho các cuộc đàm phán. Lãnh đạo Palestine tỏ ra ngâ n ngại trước đề xuấ t này. Ngày 19 tháng Bảy, sau khi trao đổi với Tổng thố ng Palestine Mahmoud Abbas, Kerry thông báo ră ng các nhà lãnh đạo Israel và chính quyê n Palestine đã "thiế t lập một cơ sở" nổ i lại các đàm phán hòa bình trực tiế p lâ n đâ u tiên trong ba năm. Tuy nhiên, chính phủ Palestine ở Gaza, Hamas, đã từ chố i tuyên bố của Kerry, trong khi nêu ra ră ng Abbas không có quyê n đàm phán nhân danh người Palestine.

Mỗi khi hai bên să p đạt để n một thỏa thuận hòa bình bà ng cách nào đó, Hamas luôn luôn xuấ t hiện và là những trở ngại mà Palestine dường như không thể vượt qua nổi.

## 2014: Cuộc chiế n Gaza 2014 (Operation Protective Edge)

Căng thẳng leo thang một lâ n nữa vào tháng Sáu năm 2014 khi ba thanh thiế u niên Israel bị bắ t cóc ở Bờ Tây. Hamas đã không xác nhận hoặc từ chố i vai trò trong vụ bắ t cóc. Israel bắ t giữ hàng trăm nhà hoạt động Hamas, và Hamas đã trả đũa bă ng cách bắ n hàng trăm tên lửa từ Gaza nhă m vào Tel Aviv. Israel bắ t đâ u bắ n phá Gaza vào ngày 8 tháng Sáu và khởi động bộ binh ngày 18 tháng Bảy, nhã m phá hủy các kho tên lửa của Hamas và một mạng lưới rộng lớn

các đường hà m được sử dụng để đưa hàng lậu và vũ khí vào và ra khỏi Gaza.

Tuy nhiên, Hamas đã duy trì được đề u đặn việc nã từng đợt tên lửa trong suố t cuộc xung đột, bấ t chấ p sự tấ n công dữ dội từ Không lực Israel và các đợt pháo kích của Tel Aviv. Theo tin tình báo Israel, chừng 3.300 trái tên lửa đã nã vào phía Israel. Lực lượng Phòng vệ Israel (IDF) nói đã phá hủy được chừng hơn 3.000 quả. Cơ quan này đánh giá là có chừng 3.000 quả hiện còn ở Gaza.

Trong Cuộc chiế n Lebanon ở phía Bắ c của Israel năm 2006, Hezbollah đã bắ n khoảng 4.000 tên lửa (phâ n lớn trong số đó là tên lửa tâ m ngặ n Katyusha) vào miê n Bặ c Israel, kể cả Haifa, thành phố lớn thứ ba của nước này, giế t chế t 44 thường dân và buộc 250.000 công dân Israel phải sơ tán. Khoảng một triệu người Do Thái phải số ng trong các hâ m trú bom trong suố t cuộc xung đột.

Ở phương Nam, từ năm 2000 để n năm 2008, Hamas đã bắ nhơn 8.000 đầ ù đạn (ước tính khoảng 4.000 tên lửa và 4.000 bom vữa) từ dải Gaza vào các trung tâm dân cư của Israel. Hầ ù như các tên lửa bắ n ra là loại tên lửa Qassams được phóng từ bệ phóng Grad 122 mm cho cự ly rộng hơn so với các phương pháp phóng khác. Gầ n một triệu người Do Thái số ng ở miề n Nam đề ù nă m trong phạm vi tên lửa, đặt ra một mố i đe dọa an ninh nghiêm trọng cho đấ t nước Israel và công dân của mình.

Để ngăn chặn các cuộc tấ n công tên lửa của Hezbollah và Hamas, vào tháng Hai năm 2007, Bộ trưởng Quố c phòng Israel Amir Peretz quyế t định phát triển một hệ thố ng phòng thủ phòng không với tên gọi là "Iron Dome" tức là "Vòm Sắ t" thực chấ t là một hệ thố ng tên lửa có khả năng đánh chặn và tiêu diệt tên lửa và đạn pháo tâ m ngắ n bắ n trong khoảng cách bố n đế n 70 km. Vòm Sắ t được tuyên bố đưa vào hoạt động từ năm 2011 và đã chứng tỏ là một yế u

tố làm thay đổi cục diện trong vòng xoáy bạo lực hiện nay giữa Israel với tổ chức Hamas của người Palestine ở dải Gaza. Trong các xung đột gâ n đây trong những năm 2011-2014, các chiế n binh Hamas ở Gaza đã bă n hàng ngàn tên lửa vào Israel, với một số đạt tâ m bă n hơn 100 km sâu vào lãnh thổ và nhấ m tới những khu vực đông dân. Tuy nhiên, 90%-95% các tên lửa này đã bị Vòm Sắ t đánh chặn nên gây rấ t ít thiệt hai cho phía Israel. Thành công của hệ thố ng phòng thủ Vòm Să t đô ng nghĩa với việc đương kim Thủ tướng Israel Benjamin Netanyahu có khả năng sử dung Vòm Sắ t để duy trì chính sách quản lý xung đột mà ít lo bị trả đũa. "Vòm Să t đã thay đổi tính toán của giới chính trị Israel," một cựu quan chức cấ p cao nói. "Nó cho phép chính phủ Israel kháng cự lại áp lực của công chúng trong nước và áp lực của giới quân đội muố n nhanh chóng chấ m dứt xung đột". Hệ thố ng Vòm Să tít nhiệ u mang lại cho Israel sức đề kháng trước các lực lượng thù địch được trang bị tên lửa như chiế n binh Hezbollah ở phía Bă c và Hamas ở dải Gaza. Điệ u này có thể khiệ n thỏa thuận dàn xế p hòa binh lâu dài giữa Israel và các nước láng giê ng dường như không còn cấ p bách với Israel nữa.

Sáng kiế n lớn của Hamas trong chiế n dịch này là dùng các đường hâ m (và các đơn vị nhỏ chở bă ng đường biển) để xâm nhập Israel. Israel đã chặn được một nhóm các tay súng từ một đường hâ m hô i giữa tháng Bảy, dẫn đế n việc mở chiế n dịch trên bộ với mục đích chính là nhă m tìm phá các đường hâ m. Nhưng trở ngại cho IDF là họ đã không nă m được hế t mức độ rộng lớn của hệ thố ng đường hâ m, cũng không được huấ n luyện hiệu quả để xử lý nó. Nhiê u trường hợp thương vong phát sinh do giao tranh ở các khu đông dân, nơi mà các tay súng Palestine thoă t ẩn thoă t hiện rô i nhanh chóng biế n mấ t xuố ng lòng đấ t.

Giố ng như Hoa Kỳ và các đô ng minh ở Iraq và Afghanistan, Israel nhanh chóng học được ră ng việc sử dụng lực lượng áp đảo trong một cuộc xung đột không cân xứng là không hiệu quả, chưa kể khi các cơ sở quân sự của đố i phương lại được đặt lẫn lộn trong các khu dân cư.

Sau bảy tuâ n giao tranh, ngày 27 tháng Tám năm 2014, hai bên đã ký thỏa thuận ngừng bắ n do Ai Cập làm trung gian. Khoảng 2.140 người, hâ u hế t là thường dân Palestine, đã thiệt mạng tại Gaza, theo thông báo của Bộ Y tế Palestine.

# CÁC PHÁT TRIỂN HIỆN NAY

Syria

Sau Hội nghị Madrid 1991, đã có một vài cuộc đàm phán giữa Israel và Syria, và, theo một số báo cáo, đã đạt khá nhiê u tiế n bộ, nhưng không dẫn để n một hiệp ước hòa bình nào trong thập niên 1990.

Năm 2007, một số quan chức Israel khẳng định ră ng đã có một số tiế n bộ mang tính xây dựng trong các cuộc đàm phán chưa công bố với Syria. Syria đã nhiệ `u lâ `n yêu câ `u Israel bắ ´t đâ `u lại các cuộc đàm phán hòa bình với chính phủ Syria. Tranh luận diễn ra trong nội bộ chính phủ Israel vê `mức độ nghiêm túc của lời mời đàm phán này của Syria. Hoa Kỳ yêu câ `u Israel ngừng các cuộc liên lạc thăm dò với Syria để kiểm tra xem Damascus có nghiêm túc khi tuyên bố ´ ý định của mình trong việc tiế ´p tục các cuộc đàm phán hòa bình với Israel. Ngoại trưởng Mỹ Condoleezza Rice (nhiệm kỳ 2005- 2009) đã thể hiện quan điểm mạnh mẽ của Washington vê `vâ ´n đê `này với các quan chức Israel ră `ng không nên cố ´ gắ ´ng ngay cả các cuộc đàm phán thăm dò với Syria. Israel cho đế ´n nay vẫn tuân theo yêu câ `u của Washington.

Từ đó cho để n hiện tại, có một vài va chạm nhỏ xảy ra giữa các lực lượng Israel và Syria ở khu vực quanh biên giới hai nước, nhưng không

có thiệt hại gì đáng kể. Israel, một cách không chính thức, đã sáp nhập cao nguyên Golan vào lãnh thổ của mình sau cuộc chiế n Sáu ngày.

#### Lebanon

Quan hệ Israel-Lebanon chưa bao giờ tố `n tại trong điể `u kiện kinh tế ´, ngoại giao bình thường, nhưng Lebanon là quố ´c gia đã `u tiên trong Liên đoàn Ả Rập phát ra tín hiệu mong muố ´n một hiệp ước đình chiế ´n với Israel vào năm 1949. Lebanon sau đó không tham gia vào các Cuộc chiế ´n Sáu ngày năm 1967 và Cuộc chiế ´n Yom Kippur năm 1973, và cho để ´n đã `u những năm 1970 biên giới Lebanon với Israel là biên giới yên tĩnh nhấ ´t bên cạnh các quố ´c gia Ả Rập khác. Trong lịch sử, Israel và Lebanon đề `u người Canaanite.

Tháng Ba năm 1983, Israel và Lebanon ký kế t một thỏa thuận ngừng bắ n. Tuy nhiên, Syria đã gây sức ép buộc Tổng thố ng Amin Gemayel của Lebanon phải hủy bỏ hiệp ước này vào tháng Ba năm 1984. Tháng 6 năm 1985, Israel rút hâ u hế t quân khỏi Lebanon và theo Nghị quyế t 425 của Hội đô ng Bảo an Liên Hợp Quố c, Israel đã hoàn thành việc rút quân triệt để vào tháng Năm năm 2000.

Năm 2006, Thủ tướng Lebanon Fouad Siniora tuyên bố ră ng Lebanon sẽ là "quố c gia Ả Rập cuố i cùng làm hòa với Israel" vì số thương vong quá lớn của người Lebanon trong cuộc Chiế n tranh Lebanon năm 2006. Sheikh Hassan Nasrallah, lãnh đạo Hezbollah, tuyên bố : "Death to Israel" (Israel sẽ phải chế t) và hứa hẹn sẽ "giải phóng" Jerusalem. Chắ c chắ n rã ng Lebanon sẽ không thể ký một hiệp ước hòa bình với Israel trước Syria, khi ảnh hưởng của Syria đố i với chính trị Lebanon vẫn còn rấ t mạnh.

#### Iran

Từ sau khi Mahmud Ahmedinijad được bâ`u cử là Tổng thố ng Iran (nhiệm kỳ 2005-2013), Nhà nước Hô`i giáo Iran đã tích cực hỗ trợ

nhiê `u tổ chức Ả Rập đố i lập với Israel và tích cực kêu gọi tiế nhành chiế n tranh chố ng lại Israel. Iran đã được giới thiệu rộng rãi như là cố gắ ng để tạo ra một trục thố ng trị Hồ `i giáo Shi'a (6), bao gồ `m cả chế độ Syria Ba'athist bị chi phố i bởi Alawites, Lebanon với sự thố ng trị của Hezbollah, và xây dựng một liên minh chiế n lược với nhóm Hồ `i giáo cực đoan Sunni Hamas ở dải Gaza. Cố gắ ng này kéo dài cho đế n năm 2012 và rồ `i kế t thúc do cuộc thảo luận Shi'a - Sunni trong cuộc nội chiế n Syria. Vào tháng Một năm 2007, mố i quan tâm tăng lên trong các nhà lãnh đạo của Israel rã `ng Tổng thố ng Mahmoud Ahmadinejad của Iran có thể đang lên kế hoạch phát triển một số loại vũ khí hạt nhân, mà có thể được xem xét để sử dụng chố ng lại Israel. Hội đồ `ng Bảo an Liên Hợp Quố c đã biểu quyế t cấ m vận Iran do theo đuổi công nghệ hạt nhân. Có bă `ng chứng cho thấ y biện pháp trừng phạt quố c tế đã tạo ra sự bấ t mãn với người Iran trong các chính sách của Tổng thố `ng Ahmadinejad.

### **Palestine**

Chính quyề n Palestine được thành lập vào năm 1994, theo Hiệp định Oslo I giữa PLO và chính phủ Israel, như một cơ chế tự trị tạm thời năm-năm. Hai phía sẽ tiế p tục các cuộc đàm phán tiế p theo sau đó liên quan để n "tình trạng cuố i cùng" của Palestine, tức là "Nhà nước Palestine". Tuy nhiên, tính để n năm 2014, 20 năm sau khi thành lập chính quyề n Palestine, các cuộc đàm phán về "tình trạng cuố i cùng" vẫn không đạt tới một thỏa thuận nào.

Câ`n phân biệt giữa chính quyề`n Palestine (Palestine Authority) và Tổ chức Giải phóng Palestine (PLO - Palestine Liberation Organization). Chính quyề `n Palestine chịu trách nhiệm hành chính giới hạn trong các vấ `n đề ` dân sự và an ninh nội bộ bên trong những vùng lãnh thổ của Palestine (như Bờ Tây và dải Gaza) và không bao gồ `m an ninh bên ngoài hoặc đố i ngoại. Còn Tổ chức Giải phóng Palestine (PLO) là tổ chức được quố ´c tế ´ công nhận là đại diện hợp

pháp duy nhấ t của nhân dân Palestine tại Liên Hợp Quố c dưới cái tên "Palestine". Khi còn số ng, Chủ tịch PLO Yasser Arafat đô ng thời cũng là Chủ tịch chính quyề n Palestine.

Sau cái chế t của Tổng thố ng chính quyề n Palestine Yasser Arafat vào tháng Mười Một năm 2004, Mah moud Abbas được bấ u làm Tổng thố ng của chính quyề n Quố c gia Palestine vào tháng Một năm 2005. Sau đó xung đột bạo lực vào năm 2006 giữa hai phe Hamas và Fatah và việc Hamas giành được quyề n kiểm soát dải Gaza vào năm 2007 đã chia đôi chính quyề n Palestine thành hai chính thể: Chính quyề n Palestine của Mahmoud Abbas chỉ còn kiểm soát các vùng lãnh thổ của người Palestine ở Bờ Tây, còn chính phủ Hamas nă m quyề n kiểm soát dải Gaza. Lực lượng chiế n binh Hamas ở Gaza, Lữ đoàn Qassam, quân số 25.000, và cộng thêm 20.000 dân sự có vũ trang tại Gaza. Ngân sách của chính quyề n Palestine chủ yế u đế n từ các chương trình viện trợ khác nhau và Liên đoàn Ả Rập, trong khi chính quyề n Hamas ở Gaza chủ yế u dựa vào Iran cho đế n khi khởi đầ u của sự kiện Mùa xuân Ả Rập.

Trong năm 2012, chính quyề n Palestine nộp đơn xin gia nhập Liên Hợp Quố c với tư cách là một Nhà nước phi thành viên (non-member observer state). Đề nghị này chỉ đòi hỏi một cuộc bỏ phiế ư của Đại hội đô ng Liên Hợp Quố c. Dự thảo nghị quyế t đã được thông qua ngày 29 tháng Mười Một năm 2012 với số phiế u 138-9, với 41 phiế u tră ng. Sự thay đổi trong vị thế được mô tả bởi tờ báo *The Independent* là "mặc nhiên công nhận chủ quyề n quố c gia của *Palestine*".

Việc bỏ phiế u là một đột phá lịch sử đố i với Nhà nước Palestine (được công nhận một phâ n) và các công dân của mình, trong khi đó là một thấ t bại ngoại giao cho Israel. Vị thế như là một nhà nước quan sát viên tại Liên Hợp Quố c sẽ cho phép Nhà nước Palestine tham gia các hiệp ước và các cơ quan Liên Hợp Quố c chuyên ngành,

như Tổ chức Hàng không Dân dụng Quố c tế , Hiệp ước Luật Biển và Tòa án Hình sự Quố c tế . Nó sẽ cho phép Palestine quyề `n đời hỏi quyề `n lợi hợp pháp trên lãnh hải và vùng trời của họ như là một nhà nước có chủ quyề `n được Liên Hợp Quố c công nhận, cho phép người dân Palestine quyề `n khởi kiện trong việc kiểm soát lãnh thổ của họ tại Tòa án Công lý Quố c tế và đưa các cáo buộc tội phạm chiế n tranh ra Tòa án Hình sư Quố c tế .

Trong quan điểm của Israel, bấ t kể sự công nhận của Liên Hợp Quố c, thực sự không có Nhà nước Palestine tố n tại ngoại trừ ở một mức độ tượng trung. Israel tuyên bố ră ng một Nhà nước Palestine trong thế giới thực chỉ có thể tố n tại nế u người Palestine thành công trong đàm phán hòa bình với Israel.

Quay lai chuyên Hamas và Fatah, sau năm năm chia rẽ kể từ 2007, một thỏa thuận hòa giải nhă m đoàn kế t chính phủ của họ ký kế t tại Cairo vào tháng Năm năm 2011 đã được phê chuẩn bởi "Thỏa thuận Hamas-Fatah Doha" (Hamas-Fatah Doha Agreement) ký ngày 7 tháng Hai năm 2012 giữa Tổng thố ng Mahmoud Abbas và Đại diện Hamas Khaled Meshal. Tuy nhiên, những bấ t đô ng mới giữa họ, cộng với những ảnh hưởng của phong trào Mùa xuân Ả Rập (đặc biệt là cuộc khủng hoảng ở Syria) đã trì hoãn việc thực hiện thỏa thuận đó cho để n 2014. Ngày 2 tháng Sáu năm 2014, sau bảy năm chia rẽ và xung đột, chính phủ Đoàn kế t Palestine năm 2014 cuố i cùng đã hình thành do Tổng thố ng Mahmoud Abbas đứng đâ u. Thủ tướng của chính phủ Đoàn kế t có trụ sở tại Bờ Tây và các vị trí cấ p cao nhấ t do các thành viên của chính quyề n Palestine trước đó nă m giữ. Các cuộc bâ u cử sẽ được tổ chức trong vòng sáu tháng tiế p theo. Liên minh châu Âu, Liên Hợp Quố c, Hoa Kỳ, Trung Quố c, Â n Độ, Nga và Thổ Nhĩ Kỳ đề u đô ng ý làm việc với chính phủ Palestine mới này. Tuy nhiên phương Tây vẫn rất quan ngại vê vai trò của Hamas trong chính phủ Đoàn kế t. Chính phủ Israel lên án chính phủ Đoàn kế t vì họ vẫn coi Hamas là một tổ chức khủng bố và tuyên bố ră ng chính phủ Đoàn kế t Palestine sẽ phải gánh mọi trách nhiệm cho mọi cuộc tấ n công khủng bố từ dải Gaza.

Ngay sau đó, ngày 17 tháng Bảy năm 2014, mặc dù những tuyên bố hòa bình của Tổng thố ng Mahmoud Abbas trong lời tuyên bố thành lập chính phủ Đoàn kế t Palestine, chiế n tranh trên dải Gaza đã lại bùng nổ sau các cuộc tấ n công tên lửa rộng khắ p của Hamas từ dải Gaza vào Israel.

#### Dải Gaza

Dải Gaza là một dải đấ t hẹp ven biển ở Trung Đông dọc theo Địa Trung Hải. Về mặt địa lý, dải Gaza là phâ n cực Tây của lãnh thổ Palestine ở Tây-Nam Á, có biên giới trên bộ với Ai Câp ở phía Tây-Nam và Israel ở phía Bắ c và phía Đông. Ở phía Tây, nó giáp với biển Địa Trung Hải. Vùng đấ t này, dài 40 km và rộng 10 km, có khoảng 1,7 triệu người Palestine đang sinh số ng và là một trong những nơi có mật độ dân số cao nhất trên trái đất. Các biên giới của dải Gaza ban đâ`u được xác định bởi các ranh giới đình chiế n giữa Ai Cập và Israel sau Cuộc chiế n Độc lập 1948, diễn ra sau sư tan rã của nước Palestine ủy tri Anh. Nó bị Ai Cập chiế m từ đó cho tới khi bị Israel giành lại năm 1967 trong Cuộc chiế n Sáu ngày. Năm 1993, sau Hiệp định Oslo I, đa phâ n dải Gaza được chuyển sang quyê n kiểm soát hạn chế của chính quyề n Palestine. Cuố i năm 2005, Israel đơn phương đỡ bỏ toàn bộ các khu định cư của người Israel, và dời toàn bộ người định cư Israel cùng các căn cứ quân sự khỏi dải Gaza, chính thức kế t thúc giai đoạn quân quản ở dải Gaza sau 38 năm kiểm soát, do đó mở rộng quyề n kiểm soát của chính quyề n Palestine tới toàn bộ dải Gaza, gô m cả kiểm soát biên giới giữa đải Gaza với Ai Cập. Tuy nhiên Israel vẫn kiểm soát không phận và lãnh hải.

Tuy nhiên ở dải Gaza, cuộc đấ u tranh quyề n lực gay gắ t giữa Hamas và Fatah đã dẫn để n xung đột bạo lực và kế t quả là Hamas chiế m quyề n kiểm soát dải Gaza vào ngày 14 tháng Sáu năm 20 07. Hamas tuyên bố ră ng họ không có ý định chấ p nhận bấ t kỳ sự công nhận nào về Israel. Họ nói họ cũng không chấ p nhận các Hiệp định Oslo, và sẽ không chấ p nhận hoặc thừa nhận bấ t kỳ cuộc đàm phán nào với Israel. Trong suố t những năm trước, Hamas cũng công khai tuyên bố ră ng họ khuyế n khích và tổ chức các cuộc tấ n công chố ng lại Israel. Điề u này ảnh hưởng rấ t lớn trong sự tương tác giữa Israel và chính quyề n Palestine trong quá trình đàm phán nhã m hướng để n "tình trạng cuố i cùng" của Palestine là một nhà nước độc lập.

Hâ`u hế t các quố c gia phương Tây và các tổ chức quố c tế không chính thức thừa nhận chính phủ tại Gaza do Hamas đứng đâ`u và phản ứng bă`ng cách că´t đứt tấ t cả các quỹ tài chính cho Hamas và chính quyề n Palestine và nhấ n mạnh ră ng Hamas phải công nhận Israel, từ bỏ bạo lực và chấ p nhận các thỏa thuận hòa bình trước đó. Về phía mình, Israel cũng từ chố i đàm phán với Hamas, vì ră ng Hamas không bao giờ từ bỏ niề m tin ră ng Israel không có quyề n tô n tại và toàn bộ Nhà nước Israel là một sự chiế m đóng bấ t hợp pháp câ n phải tiêu diệt. Israel và nhiề u nước khác coi Hamas là một tổ chức khủng bố và do đó không được tham gia các cuộc đàm phán hòa bình chính thức.

Israel thấ t chặt việc qua lại tại biên giới với Gaza sau khi Hamas tiế p quản Gaza. Đời số ng kinh tế ở Gaza trở nên vô cùng tố ì tệ và các tổ chức cứu trợ không tìm ra biện pháp hữu hiệu nào để viện trợ cho người dân Palestine đang sinh số ng tại Gaza. Biên giới ra vào Ai Cập tại Rafah trên lý thuyế t do người Palestine điệ u hành dưới sự giám sát của EU. Ai Cập đã đóng cửa biên giới sau khi Hamas tiế p quản Gaza, ngoại trừ việc cho phép thực phẩm và thuố c men vào Gaza. Tháng Năm năm 2011, chính phủ mới của Ai Cập dưới thời Tổng thố ng Mohamed Morsi mở lại biên giới cho người dân và giảm nhẹ han chế thị thực cho người Palestine. Quân đôi Ai Cập lai đóng cửa

biên giới một lâ n nữa khi Morsi bị lật đổ vào năm 2013. Fatah bị mấ t một đô ng minh đáng tin cậy khi Tổng thố ng Ai Cập Hosni Mubarak (1981-2011) bị lật đổ. Hamas sẵn sàng làm việc với Cairo sau khi tổ chức mẹ của nó – Anh em Hô i giáo Ai Cập - bắ t đầ u đóng một vai trò ngày càng tăng trên chính trường Ai Cập.

Từ năm 2008, những hoạt động khủng bố của nhóm Hamas nhã m vào Israel lại gia tăng khiế n cho tình hình dải Gaza càng thêm bấ t ổn cho để n tận ngày nay. Gâ n đây nhấ t vào ngày 17 tháng Bảy năm 2014, các cuộc tấ n công tên lửa rộng khắ p của Hamas từ dải Gaza sang lãnh thổ Israel đã dẫn đế n chiế n dịch quân sự qui mô mang tên Operation Protective Edge của Israel vào dải Gaza . Thương vong đã lên con số hàng nghìn.

Số phận chính trị của đải Gaza cho để n nay vẫn còn là một câu hỏi.

## Bờ Tây

Vê tiế n trình hòa bình của Bờ Tây, tiế p theo Hiệp định Hòa bình Oslo I, ngày Chín năm 1995 Thủ tướng Yitzhak Rabin của Israel và Chủ tịch PLO Yasser Arafat đã ký kế t tại Washington D.C. bản "Thỏa thuận Lâm thời về Bờ Tây và dải Gaza", được biế t là Hiệp định Oslo II, liên quan đế n việc mở rộng quyề n kiểm soát của chính quyề n Palestine tới các thành phố của Bờ Tây. Bờ Tây của sông Jordan là một phâ n đấ t khá rộng lớn của lãnh thổ Palestine. Nă mở phía Tây và Tây-Nam sông Jordan thuộc địa phận phía Bắ c của vùng Palestine tại Trung Đông, nó có chung biên giới với Israel ở phía Tây, Bắ c, và Nam, và với Jordan ở phía Đông. Vùng này thường được gọi bă ng những cái tên trong Kinh Thánh tiế ng Hebrew là Yehuda và Shomron. Một số người sử dụng tiế ng Anh dùng từ tương tự là Judea và Samaria. Các biên giới của Bờ Tây được xác định bởi các đường ngừng bắ n của Chiế n tranh Ả Rập-Israel năm 1948. Jordan

chiế m đóng và sáp nhập Bờ Tây vào lãnh thổ của mình từ đó cho tới khi bị Israel giành lại năm 1967 trong Cuộc chiế n Sáu ngày, mặc dù Jordan không ngừng tuyên bố chủ quyê n cho đế n tận năm 1988. Israel sáp nhập Đông Jerusalem vào lãnh thổ của mình, riêng Bờ Tây thì không. Tình trạng của Đông Jerusalem bị tranh cãi rấ t nhiệ u. Israel đã sáp nhập Đông Jerusalem và không còn coi nó là một phâ n của Bờ Tây; tuy nhiên việc sáp nhập không được bấ t kỳ một nước nào công nhận, kể cả Liên Hợp Quố c. Mặt khác, Đông Jerusalem thường được coi là một phâ n tách rời khỏi Bờ Tây vì tâ m quan trong đặc biệt của nó. Hiệp định Hòa bình Oslo coi tình trạng của Đông Jerusalem là việc không liên quan tới tình trạng của những vùng lãnh thổ Palestine khác, và sẽ được giải quyế t riêng trong tương lai sau này. Một trở ngại rấ t lớn trong tiế n trình hòa bình là cả người Do Thái giáo và người Hôìi giáo đê u coi Jerusalem là thánh địa của riêng mình khiế n cho giải pháp cho các vấ n đề giữa hai phía càng khó khăn.

Hiện nay Liên Hợp Quố c và hâ u hế t các nước khác vẫn coi Bờ Tây là nă m dưới sự chiế m đóng của Israel. Một số người Israel và nhiê u nhóm khác thường thích gọi nó là vùng "tranh chấ p" thay vì "bị chiế m đóng". Theo Hiệp định Oslo II, chính quyê n Palestine đã được chỉ định có quyê n kiểm soát duy nhấ t trong các vấ n đề liên quan đế n an ninh và dân sự ở các khu vực đô thị Palestine (gọi tấ t là "Khu A"), và chỉ kiểm soát dân sự trong khu vực nông thôn Palestine ("Khu B"). Diện tích các khu vực hiện nă m dưới quyê n kiểm soát của chính quyê n Palestine chiế m khoảng 40% của Bờ Tây. Phâ n còn lại 60%, bao gô m các khu định cư của người Israel, khu vực Thung lũng Jordan và đường giao thông giữa các cộng đô ng Palestine, nă m dưới sự kiểm soát của Israel ("Khu C"). Dân số của Bờ Tây đa phâ n là người Palestine (84%) với một thiểu số người định cư Israel. Đông Jerusalem được loại trừ khỏi Hiệp định. Theo thời gian, thay đổi về chính trị có nghĩa là các khu vực quản lý chính quyê n Palestine cũng

đã thay đổi. Các cuộc đàm phán với một vài chính phủ Israel tại những thời gian khác nhau đã dẫn để n tình trạng là chính quyề n Palestine tiế p tục giành quyề n kiểm soát ở một số khu vực này, nhưng lại bị mấ t kiểm soát trong một số khu vực khác khi Lực lượng Phòng vệ Israel (IDF) tái chiế m một số vị trí chiế n lược trong Intifada thứ hai.

Cho để n ngày nay, dải Gaza và Bờ Tây vẫn là hai điểm nhức nhố i của Trung Đông. Mọi giải pháp cho một nề n hòa bình lâu dài của hai vùng lãnh thổ này vẫn rấ t bế tắ c.

Thực sự trong tâm tư của người Do Thái, không ai muố n rời bỏ những vùng lãnh thổ này. Hơn hế t cả, Thành phố Cổ Jerusalem, Jericho, Hebron, Nablus và tấ t cả những thành phố Bờ Tây khác là vùng đấ t cố t lõi trong lịch sử Kinh Thánh. Đó là vùng đấ t thiêng liêng trong ý thức của người Do Thái và là nơi mà tổ phụ của họ đã để n đây khai khẩn cả mấ y ngàn năm trước. Bởi vậy bấ t cứ một giải pháp nào khiế n người Do Thái phải rời bỏ những vùng đấ t này dường như là một điệ u không dễ chiu với họ. Rấ t nhiệ u người Do Thái lập luận ră ng chiế n thă ng năm 1967 thực sự đạt được là nhờ có bàn tay của Thượng Đế nhã m thố ng nhất hai miệ n của Israel và sự thố ng nhấ t này là bước cơ bản đâ u tiên cho sự chuộc tội của người Do Thái và của loài người nói chung. Theo đó thì việc từ bỏ đấ t đai của Israel trên dải Gaza và Bờ Tây là từ chố i quyề n năng của Thượng Đế và quay lưng lại với cuộc cách mạng của cứu rỗi. Với tâm lý như thế, quan hệ giữa Israel và Palestine vệ những vùng đất này chặ c hẳn vẫn sẽ còn là một câu chuyên dài...

## NHỮNG VƯỚNG MẮC CỦA TIẾN TRÌNH HÒA BÌNH

Một đặc điểm chung của tấ t cả những nỗ lực để tạo ra một con đường dẫn đế n hòa bình trong cuộc xung đột Israel- Palestine là cả hai phía không thường xuyên thực hiện những "hứa hẹn thiện chí" của mình. Hơn nữa, các cuộc đàm phán để đạt đế n thỏa thuận về "tình trạng cuố i cùng" thường bị gián đoạn do sự bùng nổ của hận thù. Kế t quả là cả hai phía Israel và Palestine đề `u trở nên mệt mỏi trong tiế n trình tìm kiế m hòa bình.

Israel chỉ ra một thực tế ră ng dải Gaza đang nă m dưới quyề n kiểm soát hoàn toàn của Hamas - một nhóm Hồ i giáo cực đoan không muố n hòa bình với Nhà nước Do Thái. Và theo quan điểm của Israel, điể u này hạn chế khả năng của người Palestine để chung số ng hòa bình với người Israel và thực thi nó trong thời gian dài. Hơn nữa, theo quan điểm của Israel, do thực tế ră ng người Palestine chưa sẵn sàng để tạo ra một nhà nước ổn định, việc vội vàng thực hiện tiế n trình hòa bình sẽ đô ng nghĩa với sự bấ t ổn trong những khu vực của người Palestine và khả năng Hamas dùng bạo lực giành quyề n kiểm soát ở Bờ Tây cũng rấ t có thể sẽ xảy ra như đã từng xảy ra ở dải Gaza.

Cuố i cùng, lời hứa hẹn của những quan chức Fatah cao cấ p về "Quyê n Hô i hương" của người Palestine đâ y đủ theo nghĩa đen (một khả năng mà không một chính phủ Israel nào có thể chấ p nhận) làm cho cuộc đàm phán hòa bình khó khăn hơn cho cả hai bên.

Tương lai của tiế n trình hòa bình Israel-Palestine tựa như một đường hà m không ánh sáng.

## PHỤ LỤC 1 - CÁC CỘT MỐC THỜI GIAN

- 1840: Rabbi Judah Alkalai ở Bosnia khởi đâ`u ý tưởng vê` Chủ nghĩa Phục quô´c Do Thái (Zionism).
- 1453-1917: Palestine thuộc Đế Quố c Ottoman.
- 1897: Theodor Herzl tổ chức Quố c Đại hội Zionist để bắ t đầ u di cư về Đấ t Thánh.
- 1901: Theodor Herzl gặp Vua Thổ Nhĩ Kỳ Ottoman là Abdulhamid II để yêu câ `u thành lập quố ´c gia Do Thái trên mảnh đấ ´t Palestine.
- 1917: Quân đội Anh đánh bại người Thổ Nhĩ Kỳ (Ottoman) và chiế m lấ y Jerusalem.
- 1933: Hitler lên câ`m quyê`n tại Đức.
- 1939-1945: Thế Chiế n II, thảm sát Holocaust. Phát xít Đức giế t hại sáu triệu người Do Thái trong các trại tập trung.
- 1947: Liên Hợp Quố c đô ng ý kế hoạch chia Palestine thành hai quố c gia Do Thái và Ả Rập Palestine.
- 14/05/1948 : Quố c gia Do Thái chính thức ra đời với tên gọi Israel, tuyên bố độc lập ngày 14/05/1948. Hơn một triệu người Palestine rời khỏi Israel. Khoảng 250.000 người Do Thái số ng sót khỏi thảm sát Holocaust ở châu Âu trở về đấ t tổ.
- 1948: Cuộc chiế n Độc lập 1948 (15/5/1948 10/3/1949) giữa Israel và các nước Ả Rập lầ n thứ nhấ t.
- 1956: Cuộc chiế n Sinai 1956 (29/10/1956 7/11/1956) Khủng hoảng kênh đào Suez. Liên quân Anh, Pháp và Israel tấ n công Ai Cập nhã m giành quyê n kiểm soát kênh đào Suez.

- 1967: Cuộc chiế n Sáu ngày (5/6/1967 11/6/1967) giữa Israel và các nước Ả Rập. Israel chiế n thă ng và kiểm soát toàn bộ Bán đảo Sinai, dải Gaza, Bờ Tây (gồ m cả Đông Jerusalem), và Cao nguyên Golan.
- 1973: Cuộc chiế n Yom Kippur (6/10/1973 25/10/1973) giữa Israel và các nước Ả Rập.
- 1978: Hiệp ước Trại David (17/9/1978) giữa Ai Cập và Israel.
- 1982: Cuộc chiế n Lebanon 1982 (6/6/1982 6/1985). Israel loại bỏ PLO ra khỏi Lebanon.
- 1987-1993: Intifada thứ nhấ t. Nhóm Hồ i giáo cực đoan Hamas nổi lên.
- 1991: Hội nghị Madrid.
- 1993: Hiệp định Oslo I (ký ngày 13/9/1993)
- 1994: Hiệp ước Hòa bình Israel-Jordan (26/10/1994)
- 1995: Hiệp định Oslo II (ký ngày 28/9/1995)
- 2000: Israel rút quân khỏi Lebanon.
- 2000: Trại David 2000 thấ t bại. Arafat từ chố i đề nghị của Hoa Kỳ và Israel.
- 2000-2005: Intifada thứ hai.
- 2001: Hội nghị Thượng đỉnh Taba.
- 2002: Hội nghị Thượng đỉnh Beirut của các nhà lãnh đạo các chính phủ Ả Rập (3/2002)

- 2002: Chiế n dịch Lá chặ n Phòng thủ (Operation Defensive Shield) (29/3/2002 – 10/5/2002)
- 2002: Lộ trình Hòa bình được "Bộ Tứ" Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, Liên Hợp Quố c, Nga soạn thảo.
- 2003: Hội nghị Thượng đỉnh Aqaba.
- 2005: Israel rút khỏi dải Gaza.
- 2006: Cuộc chiế n Lebanon 2006 giữa Israel và phe Hezbollah tại Lebanon (12/7/2006 14/8/2006)
- 2006: Hamas giành thă ng lợi trong cuộc bâ u cử Hội đô ng Lập pháp Palestine (25/1/2006)
- 2007: Hamas giành quyê `n kiểm soát đải Gaza (14/6/2007)
- 2007: Hội nghị Annapolis (27/11/2007).
- 2008-2009: Operation Cast Lead (27/12/2008 18/1/2009) giữa Israel và phe Hamas tại Gaza.
- 2012: Operation Pillar of Defense (14/11/2012 21/11/2012) giữa Israel và phe Hamas tại Gaza.
- 2012: Liên Hợp Quố c thông qua Palestine trở thành Nhà nước Phi thành viên (29/11/2012).
- 2014: Thành lập chính phủ Đoàn kế t Palestine do Tổng thố ng Mahmoud Abbas đứng đã u (2/6/2014) hợp nhấ t chính quyề n Palestine ở Bờ Tây và chính phủ Hamas ở Gaza.
- 2014: Operation Protective Edge (8/7/2014 27/8/2014) giữa Israel và phe Hamas tại Gaza.

# PHỤ LỤC 2 - CƠ CẦU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUÂN ĐỘI ISRAEL

Cơ cấ u tổ chức

Lực lượng quố c phòng Israel bao gố m quân nghĩa vụ, quân dự bị, và quân chính qui. Tấ t cả đàn ông và đàn bà có đủ tiêu chuẩn đề u được tuyển nghĩa vụ ở tuổi 18, nam giới trong 3 năm, nữ giới 21 tháng. Sau khi mãn hạn nghĩa vụ, đàn ông có nghĩa vụ dự bị cho để n tuổi 51, phụ nữ để n tuổi 24. Lực lượng dự bị hàng năm tập trung một tháng để tập luyện. Với quân đội có số quân thường trực nhỏ, lực lượng quố c phòng Israel được xây dựng chủ yế u dựa trên lực lượng dự bị. Không những thế , lính dự bị không chỉ là các đơn vị dự bị mà còn được các sĩ quan dự bị chỉ huy. Các cá nhân cũng có thể được nhận vào các trường Đại học trong các ngành mà Quố c phòng câ n đế n (như y tế , sư phạm, kỹ thuật...) và phải phục vụ trong lực lượng quố c phòng theo chuyên ngành của mình trong 3-5 năm sau khi tố t nghiệp. Đây là một cơ cấ u tổ chức có thể nói là độc nhấ t vô nhị trên thế giới: ở Israel, nhân dân và quân đội là một, và cả đấ t nước lúc nào cũng sẵn sàng chiế n đấ u.

Kinh nghiệm mà người Israel có được qua nghĩa vụ quân sự là một kinh nghiệm vô cùng quí báu. Đố i với những người trẻ, nghĩa vụ quân sự giúp cho họ phát triển khả năng lãnh đạo, kỹ thuật làm việc nhóm, kỹ năng định hướng giải quyế t công việc. Nó cũng giúp cho tình đoàn kế t trong xã hội và giúp người trẻ hiểu được giá trị cao cả của việc phục vụ đấ t nước trong đó có cả gia đình, cộng đô ng.... Nó lớn lao hơn rấ t nhiệ u so với bản thân.

Cung cách làm việc

Trong hoàn cảnh đấ t nước lúc nào cũng trong tình trạng chiế n tranh, đe dọa từ các láng giê `ng thù địch không bao giờ hế t, quân đội Israel buộc phải hoạt động theo cung cách rấ t khác các nước khác. Binh lính và sĩ quan ngoài mặt trận tự động giải quyế t các tình huố ng phức tạp đang xảy ra tại chiế n trường mà không câ `n báo cáo vê `ban chỉ huy để xin chỉ thị. Những chiế n lược sáng tạo được áp dụng và ứng biế n ngay trong thời gian thực (real time). Trong khi quân đội các nước khác tự nhận là giỏi nhưng hâ `u hế t đề `u dừng lại ở mức độ lý thuyế t, quân đội Israel vừa giỏi lý thuyế t lại vừa giỏi ứng biế n trên chiế n trường. Trong đời số ng thường ngày cũng vậy, người dân Israel giỏi lý thuyế t, giỏi ứng biế n, linh hoạt, và đa năng (một người có thể làm nhiê `u việc khác nhau).

Nói vê tính đa năng (hay đa nhiệm): không quân Israel được tổ chức rấ t khác với không quân các nước phương Tây trong việc tổ chức "phi đội tấ n công". Không quân Hoa Kỳ tổ chức "phi đội tấ n công" qua bố n lớp đội hình, tức là dùng bố n lớp phi cơ đặc nhiệm để hoàn thành một phi vụ tấ n công: (1) lớp thứ nhấ t là máy bay tuầ n tra để don hành lang các máy bay địch; (2) lớp thứ hai là máy bay dùng tiêu diệt các hệ thố ng phòng không của địch; (3) lớp thứ ba là các máy bay tác chiế n điên tử (để tiêu diệt ra-đa của đố i phương), máy bay tiế p nhiên liệu, và máy bay ra-đa; và (4) sau cùng là máy bay thả bom được hộ tố ng bởi các máy bay tiêm kích trọ thủ để đảm bảo an toàn cho máy bay thả bom. Cách tổ chức này gặp khó khăn về hiệp đô ng tác chiế n: chỉ câ n một máy bay tham gia trễ mấ y giây là mọi thứ sẽ bị chệch choạc. Đố i với không quân Israel, cách tổ chức đó quá ră c rô i với họ. Trong tổ chức của không quân Israel, một máy bay phải thực hiện nhiệ u nhiệm vụ tác chiế n khác nhau, và lúc nào cũng phải mang theo tên lửa không đố i không như máy bay tiêm kích. Mọi máy bay Israel đê u có hệ thố ng tác chiế n điện tử trong buô ng lái. Phi công phải làm tấ t cả các việc. Không hiệu quả nhưng linh hoạt.

Phi công không chỉ phải thực hiện mục tiêu đã được giao mà còn phải gánh thêm các mục tiêu còn sót lại.

Đa năng và linh hoạt là đặc tính quí báu của mọi người lính, mọi người dân Israel. Do vậy, tâ `ng lớp sĩ quan cấ p lãnh đạo trong quân đội Israel rấ t mỏng. Không quân Israel hiện nay do hai vị tướng hai sao chỉ huy, thấ p hơn rấ t nhiệ `u so với tiêu chuẩn phương Tây. Israel chỉ câ `n người lãnh đạo thực sự, họ không câ `n các tướng đeo lon để làm cảnh. Nhiệ `u sĩ quan cấ p đại đội chỉ tuổi 23, chịu trách nhiệm quản lý 100 lính, 20 sĩ quan và hạ sĩ quan, và một đố ´ng quân tài vũ khí. Trên thế ´ giới có bao nhiều thanh niên 23 tuổi phải gánh trên vai áp lực như thế ´, phải quyế ´t định rấ ´t nhanh, ứng biế ´n rấ ´t nhanh giữa hàng nghìn hàng vạn các tình huố `ng khác nhau trên chiế ´n trường!

Với một đấ t nước có tám triệu dân, vừa phải sản xuấ t vừa phải chiế n đấ u ở tình trạng vô cùng căng thẳng, các tổ chức chính phủ, quân đội, dân sự, doanh nghiệp có khuynh hướng rấ t nhỏ gọn, đa năng, linh hoạt, hiệu quả.

## Sự phân cấ p trong quân đội

Phân cấ p trong quân đội Israel khá mờ nhạt. Có nhận định ră ng binh lính và sĩ quan Mỹ giơ tay chào quân hàm của nhau, chứ không phải là chào người mang quân hàm đó. Còn trong quân đội Israel, tướng lĩnh pha café cho cấ p dưới là chuyện thường. Hơn thế nữa, binh lính Israel có thể tranh luận với sĩ quan cấ p trên, thậm chí là có thể tập hợp và bỏ phiế u bãi nhiệm sĩ quan cấ p trên nế u sĩ quan đó không có được tín nhiệm. Bí quyế t lãnh đạo là niề m tin của binh lính đổ i với chỉ huy của mình. Nế u không có niề m tin này, binh lính sẽ không bao giờ tuân phục người chỉ huy.

Sự phân cấ p mờ nhạt trong quân đội Israel này rấ t thích hợp với "văn hóa tranh cãi" của người Israel. Kể từ ngày đâ u của nê n văn

minh Do Thái, nê `n văn minh này đã được nhận diện bởi tính ưa tranh cãi của mình. Người Israel ưa nghi ngờ, thích tranh cãi, thích diễn giải và phản biện. Điê `u này đã được chứng minh qua cuố ´n Kinh Talmud – cuố ´n sách này ghi lại nội dung các cuộc tranh cãi qua hàng thế kỷ trong giới giáo sĩ học giả Do Thái về `những vấ ´n đề `có liên quan đế ´n đời số ´ng. Thái độ hay nghi ngờ và đặt câu hỏi đã thấ ´m đẫm trong tín ngưỡng của dân tộc Do Thái, trở thành đặc tính quố ´c gia của họ.

### Tuyển lựa nhân tài

Đố i với học sinh tố t nghiệp trung học, trong lúc rấ t khó lọt vào các trường Đại học hàng đầ ù của Israel thì những cơ sở đào tạo quố c gia được xem là ngang hàng với Harvard, Princeton và Yale chính là các đơn vị tinh nhuệ của quân đội. Đó là đơn vị tình báo tinh hoa 8200, sư đoàn hệ thố ng máy tính Mamram, Talpiot – đơn vị kế t hợp công nghệ với những hoạt động biệt kích hàng đầ ù. Talpiot, xuấ t phát từ một câu trong những bài Thánh Ca, là đơn vị tuyển chọn khấ t khe nhấ t: 41 tháng, phải ký cam kế t ở lại trong quân đội thêm sáu năm, nâng thời gian phục vụ trong quân đội thành chín năm. Học viên ở đây phải giỏi toán, lý và được tiế p cận với những công nghệ hiện đại nhấ t. Đây là tinh hoa của những tinh hoa trong quân đội Israel. Rấ t nhiề ù học viên ở đây, sau khi ra khỏi quân đội, đã trở thành những học giả, doanh nhân thành đạt hàng đầ ù của Israel như NICE Systems, Compugen,...

Điề ù này cho thấ y sự sáng tạo và quyế t tâm của nhà nước trong việc cải thiện chấ t lượng quân đội Israel qua cách tuyển chọn nhân tài.

### Mô hình hoạt động

Theo HBS (Harvard Business School) thì các tổ chức nói chung thường được cơ cấ u theo hai mô hình: 1) Mô hình tiêu chuẩn, trong

đó các thủ tục được kiểm soát chặt chẽ; và 2) Mô hình thử nghiệm, trong đó mọi thủ tục, sự kiện, thông tin được xử lý giố ng như trong phòng thí nghiệm.

Mô hình thử nghiệm là mô hình được áp dụng khá phổ biế n trong quân đội cũng như doanh nghiệp Israel. Trong các đơn vị tinh nhuệ của Israel, mỗi ngày là một "thử nghiệm", mỗi trận đánh là một "thử nghiêm". Đây chính là thái đô dám làm, dám chiu mà người Israel goi là "rosh gadol", tức là tư duy kiểu "đâ`u to". Cách tư duy rosh gadol là vẫn làm theo lệnh, nhưng theo cách tố t nhấ t có thể. Nó đề cao sự ứng biế n hơn là kỷ luật, thách thức lãnh đạo hơn là tôn trọng cấ p bâc. Việc chú trong vào những bài học hữu ích, có tính ứng dung thay vì tạo ra những học thuyế t máy móc giáo điể u là đặc trưng trong quân đội Israel. Truyê `n thô ´ng từ trước đế ´n nay của quân đội Israel là "không có truyề `n thố 'ng". Giới chỉ huy và binh lính không quá gă n bó với bấ t kỳ ý tưởng hoặc giải pháp nào chỉ vì chúng từng hữu dụng trong quá khứ. Sau mỗi cuộc chiế n, thẳ ng hay không thẳ ng, quân đội Israel lại tiế n hành cải cách quân đội một cách sâu rộng, với ý tưởng nhã m hạn chế "tiế n trình lão hóa trong tư duy" của giới quân đội. Nói khác đi thì người Israel không bao giờ buông thả, kể cả trong hòa bình. Quân đội Israel luôn củng cố đặc tính "khởi nghiệp", tính sáng tạo, và hạn chế phân cấ p cổ điển.

### Tính độc lập

Trong quân đội, người lính Israel luôn phải tự suy nghĩ, tự đưa ra những quyế t định số ng còn, học tuân thủ kỷ cương, rèn luyện trí não. Người Israel cũng thể hiện tính độc lập trong cách tìm giải pháp ở mọi tình huố ng, không coi trọng sự khúm núm và tư duy bâ y đàn. Qua huấ n luyện trong quân đội bắ t buộc cho tấ t cả người dân, ở cùng lứa tuổi, người Israel đã ở một tâ ng tư duy cao hơn rấ t nhiệ u so với dân tộc các nước khác trên thế giới, kể cả người Mỹ.

Việc Israel tự phát triển sản xuấ t máy bay chiế n đấ u hiện đại cũng cho thấ y tính độc lập rấ t cao trong tư duy của chính phủ cũng như mỗi người dân. Họ muố n đô ng minh và kẻ thù thấ y rã ng họ không phụ thuộc bấ t cứ ai để có thể sở hữu một trong yế u tố cơ bản quyế t định sự tô n vong của đấ t nước họ.

## CHƯƠNG IV CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ



"Bom thả, nhưng nề `n kinh tế ´ của Israel vẫn phát triển"

### - The Financial Times

ó những quố c gia chỉ giỏi chiế n tranh nhưng không biế t làm kinh tế. Có quố c gia giỏi làm kinh tế nhưng lại không đủ bản lĩnh khi phải đương đầ u với súng đạn. Có quố c gia vừa chiế n đấ u giỏi lại vừa làm kinh tế giỏi. Số quố c gia thuộc về tuy nhiên, loại thứ ba này, chỉ có thể đế m trên đầ u ngón tay. Trong số này Israel đứng đầ u danh sách.

Trong hơn 60 năm từ ngày lập quố c 1948 để n nay, Israel chịu bảy cuộc tấ n công từ các nước láng giề ng thù địch. Xung đột xảy ra hàng ngày. Nhưng cũng trong hơn 60 năm này, kinh tế Israel tăng trưởng 50 lầ n. Báo *The Financial Times* nói ră ng "Bom thả, nhưng nề n kinh tế của Israel vẫn phát triển".

Một câu chuyện rấ t hấ p dẫn liên quan để n sản xuấ t chip máy tính của hãng Intel tại Israel. Năm 1974 Intel bắ t đâ u xây dựng

trung tâm Nghiên cứu và Phát triển (Research & Development) tại Haifa với năm kỹ sư. Đây là trung tâm Nghiên cứu và Phát triển đâ u tiên của Intel ở nước ngoài. Đế n năm 1978, trung tâm này đã phát triển thành 5.400 nhân viên. Năm 1985 Intel phát minh chip 386 và giao phâ n lớn trách nhiệm việc sản xuấ t chip 386 cho cơ sở tại Israel. Gánh nặng rơi vào nhà máy sản xuấ t chip ở Haifa, sản xuấ t khoảng ¾ sản lượng toàn câ`u của Intel. Nhà máy bă´t đâ`u chê´ độ hai ca/ngày và mỗi ca 12 tiế ng, bảy ngày một tuấ n. Năm 1990, Iraq xâm lược Kuwait. Saddam Hussein tuyên bố nế u Mỹ can thiệp vào Kuwait thì ông ta sẽ trả đũa bă ng cách bắ n tên lửa sang Israel. Lời cảnh báo của Sadam không thể xem thường. Sản xuấ t của nhà máy bị đe dọa. Người dân Israel trong lực lượng dự bị có thể bị triệu tập vài ngày hay vài tháng vài năm cho để n khi nào chính quyệ n cảm thấ y đủ. Nhiệ u doanh nghiệp Israel đã phá sản trong thời gian chiế n tranh vì không đảm bảo được nguô n nhân lực. Việc sản xuấ t chip 386 của nhà máy tại Haifa ở trong tình trạng nguy kịch. Nế u nhà máy không tiế n hành đúng như dư kiế n thì niệ m tin của Intel cũng như của các công ty nước ngoài khác vào Israel sẽ sụp đổ. Điệ u này ảnh hưởng để n sự tô n vong của ngành kinh tế công nghệ cao còn rấ t non yế u của Israel vào lúc này. Kế t quả cuố i cùng: trong khi tên lửa của Saddam rơi ngay gâ n trung tâm Nghiên cứu và Phát triển ở Haifa, 75% số nhân viên của nhà máy vẫn có mặt làm việc. Sản lượng tại trung tâm Nghiên cứu và Phát triển ở Haifa vẫn tăng mạnh. Các cuộc tấ n công bă ng tên lửa của Saddam vào Israel càng khố c liệt bao nhiều, sản lượng càng lớn bấ y nhiều. Ban lãnh đạo Intel tại tru sở Santa Clara bên Mỹ đi hế t từ bấ t ngờ này sang bấ t ngờ khác. Người Israel có một thuật ngữ áp dụng cho hoàn cảnh này: "davka" có nghĩa là "bấ t chấ p", kèm theo một chút chế nhạo đố i thủ bă ng động tác "ngoáy mũi". Giố ng như nói ră ng: "chúng mày càng tấ n công tao bao nhiều, tao sẽ càng thành công bấ y nhiều."

Người Israel đã chứng minh ră ng họ có khả năng vươn lên giữa mọi nghịch cảnh. Chính cái nghịch cảnh â y là chấ t xúc tác tạo nên tư duy và tính cách đặc sắ c người Do Thái, tạo nên kỹ năng để sinh tô n để n hoàn hảo: trí tuệ, dũng cảm, quyế t đoán, linh hoạt, ứng biế n, "bấ t chấ p" và "ngoan cô ". Ở đây chúng ta dùng từ "ngoan cô " thay cho từ "ngoan cường". Từ "ngoan cô " đúng hơn với tính cách của người Do Thái. Đúng hơn và đẹp hơn!

Dựa trên nê `n tảng tư duy đặc sắ c này, trong suố t hơn 60 năm từ ngày lập quố c, kinh tế Israel đã bước những bước đột phá mà không một quố c gia nào có thể làm nổi.

Trong chương này, chúng ta sẽ thảo luận về quá trình phát triển kinh tế ngoạn mục của Israel, những thăng trâ m, sự dịch chuyển quyế t đoán của chính phủ Israel từ nề n kinh tế tập trung do chính phủ kiểm soát sang kinh tế thị trường, những thành tựu cũng như những thách thức, những điểm nhấ n, những nét đặc sắ c, chính sách khởi nghiệp của chính phủ. Tấ t cả những thành tựu kinh tế này đã và đang xảy ra giữa khói lửa của chiế n tranh và xung đột. Người Israel đã vượt qua những nghịch cảnh này và vươn lên đỉnh cao như thế nào? Dựa vào trí tuệ? Vào sự kiên cường và "ngoạn cố "? Hay đơn thuấ n dưa vào may mắ n?

# TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ ISRAEL

Tháng Năm năm 2006, Berkshire Hathaway đóng trụ sở tại Mỹ của Warren Bufet đã mua 80% cổ phâ`n của công ty kim loại ISCAR Metalworking Companies của Israel với giá bố n tỷ USD. Trong lịch sử Wall Street, đây là vụ mua lại đâ`u tiên một công ty bên ngoài nước Mỹ của một công ty Mỹ. Một thời gian sau khi mua lại, Bufet nói trong

một cuộc phỏng vấ n ră ng "ISCAR là một giao dịch trong mơ. Nó đã vượt qua tấ t cả sự mong đợi tôi đã có khi mua công ty và mong đợi của tôi là rấ t cao". Một câu chuyện khác. Isaac Tshuva là một doanh nhân người Israel bắ t đấ u sự nghiệp của mình là một doanh nghiệp bấ t động sản nhỏ địa phương. Ngày nay Tshuva có quyề n kiểm soát một số đã u tư và các công ty cổ phâ n xuyên quố c gia. Năm 2004, Tshuva mua lại Hotel Plaza nă m trên đại lộ Fifth Avenue của New York với giá 675 triệu USD. Hai giao dịch này, mặc dù giá trị của nó nghiêng về phía có lợi cho Israel, chỉ là hai trong rấ t nhiề u những ví dụ về sự tham gia ngày càng tăng của các doanh nhân và các công ty Israel trong nề n kinh tế toàn câ u ở một mức độ có thể coi là không thể tưởng tượng hoặc không thể có cách đây 20 năm.

Cho để n hôm nay, nề n kinh tế Israel được xem là một mô hình kinh tế thị trường mở đa dạng rấ t thành công. Là một quố c gia tương đố i trẻ trong thời kỳ hiện đại, Israel được công nhận là một thị trường phát triển (1) dựa trên nhiề u chỉ số chính. Năm 2011, Israel có số lượng lớn nhấ t của các công ty niêm yế t trên NASDAQ sau Hoa Kỳ và Trung Quố c, và hơn 60 công ty của Israel được giao dịch trên sàn giao dịch châu Âu.

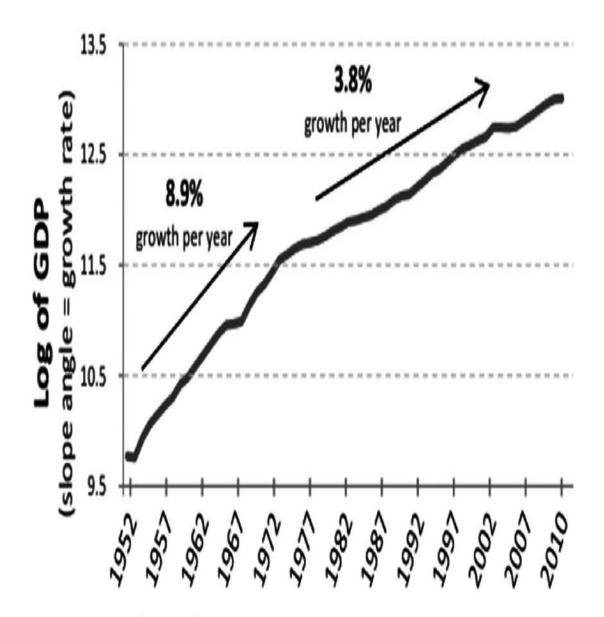
Tính để n năm 2012, Israel đứng thứ 16 trong số 187 quố c gia về Chỉ số Phát triển Con người của Liên Hợp Quố c, đặt Israel trong tâ ng lớp "Phát triển Rấ t Cao (3)". Theo Quỹ Tiê n tệ Quố c tế (4), tính để n tháng Bố n năm 2012, GDP (Gross Domestic Product – Tổng Sản phẩm Quố c nội) bình quân đâ u người theo sức mua tương đương 5 của năm 2011 là \\$31.514, đứng thứ 27 trong số 180 quố c gia trên thế giới.

Nê `n kinh tế Israel cho thấ y khả năng chịu đựng và phục hô `i rấ t lớn trong cuộc khủng hoảng kinh tế toàn câ `u gâ `n đây nhấ t (2008). Israel có thể lèo lái để vượt qua các cuộc khủng hoảng kinh tế là nhờ có một hệ thố ng ngân hàng ổn định, độ đàn hô `i của thị

trường lao động, bộ máy quản lý thị trường vố n<sup>(6)</sup> không quá phức tạp, tính năng động và phản ứng kịp thời của các nhà hoạch định chính sách. Trong năm 2010-2011, Israel đã được xế p đâ u trong Chỉ số Khả năng phục hô i của nê n Kinh tế <sup>(7)</sup>, như một phâ n của Chỉ số Năng lực Cạnh tranh Toàn câ u<sup>(8)</sup> của WEF (World Economic Forum).

Từ Xã hội Chủ nghĩa sang Thị trường Mở - nề n kinh tế của Israel đã có những biế n chuyển mang tính chấ t cách mạng trong những thập niên sau khi Nhà nước Israel ra đời năm 1948. Trong gố c rễ của nó, phong trào Zion và các cộng đô ng Do Thái tiên phong ban đà u mang nặng ý thức hệ xã hội chủ nghĩa. Nhưng cũng từ khi đó, với lợi ích dân tộc được đặt lên hàng đâ u, Ben-Gurion và những người kế nhiệm đã hướng nề n kinh tế Israel theo con đường trở thành một nề n kinh tế tự do và mở cửa, mang đặc điểm linh hoạt và tính đa dạng của kinh tế tư bản chủ nghĩa, trong khi vẫn giữ một số khía cạnh của an sinh xã hội. Tư nhân hóa đã được bắ t đâ u thực hiện từ những năm 1980 và mở rộng trong thập niên 1990. Israel đã hái quả ngọt của nề n kinh tế thị trường sau trên 20 năm quyế t liệt thay đổi.

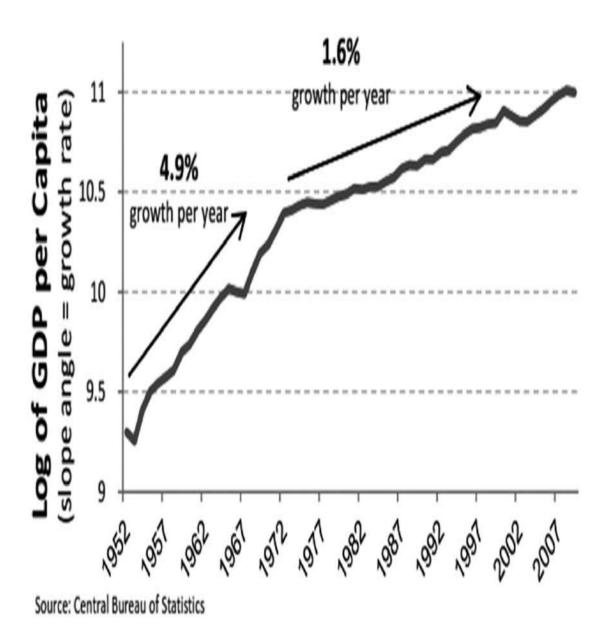
Tăng trưởng GDP - nê `n kinh tế Í Israel tăng trưởng mạnh cho để ´n năm 1973, trung bình 8,9% mỗi năm, và tăng trưởng trung bình 3,8% mỗi năm kể từ năm 1973. Nhìn vào nhật ký GDP (nơi góc đố ´c đại diện cho tố ´c độ tăng trưởng), có thể thấ ´y lịch sử tăng trưởng GDP của Israel rấ ´t ấ ´n tượng (xem biểu đô `).



Source: Central Bureau of Statistics

Tăng trưởng GDP bình quân đâ `u người - tăng trưởng kinh tế â ´n tượng của Israel vẫn đứng vững ngay cả khi tính đế ´n sự tăng trưởng của dân số ´. Cũng như vậy, Israel đạt tố ´c độ tăng trưởng bình quân đâ `u người khá mạnh 4,9% mỗi năm cho đế ´n năm 1973. Sau đó, tố ´c độ tăng trưởng bình quân đâ `u người của Israel xâ ´p xỉ mức của thế ´ giới, với con số ´ trung bình 1,6% mỗi năm. Nhật ký GDP bình

quân đâ`u người cho thấ y lịch sử tăng trưởng GDP bình quân đâ`u người của Israel cũng khá â n tượng (xem biểu đô`).

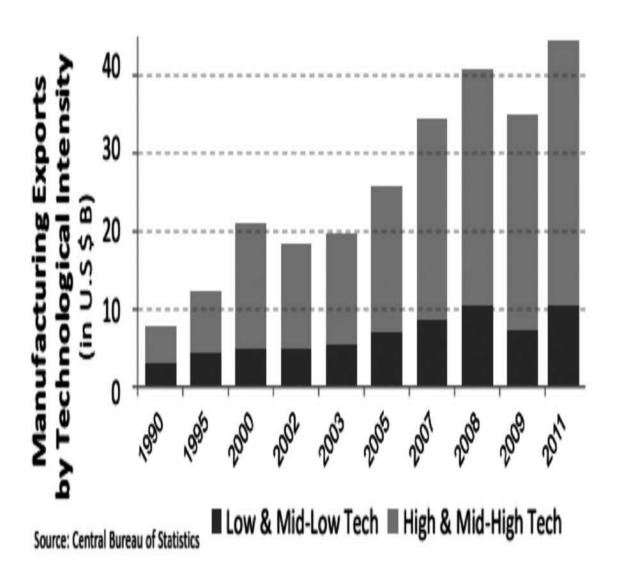


Ngày nay các ngành công nghiệp chủ yế u của Israel bao gồ m các sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm kim loại, thiế t bị điện tử và y sinh học, các sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm chế biế n, hóa chấ t và thiế t bị vận tải. Ngành công nghiệp kim cương của Israel là một trong những trung tâm của thế giới trong công đoạn cấ t và đánh bóng.

Tương đố i nghèo về tài nguyên thiên nhiên, Israel phụ thuộc vào nhập khẩu xăng dâ u, nguyên liệu thô, lúa mì, xe có động cơ, kim cương chưa că t và đâ u vào sản xuấ t, mặc dù sự phụ thuộc gâ n như hoàn toàn của Israel vào nhập khẩu năng lượng có thể thay đổi với những khám phá gâ n đây vê trữ lượng khí đố t tự nhiên lớn ngoài khơi bờ biển. Israel đang hoạt động mạnh trong công nghiệp phát triển phâ n mê m, viễn thông và chấ t bán dẫn. Việc tập trung cao vào các ngành công nghệ cao tại Israel, được hỗ trợ bởi một ngành công nghiệp đâ u tư mao hiểm manh mẽ, cho nó biệt danh là "Silicon Wadi", được coi là đứng thứ hai vê `tâ `m quan trọng chỉ sau "Silicon Valley" (Thung lũng Điện tử) của California, Hoa Kỳ. Nhiê `u công ty Israel đã được các tập đoàn toàn câ u mua lại do chấ t lượng sản phẩm cũng như hàng ngũ nhân viên tài năng và tin cây. Đấ t nước này là điểm đâ`u tư đâ`u tiên bên ngoài nước Mỹ khi Berkshire Hathaway mua ISCAR Metalworking. Intel, Microsoft và Apple cũng đã mở các trung tâm Nghiên cứu và Phát triển đâ u tiên bên ngoài nước Mỹ ở Israel. Các nhà kinh doanh và đâ u tư hàng đâ u của Mỹ như Bill Gates, Warren Bufett và Donald Trump đã từng không tiế c lời ca ngợi nê n kinh tế của Israel và mỗi doanh nhân này đã đâ u tư rấ t nhiê u trong nhiê u ngành công nghiệp khác nhau của Israel bao gô m bấ t động sản, công nghệ cao, và các ngành sản xuấ t ngoài các hoat động kinh doanh truyề n thố ng của họ tại Hoa Kỳ. Israel cũng là một điểm để n du lịch lớn, với 3.54 triệu khách du lịch nước ngoài để n thăm vào năm 2013.

Nhìn chung, trong những năm qua, ngành công nghiệp của Israel đã phát triển khởi đâ u từ những cơ sở nhỏ tham gia chủ yế u trong chế biế n nông sản và quâ n áo, sang một nê n công nghiệp công nghệ cao sử dụng các phương pháp hiện đại và các công nghệ sản xuấ t tiên tiế n. Nhìn vào khu vực xuấ t khẩu các mặt hàng sản xuấ t chế tạo trong 20 năm qua, người ta có thể nhận thấ y rã ng ngành công nghiệp công nghệ thấ p vẫn không biế n mấ t, nhưng ngành

công nghiệp công nghệ cao đã ngày càng mở rộng và chiế m lĩnh phâ n lớn thị phâ n.



Vào tháng Chín năm 2010, Israel đã được mời tham gia OECD Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế – (The Organisation for Economic Co-operation and Development). OECD đánh giá cao những tiế n bộ khoa học – công nghệ của Israel và mô tả Israel là

quố c gia đã "sản xuấ t những sản phẩm xuấ t sắ c trên phạm vi thế giới". Israel cũng đã ký hiệp định thương mại tự do với Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ, Hiệp hội Thương mại Tự do châu Âu, Thổ Nhĩ Kỳ, Mexico, Canada, Jordan, Ai Cập, và vào ngày 18 tháng Mười Hai năm 2007, trở thành quố c gia không nă m trong châu Mỹ Latin đâ `u tiên ký hiệp định thương mại tự do với khố i thương mại Mercosur (của một số các quố c gia châu Mỹ Latin).

#### Tăng trưởng dân số ´

Trước và sau khi lập quố c, Ben-Gurion luôn xem nhập cư là một trong những ưu tiên hàng đâ u của quố c gia. Ông tin ră ng người nhập cư Do Thái không chố n dung thân trên mọi vùng đấ t của thế giới câ n được trợ giúp trong hành trình quay vê với Nhà nước Israel non trẻ. Hơn nữa, quan trọng hơn cả, Nhà nước Israel câ n chuẩn bị một nguô n nhân lực dô i dào cho tương lai để khai khẩn đấ t đai, để chiế n đấ u bảo vệ đấ t nước mới ra đời, và để thổi sinh khí vào nê n kinh tế Israel còn yế u kém. Một số thành viên của nội các lo ngại ră ng dòng dân nhập cư không kiểm soát được có thể dẫn đế n sự sụp đổ của nhà nước. Về lý thì như vậy. Làm thế nào mà đấ t nước chỉ vẻn vẹn với 700.000 dân có thể thu nhận và hấ p thụ một lượng dân nhập cư lên đế n hàng trăm ngàn người mỗi năm? Tuy vậy, Ben-Gurion vẫn khăng khăng phải thực hiện bă ng được mục tiêu ông đã đặt ra.

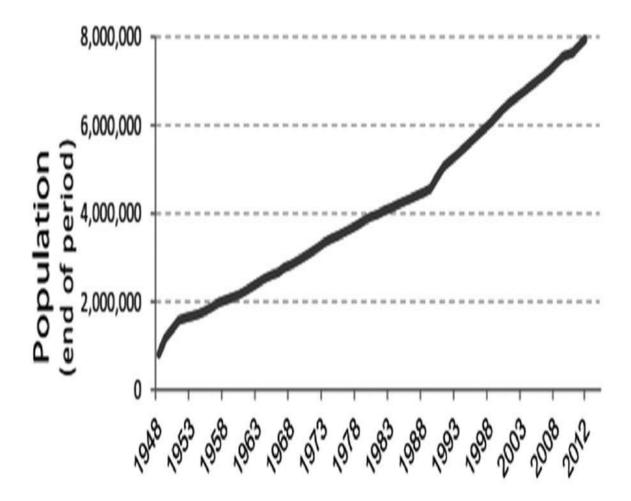
Đế n nay, suy nghĩ của Ben-Gurion vẫn đúng.

Người Do Thái Diaspora bị xua đuổi khắ p nơi trên thế giới, cho nên quay vê số ng trên Vùng đấ t Israel luôn luôn là một ước mơ và cảm hứng. Tuy nhiên con đường quay trở vê thật nhiê u gian truân: tù đày, cướp bóc, rừng rậm và thú dữ, và nhấ t là với một túi tiê n rỗng tuế ch. Năm 1984, trong một nỗ lực bí mật của chính phủ Israel, Chiế n dịch không vận Moses đã mang hơn tám ngàn người Do Thái

Ethiopia trẻ tuổi vê Israel. Độ tuổi trung bình của những người này là 14. Ngay sau khi đặt chân lên Israel, tấ t cả đề u có quyề n công dân. Chuyế n bay chỉ kéo dài bố n giờ, nhưng đố i với họ, dường như là một khoảng cách của 400 năm. Bảy năm sau Chiế n dịch Moses là Chiế n dịch Solomon, trong đó 14,500 người Do Thái Ethiopia một là n nữa đã được đưa trở về Israel bă ng máy bay. Nỗ lực này dùng tới 34 máy bay vận tải của không quân Israel và của hãng El Al. Nhiê u người bước lên máy bay với đôi chân trâ n và không có hành lý.

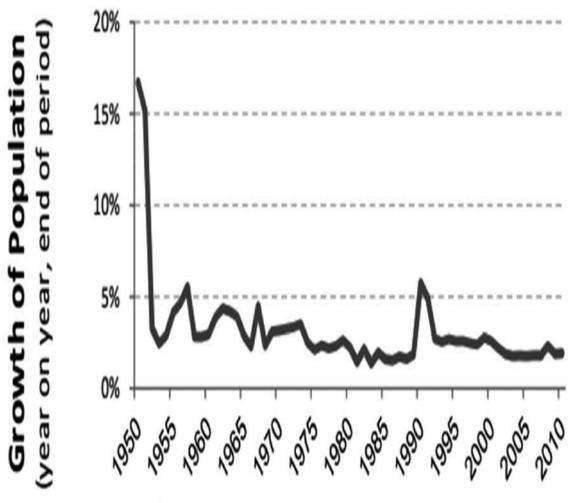
Vào năm 1948, dân số của Israel chỉ vẻn vẹn có 700.000. Sau 1948, làn sóng những người Do Thái nhập cư vào Israel tăng lên cuố n cuộn: năm 1949 là 239.576 người; năm 1950 là 170.249 người; năm 1951 là 175.095 người. Trong vòng bố n năm, 686.748 di dân đã hố i hương, và, cùng với mức tăng tự nhiên, họ giúp đẩy mạnh dân số lên 120%. Chỉ tiêu Ben- Gurion đặt ra đã hoàn thành vượt mức.

Người dân nhập cư đóng một vai trò quan trọng tạo ra phép màu kinh tế Israel. Lúc mới lập quố c năm 1948, dân số Israel là 700 nghìn người. Ngày nay, con số này là 8.180.000 (thố ng kê năm 2014) người, tăng hơn 11 là n trong 66 năm. Dân số tăng gấ p hai là n chỉ trong vòng ba năm đâ u tiên. Trong bảy năm sau đó con số này tăng thêm 1/3. Cứ ba người Israel thì có hai người mới di cư đế n. Hiện nay chín trong 10 người Do Thái là dân nhập cư hoặc là con cháu thế hệ thứ nhấ t hay thứ hai của dân nhập cư. Israel giờ là nhà của hơn 70 quố c tịch và các nê n văn hóa khác nhau. Dân số Israel tăng trưởng mạnh trong những năm qua có tác động rấ t lớn đế n lực lượng lao động.



Source: Central Bureau of Statistics

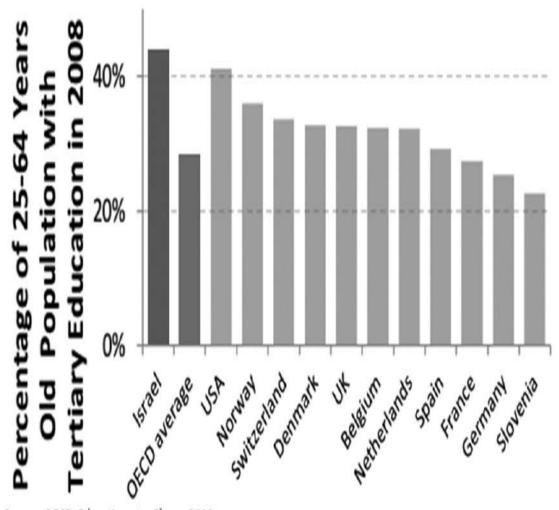
Nhìn vào tố c độ thay đổi dân số của Israel, người ta có thể nhận thấ y hai đỉnh điểm đại diện cho những làn sóng nhập cư lớn, chủ yế u là vào đâ u những năm 1950 từ làn sóng nhập cư của nhiê u người Do Thái trên toàn thế giới sau khi Nhà nước Israel thành lập, và vào đâ u những năm 1990, chủ yế u là người Do Thái từ Liên Xô cũ sau khi Liên bang Xô Viế t sụp đổ.



Source: Central Bureau of Statistics

### Tăng trưởng nguồ `n nhân lực: Giáo dục

Israel phát triển mạnh mẽ nguồ n nhân lực, kiế n thức và công nghệ để bù đấ p lại cho việc thiế u tài nguyên thiên nhiên và các yế u tố chính trị bấ t ổn trong khu vực. Israel đạt một tỷ lệ dân số với giáo dục đại học cao hơn mức trung bình của OECD, với con số trên 40% dân số .



Source: OECD, Education at a Glance 2010.

# GIAI ĐOẠN PHÔI THAI CỦA NỀN KINH TẾ

(từ cuối thế kỷ 19 cho đến năm 1948)

Lịch sử của Israel hiện đại bắ t đâ u vào những năm 1880, khi những người nhập cư Do Thái Zionist đâ u tiên quay trở vê đấ t tổ

Palestine, lúc đó dưới quyề `n cai trị của Đế quố c Ottoman. Họ đế n đây để tham gia cộng đô `ng nhỏ người Do Thái hiện có ở đó, xây dựng các khu định cư nông nghiệp và một số ngành công nghiệp, khôi phục lại tiế ng Hebrew là ngôn ngữ quố c gia nói, và lập ra các tổ chức kinh tế và xã hội. Sự tàn phá của Thế Chiế n I làm giảm dân số Do Thái một phâ `n ba, 56.000, đó là con số vào đâ `u thế kỷ 20.

Như một kế t quả của chiế n tranh, Palestine nă m dưới quyề n kiểm soát của Vương quố c Anh, và Tuyên bố Balfour của nước Anh đã kêu gọi cho một "Ngôi nhà Dân tộc Do Thái" tại Palestine. Kiểm soát của Anh được chính thức hóa vào năm 1920, khi Anh được Hội Quố c Liên trao quyề n ủy trị Palestine. Trong giai đoạn ủy trị, kéo dài cho để n tận tháng Năm năm 1948, cơ cấ u xã hội, chính trị và kinh tế cho nhà nước tương lai của Israel đã được hình thành. Mặc dù chính phủ Palestine có một chính sách kinh tế duy nhấ t, các nề n kinh tế của người Do Thái và Ả Rập vẫn phát triển riêng biệt, ít kế t nỗ i.

Cuộc khảo sát đâ`u tiên vê` Biển Chế´t (Dead Sea) vào năm 1911 của kỹ sư Nga gố´c Do Thái Moshe Novomeysky đã dẫn đế´n việc thành lập công ty Palestine Potash Ltd vào năm 1930, sau đó đổi tên thành Dead Sea Works. Năm 1923, Pinhas Rutenberg đã được cấ´p nhượng quyê`n độc quyê`n sản xuấ´t và phân phố´i điện. Ông thành lập Công ty Điện lực Palestine (Palestine Electric Company), sau này là Tổng công ty Điện Israel (Israel Electric Corporation). Giữa năm 1920 và năm 1924, một số´ các nhà máy lớn nhấ´t nước đã được thành lập, trong đó có Shemen Oil Company, Societe des Grand Moulins, Palestine Silicate Company và Palestine Salt Company. Năm 1937, Israel đã có 86 nhà máy kéo sợi và dệt trong nước, sử dụng một lực lượng lao động 1.500 nhân công, với vố´n và chuyên môn kỹ thuật được trợ giúp bởi các chuyên gia người Do Thái từ châu Âu trợ giúp. Nhà máy dệt Ata tại Kiryat được thành lập vào năm 1934 đã trở thành một biểu tượng của ngành công nghiệp dệt may của Israel. Ngành

công nghiệp này đã phát triển nhanh chóng trong Thế Chiế n II, khi nguồ n cung cấ p từ châu Âu bị cấ t đứt và các nhà sản xuấ t địa phương đã được ủy quyề n cho các nhu câ u quân đội. Đế n năm 1943, số lượng các nhà máy dệt may đã tăng lên đế n 250, với một lực lượng lao động là 5.630, và sản lượng tăng gấ p 10 là n.

Có hai nhân tố quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế của khu vực Do Thái trong giai đoạn này: nhập cư và dòng vố n. Dân số Do Thái tăng chủ yế u thông qua nhập cư; vào cuố i năm 1947 đã đạt 630.000, chiế m khoảng 35% dân số . Làn sóng nhập cư tràn về Palestine, đặc biệ t trong những năm 1920 và 1930. Họ bao gố m các nhà Zionist mang lý tưởng phục quố c và những người tị nạn (kinh tế và chính trị) từ Trung và Đông Âu. Dòng vố n đã u tư bao gố m các quỹ công cộng, thu thập bởi các tổ chức Zion, nhưng phâ n lớn là các quỹ tư nhân. Sản phẩm quố c gia phát triển nhanh chóng trong thời gian nhập cư lớn, nhưng những làn sóng nhập cư lớn được theo sau bởi suy thoái kinh tế , tiế p theo là những giai đoạn điề u chỉnh và củng cố .

Trong giai đoạn 1922-1947, NDP (Net Domestic Product – Sản phẩm Quố c nội Ròng) của khu vực Do Thái tăng trưởng với tố c độ trung bình 13,2% và để n năm 1947 chiế m 54% NDP của cả hai khu vực kinh tế người Do Thái và Ả Rập gộp lại. NDP bình quân đầ u người ở khu vực Do Thái tăng ở mức 4,8%; vào cuố i của giai đoạn này lớn hơn 8,5 lầ n so với năm 1922, và 2,5 lầ n lớn hơn so với khu vực Ả Rập. Mặc dù phát triển nông nghiệp - một mục tiêu ý thức hệ - là đáng kể, khu vực này không bao giờ chiế m hơn 15% tổng sản phẩm quố c nội ròng của nề n kinh tế của người Do Thái. Sản xuấ t chế tạo tăng trưởng chậm trong suố t giai đoạn, nhưng rấ t nhanh chóng phát triển trong Thế Chiế n II, khi Palestine cắ t đứt khỏi sự cạnh tranh của nước ngoài và là nhà cung cấ p chính cho các lực lượng vũ trang Anh tại Trung Đông. Đế n cuố i giai đoạn này, sản xuấ t chế tạo chiế m một phầ n tư NDP. Xây dựng nhà ở, mặc dù là một phầ n nhỏ

của NDP, là lĩnh vực biế n động nhất và góp phân vào những chuyển động chu kỳ kinh doanh sắc nét. Một đặc điểm nổi bật của nên kinh tế của người Do Thái trong giai đoạn ủy trị và trong thời gian sau đó, là kích thước ưu thế của khu vực dịch vụ - hơn một nửa tổng NDP. Con số này bao gồ m khu vực giáo dục và sức khỏe khá hiện đại, các lĩnh vực tài chính và kinh doanh hiệu quả, và các tổ chức Do Thái bán chính phủ. Các tổ chức bán chính phủ này được hình thành với mục đích chuẩn bị đảm đương các nhiệm vụ của chính phủ khi Nhà nước Israel thành lập vào năm 1948.

Từ năm 1924, các hội chợ thương mại được tổ chức tại Tel Aviv. Hội chợ Phương Đông đã được khánh thành vào năm 1932.

## GIAI ĐOẠN HÌNH THÀNH CỦA NỀN KINH TẾ

(1948-1965)

Nhà nước Israel ra đời, vào trung tuầ n tháng Năm năm 1948, ngay giữa một cuộc chiế n tranh khố c liệt với các nước láng giê ng Ả Rập. Các vấ n đề kinh tế cấ p bách chỗ ng chấ t trước mặ t: tiế n cho chiế n tranh, đẩy mạnh nhập cư người tị nạn để chuẩn bị nguỗ n lực cho tương lai (ưu tiên cho những người tị nạn đang bị câu giữ trong các trại ở châu Âu và Cyprus), cung cấ p nhu yế u phẩm cơ bản cho người dân cũ và mới, và hình thành một bộ máy chính phủ để đố i phó với tấ t cả những thách thức này. Việc lập chính phủ diễn ra khá thuận lợi, và các tổ chức bán chính phủ của người Do Thái vố n đã phát triển trong giai đoạn ủy trị bây giờ đã trở thành các cơ quan chính phủ.

Thỏa thuận ngừng bắ n được ký kế t trong năm 1949. Israel phải đô i mặt với một cuộc khủng hoảng kinh tế trâ m trọng. Vừa phải

phục hộ i từ những tác động tàn phá của chiế n tranh Ả Rập- Israel 1948, Israel cũng vừa phải hấ p thụ hàng trăm ngàn người tị nạn Do Thái từ châu Âu và các quố c gia Ả Rập. Israel tràn ngập gánh nặng vê tài chính và phải đố i mặt với một cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng, dẫn để n chính sách thất lưng buộc bụng từ năm 1949 để n năm 1959. Tỷ lệ thấ t nghiệp ở mức cao, dự trữ ngoại tệ khan hiế m, sản phẩm tiêu dùng thiế u hụt trâ m trọng. Nhà nước Israel buộc phải thực hiện nghiệm ngặt một chính sách kiểm soát giá cả và phân phố i các mặt hàng cơ bản (giố ng như Việt Nam thời bao cấ p). Các vấ n đề về cung cấ p nhà ở và việc làm cho người dân mới nhập cư được giải quyế t dâ n dâ n theo từng bước. "Chính sách Kinh tế Mới" đã được áp dụng vào đâ u năm 1952, bao gô m giảm tỷ giá hố i đoái, nới lỏng dâ n kiểm soát giá cả và phân phố i, và ngăn chặn việc mở rộng tiê n tệ, chủ yế u bă ng cách hạn chế về ngân sách. Các hoạt động nhập cư được că t giảm để chò đợi sự hấ p thụ của các làn sóng nhập cư trước đó.

Từ năm 1950-1965, Israel rấ t may mắ n nhận được những nguô n vố n lớn. Thứ nhấ t, năm 1952, Israel và Tây Đức đã ký một thỏa thuận quy định rã ng Tây Đức phải đề n bù Israel do việc tàn sát người Do Thái của Đức Quố c xã trong Thế Chiế n II, và bố i thường tài sản của người Do Thái bị Đức Quố c xã cướp đoạt. Trong 14 năm sau đó, Tây Đức đã trả Israel ba tỷ mark (tiế n Tây Đức). Các bố i thường trở thành một phâ n thu nhập quan trọng của Israel, chiế m tới 87,5% thu nhập của Israel trong năm 1956. Tiế p theo, vào năm 1960, cuộc gặp gỡ của Ben-Gurion với Thủ tướng Tây Đức lúc bấ y giờ là Adenauer tại New York đã được coi là dấ u mố c "lịch sử", vì nó đánh dấ u sự chấ p nhận khoan dung của người Do Thái với "nước Đức mới" của Adenauer. Cuộc gặp gỡ cũng đã đem lại cho Israel một khoản vay nửa tỷ đô-la Mỹ trong 10 năm, để phát triển công nghiệp và nông nghiệp, chủ yế u cho vùng sa mạc Negev.

Nguô n vố n thứ hai để n vào năm 1950, chính phủ Israel đã phát hành Trái phiế u Israel cho người Do Thái Mỹ và Canada. Năm 1951, kế t quả cuố i cùng của chương trình trái phiế u vượt quá 52 triệu USD. Ngoài ra, nhiế u người Do Thái Mỹ đã đóng góp cho Israel, trong đó năm 1956 được cho là lên tới 100 triệu USD. Năm 1957, doanh số bán trái phiế u lên tới 35% ngân sách phát triển đặc biệt của Israel. Cuố i cùng là sự hỗ trợ tài chính từ Hoa Kỳ trong các hình thức chuyển nhượng đơn phương và các khoản cho vay. Trong những năm cuố i thế kỷ 20, với vai trò là một thành trì của phương Tây tại Trung Đông trong ý đồ cân bă ng với ảnh hưởng của nước Nga Xô Viế t, viện trợ kinh tế cũng như sự hỗ trợ chính trị cho Israel từ Hoa Kỳ càng được đẩy mạnh.

Các nguô n vô n này ban đã u đã được chuyển giao cho các tổ chức nhà nước, chủ yế u là cho các Cơ quan Do Thái chịu trách nhiệm vê công tác hấ p thụ nhập cư và định cư nông nghiệp. Israel đã có nguô n lực sẵn có để sử dụng trong nước – cho việc tiêu thụ, đâ u tư công cộng và tư nhân - 25% nhiệ u hơn so với GNP (Gross National Product - Tổng Sản phẩm Quố c gia) của riêng mình. Điệ u này giúp cho các chương trình đâ u tư lớn trở nên khả thi, chủ yế u là tài trợ thông qua một ngân sách nhà nước đặc biệt. Nên biế t ră ng Thủ tướng đâ u tiên của Israel – Ben-Gurion – đã từng là một người mang ý thức hệ xã hội chủ nghĩa. Giai đoạn 1919-1923 là "giai đoạn đỏ" trong sư phát triển ý thức hệ của ông. Nhà nước Israel được thành lập vào năm 1948 cũng vì thể mang nặng màu sắ c của chủ nghĩa xã hội. Điệ u này ảnh hưởng không nhỏ để n phương thức nhà nước Israel quản lý xã hội và kinh tế trong thời gian đâ u. Trong giai đoạn này, tâ m cõ của những nhu câ u cũng như triế t lý xã hội chủ nghĩa của đảng chính trị chính trong liên minh chính phủ dẫn tới sự can thiệp sâu rộng của chính phủ trong mọi lĩnh vực của nê n kinh tế.

Với nguô `n vô ´n nhận được, các dự án mới phát triển công nghiệp và nông nghiệp đã cho phép Israel trở thành nê `n kinh tế ´ tự cung tự

cấ p. Trong số các dự án được thực hiện bă ng sự trợ giúp này có nhà máy điện Hadera, Dead Sea Works, Nhà cung cấ p nước quố c gia, phát triển cảng Haifa, Ashdod, và Eilat, nhà máy khử muố i, và các dự án cơ sở hạ tấ ng quố c gia.

Sau khi trở thành Nhà nước, ưu tiên đã được dành cho việc triển khai các ngành công nghiệp ở các khu vực dự kiế n phát triển trong tương lai, trong đó có Lachish, Ashkelon, Negev và Galilee. Ngân sách của chính phủ và các biện pháp bảo hộ mạnh mẽ nhắ m thúc đẩy thay thế nhập khẩu đã kích hoạt sự phát triển của các ngành công nghiệp mới trong nước, chủ yế u là hàng dệt may. Trợ cấ p đã được nhà nước đưa ra để trợ giúp cho sự phát triển của các mặt hàng xuấ t khẩu mới và bổ sung cho các mặt hàng xuấ t khẩu truyề n thố ng. Việc mở rộng của ngành công nghiệp dệt may của Israel là hệ quả của sự phát triển trô ng bông như một nhánh nông nghiệp có lợi nhuận. Vào cuố i những năm 1960, dệt may là một trong những ngành công nghiệp lớn nhấ t ở Israel, chỉ đứng sau ngành công nghiệp thực phẩm, chiế m khoảng 12% xuấ t khẩu công nghiệp và trở thành ngành xuấ t khẩu lớn thứ hai sau kim cương được đánh bóng.

Từ năm 1950 để n năm 1965, cam kế t phát triển mạnh mẽ của Israel dẫn để n một tỷ lệ tăng trưởng cao: GNP tăng trưởng với tố c độ trung bình hàng năm trên 11%, và GNP theo đầ u người lớn hơn 6%. Mức số ng trung bình tăng mạnh, với chi tiêu của gia đình thu nhập trung bình thực tế tăng 97% từ năm 1950 để n năm 1963.

# GIAI ĐOẠN TỪ 1966 ĐẾN NAY

Trong bố n thập niên từ giữa những năm 1960 để n nay, nê n kinh tế của Israel và chính sách kinh tế của Nhà nước đã trải qua nhiệ u thăng trâ m và có những thay đổi đột phá, cả vê mặt ý thức hệ. Một yế u tố chính ảnh hưởng đế n sự phát triển này là xung đột Ả Rập-

Israel. Trong phâ`n này, chúng ta trước tiên sẽ thảo luận ảnh hưởng của những xung đột này tới phát triển kinh tế, tiế p theo sẽ bàn về sự tăng trưởng và biế n động kinh tế, cuố i cùng là sự tiế n triển của chính sách kinh tế cũng như những thách thức trước mặ t.

#### a. Xung đột Ả rập - Israel

Sự kiện â´n tượng nhấ t của những năm 1960 là Cuộc chiế n Sáu ngày năm 1967. Sau sáu ngày giao chiế n với liên quân Ai Cập, Jordan, Syria và Iraq, Israel đã giành chiế n thắ ng tuyệt đố i và mở rộng quyề n kiểm soát sang Bờ Tây (vùng đấ t rộng lớn của Palestine bị Jordan kiểm soát từ năm 1949) dải Gaza, (nă m dưới quyề n kiểm soát của Ai Cập cho tới thời điểm trước cuộc chiế n) và Cao nguyên Golan (ở phía Bắ c).

Như hệ quả của việc chiế m đóng những vùng lãnh thổ này, Israel phải gánh thêm trách nhiệm về kinh tế cũng như đời số ng chính trị của các vùng đấ t nói trên. Các khu vực Ả Rập ở Jerusalem được hợp nhấ t với khu vực Do Thái. Các khu định cư Do Thái được xây dựng thêm. Khi sự thù địch giữa người Do Thái và người Ả Rập trở nên căng thẳng, đâ u tư cho các cơ sở hạ tâ ng đã được thực hiện để bảo vệ những người định cư Do Thái. Việc phân bổ các nguô n lực cho các khu định cư Do Thái tại các vùng lãnh thổ bị chiế m đóng đã trở thành một vấ n đề chính trị và kinh tế đâ y bức xúc cho đế n tận ngày nay.

Nê n kinh tế của Israel và các vùng lãnh thổ bị chiế m đóng như Gaza và Bờ Tây sau đó đã một phâ n nào được tích hợp. Thương mại hàng hóa và dịch vụ phát triển, với những hạn chế được áp đặt lên việc xuấ t khẩu sang Israel những sản phẩm được coi là quá cạnh tranh, và công nhân Palestine được sử dụng ở Israel chủ yế u chỉ trong lĩnh vực xây dựng và nông nghiệp. Lúc cao điểm, vào năm 1996, công ăn việc làm của người Palestine ở Israel đạt mức 115.000 để n

120.000, khoảng 40% của lực lượng lao động Palestine, nhưng không bao giờ vượt hơn 6,5% tổng số việc làm của Israel. Vì vậy, trong khi việc làm ở Israel là một đóng góp lớn cho nê `n kinh tế của người Palestine, ảnh hưởng của nó để n nê `n kinh tế Israel, trừ các lĩnh vực xây dựng và nông nghiệp, lại không lớn.

Kinh tế của người Palestine phát triển nhanh chóng - thu nhập quố c dân bình quân đâ u người tăng trưởng với tố c độ hàng năm gâ n 20% trong giai đoạn 1969-1972, 5% trong giai đoạn 1973-1980 - nhưng dao động thấ t thường sau đó, và thực sự đi xuố ng trong những thời gian xung đột. Thu nhập bình quân đâ u người Palestine tương đương với 10,2% thu nhập bình quân đâ u người Israel vào năm 1968, 22,8% trong năm 1986, và giảm xuố ng còn 9,7% năm 1998.

Trong tiế n trình hòa bình giữa Israel và Palestine bắ t đã ù vào những năm 1990, sau Hiệp định Oslo vào năm 1993, một thỏa thuận kinh tế đã được ký kế t giữa các bên năm 1994, có hiệu lực chuyển đổi những gì thực chấ t là một thỏa thuận hải quan một chiế ù (trong đó cho Israel hoàn toàn có quyề n tự do xuấ t khẩu sang các vùng lãnh thổ bị chiế m đóng, nhưng áp đặt hạn chế xuấ t khẩu hàng hóa từ Palestine vào Israel) sang một liên minh thuế quan bình đẳng hơn - một chính sách ngoại thương thố ng nhấ t nghiêng về phía Israel, nhưng người Palestine đã được trao chủ quyề n hạn chế trong việc nhập khẩu một số mặt hàng nhấ t định.

Cuộc nổi dậy Palestine lâ n thứ nhấ t (Intifada I), trong những năm 1980, và đặc biệt là Intifada II bạo lực hơn bắ t đâ u vào năm 2000 và tiế p tục cho để n năm 2005, đã dẫn để n việc Israel áp đặt những hạn chế nghiêm ngặt trong sự tương tác giữa hai nề n kinh tế Israel và Palestine, đặc biệt là công ăn việc làm của người Palestine ở Israel, và thậm chí tái chiế m quân sự một số khu vực nhấ t định trước đây dành cho người Palestine kiểm soát. Những biện pháp này đã kéo lùi nề n kinh tế của người Palestine ngược trở lại nhiề u năm

trước, xóa đi gâ nhế t thu nhập của người Palestine đã đạt được từ năm 1967: GNP theo đâ u người của Palestine năm 2004 là \\$932, so với khoảng \\$1500 trong năm 1999. Công nhân Palestine tại Israel được thay thế bă ng lao động nước ngoài.

Một hệ quả kinh tế quan trọng của cuộc xung đột Ả Rập- Israel là Israel phải phân bổ một phâ n lớn ngân sách cho quố c phòng. Quỹ của ngân sách quố c phòng thay đổi, tăng lên trong thời gian chiế n tranh và xung đột vũ trang. Tổng gánh nặng quố c phòng (kể cả chi phí không có trong ngân sách) đạt mức tố i đa trong và sau Chiế n tranh Yom Kippur năm 1973, chiế m gâ n 30% GNP trong giai đoạn 1974-1978. Trong giai đoạn 2000-2004, ngân sách quố c phòng một mình chiế m khoảng 22% để n 25% GDP. Tuy nhiên Israel rấ t may mă n được hỗ trợ bởi các khoản viện trợ hào phóng của Mỹ. Cho để n năm 1972, hâ u hê t các khoản viện trợ này để n dưới hình thức các khoản tài trợ và cho vay, chủ yế u thông qua việc mua các nông sản dư thừa của Mỹ. Nhưng từ năm 1973 viện trợ của Mỹ đã được kế t nổ i chặt chẽ với nhu câ u quố c phòng của Israel. Trong giai đoạn 1973-1982 các khoản vay và trợ cấ p hàng năm trung bình đạt 1,9 tỷ USD, đáp ứng khoảng 60% tổng nhập khẩu quố c phòng. Nhưng ngay cả trong thời kỳ yên tĩnh hơn, gánh nặng quố c phòng của Israel, duy chỉ viện trợ của Mỹ, thường lớn hơn nhiệ u so với mức bình thường ở các nước công nghiệp trong thời gian hòa bình.

### b. Tăng trưởng và các biế n động kinh tế

Tỷ lệ tăng trưởng cao về thu nhập và thu nhập bình quân đâ u người là đặc trưng của Israel cho để n năm 1973, nhưng đã không giữ được sau đó. Thập niên sau Chiế n tranh Yom Kippur năm 1973 gọi là "thập niên mấ t mát" của Israel. Tăng trưởng bị đình trệ, lạm phát phi mã, và chi tiêu chính phủ tăng vượt trội. Đáng đề cập để n là cuộc khủng hoảng chứng khoán Ngân hàng năm 1983, cổ phiế u của bố n ngân hàng lớn nhấ t ở Israel sụp đổ, buộc nhà nước phải quố c hữu

hóa cả bố n ngân hàng này. Đế n năm 1984, tình hình kinh tế đã trở thành gâ n như thảm kịch với lạm phát đạt tố c độ hàng năm gâ n 400% và dự kiế n lên tới 1000% vào cuố i năm 1985. Tuy nhiên, "Chương trình Ôn định Kinh tế " được chính phủ Israel thực hiện thành công vào năm 1985 và tiế p tục nhiệ u năm sau đó, nhã m giảm lạm phát, cân bă ng cán cân thanh toán và ổn định nê n kinh tế , đã cứu vãn tình hình. Chương trình này bao gô m việc cắ t giảm ngân sách, cấ m in tiê n, ổn định mức giá, thiế t lập một tỷ giá hố i đoái cố định và nhiệ u hạng mục khác. Tiế p theo, chương trình cải cách về cơ cấ u định hướng thị trường đã hô i sinh nê n kinh tế và mở đường cho sự phát triển nhanh chóng của Israel trong thập niên 1990 và trở thành một mô hình kiểu mẫu làm bài học cho các nước đang phải đố i mặt với khủng hoảng kinh tế tương tự.

Chương trình Ốn định Kinh tế 1985 của Israel được biế t đế n như một cột mố c chính trong sự chuyển hướng dâ n dâ n của Israel từ một thị trường xã hội-dân chủ sang một thị trường tự do-tư bản. Nó đã căn bản thay đổi những nê n tảng kinh tế vĩ mô của nê n kinh tế Israel. Trong số những thay đổi này, thị trường tiê n tệ(9), thị trường vố n(10), thị trường ngoại tệ, quỹ hưu trí, hệ thố ng ngân hàng và hệ thố ng thuế đã trải qua nhiê u cải cách. Dựa trên kinh nghiệm quố c tế , các cuộc cải cách đã được thực hiện dâ n dâ n từng bước, nhã m giúp Israel hòa nhập khéo léo vào kinh tế toàn câ u trong khi hạn chế tố i thiểu những cú số c đố i với nê n tài chính quố c gia. Quá trình hội nhập cũng đã được hỗ trợ bởi sự quan tâm ngày càng tăng của các nhà đâ u tư trong các nê n kinh tế đang lên.

Tăng trưởng GDP lên xuố ng trô i sụt trong suố t giai đoạn từ năm 1966, thường từ 2% để n 5%, vươn cao tới 7,5% trong năm 2000, nhưng giảm xuố ng dưới số không trong những năm suy thoái kinh tế từ năm 2001 để n giữa năm 2003. Cuố i thế kỷ 20, thu nhập bình quân đâ u người đạt khoảng \\$20.000, mức xấ p xỉ như nhiê u trong số các nước công nghiệp phát triển.

Hai sự kiện đã giúp thay đổi diện mạo nê n kinh tế của Israel kể từ đâ u những năm 1990. Đâ u tiên là làn sóng nhập cư của người Do Thái từ khắ p nơi trên thế giới quay trở về Israel, chủ yế u từ các nước thuộc Liên bang Xô viế t cũ. Làm sao có thể sử dụng nguồ n nhân lực đô sộ này, với những rào cản rấ t lớn vê ngôn ngữ và văn hóa. Lúc này, nhà nước Do Thái cùng lúc phải đố i mặt với hai thử thách tưởng chừng không thể vượt qua: bảo vệ nê n độc lập trong sự thù địch thường xuyên của các láng giê ng Å-rập; và chăm sóc ăn ở, công ăn việc làm cho những người mới để n. Rấ t nhiệ u khó khăn, rấ t nhiề u thách thức. Thông thường một làn sóng nhập cư lớn đột ngột làm tăng dân số đòi hỏi một giai đoạn điể u chỉnh cho để n khi nó được hấ p thụ một cách hiệu quả, với những đâ u tư về việc làm và nhà ở nhã m kích thích hoạt động kinh tế. Nhập cư về sau này không bao giờ đạt để n kích thước của những năm đâ u tiên sau khi Israel mới trở thành Nhà nước độc lập, nhưng một lâ n nữa trở thành đỉnh điểm với việc nới lỏng các hạn chế về nhập cư từ Liên Xô. Tổng số người nhập cư trong giai đoạn 1972-1982 là 325.000, và sau sự sụp đổ của Liên Xô, nhập cư đạt 1.050.000 trong giai đoạn 1990-1999, chủ yế u là từ Liên Xô cũ. Không giố ng như các giai đoạn trước, những người nhập cư đã dâ n dâ n được hấ p thụ khá thuận lợi trong lao động sản xuấ t. Đế n cuố i thế kỷ dân số Israel đã vượt qua mố c 6.300.000, với người Do Thái chiế m 78% tổng số. Dân nhập cư từ Liên Xô cũ chiế m khoảng 1/5 dân số Do Thái, phâ n lớn là khoa học gia, kỹ sư, chuyên viên có học thức cao và là một nguô n bổ sung nhân lực đáng kể và quan trọng cho lực lượng lao động ở các khu vực công nghê cao. Có thể nói những cư dân mới này, đặc biệt là những cư dân để n từ Nga, đã làm thay đổi diện mạo của Israel. Bởi vì, giữa lúc đâ v khó khăn như thế này, một may mặ n đã đế n. Sự bùng nổ công nghệ cao trên thế giới bă t đâ u tăng tố c vào giữa năm 1990, và những tài năng từ những cư dân mới nhập cư học vấ n cao này có đã đấ t dung võ. Chính sách của nhà nước Israel lúc này là đấ u tư mao hiểm vào công nghệ cao hoàn toàn thích hợp. Khố i doanh nghiệp

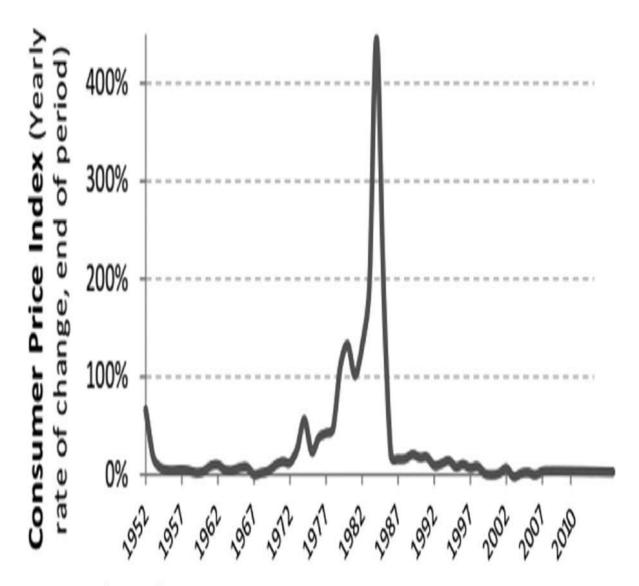
công nghệ tư nhân của Israel bắ t đâ u thiế u kỹ sư. Và chỉ trong vòng 15-20 năm sau đó, các quyế t sách thích hợp của Nhà nước Israel đã nâng Israel lên một tâ ng cao mới và trở thành một cường quố c công nghệ cao thuộc hàng đâ u của thế giới.

Sự phát triển thứ hai mang lại lợi ích cho nề n kinh tế Israel là tiế n trình hòa bình bắ t đầ u từ hội nghị Madrid tháng Mười năm 1991, dẫn để n việc ký kế t các hiệp định và sau đó là hiệp ước hòa bình giữa Israel và Jordan ký vào năm 1994. Mặc dù phong trào Intifada đầ y bạo lực lầ n thứ hai, trong đó hàng tỷ USD thiệt hại về mặt kinh tế , Israel vẫn có thể mở ra các thị trường mới xa hơn để xuấ t khẩu, chẳng hạn như tại các quố c gia đang phát triển nhanh chóng của khu vực Đông Á.

Cơ cấ u sản phẩm cũng thay đổi cùng với sự thay đổi của nề n kinh tế . Mặc dù các khu vực dịch vụ vẫn còn tương đố i lớn - thương mại và dịch vụ đóng góp 46% của sản phẩm thuộc lĩnh vực kinh doanh - nông nghiệp không còn đóng vai trò quan trọng như trước kia, và công nghiệp chiế m hơn 1/4 tổng số . Cơ cấ u của sản xuấ t chế tạo cũng đã thay đổi cả trong tổng sản lượng và xuấ t khẩu: các ngành công nghiệp truyề n thố ng và công nghệ thấ p (low-tech) giảm xuố ng, các sản phẩm công nghệ cao (high-tech) và tinh vi, đặc biệt là các sản phẩm điện tử, đã vươn lên đóng vai trò quyế t định.

Biế n động về sản lượng đã được đánh dấ u bởi các thời kỳ lạm phát và các thời kỳ thấ t nghiệp. Sau khi Israel thay đổi chính sách tỷ giá trong cuố i những năm 1970 (sẽ thảo luận dưới đây), xoă nố c lạm phát như được thả cương. Tỷ lệ siêu lạm phát bùng nổ trong những năm đâ u thập niên 1980, lên tới 400% vào năm 1985. Chính thời điểm chính phủ Israel quyế t định khởi động Chương trình Ôn định Kinh tế . Ôn định tỷ giá, kiế m chế ngân sách và tiế n tệ, đóng băng tiế n lương và giá cả đã giúp giảm mạnh tỷ lệ lạm phát xuố ng dưới 20%, và sau đó giữ ở mức 16% vào cuố i những năm 1980. Chính

sách tiê `n tệ rấ ´t quyế ´t liệt, từ cuố í những năm 1990, cuố í cùng đã giúp lạm phát giảm xuố ng 0% vào năm 2005, tức là 20 năm sau khi khởi động Chương trình Ôn định Kinh tế 1985. Tuy nhiên, chính sách này, kế ´t hợp với các yế ´u tố ´bên ngoài như sự bùng nổ của bong bóng công nghệ cao, suy thoái kinh tế ´trên thế giới, và bấ ´t ổn định trong nước do hậu quả của các phong trào Intifada, dẫn đế ´n tỷ lệ thấ ´t nghiệp lên tới trên 10% vào đã `u thế ´kỷ 21. Những cải thiện kinh tế ´từ nửa cuố í năm 2003 vẫn chưa giảm đáng kể tỷ lệ thấ ´t nghiệp (tính đế ´n tháng Hai năm 2005).



Source: Central Bureau of Statistics

Trong thập niên 1990, lao động giá rẻ ở Đông Á đã làm giảm lợi nhuận của khu vực sản xuấ t dệt may. Phâ n lớn công việc đã được ký hợp đô ng phụ với 400 cửa hàng may Ả Rập Israel. Khi những cửa hàng này đóng cửa, các công ty của Israel, trong đó có Delta, Polgat, Argeman và Kitan, chuyển hướng công việc may của họ sang Jordan và Ai Cập, thường là dưới thỏa thuận QIZ (Qualifying Industrial Zones) là nhóm các nhà sản xuấ t Jordan và Ai Cập. Đâ u những năm 2000, các công ty Israel đã có 30 nhà máy ở Jordan. Xuấ t khẩu

Israel đạt 370 triệu USD một năm, cung cấ p cho các nhà bán lẻ và nhà thiế t kế lớn như Marks & Spencer, The Gap, Victoria 's Secret, Wal-Mart, Sears, Ralph Lauren, Calvin Klein, và Donna Karan.

Trong vài năm qua đã có một làn sóng đâ`u tư nước ngoài chưa từng có ở Israel. Những công ty trước đây từng xa lánh thị trường Israel bây giờ nhìn thấ y tiê `m năng đóng góp của Israel cho chiế ´n lược toàn câ `u của họ. Năm 2006, đâ `u tư nước ngoài tại Israel theo Hiệp hội Các nhà sản xuấ ´t Israel đạt 13 tỷ USD. Hơn nữa, trong khi tổng nợ nước ngoài (11) của Israel là 95 tỷ USD, tương đương khoảng 41,6% GDP, từ năm 2001 Israel đã trở thành một quố ´c gia cho vay ròng (net lender nation) đố ´i với nợ nước ngoài ròng (12) (tổng nợ nước ngoài trừ đi số ´ cho nước ngoài vay), trong đó tính đế ´n tháng Sáu năm 2012 là ở mức thặng dư 60 tỷ USD. Israel cũng duy trì thặng dư tài khoản vãng lai (13) trong một số ´ tiê `n tương đương với khoảng 3% GDP trong năm 2010.

Nê `n kinh tế ´ của Israel vượt qua suy thoái kinh tế ´ cuố ´i những năm 2000, đạt được tăng trưởng GDP dương trong năm 2009, và kế ´t thúc thập niên với một tỷ lệ thấ ´t nghiệp thấ ´p hơn so với nhiê `u quố ´c gia phương Tây. Có nhiê `u lý do đă `ng sau sức phục hô `i của kinh tế ´ này, ví dụ, như đã nêu ở trên, đó là thực tế ´ rã `ng Israel là người cho vay ròng chứ không phải là một quố ´c gia đi vay và các chính sách kinh tế ´ vĩ mô nói chung là bảo thủ và rấ ´t thận trọng của chính phủ và Ngân hàng Israel. Hai chính sách cụ thể có thể được trích dẫn, một là sự cương quyế ´t từ chố ´i của chính phủ chố ´ng chọi lại áp lực của các ngân hàng khi họ đòi hỏi những khoản tiê `n lớn từ ngân khố ´ của nhà nước để hỗ trợ họ trong những ngày đâ `u của cuộc khủng hoảng, và do đó đã hạn chế ´ những hành vi nguy hiểm của các ngân hàng. Thứ hai là việc thực hiện các khuyế ´n nghị của Ủy ban Bachar (14) từ đâ `u đế ´n giữa những năm 2000 trong đó khuyế ´n nghị tách riêng hoạt động lưu ký (15) của các ngân hàng ra khỏi hoạt động

ngân hàng đâ`u tư<sup>(16)</sup>. Khuyê´n nghị này trái ngược với xu hướng lúc đó, đặc biệt là ở Hoa Kỳ, là xu hướng nới lỏng những ràng buộc, và chính sự nới lỏng này đã gây tác dụng khuyê´n khích nhiê`u rủi ro trong hệ thô´ng tài chính của các quô´c gia này.

#### c. Những thay đổi vê chính sách

Giai đoạn 1966-1984: những hạn chế về tài chính và sự trì trệ của nề n kinh tế

Nhà nước Israel được thành lập vào năm 1948 căn bản là một nhà nước mang nặng ý thức hệ chủ nghĩa xã hội. Điề u này ảnh hưởng không nhỏ để n phương thức nhà nước Israel quản lý xã hội và kinh tế trong những năm đâ u qua cách thức can thiệp sâu rộng của chính phủ trong mọi lĩnh vực của nê n kinh tế . Theo dòng thời gian, kinh tế Israel từng bước chuyển đổi sang nê n kinh tế thị trường khá tự do (mặc dù vẫn chưa hoàn toàn như vậy). Quá trình này bặ t đâ u vào những năm 1960 khi các nhà hoach định chính sách nhân thức ra ră ng sư can thiệp của chính phủ Israel trong nê n kinh tế là quá nhiê`u, và thêm vào đó là những thách thức đặt ra do sự hình thành liên minh thuế quan của châu Âu (mà dâ n dâ n tiế n triển thành Liên minh châu Âu EU hiện tại). Để đáp ứng lại những thách thức này, Israel đã bắ t tay vào một quá trình nhã m tự do hóa nê n kinh tế từ từ theo từng bước. Điệ u này xuấ t hiện đấ u tiên trong lĩnh vực ngoại thương qua quyế t định thay thế chính sách hạn chế số lượng nhập khẩu bă ng chính sách bảo hộ thuế quan (điệ u này được thu hẹp một cách chậm chạp), và rô i cả hai chính sách thay thế nhập khẩu cũng như xuấ t khẩu được khuyế n khích bởi việc áp dụng tỷ giá hố i đoái thực tế hơn là bảo hộ và trợ cấ p. Một số hiệp định thương mại một phâ n với Cộng đô ng Kinh tế châu Âu (EEC - European Economic Community), bă t đâ u vào năm 1964, lên đế n đỉnh điểm trong một thỏa thuận khu vực thương mại tư do (FTA - Free Trade

Area) vê hàng hóa công nghiệp vào năm 1975, và một thỏa thuận FTA với Hoa Kỳ có hiệu lực vào năm 1985.

Vào cuố i năm 1977 tự do hóa thương mại đã được thực hiện ở một mức độ đáng kể. Trong tháng Mười năm đó, Israel đã chuyển từ hệ thố ng tỷ giá hố i đoái cố định sang hệ thố ng tỷ giá thả nổi, và những hạn chế về di chuyển vố n được tự do hóa rộng rãi hơn. Tuy nhiên, tiế p sau đó một vòng xoáy lạm phát tố i tệ đã kìm hãm quá trình tự do hóa vố n. Kế t quả là các dòng vố n không được tự do hóa hoàn toàn mãi cho để n tận đầ u thế kỷ 21.

Trong "thập niên mấ t mát" sau Cuộc chiế n Yom Kippur 1973, nê `n kinh tế Israel được đặc trưng bởi sự độc quyê `n tài chính của chính phủ. Chính sách tiế `n tệ tùy tiện, chi phố i chủ yế u bởi những cân nhắ c tài chính và chính trị của chính phủ, đã không để lại một khoảng trố ng dư thừa nào cho các hoạt động có tính quyế t định của ngân hàng trung ương. Ngoài ra, do sự can thiệp của chính phủ vào thị trường tài chính và do sự phân biệt đố i xử trong việc phân bổ tín dụng và sự can thiệp vào thị trường tiế `n tệ, phạm vi ảnh hưởng của chính sách tiế `n tệ là rấ t hẹp. Tiế `n tệ không bị "neo" lại và chính phủ phản ứng với thâm hụt bă `ng cách liên tục phá giá đồ `ng tiế `n, tăng giá các sản phẩm và cấ t trợ cấ p. Ngân hàng Trung ương Israel đã thỏa mãn nhu câ `u tín dụng của chính phủ bă `ng cách in tiế `n, và trong thời gian lạm phát lớn, Ngân hàng Trung ương chủ yế ´u là tập trung vào việc ổn định lạm phát bă `ng cách vô hiệu hóa thâm hụt cán cân thanh toán chỉ nhờ vào các dòng vố n chảy vào.

Quá trình lạm phát cũng bị ảnh hưởng bởi các yế u tố toàn câ u cũng như cuộc khủng hoảng năng lượng trong thập niên 1970. Phản ứng của Israel là tiế n hành chỉ số hóa sâu rộng giá cả và tiế n lương để kiế m chế ảnh hưởng thực sự của lạm phát. Chính phủ đã không điể u chỉnh chương trình nghị sự của mình cho thích hợp với những thay đổi của các điể u kiện kinh tế nội địa và toàn câ u - như sự gia

tăng chi tiêu quố c phòng, sự suy giảm trong tăng trưởng kinh tế và nhân khẩu học, sự trì trệ toàn câ u, và sự trâ m trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế.

Sự can thiệp của chính phủ Israel tại các thị trường bao gồ m các hạn chế về hành chính, tỷ số thanh khoản đặc biệt, hạn ngạch tín dụng và miễn trừ, hạn chế dòng vố n quố c tế, thuế phân biệt đố i xử (discriminatory tax) và lãi suấ t. Chính phủ đố i xử phân biệt vay mượn của các công ty tư nhân bă ng cách đánh thuế và kiểm soát việc phát hành trái phiế u tư nhân. Ví dụ, các nhà đâ u tư - như các quỹ lương hưu và các quỹ tín thác - đã phải đâ u tư 95% tổng lượng vố n ròng hàng năm (total annual net inflow of sources) của họ trong các trái phiế u chính phủ phi thương mại (non-tradable government bonds); 60% tín dụng ngắ n hạn (short-term credit) và 65% các khoản vay cho nhà ở (housing loans) được điề u khiển bởi chính phủ.

Một loạt các quy định cấ m và miễn trừ, khoảng cách rộng của lãi suấ t và các biện pháp của chính phủ để đảm bảo kiểm soát các thị trường tài chính đã làm cho cấ u trúc thị trường trở nên phức tạp, giảm hiệu quả của nó, và làm tăng chi phí của các trung gian tài chính và quản lý. Điể u này được thể hiện qua con số chi phí trung bình khá cao về tài chính. Ví dụ, lãi suấ t tín dụng nước ngoài vào năm 1985 dao động từ 8,3% cho các nhóm ưu tiên để n 33,8% cho các khoản vay chiu giới han hành chính.

Đế n giữa năm 1985, tình hình trở nên khó khăn hơn khiế n chính phủ không thể tiế p tục tăng nợ đã quá cao để tài trợ cho thâm hụt công cộng, và nê n kinh tế Israel gâ n như đạt đế n giai đoạn thoái thác nợ (debt repudiation) có nghĩa là không thể trả được nợ. Thâm hụt ngân sách lớn đã đặc biệt trở thành vấ n đề nghiêm trọng có tính hệ thố ng của quố c gia do những khó khăn ngày càng tăng trong việc bán trái phiế u chính phủ, kế t quả là chính phủ đã phải bù đấ p thâm hụt ngân sách bă ng cách rút tiế n từ dự trữ ngoại hố i. Thêm

vào đó, thâm hụt tài khoản vãng lai tiế p tục tương đố i lớn buộc chính phủ phải tiế p tục phá giá và in thêm tiế n khiế n cho vòng xoă nố c lạm phát lại càng trở nên nguy kịch. Tình trạng nguy hiểm này đòi hỏi câ n phải có một chương trình phố i hợp nghiêm túc có sự cam kế t của cả chính phủ và ngân hàng trung ương trong một cách thức mới.

Trong bố i cảnh như thế, câu hỏi đặt ra là phải làm gì để hàn gắ n và nâng hiệu quả của hệ thố ng tài chính quố c gia đang quá yế u kém và hố i sinh tăng trưởng?

Chương trình Ôn định Kinh tế 1985 (The Economic Stabilisation Programme)

Để đáp lại cho câu hỏi trên, trong suố t những năm 1980 và tiế p tục sang những năm 1990, chính phủ Israel đã thực hiện quyế t liệt "Chương trình Ôn định Kinh tế" đã được đề xuấ t vào năm 1985, nhà m giảm lạm phát, cân bà ng cán cân thanh toán và ổn định nê n kinh tế.

Các chính sách bình ổn được thực hiện với sự hỗ trợ của các chuyên gia từ các học viện, chính phủ Mỹ, Bộ Tài chính và Ngân hàng Israel. Chương trình này được dựa trên một số nguyên tắ c bao gố m việc cắ t giảm ngân sách, cấ m in tiề n, ổn định mức giá, thiế t lập một tỷ giá hố i đoái cố định và nhiề u hạng mục khác. Trong khuôn khổ của chương trình, một "neo danh nghĩa (17)" để kiê m chế việc tăng giá cả đã được áp dụng và cam kế t về một định chế tài chính mới nhã m giảm tỷ lệ nợ/ GDP (dept/GDP ratio) đã được thực hiện. Theo đó, thâm hụt ngân sách đã được xử lý triệt để để ngăn chặn việc in tiê n và tỷ giá hố i đoái đã được chọn lựa như một "neo danh nghĩa" khác để kiê m chế lạm phát; đầ u tiên được chố t vào đồ ng đô la Mỹ, và sau đó vào một rổ tiê n tệ (18). Để tránh khỏi sự gia tăng mạnh mẽ trong tiê n lương thực tế có thể tiế p tực làm xấ u thêm xoă n ố c lạm

phát, chính phủ đã ký kế t thỏa thuận tạm thời đóng băng tiê n lương với các công đoàn lao động. Các công đoàn này vê phía mình đã ký một thỏa thuận tạm thời đóng băng giá cả với Hiệp hội các nhà sản xuấ t.

Tiế p theo, chính phủ Israel đã bổ sung thêm một số các biện pháp tự do hóa khác trong chính sách tiế n tệ, thị trường vố n trong nước, và áp dụng các công cụ khác nhau để hỗ trợ cho sự điể u hành của chính phủ trong các hoạt động kinh tế trong khi vẫn tránh được sự can thiệp thô bạo trong các hoạt động kinh tế. Vai trò của chính phủ trong nề n kinh tế đã giảm xuố ng đáng kể.

Một mục tiêu quan trọng của chương trình bình ổn là hạn chế khả năng của chính phủ trong việc tài trợ cho thâm hụt ngân sách bă ng cách độc quyề n chỉ đạo các hoạt động trong thị trường tài chính và can thiệp trực tiế p vào việc quản lý chính sách tiề n tệ, đô ng thời tạo ra một cơ chế minh bạch giúp cho các ngân hàng trung ương độc lập hơn trong việc quản lý chính sách tiề n tệ. Theo đó, Luật Không-In (No-Print Law) đã được ban hành nhã m ngăn chặn các ngân hàng trung ương trong việc tùy tiện cung cấ p tín dụng cho chính phủ để tài trợ cho thâm hụt ngân sách. Tín dụng trực tiế p(19) đã dâ n dâ n được loại bỏ. Ngân hàng Trung ương Israel cũng đã được giải phóng khỏi việc hỗ trợ giá trái phiế u chính phủ, nhờ vậy, Ngân hàng Trung ương đã có một cơ sở rộng lớn hơn để tạo ra ảnh hưởng trong việc bình ổn giá cả và cuố i cùng có thể chủ động quản lý chính sách lãi suấ t một cách độc lập.

#### Giai đoạn cải cách từ 1987 cho để n nay

Chiế n lược Ôn định Kinh tế 1985 đã thành công vượt mong muố n trong việc hỗ trợ quá trình giảm lạm phát và cải thiện các nguyên tắ c cơ bản của kinh tế vĩ mô. Uy tín của nê n kinh tế Israel được nâng cao. Các điể u kiện kinh tế mới đòi hỏi một sự cải cách sâu

rộng hơn nữa về tài chính và cơ cấ u, và tự do hóa hoàn toàn thị trường ngoại hố i. Những cải cách này đã được thực hiện thông qua việc giảm dâ n sự can thiệp của chính phủ vào thị trường tài chính và tiê n tệ trong nước. Tuy nhiên, vẫn còn nhiê u việc câ n phải làm để tăng tính cạnh tranh trong thị trường tài chính và lĩnh vực ngân hàng, và cũng để đưa vào áp dụng các công cụ tài chính hiện đại.

Hai mươi năm chuyển đổi sang nê n kinh tế thị trường đã được tiế n hành song song cùng một loạt các kênh khác nhau đã góp phâ n: (1) thiế t lập nên một bộ khung kinh tế vĩ mô mạnh mẽ để củng cố lòng tin của các nhà đâ u tư đố i với nê n kinh tế (và cũng là điề u kiện cho sự phát triển của thị trường tài chính và cải cách); (2) tăng cường sự ổn định của hệ thố ng ngân hàng nội địa; và (3) phát triển các công cụ tài chính để quản lý rủi ro ngoại hố i và tăng cường hoạt động của nê n kinh tế trong nước. Chính phủ giảm dâ n sự tham gia của mình trong thị trường tiế n tệ và thị trường vố n trong nước, xóa bỏ các hạn chế đổ i với dòng vố n quố c tế và đặt nê n móng cho việc đẩy mạnh cạnh tranh giữa các trung gian tài chính. Sự chuyển dịch này bao gồ m nhiê u biện pháp như cải cách trong việc trao đổi tiế n tệ, trao đổi ngoại hố i và thị trường vố n, và nhiê u thay đổi vê thành phâ n của ngân sách, đạt được nhờ quá trình tư nhân hóa và những thay đổi cơ cấ u khác.

Việc lập kế hoạch và thực hiện các cải cách tài chính tiế p theo trong thị trường tài chính Israel vẫn đang tiế p tục. Các nhóm làm việc hiện tại và các hội đô ng liên bộ đang làm việc để đào sâu hơn nữa trong thị trường tài chính, nâng cao sức cạnh tranh của nó và giúp nó hấ p dẫn hơn đổ i với các nhà đâ u tư. Trong số các vấ n đề hiện đang được thúc đẩy là sự phát triển của thị trường repo và thị trường chứng khoán và đẩy sâu cạnh tranh trong hệ thố ng ngân hàng. Những cải cách này cũng góp phâ n giúp cho sự hội nhập của thị trường tài chính Israel vào nề n kinh tế toàn câ u và khả năng phục hồ i tài chính của nề n kinh tế.

Các giao dịch tài khoản vãng lai đã gâ n như hoàn toàn miễn phí khi tự do hóa tài khoản tài chính (21) bấ t đâ u. Quá trình đưa đế n tự do hóa hoàn toàn thị trường ngoại hố i của Israel đã diễn ra trong quãng thời gian 1987-2003, với mục tiêu xoá bỏ việc nhà nước quản lý ngoại hố i và đạt tới khả năng chuyển đổi hoàn toàn của đô ng shekel (tiê n Israel) mới. Quá trình này là một phâ n của chiế n lược nhã m tăng sự cởi mở của nê n kinh tế, bởi lẽ nhà nước đã nhận thức được rã ng những lợi ích từ tự do hóa sẽ đê n bù cho những chi phí của nó – phát sinh chủ yế u từ công tác chuẩn bị vê cơ cấ u và thể chế câ n thiế t cho sự phát triển của thị trường vố n, và từ sự tăng rủi ro ổn định tài chính.

Quá trình tự do hóa đã đưa nê `n kinh tế Israel từ một tình trạng chính phủ kiểm soát gâ `n như hoàn toàn các dòng vố n và hoạt động ngoại hố i sang một nê `n kinh tế có khả năng sử dụng những lợi thế sẵn có, di chuyển vố n tự do và tạo ra các thị trường vố n có khả năng cạnh tranh và hiệu quả hơn rấ t nhiê `u.

Tự do hóa thị trường ngoại hố i được hoàn thành vào năm 2003, khi tấ t cả các hạn chế đố i với các giao dịch vố n đã được loại bỏ. Con đường dẫn tới tự do hóa hoàn toàn có một vài điểm mố c đáng chú ý. Năm 1993, chương trình bảo hiểm xuấ t khẩu và phụ phí chung về nhập khẩu đã được bãi bỏ, và sau đó không còn bấ t kỳ hạn chế về các giao dịch tài khoản vãng lai. Năm 1998 đã có một bước ngoặt quan trọng, khi danh sách gầ n như đâ y đủ các hạn chế đã được thay thế bởi một danh sách chỉ bao gồ m một vài thành phâ n vẫn bị cấ m – và từ đó về sau các giao dịch trong tài khoản vãng lai và tài khoản vố n<sup>(22)</sup> đã được phép, trừ phi có tên trong danh sách. Trong năm 2000, những hạn chế còn lại chỉ áp dụng cho các hoạt động của tổ chức đầ u tư, những người chỉ được phép đầ u tư 20% tài sản của họ ở nước ngoài. Năm 2003 tấ t cả các hạn chế đã được tháo gỡ và chế độ ngoại hố i của Israel hoàn toàn tự do.

Mặt khác, một số chức năng kinh tế của chính phủ đã tăng lên: một hệ thố ng bảo hiểm y tế quố c gia đã ra đời, mặc dù các nhà cung cấ p y tế tư nhân tiế p tục cung cấ p dịch vụ y tế trong hệ thố ng quố c gia. Các khoản thanh toán phúc lợi xã hội, chẳng hạn như trợ cấ p thấ t nghiệp, trợ cấ p trẻ em, hưu trí, hỗ trợ thu nhập tố i thiểu, được mở rộng liên tục và trở thành một khoản chi tiêu ngân sách rấ t lớn. Cho đế n năm 2003, 15% ngân sách của chính phủ dành cho dịch vụ y tế , 15% cho giáo dục, và 20% thêm nữa là các khoản thanh toán chuyển giao qua Cơ quan Bảo hiểm Quố c gia.

Bắ t đâ u từ năm 2003, Bộ Tài chính Israel đã bắ t tay vào một nỗ lực lớn để giảm các khoản thanh toán phúc lợi, tạo thêm công ăn việc làm và đẩy mạnh lực lượng lao động, tư nhân hóa các doanh nghiệp vẫn còn thuộc sở hữu của chính phủ, và giảm kích thước tương đố i của thâm hụt ngân sách chính phủ cũng như bản thân khu vực chính phủ. Những hoạt động này là kế t quả của một sự chấ p nhận về mặt ý thức hệ của các nhà hoạch định chính sách Israel hiện tại trong suy nghĩ ră ng Israel câ n xây dựng một nê n kinh tế thị trường tự do thực sự để thích ứng và cạnh tranh hiệu quả trong thế giới hiện đại của toàn câ u hóa.

## NHỮNG THÁCH THỨC PHÍA TRƯỚC

Bước vào thế kỷ mới, nề n kinh tế Israel đã chứng minh được sự thịnh vượng, trong khi liên tục đưa ra và áp dụng những đổi mới kinh tế và tỏ ra có khả năng đương đâ u với mọi biế n động. Tuy nhiên, nề n kinh tế Israel phải đố i mặt với một số thách thức nghiêm trọng. Một số trong những thách thức này tương tự như những gì mà hâ u hế t các nề n kinh tế công nghiệp đã và đang phải đố i mặt: làm thế nào để dung hòa sự đổi mới, làm thế nào để chuyển dịch từ

những hoạt động truyề n thố ng không còn tính cạnh tranh, sang các sản phẩm tinh vi hơn và đòi hỏi kỹ năng chuyên sâu hơn, với sự xáo trộn liên quan để n lao động và tình trạng thu nhập bấ t bình đẳng ngày càng nghiêm trọng. Giố ng như các nề n kinh tế nhỏ khác, Israel phải xem xét làm thể nào để hội nhập suôn sẻ với nề n kinh tế toàn câ u mới, được đánh dấ u bởi hai thị trường chính của EU và Mỹ, cùng với sự nổi lên của Trung Quố c như là một yế u tố kinh tế lớn.

Một thách thức khác, về ngặ n hạn, là Israel đã rấ t thành công trong việc phát triển ngành công nghiệp viễn thông tuy nhiên lại không có khả năng lặp lai thành công đó trong các ngành công nghiệp đang phát triển khác và việc này đã cản trở viễn cảnh kinh tế của Israel. Cũng thể, việc không có khả năng nuôi dưỡng các công ty đa quố c gia lớn trong thập niên qua cũng đặt ra trước Israel câu hỏi vê khả năng sử dụng một nguồ n nhân lực lớn trong các ngành công nghiệp tiên tiế n. Về lâu dài, Israel đang đố i mặt với những thách thức của sự phụ thuộc cao số lượng ngày càng tăng của những người Do Thái Haredi (hay còn gọi là Ultra-Orthodox Jews là thành phâ n bảo thủ nhấ t của Do Thái Giáo) là những người chiế m một tỷ lệ thấ p trong lưc lương lao đông chính thức, và tình trang này có thể dẫn để n một tỷ lệ thấ t nghiệp và tỷ lệ phụ thuộc cao trong tương lai. Thố ng đố c Ngân hàng Trung ương Israel, Stanley Fischer, nói rã ng sư nghèo đói ngày càng tăng giữa những người Do thái Haredi đang làm xấ u đi nê n kinh tế của Israel. Theo số liệu được công bố bởi Ian Fursman, 60% các hộ gia đình nghèo ở Israel thuộc vào người Do Thái Haredi và người Ả Rập. Cả hai nhóm này đại diện cho 25-28% dân số Israel.

Trong đố i ngoại, Israel đã và đang phải đố i mặt với những thách thức để n từ quan hệ khá nhạy cảm của của Israel với các nước láng giê ng Ả Rập. Đâ u tiên là những tác động để n tài chính của sự thù địch và các mố i đe dọa quân sự dường như không bao giờ có điểm

kế t. Rõ ràng, nế u hoà bình có thể đế n với khu vực, các nguồ n tài nguyên có thể được sử dụng hiệu quả hơn trong những hình thức khác thay vì sử dụng cho chiế n tranh. Hơn nữa, đầ u tư nước ngoài, rấ t quan trọng cho sự tăng trưởng trong tương lai của Israel, rấ t nhạy cảm với an ninh chính trị. Các vấ n đề khác phụ thuộc vào loại quan hệ đã được thiế t lập: sẽ có sự lưu thông tự do hàng hóa và công nhân giữa Israel và một nhà nước Palestine? Quan hệ kinh tế tương đố i tự do với các nước Ả Rập khác sẽ dẫn đế n một sự hội nhập sâu hơn của Israel trong khu vực ngay lập tức, hoặc, như có nhiề u khả năng, định hướng thương mại của Israel sẽ tiế p tục hướng chủ yế u tới các nước công nghiệp lớn hiện nay? Nế u khả năng thứ hai chứng minh là thực thì Israel sẽ buộc phải đi dây một cách cẩn thận giữa hai gã khổng lồ : Mỹ và EU.

# KẾT LUẬN

Các sự kiện kinh tế trong 30 năm qua của Israel đã đưa ra ví dụ về một nề n kinh tế dịch chuyển ngoạn mục từ tình trạng chính phủ kiểm soát gầ n như hoàn toàn thị trường tài chính, với các tổ chức kinh tế chỉ phục vụ nhu cầ u tài chính của chính phủ, sang một nề n kinh tế thị trường với một định chế tài chính nghiêm ngặt, một chính sách tiề n tệ độc lập và các thị trường tài chính mở và tự do. Việc dịch chuyển sang nề n kinh tế thị trường ở Israel đã mở rộng nguồ n lực kinh tế và gia tăng tiề m năng tăng trưởng của Israel.

Kể từ khi thực hiện Chương trình Bình ổn Kinh tế năm 1985, Israel đã duy trì được một định chế tài chính nghiêm ngặt mặc dù trải qua nhiê `u thay đổi vê `cơ cấ u chính phủ và rủi ro cao vê `quố c phòng, cũng như quá trình thực hiện liên tục các cải cách kinh tế .

Bă `ng chứng vê `sự cải thiện vê `lòng tin của nê `n kinh tế và sự tuân thủ của Israel đố i với chính sách kinh tế ổn định là thông báo của Standard & Poor vê `quyế t định tăng mức xế p hạng tín dụng quố c

gia<sup>(23)</sup> vê ngoại tệ của Israel từ A- lên A vào cuố i tháng Mười Một năm 2007.

Rấ t nhiê `u việc câ `n được thực hiện trong tương lai để đảm bảo thị trường vô ´n của Israel tương thích với tiêu chuẩn quố ´c tế ´. Không ngừng cải cách kinh tế bắ ´t đâ `u từ 20 năm trước đây là điê `u câ `n thiế ´t để đạt được tới mục tiêu tăng hiệu quả và sự ổn định của thị trường vố ´n. Tuy nhiên, những điê `u này có thể đạt được chỉ khi nê `n kinh tế ´Israel tiế ´p tục tuân thủ các quy định tài chính nghiêm ngặt và cùng với một chính sách tiê `n tệ có trách nhiệm sẽ giúp nâng cao uy tín của mình, đóng góp cho sự phát triển và khả năng ch ố ´ng lại những rủi ro tài chính.

Trên tấ t cả, những chính sách và cải cách kinh tế của Israel đã được thực hiện trên một nề n tảng tuyệt đố i minh bạch – nề n tảng tâm linh và đạo đức được xây dựng dựa trên những lề luật rấ t khoa học của Do Thái giáo.

## PHỤ LỤC 1 - NHỮNG CẢI CÁCH KINH TẾ CỦA ISRAEL

Lĩnh vực	Các thông số	Năm thực hiện
Thị trường tiê`n tệ	Xóa bỏ các hạn chế hành chính với tiề n gửi (deposit) và tín dụng (credit) Giảm tín dụng phân biệt đố i xử trực tiế p Sử dụng các công cụ quản lý chính sách tiề n tệ mới Giảm bớt tỷ lệ thanh khoản (liquidity rate) và tránh sử dụng chúng như một công cụ tiề n tệ	Từ 1987 1982–90 Hóa đơn danh ngha Makam: từ 1987. Bán đấ u giá đố i với tiế n gửi ngân hàng thương mại: từ 1995 Từ 1987

Lĩnh vực	Các thông số	Năm thực hiện
Thị trường vố n	Giảm yêu câ`u đô´i với các tổ chức đâ`u tư vào trái phiê´u chính phủ Loại bỏ các hạn chê´ vê` việc phát hành trái phiê´u tư nhân Loại bỏ từng bước việc phát hành trái phiê´u chính phủ không thể giao dịch (non-tradable government bonds)	Từ 1987 Từ 1987 1987–2003
Thị trường ngoại hô´i	Tự do hóa thị trường ngoại hố i Hủy bỏ thuế đố i với các dòng vố n	1987–2003 2003–04
Hệ thố ng thuế	Xóa bỏ phân biệt đố i xử về thuế Đánh thuế thu nhập tài chính	Từ 1987 (loại bỏ phân biệt đố i xử về thuế và trợ cấ p đố i với các yế u tố sản xuấ t và hàng hóa) Từ 2003
Quỹ hưu trí	Chương trình để đạt được sự cân bă ng tính toán bảo hiểm trong các quỹ hưu trí tài trợ bởi chính phủ, người chủ và thợ Tăng tuổi nghỉ hưu	Từ 1995 2004
Hệ thố ng ngân hàng	Chia tách các tập đoàn phi-ngân hàng và các khoản trợ cấ p Tách việc quản lý các quỹ tiế t kiệm và quỹ tương hỗ (mutual funds) ra khỏi ngân hàng Tách rời hoạt động bảo lãnh phát hành và tư vấ n khỏi các ngân hàng	Từ những năm 1990 2005 (Bachar Reform)

## PHỤ LỤC 2 KIBBUTZ: MÔ HÌNH LÀNG CỘNG ĐỒNG CỦA ISRAEL

Gâ n một thể kỷ nay, nhiê u học giả trên thể giới đã để tâm đế n việc nghiên cứu tính khả thi của một mô hình xã hội trong đó mỗi

thành viên được "làm theo năng lực, hưởng theo nhu câ `u". Thực tế ´, mô hình này đã tô `n tại từ những năm đâ `u thế ´ kỷ 20 trong các cộng đô `ng người Do Thái, trên vùng đấ ´t lúc đó gọi là Palestine. Mô hình xã hội này được thể hiện thu nhỏ trong hình thức làng cộng đô `ng có tên là "Kibbutz" theo tiế ´ng Do Thái. Kibbutz là một cộng đô `ng nông thôn độc nhấ ´t vô nhị trên thế ´ giới hiện vẫn còn tô `n tại ở Israel, một hệ thố ´ng kinh tế ´ xã hội dựa trên nguyên tắ ´c sở hữu chung tài sản, bình đẳng và hợp tác trong mọi mặt của đời số ´ng; thực hiện lý tưởng một xã hội công bă `ng.

Tại Hội nghị Phục quố c Do Thái là n thứ nhấ t [29/8/1897 -31/8/1897] do Theodor Herzl triêu tập và chủ trì tai Basel (Thuy Sĩ), các nhà lãnh đạo của Chủ nghĩa Phục quố c Do Thái đã kêu gọi người Do Thái quay vê mảnh đấ t Palestine và khôi phục đời số ng của dân tộc trên quê hương của cha ông. Ben-Gurion là một người rấ t thực tê´. Ông cho ră`ng công việc trước tiên câ`n phải làm của Chủ nghĩa Zion là phải có một khu đấ t định cư ngay trên mảnh đấ t Palestine. Giữa bao lý thuyế t về lập quố c, Ben-Gurion cho ră ng hàng ngàn bài diễn văn, hàng trăm đại hội bàn vê các cách phục hưng đấ t nước cũng không bă ng lập được một làng cộng đô ng Kibbutz ngay trên mảnh đấ t Palestine của cha ông, làm tiê n để cho Chủ nghĩa Phục quố c. Những đợt hố i hương đã manh nha từ cuố i thế kỷ thứ 19, nhưng phải sang để n những năm đâ u của thế kỷ 20, được khích lệ bởi lý tưởng của Chủ nghĩa Phục quố c Do Thái và tư tưởng Xã hội Chủ nghĩa, hàng ngàn người Do Thái trẻ tuổi trong đó có cả Ben-Gurion đã quay trở về Palestine, khi đó còn ít người sinh số ng và là một bộ phận bị lãng quên của Đế chế Ottoman. Những người tiên phong đã chinh phục đâ m là y, cải tạo đấ t hoang, phủ xanh đô i trọc, thành lập các ngành công nghiệp và xây dựng các đô thị, làng mạc.

Kibbutz sơ khai là những nông trại cộng đô ng, nghĩa là các nông dân cùng làm việc và phân chia tài sản thu được theo nguyên tắ c bình quân. Tài sản như đấ t đai, nhà cửa và trang thiế t bị, nhà máy

và các công cụ đề ù thuộc sở hữu của Kibbutz, tức là thuộc sở hữu chung của cả cộng đô `ng. Kh ông có tài sản tư nhân vì khi gia nhập Kibbutz các thành viên chuyển tấ 't cả tài sản của họ cho cộng đô `ng. Các Kibbutz đáp ứng tấ 't cả các nhu câ `u của các thành viên và gia đình của họ thông qua việc tổ chức một mạng lưới các dịch vụ như các nhà ăn cộng đô `ng, các tổ giặt ủi chuyên trách, các dịch vụ và cơ sở vật chấ 't khác. Toàn bộ lương của các thành viên đề `u được nộp tấ 't cả cho Kibbutz để góp cho các hoạt động chung. Mỗi thành viên của Kibbutz đề `u được chăm sóc tấ 't cả mọi mặt từ khi ra đời. Kibbutz sẽ lo hể 't cho các nhu câ `u của cộng đô `ng, từ ăn ở, đi lại, học hành cho con trẻ.

Khi Israel bước vào công nghiệp hóa đấ t nước vào những năm 1950-1960, các nông trại này đã bắ t nhịp với sự phát triển công nghiệp đi liê n với nông nghiệp. Một lượng lớn các sản phẩm nông nghiệp của Israel sản xuấ t tại các Kibbutz, song công nghiệp mới là thể mạnh của các Kibbutz. Sản phẩm từ các Kibbutz thời kỳ này chiế m tới 80% sản lượng công nghiệp (chủ yế u là công nghệ thực phẩm và máy móc thiế t bị) và chiế m khoảng 20% sản lượng nông nghiệp toàn quố c. Trên thực tế , mức số ng ở các Kibbutz cao hơn rấ t nhiề u so với mức số ng trung bình của người dân Israel trong nhiệ u năm.

Vê di lại, ai câ n đi xa có thể lấ y ô-tô của Kibbutz, đổ xăng miễn phí rô i tùy ý sử dụng. Các xã viên Kibbutz không câ n phải mua xe ô-tô riêng. Mỗi Kibbutz có khoảng 60 ô-tô con các loại để tại bãi xe có người quản lý. Nế u xã viên nào câ n dùng xe, chỉ việc vào website của Kibbutz tìm chọn những xe nào còn sẵn rô i tới bãi xe lấ y chìa khoá ô-tô. Xăng xe, phí sửa chữa và các chi phí khác cho xe do Kibbutz chịu trách nhiệm.

Về ăn uố ng, nhà ăn tập thể cung cấ p ngày hai bữa sáng và trưa cho tấ t cả các thành viên. Riêng bữa tố i, các gia đình tổ chức ăn ở

nhà để gắ n bó tình cảm giữa các thành viên trong gia đình mình. Nhà ăn được tổ chức hiện đại và sang trọng với đâ y đủ các món ăn, bao gô m cả các món ăn cao cấ p, không khác mấ y so với các phòng ăn ở khách sạn hạng sang.

Vê nhà cửa, Kibbutz xây dựng và cấ p miễn phí nhà ở cho các gia đình xã viên. Khi câ n xây dựng mở rộng và cải tạo nhà theo ý mình, chủ nhà trao đổi với ban quản trị, sẽ có đội xây dựng đế n thực hiện theo yêu câ u của chủ nhà, Kibbutz thanh toán chi phí. Kibbutz cấ p miễn phí hoặc trả toàn bộ tiê n điện, nước, gas cho các gia đình xã viên. Mỗi căn nhà giố ng như một biệt thự cao cấ p, đâ y đủ tiện nghi theo nhu câ u của chủ nhà.

Vê giáo dục, trong thời kỳ đâ u khi Kibbutz mới thành lập, trẻ em của các hộ gia đình được tập trung lại để giáo dục theo lố i giáo dục sóm của người Do Thái. Chúng có thể vê với cha mẹ vào những buổi chiê u hay những ngày cuố i tuâ n. Sau này, trong nỗ lực xây dựng mố i quan hệ tình cảm gia đình bê n chặt, nhiê u Kibbutz đã để trẻ nhỏ ngủ tại nhà với cha mẹ cho tới tuổi đi học. Ở mẫu giáo, trẻ em được các bảo mẫu chăm sóc và giáo dục chu đáo tại nhà trẻ tập trung. Khi đế n cấ p học cao hơn, các trẻ được chỉ định làm việc phù hợp với khả năng: nhỏ làm những việc đơn giản, vừa sức; lớn hơn phải làm một số việc trong Kibbutz và ở cấ p trung học, mỗi tuâ n chúng phải dành một ngày làm một công việc trong một ngành nào đó của nê n kinh tế Kibbutz. Ngoài ra, Kibbutz còn có sự hỗ trợ nhấ t định cho những trẻ em có tài năng nổi trội câ n một môi tr ường đặc biệt để phát triển.

Kibbutz có một vị trí đặc biệt trong việc xây dựng và phát triển Nhà nước Israel. Các Kibbutz đóng vai trò chủ đạo trong các quyế t định mang tính quố c gia, thậm chí là cả trước khi nhà nước Israel ra đời trong các lĩnh vực như: định hướng tư tưởng cho thanh niên, hỗ trợ những người mới nhập cư mới. Đáng chú ý nhấ t là việc một số lượng

lớn những người dân Kibbutz đã và đang phục vụ trong các ngành khác nhau trong lực lượng quố c phòng Israel kể từ khi thành lập Nhà nước với một tỷ lệ phâ `n trăm lính tình nguyện cao, phục vụ trong các đơn vị quân sự có uy tín. Các Kibbutz cũng đã rấ t xuấ t sắ c trong sáng tạo, đổi mới, kế t hợp văn hóa truyề `n thố `ng của người Do Thái với những yế ´u tố ´ mới giúp thăng hoa những điểm đặc sắ ´c của đấ ´t nước Israel.

Kibbutz cũng đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong bộ máy quố c phòng Israel. Trong thập niên 1950, rấ t nhiề ù các Kibbutz được các lực lượng quố c phòng có tên là Nahal thành lập. Không ít trong số đó nă m trong vùng biên giới còn chưa ổn định của quố c gia. Trong Cuộc chiế n Sáu Ngày, khi Israel thiệt hại 800 quân nhân thì 200 trong số đó là các thành viên của Kibbutz. Những đặc ân đặc lợi mà các thành viên Kibbutz được hưởng trong thập niên 1960 phản ánh rõ trong thành phâ n cơ cấ u Quố c hội Israel (The Knesset). Khi đó, chỉ 4% dân số Israel là người thuộc các Kibbutz nhưng có tới 15% số ghế Quố c hội thuộc về họ.

Một số mô hình tổ chức nông nghiệp như Nông trang tập thể của Liên Xô cũ, Công xã nhân dân của Trung Quố c hay Hợp tác xã của Việt Nam vào những năm 1950-1960 cũng đã được xây dựng với tiêu chí tương tự như Kibbutz. Tuy nhiên trong khi hâ `u hế t những mô hình này đã thấ t bại và bị "khai tử" thì Kibbutz vẫn số ng khỏe và đang chuyển mình rấ t mạnh từ sản xuấ t nông nghiệp truyề `n thố ng sang mô hình quản lý hiện đại, có các trung tâm nghiên cứu, sản xuấ t các mặt hàng công nghệ cao, thiế t bị quố c phòng...

Trong buổi đâ`u sơ khai của Kibbutz, nông nghiệp được coi là nê`n kinh tế chủ lực. Ngày nay, các Kibbutz đã đa dạng hóa các ngành sản xuấ t của mình, mở rộng cơ sở sang các ngành công nghiệp và dịch vụ khác nhau. Tính đế n năm 2013, có khoảng 273 Kibbutz nă m rải rác khắ p đấ t nước Israel với số dân lên tới gâ n 152,9 ngàn dân.

Doanh thu từ các Kibbutz vượt quá 32 tỷ Shekel, với hơn 70% là từ sản lượng của 350 nhà máy sản xuấ t và các tập đoàn công nghiệp, xuấ t khẩu vượt 12 tỷ. Mặc dù chỉ với số dân chiế m hơn 2% dân số Israel (trong 273 Kibbutz) nhưng đóng góp của người dân Kibbutz cho nề n sản xuấ t trong nước lại vượt xa tỉ lệ này bởi vì họ đã tạo ra khoảng 38% sản phẩm nông nghiệp và sản xuấ t khoảng 8,4% sản lượng công nghiệp (không kể để n kim cương). Các cơ sở du lịch, các kho tàng nhà máy, các nơi giao dịch bán hàng gầ n đây trở thành một phâ n quan trọng của nề n kinh tế Kibbutz cũng như nề n kinh tế quố c gia.

Các cơ quan dịch vụ dành cho cộng đô `ng được thiế t lập. Ngôn ngữ Hebrew, trước kia chỉ được dùng hạn chế trong nghi lễ tôn giáo và văn học nay đã được hô `i sinh, được coi là ngôn ngữ của cuộc số 'ng thường nhật.

Tác giả gố c Mỹ Ellis Shuman, đã đánh giá, Kibbutz chính "là ví dụ thành công nhấ t thế giới về lố i số ng theo mô hình xã hội chủ nghĩa, một điề u gầ n như không tưởng của nề n dân chủ và chủ nghĩa quân bình". Hơn một thế kỷ đã qua, Kibbutz vẫn tiế p tục tố n tại sau những thăng trầ m của lịch sử. Tuy nhiên, người dân Kibbutz cũng như những người ngoài Kibbutz đã đặt ra nhiề u câu hỏi về tương lai của mô hình xã hội có một không hai trên thế giới này, đặc biệt là từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng vào những năm 1980 và những thay đổi sâu rộng về mặt thế chế vào những năm 1990.

Hiện Kibbutz cũng đang tìm cách đố i mặt với những thách thức của cuộc số ng hiện đại trong thời đại công nghệ, đô ng thời vẫn đang cố duy trì cơ chế bình đẳng ban đâ u của mình. Các hoạt động truyê n thố ng của Kibbutz trước đây thể hiện ở nguyên tắ c quân bình còn duy trì ở một số ít các Kibbutz. Thành viên của Kibbutz có nhu câ u kế t nổ i nhiệ u hơn với thế giới bên ngoài cũng như có

nhiê `u nhu câ `u hơn vê `tư hữu tài sản. Vì thế ´, mọi điề `u chỉnh lúc này đề `u câ `n đế ´n những cải cách to lớn. Một số ´người lo ngại ră `ng những thay đổi đó đang khiế ´n Kibbutz đi quá xa so với các nguyên tắ ´c và giá trị ban đâ `u; trong khi đó một số ´khác tin ră `ng khả năng thích nghi và thỏa hiệp chính là chìa khóa cho sự tô `n tại của Kibbutz. Dù có cải tổ thế ´nào thì Kibbutz cũng câ `n giải quyế ´t được hai vấ ´n đề `lớn đang gặp phải về `mặt kinh tế ´ và phương thức hoạt động. Nói rõ hơn, câ `n phải có một sự bứt phá để có được một nề `n kinh tế ´ phát triển ổn định, thịnh vượng và một thể chế ´ chặt chẽ với các nguyên tắ ´c hoạt động thố ´ng nhấ ´t, đồ `ng thuận với lòng dân.

### Nguô`n:

1. Trâ n Thị Thu Hương, 2013, Đ.H FPT, "KIBBUTZ – mô hình làng cộng đô ng trong sự nghiệp kiế n quố c của Israel".

# CHƯƠNG V QUỐC GIA KHỞI NGHIỆP



"Đây là một quố c gia khởi nghiệp, về cả xã hội và văn hóa. Đó là di sản của chúng tôi, đặc tính của chúng tôi.... Đấ t nước đang không ngừng đổi mới bản thân..."

#### - Doanh nhân Yossi Vardi

## CÂU CHUYỆN KHỞI NGHIỆP

Để có những bước đi đột phá, sáng tạo, tâ m nhìn và sự "liê `u lĩnh" phải thay thế cho kinh nghiệm. Đó chính là tư duy xuyên suố t trong quá trình "khởi nghiệp" của Israel.

Từ "khởi nghiệp", trong tiế ng Anh là "start-up", thường dùng để chỉ các công ty nhỏ mới bă t đâ u lập nghiệp, đặc biệt trong giai đoạn bùng nổ thời Dot-com những năm 1990. Những công ty này được khởi đâ u với chỉ một - hai thành viên cùng có giấ c mơ biế n một ý tưởng công nghệ độc đáo nào đó thành hiện thực. Và thú vị hơn nữa, nhiê u giấ c mơ "khởi nghiệp" như vậy đã thành hiện thực ngay trong garage ô tô vì nhiê u người thường lấ y garare ô tô của nhà riêng làm nơi làm việc khởi nghiệp của họ. Đó là câu chuyện của Silicon Valley nước Mỹ

thời Dot-com những năm 1990. Còn cụm từ "Quố c gia Khởi nghiệp" (Start-up Nation), được dùng lâ n đâ u tiên làm tiêu đê của cuố n sách nói về quá trình đổi mới của Israel của hai tác giả Dan Senor and Saul Singer (xuấ t bản năm 2009), cũng bao hàm ý "khởi nghiệp" nhưng ở một qui mô lớn hơn, qui mô của một quố c gia. Quố c gia đó là Israel.

Đó là khung cảnh của Israel vào cuố i những năm 1980, khi vòng xoáy lạm phát dường như không thể ghìm cương với con số khủng khiế p 400% vào năm 1985, và kinh tế Israel đang trên bờ vực thẳm. Vực dây nê n kinh tế và tìm lai động lực để tăng trưởng và phát triển kinh tế là mục tiêu số ng còn của chính phủ Israel trong Chương trình Bình ổn Kinh tế năm 1985. Ngay trong hoàn cảnh đó có hai yế u tố mới xuấ t hiện: thứ nhấ t là làn sóng nhập cư khá lớn bặ t đâ u từ cuố i những năm 1980 kéo dài sang những năm 1990 với gâ n một triệu dân Do Thái từ Liên bang Xô viế t cũ (trong đó có nhiê u người có trình độ học vấ n cao); và yế u tố thứ hai là sự bùng nổ công nghệ Dot-com trên thế giới vào những năm 1990. Một quyế t định chiế n lược có tính bước ngoặt của chính phủ Israel vào thời điểm này là phát động đổi mới (innovation) thông qua tăng cường đâ u tư vào khoa học, công nghệ, nghiên cứu và phát triển (Research & Development – R&D). Nguô n nhân lực học vấ n cao từ Liên bang Xô viế t cũ đã có đấ t sử dụng và được đổ vào khu vực công nghệ cao để đáp ứng cho nhu câ u Dot-com đang tăng tố c vào giữa những năm 1990. Quố c gia khởi nghiệp Israel ra đời trong hoàn cảnh như thế. Trong vòng 15- 20 năm sau đó, vào những năm cuố i 2010, Israel trở thành một trong những cường quố c công nghệ cao trên thế giới. Trong giai đoạn đó và kéo dài cho để n ngày nay, những công ty công nghệ và giới đâ u tư toàn câ u đã tìm đường đế n Israel và ở đây, họ tìm thấ y sự kế t hợp độc đáo giữa óc sáng tạo, sự táo bạo và những con người quả cảm đâ y trí tuệ.

Trong quá trình khởi nghiệp và đổi mới, Israel đã dành được rấ t nhiê u những vòng nguyệt quế: tính đế n 2010, Israel đứng đã u thế giới về chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển tính theo tỷ lệ phâ n trăm của nê n kinh tế, đó là hàng đâ u cả vê số lượng các công ty khởi nghiệp và kỹ sư tính theo tỷ lệ dân số (với gâ n 4.000 công ty khởi nghiệp đang hoạt động - nhiê u hơn bấ t kỳ quố c gia nào khác bên ngoài nước Mỹ), và đứng đâ u trong vố n đâ u tư mạo hiểm trên bình quân đâ u người. Số lượng các công ty Israel có tên trên sàn chứng khoán NASDAQ nhiệ u hơn tấ t cả các công ty của châu Âu cộng lại - Israel là quố c gia có mật độ các doanh nghiệp mới thành lập nhiê `u nhấ t thế giới. Sàn chứng khoán New York không chỉ là đô i tương duy nhấ t bi Israel thu hút trong việc giao dịch cổ phiê u, mà còn đóng một vai trò quan trọng khác quyế t định đố i với tương lai khởi nghiệp của Israel: đó là đâ u tư mạo hiểm (Venture Capital). Năm 2008, vô n đâ u tư mạo hiểm bình quân đâ u người ở Israel nhiệ u gấ p 2,5 là n Mỹ, 30 là n so với châu Âu, 80 là n so với Trung Quố c và 350 là n so với n Đô. Xuấ t khẩu công nghệ cao năm 2010 của Israel có giá trị khoảng 18,4 tỷ USD một năm, chiế m hơn 45% kim ngạch xuấ t khẩu của Israel, theo Cục Thố ng kê Trung uong Israel.

CEO kiêm Chủ tịch Google, Eric Schmidt nói ră `ng Mỹ là điểm để ´n số ´ một cho các doanh nghiệp, nhưng "sau Mỹ, Israel là nơi tố ´t nhấ ´t". Cựu CEO của Microsoft, Steve Ballmer đã gọi Microsoft là một "doanh nghiệp Israel", vì số ´ lượng và vai trò quan trọng của đội ngũ nhân viên người Do Thái trong công ty này.

Không tô i đô i với một đấ t nước chỉ có khoảng tám triệu người.

Một câu hỏi thường hay được nhặ c đế n: làm thế nào mà Israel - một quố c gia của khoảng tám triệu người, chỉ có sáu mươi năm tuổi, thù địch bao quanh, trong một nhà nước liên tục chiế n tranh kể từ khi thành lập đế n nay, không có tài nguyên thiên nhiên – lại có thể

sản sinh số lượng các công ty khởi nghiệp nhiề ù hơn so với các quố c gia lớn, hòa bình và ổn định như Nhật Bản, Trung Quố c, Â n Độ, Hàn Quố c, Canada và Anh Quố c. Kinh nghiệm gì của Israel, một thành viên mới của OECD và một Quố c gia Khởi nghiệp như tên gọi trong cuố n sách của Dan Senor và Saul Singer, có thể đem ra cho chúng ta thảo luận và học hỏi? Tại sao là Israel mà không phải một nơi nào khác?

Có những ý kiế n cho ră `ng "nghịch cản h" là nguyên nhân chính giải thích cho "hiện tượng Israel". Vì trong nghịch cảnh, người ta mới bị "ép" phải phát huy tố i đa khả năng sáng tạo, nhấ t là khi nghịch cảnh â y lại mang ý nghĩa số ng còn. Nhiệ `u người khác nghĩ ră `ng yế `u tố `Do Thái đã góp phâ `n không nhỏ. Khái niệm cho ră `ng dân Do Thái rấ t thông minh đã ăn sâu vào tiê `m thức phương Tây. "Tại sao Israel lại thành công đế ´n vậy nhỉ? Đơn giản thôi, vì người Do Thái rấ t thông minh". Thành công của Israel bị mặc định bă `ng một định kiế ´n rấ ´t mơ hồ `hơn là thực tế ´.

Rõ ràng rǎ ng bí quyế t thành công của Israel không chỉ phụ thuộc vào tài năng của từng cá nhân. Ở nhiề `u quố ´c gia, cũng có những doanh nghiệp đơn lẻ thành công, nhưng sự thành công đó vẫn chỉ quản quanh trong cái "ao làng" chật hẹp. Israel lại hoàn toàn khác. Những doanh nghiệp khởi nghiệp của Israel thành công và đứng vững không chỉ trong thị trường nội địa mà còn có khả năng thay đổi cục diện của các ngành công nghệ cao toàn câ `u. Doanh nhân nổi tiế ´ng Yossi Vardi của Israel nói rǎ `ng có một sự pha trộn toàn bộ các yế ´u tố ´để biế ´n Israel thành một phép lạ khởi nghiệp. Bản thân ông đã đâ `u tư vào hơn 80 công ty công nghệ cao của Israel trong đó có dịch vụ nhã ´n tin trên mạng đâ `u tiên mà ai cũng biế ´t là ICQ. Ông đã bán rấ 't nhiê `u trong số ´đó cho các gã khổng lô `công nghệ như AOL, Microsoft, Yahoo và Cisco. "Nế ´u bạn nhìn vào cách đâ ´t nước này được tạo ra, nó thực sự là một đấ ´t nước khởi nghiệp trên quy mô

lớn", Vardi nói. Ông là người được mệnh danh là cha đỡ đâ `u của ngành công nghiệp công nghệ cao của Israel.

Trong thập niên 1980, nê `n kinh tế ´ của Israel vẫn còn đi theo cách tiế ´p cận kiểu nghiệp đoàn do chính phủ Israel độc quyê `n kiểm soát, với quyê `n sở hữu công cộng khá phổ biế ´n và thương mại vô cùng hạn chế ´[tham khảo Chương IV: Chính sách Phát triển Kinh tế ´]. Cái gọi là "thập niên mấ t mát" sau Cuộc chiế ´n Yom Kippur năm 1973 đã dẫn đế ´n nợ công tăng gâ `n 300% GDP. Israel khập khiếng trên đôi chân của mình cho đế ´n năm 1985, khi mà Chương trình Ôn định Kinh tế ´ năm 1985 được khởi động và dâ `n dâ `n kiểm soát được tình trạng lạm phát phi mã và nợ công gia tăng như không thể ghìm cương được.

Qua những năm 1990, với chương trình đối mới của chính phủ Israel, sự xuấ t hiện của ngành công nghệ cao dựa trên xuấ t khẩu đã thực sự đưa nề n kinh tế của đấ t nước đi đúng hướng, với tố c độ tăng trưởng GDP ít nhấ t là 4% một năm. Trong vòng 20 năm tiế p theo, các công ty khởi nghiệp Israel đã phát triển những công nghệ đột phá trong các lĩnh vực như máy tính, công nghệ sạch và khoa học đời số ng,... nâng khu vực công nghệ cao của Israel lên nhóm hàng đầ u trên thế giới. Ở đĩa fash, ố ng đỡ động mạch tim, trò chuyện trực tuyế n (tin nhấ n tức khấ c) và shopping.com chỉ là một vài trong số hàng nghìn những sáng tạo mà Israel đã đạt được trong hai thập niên qua. Các ngành công nghiệp công nghệ cao chiế m gầ n 50% tổng xuấ t khẩu công nghiệp ngày nay, theo số liệu của OECD năm 2011. Từ năm 1995 để n năm 2004, Israel đã tăng chi tiêu cho R&D, tính theo phâ n trăm GDP, từ 2,7% để n 4,6%, một tỷ lệ cao hơn so với bấ t kỳ quố c gia OECD nào.

## LÝ DO DẪN ĐẾN THÀNH CÔNG

Trong khi công nhận ră `ng có một sự pha trộn rấ t nhiê `u các yế ´u tố ´ để biế ´n Israel thành một phép lạ khởi nghiệp, hai tác giả Senor và Singer của cuố ´n sách "Quố ´c gia Khởi nghiệp", trong nỗ lực để giải thích về `sự thành công của Israel trong lĩnh vực này, đã loại bỏ những lý do ngoại lệ về `dân tộc hay tôn giáo, cũng không đề `cập để ´n "tính Do thái nhấ ´t thể" hay thậm chí tài năng cá nhân là lý do chính dẫn đế ´n sự thành công về `công nghệ cao của Israel. Theo hai tác giả thì có hai yế ´u tố ´ chính đã đóng góp nhiề `u nhâ ´t vào tăng trưởng kinh tế ´ của Israel. Đó là nhập cư và nghĩa vụ quân sự bắ ´t buộc.

Cũng như Senor và Singer, nhiệ u học giả Do Thái cho rặ ng người nhập cư đóng một vai trò quan trong trong việc tạo ra phép màu kinh tê Israel. Gidi Grinstein, chủ tịch và là người sáng lập Reut Institute trụ sở tại Israel, đã nói ră ng: "Người nhập cư không sợ bặ t tay lại từ đà `u. Họ được định nghĩa là những con người thích mạo hiểm. Quố ´c gia của người nhập cư là quố c gia của những tay chơi khởi nghiệp". Từ những người số ng sót của Holocaust cho để n những người Do Thái từ chố i luật lệ của Liên bang Xô việ t rồ i để n người Do Thái Ethiopia, Nhà nước Israel luôn là vùng đấ t của người nhập cư: 9 trong 10 người Do Thái ngày nay là dân nhập cư hoặc là con cháu thế hệ thứ nhất hay thứ hai của dân nhập cư. Israel giờ là nhà của hơn 70 quố c tịch và các nê n văn hóa khác nhau. Đặc điểm vê nhân khẩu học này, gây ra sự phân đoạn của cộng đô ng Do Thái tiế p diễn cho để n ngày nay, luôn là một động lực tuyệt vời để họ thử vận may, chấ p nhận rủi ro. Và nói cho cùng thì người nhập cư không có gì để mâ´t.

Hai tác giả cũng cho ră `ng một yế u tố quan trọng khác cho sự tăng trưởng kinh tế của Israel có thể tìm thấ y trong nề `n văn hóa của Lực lượng Phòng vệ Israel (Israel Defense Forces— IDF), trong đó nghĩa vụ quân sự là bắ t buộc đố i với giới trẻ Israel. Đố i với học sinh tố t nghiệp trung học, ngoài các trường Đại học hàng đâ `u của Israel thì những cơ sở đào tạo quố c gia được xem là ngang hàng với

Harvard, Princeton và Yale chính là các đơn vị tinh nhuệ của quân đội. Đó là những đơn vị công nghệ cao như đơn vị tình báo tinh hoa 8200, sư đoàn hệ thố ng máy tính Mamram, Talpiot – đơn vị kế t hợp công nghệ với những hoạt động biệt kích hàng đâ u. Học viên ở đây phải giỏi toán, lý, được tiế p cận với những công nghệ hiện đại nhấ t và thường xuyên được nhấ c nhở đưa ra những ý tưởng sáng tạo trong lĩnh vực như an ninh máy tính, mật mã, thông tin liên lạc và chiế n tranh điện tử. Đây là tinh hoa của những tinh hoa trong quân đội Israel. Rấ t nhiê u học viên ở đây, sau khi ra khỏi quân đội, đã trở thành những học giả, doanh nhân thành đạt hàng đâ u của Israel như những ông chủ của NICE Systems, Compugen...

Giáo sư Niron Hashai của Trường Quản trị Kinh doanh Jerusalem tại Đại học Hebrew nói: "Quân sự cho phép những người trẻ tuổi trong các đơn vị đặc nhiệm rèn luyện các kỹ năng công nghệ, điể `u hành các dự án công nghệ lớn ở độ tuổi rấ 't trẻ, nơi họ câ `n phải ứng biể n để có được giải pháp một cách nhanh chóng".

Mô hình thử nghiệm là mô hình được áp dụng khá phổ biế n trong quân đội cũng như doanh nghiệp Israel. Trong các đơn vị tinh nhuệ của Israel, mỗi ngày là một "thử nghiệm", mỗi trận đánh là một "thử nghiệm". Việc chú trọng vào những bài học hữu ích, có tính ứng dụng thay vì những học thuyế 't máy móc giáo điể `u là đặc trưng trong quân đội Israel. Truyê `n thố 'ng từ trước đế 'n nay của quân đội Israel là "không có truyê `n thố 'ng". Giới chỉ huy và binh lính không quá gắ 'n bó với bấ 't kỳ ý tưởng hoặc giải pháp nào chỉ vì chúng từng hữu dụng trong quá khứ. Quân đội Israel luôn củng cố 'đặc tính "khởi nghiệp", tính sáng tạo, và hạn chế ' phân cấ 'p cổ điển. Qua huấ 'n luyện trong quân đội bắ 't buộc cho tấ 't cả người dân, ở cùng lứa tuổi, người Israel đã ở một tấ `ng tư duy cao hơn rấ 't nhiê `u so với dân tộc các nước khác trên thế ' giới, kể cả người Mỹ.

Với một "văn hóa khởi nghiệp" đặc sắ c như vậy được áp dụng ngay trong quân đội, nghĩa vụ quân sự IDF đã tạo ra các doanh nhân tiê m năng với những cơ hội để phát triển hàng loạt các kỹ năng khác nhau và kế t nổ i trong xã hội. Nghĩa vụ quân sự IDF cũng đã cung cấ p những trải nghiệm giúp người lính phát huy trách nhiệm trong một môi trường tương đổ i chưa phân cấ p, nơi mà sự sáng tạo và trí thông minh được đặt lên hàng đâ u. Những người lính IDF được hướng dẫn rấ t ít từ cấ p trên, và được kỳ vọng có khả năng ứng biế n, thậm chí nế u điể u này có nghĩa là phá vỡ một số quy tắ c được gọi là truyề n thổ ng trong quân đội các nước phương Tây.

## CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH PHỦ

Không thể không nhặ c đế n vai trò của chính phủ Israel trong cuộc cách mạng đổi mới. Tiế n sĩ Orna Berry, chuyên gia đâ u tư mạo hiểm Israel, trong khi đê cập để n vai trò của chính phủ Israel, khẳng định ră ng không nghi ngờ gì khi nói ră ng những chính sách thông minh và sự quyế t đoán của chính phủ Israel đã đóng một vai trò có tính chấ t quyế t định trong việc thúc đẩy sự đổi mới. bà Berry nói: "Chính phủ Israel đã thực hiện một quyế t định chiế n lược quan trọng để khởi động khu vực công nghệ cao bă ng cách cung cấ p hỗ trợ tài chính cho hoạt động R&D, rấ t hợp lúc và hợp thời". "Chính sách này đã hóa giải những thấ t bại về thị trường và hạn chế rủi ro cao trong việc điể `u hành một thị trường địa lý cô lập như Israel." Berry rấ t hiểu hệ thố ng này. Bà đã nhìn thấ u nó qua cả hai khu vực tư nhân và khu vực công cộng. Ngoài sự nghiệp 25 năm trong các ngành khoa học và công nghệ, Berry là Khoa học gia Trưởng (Chief Scientist) trong giai đoạn 1996-2000, với trọng trách áp dụng phương pháp tiế p cận thực hành của chính phủ Israel vào đổi mới. Văn phòng của Khoa học gia Trưởng (Ofce of the Chief Scientist - OCS) được thành lập vào năm 1969 trưc thuộc Bộ Công nghiệp, Thương mai và Lao động, cuố i cùng

đã trở thành một nhân tố quan trọng trong cuộc bùng nổ công nghệ cao của Israel.

Hai chương trình mà chính phủ Israel đã có những quyế t sách rấ t đúng đặ n và mang đã y tính chiế n lược trong công cuộc đổi mới: đó là Ngành đã `u tư mạo hiểm và Chương trình vườn ươm công nghệ. Tên gọi "đã `u tư mạo hiểm" tại Israel hàm ý đã `u tư tài chính cho các công ty khởi nghiệp của Israel trong giai đoạn đã `u, có tiề `m năng lớn nhưng rủi ro cao. Mạo hiểm có nghĩa là có thể mấ t. Phải có lòng tin, và ngoài ra phải có máu "liề `u lĩnh" khi khởi động một chương trình như thế , ở cấ p quố c gia. Kế t quả là Ngành Đâ `u tư Mạo hiểm và Chương trình Vườn ươm Công nghệ của Israel đã thành công rực rỡ và đóng một vai trò quan trọng trong lĩnh vực công nghệ cao đang bùng nổ mang biệt danh "Silicon Wadi", đứng thứ hai trên thế giới trong tâ `m quan trọng sau đố i tác "Silicon Valley" của mình ở California, USA.

#### Vườn ươm công nghệ

Israel may mắ n có một nguồ n nhân lực vào cuố i những năm 1980 sang đã u những năm 1990 để cấ p nhiên liệu cho sự bùng nổ: đó là làn sóng nhập cư của gấ n một triệu dân Do Thái từ Liên bang Xô viế t cũ với khoảng 82.000 khoa học gia, bác sĩ, kỹ sư đào tạo tại Nga. Số tài năng này đã được hòa nhập vào thị trường lao động nội địa, mang theo các kỹ năng khoa học và công nghệ thông tin rấ t hữu dụng. Cộng đồ ng Do Thái Diaspora ở các quố c gia khác cũng cung cấ p một số lớn các nhà nghiên cứu tài năng.

"Chính sách của chính phủ Israel lúc này nhắ m vào mục tiêu là giải phóng tiê m năng ẩn dấ u của nguô n nhân lực dô i dào này", bà Berry nói. Chương trình Vườn ươm Công nghệ (The Technological Incubator Programme) được chính phủ Israel thành lập vào năm 1991, nhã m tài trợ một phâ n chi phí đâ u tư cho những người nhập

cư tài năng để n từ Liên Xô và giúp họ bí quyế t để trở thành những doanh nhân thành đat. Chương trình được OCS điệ u hành với mục đích lựa chọn những doanh nghiệp có tiể m năng cho những vườn ươm công nghệ này. Sáu vườn ươm công nghệ đâ u tiên đã được thiế t kê dễ tạo giố ng và phát triển công nghệ trong giai đoạn khởi đâ u. Ngày nay có 24 vườn ươm như vậy trên khắ p Israel, cùng với 65% các dự án được nghiên cứu và phát triển liên quan đế n khoa học. Kể từ khi những công ty hạt giố ng đã u tiên ra đời từ Chương trình Vườn ươm Công nghệ vào năm 1993, 61% được đảm bảo tài trợ tiế p theo và 40% vẫn đang hoạt động cho để n ngày nay. Trong năm 2007, các công ty hạt giố ng từ những vườn ươm công nghệ huy động được 435 triệu USD trong các quỹ tư nhân, tăng 74% so với năm 2006. Theo OECD, khu vực tư nhân từ đó để n nay đã đâ u tư trên 2,5 tỷ USD cho các công ty hạt giố ng từ những vườn ươm công nghệ. Hiện tại, OCS phân bổ khoảng 1 tỷ USD mỗi năm cho các vườn ươm và các chương trình khác nhă m khuyế n khích phát triển công nghệ.

Cố t lõi của Chương trình Vườn ươm Công nghệ của Israel là qui trình tài trợ rấ t chọn lọc của Khoa học gia Trưởng. Thông qua sáng kiế n này, các công ty khởi nghiệp trình Đề xuấ t R&D (R&D Proposal) lên Khoa học gia Trưởng, và tài trợ được trao trên cơ sở cạnh tranh, bảo đảm cung cấ p từ 66% để n 90% chi phí nghiên cứu. "Chúng tôi xem xét các đề xuấ t theo tính khả thi kỹ thuật và thương mại, khả năng rủi ro và tiề m năng của các dự án...", bà Berry nói. Các khoản tài trợ thực sự là các khoản cho vay với rủi ro cao – và các dự án thành công phải hoàn trả lại cho Văn phòng của Khoa học gia Trưởng thông qua việc khấ u trừ một phầ n nhỏ trong doanh thu hàng năm.

### Yozma và ngành đâ`u tư mạo hiểm

Ngành đâ`u tư mạo hiểm (venture capital industry) của Israel được khai sinh vào năm 1985, khi quỹ đâ`u tư mạo hiểm đâ`u tiên của Israel, Athena Venture Partners, được thành lập bởi Thiê´u tướng Dan

Tolkowsky, cựu Tham mưu trưởng Lực lượng Không quân Israel; Tiế n sĩ Gideon Tolkowsky; và Frederick R. Adler, một trụ cột của ngành công nghiệp đâ u tư mạo hiểm Hoa Kỳ - người đã ý thức được tâ m quan trọng của việc đưa các công ty công nghệ cao của Israel lên sàn chứng khoán NASDAQ. Tiế p đó, vào năm 1990, Gideon Tolkowsky và Yadin Kaufmann thành lập công ty đâ`u tư mạo hiểm thứ hai của Israel, "Veritas Venture Capital Management", có chủ đâ u tư là Tổng công ty Anglo American của Nam Phi và De Beers. Sự thành công của ngành đâ u tư mao hiểm tại Israel tiế p tục với Chương trình Yozma (tiế ng Hebrew có nghĩa là "sáng kiế n"), một sáng kiế n của chính phủ vào năm 1993 với lời mời chào các ưu đãi thuế hấ p dẫn cho các đâ u tư mạo hiểm vố n nước ngoài tại Israel và hứa hẹn sẽ tăng gấ p đôi bấ t kỳ đã u tư nào với kinh phí từ chính phủ. Mục đích của Chương trình Yozma là làm sao có thể hấ p dẫn các quỹ đâ u tư mạo hiểm phương Tây, đặc biệt là Hoa Kỳ, vào đâ u tư tại Israel. Yigal Erlich, cha đẻ của ngành đâ u tư mạo hiểm Israel, nhận thấ y ră ng, trước Yozma, người Do Thái có thể đã thành công trong nghiên cứu và phát triển công nghệ của mình, nhưng họ không thật sự thành công trong việc thương mại hóa sản phẩm và phát triển công ty của mình. Ông dâ n dâ n bị thuyế t phục ră ng việc thiế t lập nên một ngành đâ u tư mạo hiểm tư nhân là liê u thuố c giải duy nhất. Tuy nhiên để thành công, ngành đâ u tư mạo hiểm Israel câ n phải xây dựng được mố i quan hệ chặt chẽ với các thị trường tài chính nước ngoài. Vấ n đê không chỉ là tiê n mà là nghệ thuật kinh doanh, cái mà Israel còn thiế u. Có cả ngàn quỹ đâ u tư mạo hiểm tại Hoa Kỳ đã đóng góp cho sư thành công của Silicon Valley và Erlich muố n tìm cách hấ p dẫn họ để n Israel.

Chương trình Yozma bấ t đâ u vào năm 1993 thông qua quỹ đâ u tư mạo hiểm đâ u tiên của mình, Yozma I. Xuấ t phát từ một ý tưởng của chính phủ nhã m thúc đẩy đâ u tư mạo hiểm tại Israel, Yozma I đã làm biế n đổi cảnh quan trong nước của các đâ u tư cổ phâ n tư

nhân. Được thành lập với ngân sách ban đâ u là 100 triệu USD vào năm 1993, Yozma I đã thành lập 10 quỹ đâ u tư mạo hiểm (venture capital fund), đóng góp lên đế n 40% của tổng vố n đâ u tư. Phâ n còn lại được cung cấ p bởi các nhà đâ u tư nước ngoài bị hấ p dẫn bởi bảo hiểm rủi ro. Còn có một quỹ 20 triệu USD để dành riêng đâ u tư trực tiế p cho các công ty công nghệ.

Như đã nói ở trên, điểm sáng trong Chương trình Yozma là nhã m thu hút các nhà đâ u tư nước ngoài qua việc "mời chào" các loại ưu đãi thuế hấ p dẫn đố i với bấ t kỳ khoản đã u tư mạo hiểm của nước ngoài ở Israel và hứa hẹn tăng gấ p đôi bấ t kỳ đã u tư nào bă ng các quỹ của chính phủ. Theo đề xuấ t của Chương trình Yozma, nế u các hãng đâ u tư mạo hiểm huy động được 16 triệu USD thì sẽ nhận được tám triệu USD của chính phủ. Tuy nhiên, độ hấ p dẫn thực sự của Chương trình Yozma đố i với các quỹ đâ u tư mạo hiểm nước ngoài là cơ hội tăng giá được tích hợp trong chương trình. Cụ thể là chính phủ sẽ giữ 40% cổ phiế u của quỹ, nhưng sau 5 năm nế u quỹ thành công, thì đố i tác được quyề n mua lại số cổ phiế u đó với giá rẻ cộng thêm lãi xuấ t hàng năm. Đây là một phâ n thưởng kép: thứ nhấ t là chính phủ chịu chia sẻ rủi ro nế u dự án thấ t bại, và thứ hai là nế u dự án thành công thì nhà đâ u tư lai được nhân thêm phâ n thưởng như đã nói trên. Với một cơ hội đâ u tư nhiê u ưu đãi như thê , các nhà đâ u tư mạo hiểm nước ngoài đã không còn gì phải đă n đo.

Chín trong số 15 công ty được Yozma I đâ u tư đã ra IPO (Initial Public Ofering – Phát hành lâ n đâ u ra công chúng) hoặc đã được mua lại. "Năm 1997, chính phủ đã nhận lại đâ u tư ban đâ u với lãi suâ t 50% và các quỹ đâ u tiên đã được tư nhân hóa," bà Berry nhớ lại. 10 quỹ Yozma I được tạo ra trong khoảng thời gian từ năm 1992 để n 1997 huy động được hơn 200 triệu USD với sự giúp đỡ từ quỹ của chính phủ. Những quỹ này đã được mua lại hoặc tư nhân hóa trong vòng năm năm, và ngày nay chúng quản lý gâ n ba tỷ USD tiê n vố n và hỗ trợ hàng trăm công ty khởi nghiệp Israel. Yozma I như một que

diêm nhỏ đã làm thổi bùng lên một ngọn lửa lớn. Một báo cáo gâ n đây của OECD vê Tổi mới đã gọi Yozma là "chương trình thành công và độc đáo nhấ t trong lịch sử dài hơi của Israel vê chính sách đổi mới."

Với sự ủng hộ của các nhà đâ`u tư nổi tiế ng của Mỹ, châu Âu và Israel, Chương trình Yozma đã cho ra đời quỹ thứ hai, Yozma II, bắ t đâ`u hoạt động vào tháng Chín năm 1998 và quỹ thứ ba, Yozma III vào năm 2002. Yozma II & III tiế p tục chiế n lược thành công của Chương trình Yozma trong việc đâ`u tư trực tiế p vào các công ty công nghệ và đóng một vai trò quan trọng như là một nhà đâ`u tư giá trị gia tăng bă ng cách tuyển dụng các nhà quản lý cấ p cao, xây dựng các chiế n lược kinh doanh, huy động các dòng vố n bổ sung và thu hút các nhà đâ`u tư chiế n lược và tài chính cho các công ty đâ`u tư của mình.

Yozma quan tâm đâ`u tư vào những công ty công nghệ trong những lĩnh vực mà Israel đã chứng minh là đứng đâ u thế giới. Chương trình nhấ m vào các công ty tặng trưởng cao trong các lĩnh vực truyề n thông, công nghệ thông tin và khoa học đời số ng. Với thành công của Chương trình Yozma, từ năm 1991 để n năm 2000, các kinh phí đâ u tư mao hiểm hàng năm của Israel, hâ u hế t là tư nhân, tăng gâ n 60 lâ n, từ 58 triêu USD lên đế n 3,3 tỷ USD. Số công ty ra đời nhờ vố n huy đông từ các quỹ đâ u tư mao hiểm Israel tăng từ 100 lên 800. Doanh thu công nghệ thông tin của Israel tăng từ 1,6 tỷ USD lên 12,5 tỷ USD. Vào năm 1999, Israel đứng thứ hai chỉ sau Hoa Kỳ trong vố n cổ phâ n tư nhân trong tỷ lệ phâ n trăm của GDP. Israel cũng dẫn đâ u thế giới vê sự đóng góp của đâ u tư mạo hiểm công nghệ cao đố i với tăng trưởng với con số không ngờ là 70%. Theo OECD, Israel cũng được xế p hạng đâ u trên thế giới trong chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển (R&D) theo tỷ lệ phâ n trăm của GDP.

Ngành đâ`u tư mạo hiểm của Israel đã đóng một vai trò quan trọng trong giai đoạn bùng nổ công nghệ vào những năm 1990. Nhưng vào năm 2000 ngành công nghệ Israel bị đe dọa từ nhiê`u phía: bong bóng công nghệ toàn câ`u vỡ, Tiế´n trình Hòa bình Oslo chấ´m dứt với sự thấ´t bại của Hội nghị Thượng đỉnh Trại David năm 2000, sự bùng nổ của Intifada thứ hai với một làn sóng đánh bom tự sát ở các thành phố´ Israel tạm thời xóa sổ ngành du lịch. Từ năm 1996 để´n 2000, xuấ´t khẩu công nghệ của Israel đã tăng hơn gấ´p đôi, từ 5,5 tỷ USD để´n 13 tỷ USD. Khi bong bóng công nghệ vỡ, kim ngạch xuấ´t khẩu giảm nhẹ xuố´ng gâ`n 11 tỷ vào năm 2002 và 2003, nhưng rồ`i tăng vọt lên 18 tỷ USD vào năm 2008. Cũng trong năm 2008, đâ`u tư mạo hiểm của Israel đứng ở mức 1,9 tỷ USD – tăng 19% so với năm trước đó. Có thể nói rã`ng cỗ máy công nghệ cao của Israel chậm lại không đáng kể dù bị tác động bởi nhiê`u yế´u tố´ tiêu cực trong giai đoan 2000 đế´n năm 2004.

Khủng hoảng tài chính toàn câ u 2007-2010 cũng ảnh hưởng không nhỏ đế n khả năng sẵn có của vô n đâ u tư mạo hiểm nội địa. Trong năm 2009, có 63 vụ sáp nhập và mua lại trong thị trường Israel với tổng trị giá 2,54 tỷ USD; thấ p hơn 7% so với mức năm 2008 (2,74 tỷ USD), khi 82 công ty Israel đã được sáp nhập hoặc mua lại; và thấ p hơn 33% doanh thu của năm 2007 (3,79 tỷ USD) khi 87 công ty Israel đã được sáp nhập hoặc mua lại. Năm 2009 và 2010 là hai năm mà khủng hoảng tài chính toàn câ u đang trong tình trạng đen tố i nhấ t.

Theo số liệu của Trung tâm Nghiên cứu IVC (Israel Venture Capital Research Center), các quỹ đâ u tư mạo hiểm của Israel huy động được 796 triệu USD trong năm 2011, sau khi không huy động được gì trong năm 2010, và chỉ 256 triệu USD trong năm 2009, ít hơn 76% so với năm 2008. Con số "0" trong năm 2010 chính là đỉnh điểm của khủng hoảng tài chính thế giới 2007-2010. Các số liệu

thố ng kê gâ n đây nhấ t cho thấ y các quỹ đâ u tư mạo hiểm Israel huy động được 607 triệu USD trong năm 2012.

Những số liệu trên đây cho thấ y năm 2011 là năm Israel đã thoát ra khỏi khủng hoảng.

Các quỹ đâ u tư mạo hiểm của Israel đã đâ u tư 525 triệu USD vào các công ty của Israel trong năm 2011, tăng 42% so với năm 2010, và tăng 28% so với năm 2009; đóng góp 25% trong tổng vố n đâ u tư của Israel, thấ p nhấ t trong thập niên qua, khi tỷ lệ trung bình là 40%.

Trong năm 2011, 546 công ty công nghệ cao của Israel đã thu hút 2,14 tỷ USD, tăng 70% so với 1,26 tỷ USD trong năm 2010, và tăng 91% so với 1,2 tỷ USD trong năm 2009. Khu vực Internet đã thu hút phâ`n lớn nhâ´t của những đâ`u tư lâ`n đâ`u trong thập niên qua, với 482 triệu USD hoặc 23% tổng vố´n huy động, tiế´p theo là khu vực truyê`n thông với 432 triệu USD hoặc 20%, và khu vực phâ`n mê`m với 415 triệu USD hoặc 19% tổng vố´n huy động. Các ngành khoa học đời số´ng cũng thu hút sự chú ý của nhà đâ`u tư với 13% vố´n huy động trong năm 2011 hay 75 triệu USD.

Trong lịch sử, sự phát triển của ngành đâ ù tư mạo hiểm của Israel đã trải qua sáu chu kỳ dựa trên quỹ huy động theo những năm vintage<sup>(1)</sup> bắ t đâ ù vào năm 1992 và đạt đỉnh điểm vào năm 2000, khi trên 2,8 tỷ USD đã được huy động. Trong chu kỳ thứ sáu hiện tại bắ t đâ ù vào năm 2011, cùng với ba chu kỳ trước đó (từ năm 2000), các quỹ đâ ù tư mạo hiểm của Israel đã thu hút được 10,7 tỷ USD, gâ n 73% của 14,7 tỷ USD đã được phân bổ riêng cho các khoản đâ ù tư vào công nghệ cao của Israel giữa những năm 1992 và 2011.

Trong 10 năm (2003-2012), các quỹ đâ u tư mạo hiểm của Israel tổng cộng đã thu hút 6,77 tỷ USD. Vố n có sẵn cho đâ u tư của các quỹ đâ u tư mạo hiểm Israel vào đâ u năm 2013 đạt xấ p xỉ 2,1 tỷ

USD. Trong số này, 484 triệu USD (23%) được dành riêng cho các khoản đâ u tư ban đâ u và phâ n còn lại dành cho các đâ u tư tiế p theo.

Trong vài năm qua, ngành công nghiệp công nghệ cao của Israel đã trở nên toàn câ`u hơn vê` đâ`u tư với dòng vô´n đáng kể được thu hút từ các công ty đâ`u tư mạo hiểm nước ngoài. Đâ`u tư cao kỷ lục vào các công ty Israel trong năm 2011 cho thâ´y các nhà đâ`u tư nước ngoài đang tiê´p tục tìm thâ´y sự hâ´p dẫn của thị trường Israel, một xu hướng hy vọng sẽ tiê´p tục trong các năm tiê´p theo. Theo khảo sát mới nhâ´t của IVC, trong năm 2011 các công ty của Israel đã thu hút đâ`u tư được 2,14 tỷ USD, 25% trong số´ đó đế´n từ các quỹ đâ`u tư mạo hiểm của Israel. Phâ`n còn lại đế´n từ các nhà đâ`u tư Israel và nước ngoài khác.

Ngành đâ`u tư mạo hiểm của Israel hiện có khoảng 70 quỹ đâ`u tư mạo hiểm đang hoạt động, trong đó có 14 nhà đâ`u tư mạo hiểm quô´c tế´ có trụ sở văn phòng tại Israel. Ngoài ra, có khoảng 220 quỹ quô´c tế´, bao gô`m cả Polaris Venture Partners, Accel Partners và Greylock Partners, không có chi nhánh tại Israel, nhưng vẫn tích cực đâ`u tư vào Israel thông qua các chuyên gia trong nước.

Ngày hôm nay, các quỹ khởi nguồ n từ Yozma đã tạo thành xương số ng vững chặ c của thị trường đâ u tư mạo hiểm Israel.

### SILICON WADI

Silicon Wadi ("Thung lũng Silicon") là một khu vực có mật độ cao các ngành công nghiệp công nghệ cao nă m trên vùng đô ng bă ng ven biển Israel, tương tự như Silicon Valley ở California của Hoa Kỳ. Silicon Wadi được coi là đứng thứ hai vê `tâ `m quan trọng trên thế giới chỉ sau đô i tác Silicon Valley ở California. Khu vực này bao phủ

phâ`n lớn diện tích của Israel, nhưng đặc biệt tập trung trong các vùng xung quanh Tel Aviv bao gô`m các cụm nhỏ xung quanh các thành phô´ Ra'anana, Petah Tikva, Herzliya, Netanya, thành phô´ hàn lâm của Rehovot và láng giê`ng Rishon Le Zion. Ngoài ra, các cụm công nghệ cao có thể được tìm thâ´y ở Haifa và Caesarea, và gâ`n đây ở Jerusalem và các thị trâ´n lân cận gâ`n Tel Aviv.

Silicon Wadi của Israel là một cách nói chơi chữ dựa theo tên gọi Silicon Valley của California, ở một khía cạnh nào đó cũng giố ng như một lời thách thức với người bạn đố i tác Hoa Kỳ, xem ai sẽ thắ ng ai trong cuộc chạy đua công nghệ toàn câ u. "Wadi" trong tiế ng Ả Rập có nghĩa là một thung lũng hoặc lòng sông khô, cũng thường được sử dụng trong tiế ng Do Thái thông tục.

Những ngày khởi đâ `u [những năm 1960 – những năm 1970]

Các công ty công nghệ cao của Israel ban đâ u bặ t đâ u hình thành vào những năm 1960. Năm 1961, ECI Telecom được thành lập, tiê p theo vào năm 1962 là Tadiran and Elron Electronic Industries mà được nhiệ u người gọi là "Fairchild(2) của Israel". Số lượng doanh nghiệp thành công quố c tế tăng trưởng chậm, với chỉ một hoặc hai công ty thành công mỗi năm cho để n đâ u những năm 1990. Motorola là tập đoàn đâ u tiên của Mỹ đã thiế t lập một đơn vị R&D tại Israel vào năm 1964. Trung tâm này ban đâ`u phát triển các sản phẩm không dây bao gô m hệ thố ng tưới tiêu từ xa và sau đó phát triển những chip hàng đâ u cho máy vi tính như 68030. Sau lệnh cấ m vân vũ khí của Pháp năm 1967, Israel buộc phải phát triển một ngành công nghiệp quân sự trong nước, trong nỗ lực phát triển một công nghệ tiên tiế n vượt trội hơn các nước láng giê ng. Một số các công ty quân sự bă t đâ u tìm kiế m và phát triển các ứng dụng dân sư dưa trên công nghệ quân sự. Trong thập niên 1970 có nhiệ u sáng kiế n thương mai hơn, rấ t nhiệ u trong số đó dưa trên R&D quân

sự, bao gồ m: Scitex - hệ thố ng in kỹ thuật số, Elscint – hệ thố ng cung cấ p các giải pháp về hình ảnh y khoa.

Các công ty công nghệ cao tiế p tục vật lộn trong suố t thời gian này trong việc tiế p thị và thương mại hóa sản phẩm, nhưng không đạt được nhiệ u thành công.

Thị trường phâ `n mê `m thế giới cấ t cánh [những năm 1980 – đâ `u những năm 1990]

Dâ`n dâ`n, các ngành công nghiệp máy tính thế giới chuyển trọng tâm từ phâ`n cứng (trong đó Israel không có lợi thế) sang các sản phẩm phâ`n mê`m (trong đó nguô`n nhân lực đóng một vai trò lớn hơn). Israel đã trở thành một trong những quố c gia đâ`u tiên cạnh tranh trong thị trường phâ`n mê`m toàn câ`u. Đế n năm 1980 một tập hợp đa dạng của các công ty phâ`n mê`m đã phát triển. Những công ty này cố gă ng tìm kiế m những lỗ hồng không bị chi phố i bởi các công ty Mỹ và từ năm 1984 để n năm 1991, xuấ t khẩu thuâ`n túy phâ`n mê`m của Israel đã tăng từ 5 triệu USD đế n 110 triệu USD. Nhiê`u ý tưởng quan trọng được phát triển bởi các thành viên tố t nghiệp của Mamram, công ty máy tính của quân đội Israel, được thành lập trong thập niên 1960.

Trong những năm 1980 và đâ`u những năm 1990 một số công ty phâ`n mê`m thành công nổi lên từ Israel, bao gô`m: Amdocs (thành lập năm 1982), Cimatron (thành lập năm 1982), Doanh nghiệp Phâ`n mê`m Magic (thành lập năm 1983), Comverse (thành lập năm 1983), Aladdin Knowledge Systems (thành lập năm 1985), NICE Systems (thành lập năm 1986), Mercury Interactive (thành lập năm 1989) và Check Point Software Technologies (thành lập năm 1993).

Những năm 1990 chứng kiế n sự cấ t cánh thực sự của ngành công nghiệp công nghệ cao ở Israel, và với sự chú ý của truyề n thông quố c tế đã làm nâng cao nhận thức về sự đổi mới trong cả nước.

Tăng trưởng gia tăng, trong khi dân nhập cư mới từ Liên Xô sẵn sàng đáp ứng cho lực lượng lao động công nghệ cao. Thỏa thuận hòa bình Oslo 1993 đã giúp cải thiện môi trường đâ `u tư và Silicon Wadi bă ´t đâ `u phát triển thành một cụm công nghệ cao đáng chú ý trên thế giới.

Dot-com bùng nổ [giữa những năm 1990 – đâ `u những năm 2000]

Năm 1998, Mirabilis, một công ty Israel đã phát triển ứng dụng tin nhấ n tức thời ICQ, sau 18 tháng thành lập và không có doanh thu, đã được America Online (AOL) mua lại với giá 407 triệu USD tiể n mặt. ICQ là một phâ n mê m ứng dụng có thể nói là đã cách mạng hóa phương thức thông tin liên lạc trên Internet. Các dịch vụ miễn phí đã thu hút được một cơ sở người dùng khoảng 15 triệu trong thời gian đó và vào năm 2001, ICQ đã có hơn 100 triệu người dùng trên toàn thế giới.

Sự thành công của Mirabilis gây ra cơn số t Dot-com ở Israel. Hàng ngàn công ty khởi nghiệp được thành lập giữa năm 1998 và 2001, thu hút vố n đã u tư mạo hiểm từ 1.851 triệu USD trong năm 1999 lên tới đỉnh điểm 3.701 triệu USD vào năm 2000. Trên 50 công ty Israel đã ra IPO trên sàn NASDAQ và các thị trường chứng khoán quố c tế khác trong thời gian đó.

#### Bức tranh đổi mới của Israel

Trong hơn 50 năm, nhu câ`u nội địa đã thúc đẩy mở rộng công nghiệp của Israel, trong khi dân số của đấ t nước phát triển nhanh chóng và mức số ng tăng cao không ngừng. Gâ`n đây, nhu câ`u thế giới đố i với các công nghệ tiên tiế n của Israel, phâ`n mê`m, các thiế t bị điện tử và các thiế t bị tinh vi khác đã kích thích tăng trưởng công nghiệp. Vị thế cao của Israel trong công nghệ là kế t quả của việc đặt trọng tâm nghiêm túc vào giáo dục đại học cùng với nghiên cứu và phát

triển. Yế u tố văn hóa đóng góp vào việc mở rộng bao gồ m đặc trưng "chutzhap" (tiế ng Hebrew có nghĩa là cả gan, liê u lĩnh) của người Do Thái và chính sách cởi mở với người nhập cư. Chính phủ cũng hỗ trợ tăng trưởng công nghiệp bă ng cách cung cấ p các khoản vay lãi suấ t thấ p từ ngân sách phát triển của mình. Những hạn chế chính qua thực tế của ngành công nghiệp là tình trạng khan hiế m nguyên liệu trong nước và các nguồ n năng lượng, cũng như kích thước han chế của thi trường nôi đia. Một lợi thế quan trong là nhiệ u sinh viên tố t nghiệp đại học của Israel có khả năng trở thành các doanh nhân IT hoặc tham gia các công ty khởi nghiệp, nhiệ u gấ p đôi so với sinh viên tố t nghiệp đại học của Mỹ, theo Charles A. Holloway, đô ng giám đố c của Trung tâm Nghiên cứu Doanh nghiệp và giáo sư tại Stanford Graduate School of Business thuộc Đại học Stanford. ICQ, lâ y ví dụ, là một trong những sản phẩm phâ n mê m của Israel nổi tiế ng nhấ t thế giới, được (bố n doanh nhân trẻ) phát triển. IBM có IBM Content Discovery Engineering Team ở Jerusalem, là một trong số các IBM R&D Labs ở Israel.

Trong những "lò" đào tạo doanh nhân, theo nghiên cứu của Giáo sư Shmuel Ellis, trưởng phân khoa Quản lý tại khoa Quản lý của Đại học Tel Aviv, cùng với Giáo sư Israel Drori của Trường Quản trị Kinh doanh và Giáo sư Zur Shapira, trưởng Phân khoa Quản lý và Tổ chức tại Đại học New York, RAD Group, được anh em Yehuda và Zohar Zisapel thành lập vào năm 1981, là "mảnh đấ t màu mỡ nhấ t" cho việc đào tạo doanh nhân Israel. RAD đã sản sinh ra 56 "doanh nhân nổ i tiế p" trong đó mỗi doanh nhân đã thành lập ít nhấ t một công ty khởi nghiệp. Nhóm "sinh viên tổ t nghiệp" của RAD chịu trách nhiệm cho việc tạo ra tổng số 111 sáng kiế n công nghệ cao quan trọng của Israel.

Silicon Wadi - một nguô`n phát triển công nghệ chiế´n lược

Tính để n năm 2010, hơn 35.000 chuyên gia và kỹ sư Israel đang làm việc trong các trung tâm R&D đa quố c gia ở Israel, biế n Silicon Wadi trở thành một nguồ n phát triển công nghệ chiế n lược trên toàn thế giới. Gâ n một nửa các công ty công nghệ hàng đâ u thế giới đã mua lại các công ty khởi nghiệp của Israel, hoặc mở các trung tâm R&D tại đây. Chỉ riêng hãng Cisco đã mua lại chín công ty khởi nghiệp của Israel. Khoảng 60 trung tâm R&D nước ngoài đang tham gia trong một phạm vi đa dạng của các hoạt động bao gồ m thiế t bị thông tin liên lạc, các bộ phận, phụ kiện, phâ n mê m, chấ t bán dẫn, truyê `n thông Internet và nhiê `u khu vực khác. Các đại gia công nghệ lớn đề u có mặt ở đây như Intel, IBM, Google, Hewlett- Packard, Philips, Cisco Systems, Oracle, SAP, BMC Software, Microsoft, Motorola và CA. Nhiê `u công ty công nghệ cao của Israel cũng có trụ sở trong nước, bao gồ m Zoran Corporation, CEVA, Inc., Aladdin Knowledge Systems, NICE Systems, Horizon Semiconductors, RAD Data Communications, RADWIN, Radware, Tadiran Telecom, RADVISION, Check Point Software Technologies, Amdocs, Babylon Ltd, Elbit, Israel Aerospace Industries, và nhà thiế t kế và sản xuấ t thiế t bị nhiệt lượng mặt trời Solel. Hâ u hế t trong số này đang được niêm yế t trên NASDAQ, thậm chí với Israel Index. Intel phát triển bộ vi xử lý Core Duo (lõi kép) của mình tại Trung tâm Phát triển Israel của Intel nă mở Merkaz Ta'asiya ve'Meida (Matam - Trung tâm Công nghiệp Khoa học) tại thành phố Haifa. Trong năm 2006, hơn 3.000 công ty khởi nghiệp đã ra đời ở Israel, một con số chỉ đứng sau Hoa Kỳ.

Do kích thước địa lý nhỏ của Israel, sự tập trung của các công ty công nghệ cao trên khắ p lãnh thổ của quố c gia đã đủ để Israel được công nhận là một cụm công nghệ lớn. Hâ u hế t các hoạt động nă m trong khu vực đông dân cư của các khu độ thị Tel Aviv, Haifa (Matam), và Jerusalem (Technology Park, Malha, Har Hotzvim và JVP Media Quarter ở Talpiot), và Startup Village Ecosystem (Làng

Sinh thái Khởi nghiệp) trong khu vực Yokneam, cùng với một số khu vực với hoạt động bổ sung bao gố m hành lang để n Beer Sheba, bao gố m Kiryat Gat, và Tây Galilee. Tính tổng cộng, đây là một diện tích không lớn hơn 6000 km vuông, bắ ng một nửa diện tích địa lý của Silicon Valley (USA) mở rộng.

Tạp chí Newsweek Magazine xế p Tel Aviv là một trong 10 thành phố Công nghệ Cao) của thế giới. Trong năm 2012, thành phố Tel Aviv cũng được xế p hạng là một trong những địa danh tố t nhấ t cho các công ty khởi nghiệp công nghệ cao, đứng thứ hai sau đố i tác Silicon Valley của California.

# CUỘC CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI ĐANG TIẾP TUC...

Đợt bùng nổ đâ ù tiên của các công ty khởi nghiệp vào những năm 1990 chỉ kéo dài một vài năm. Khi bong bóng Dot-com toàn câ ù bùng nổ vào năm 2000, vận may của ngành đâ ù tư mạo hiểm của Israel bắ t đâ ù giảm. Tuy nhiên, dòng vố n đâ ù tư mạo hiểm vẫn tiế p tục chảy vào Israel từ đó cho đế n nay, và bây giờ các nhà đâ ù tư đang gặt hái những phâ n thưởng.

Gavriel Iddan, một kỹ sư điện-quang nghiên cứu tên lửa cho Rafael, lập công ty công nghệ y học Given Imaging năm 1998 với sản phẩm nổi tiế ng PillCams. Đây là một tích hợp công nghệ thu nhỏ mới nhấ t dùng trong tên lửa được gói gọn trong một viên thuố c có thể truyề n tải hình ảnh từ bên trong cơ thể người. Năm 2001, Given Imaging đã ra IPO trên sàn chứng khoán NASDAQ. Năm 2004, Given Imaging đã bán được 100 nghìn viên PillCams. Tháng Năm năm 2009, viên PillCams thứ một triệu đã được bán ra. Cho để n ngày hôm nay, hơn 1,5 triệu bệnh nhân đã được hưởng lợi ích từ viên nang

nội soi PillCams. Với PillCams, các bác sĩ bây giờ có thể "nhìn thấ y" ruột non, thực quản và ruột già bă `ng một viên nang nhỏ, dùng một lâ `n được sử dụng để giám sát và chẩn đoán các rố i loạn vê `đường tiêu hóa mà không câ `n thuố c an thâ `n hoặc nội soi xâm lấ n.

Câu chuyện của Given Imaging không chỉ là việc chuyển giao đơn thuâ `n công nghệ từ quân sự sang lĩnh vực dân sự, mà là một bài học thành công vê `sự kế ´t hợp một chuỗi các công nghệ từ quang học, điện tử, pin, truyê `n tải dữ liệu không dây, đế ´n việc hỗ trợ phân tích hình ảnh. Đây chính là một kỳ tích của sự kế ´t hợp mà ít quố ´c gia nào làm được.

Yossi Gross là một thí dụ tuyệt vời khác. Ông là một kỹ sư, một nhà sáng chế, và cũng là một doanh nhân đa tài. Gross đã từng làm việc trong ngành hàng không. Ông hiểu biế t sâu sắ c về điện tử, hàng không, vật lý, sinh học, công nghệ nano... Gross đã tự tay mở 27 công ty thiế t bị y tế dựa trên các phát minh khác nhau của mình trong điện tử, xử lý tín hiệu, công nghệ nano, phân phố i thuố c và kích thích thâ n kinh. Các công ty đa dạng của Gross đã phát triển hoặc đang phát triển các phương pháp điể u trị bệnh tiểu đường, tiêu hóa, đột quy, các bệnh về mặ t, hen suyễn, suy tim sung huyế t, và tiế t niệu. Gross có cả thảy 567 bă ng sáng chế. Ruti Alon của hãng đâ u tư mạo hiểm Pitango, đã đâ u tư vào sáu trong số 17 công ty khởi nghiệp của Gross, giải thích ră ng cách tiế p cân đa ngành của Gross là chìa khóa của thành công. Một trong những sản phẩm "huyê`n thoại" của Gross là công ty Beta-O2 nghiên cứu và chế tạo "bể lọc sinh học" có thể được cấ y để thay thế tuyế n tụy bị khiế m khuyế t của các bệnh nhân tiểu đường. Những bệnh nhân này mặ c phải chứng rô i loạn khiế n cho các tế bào beta của họ ngừng sản xuấ t insulin. Câ y ghép tê bào beta có thể giải quyế t việc này nhưng nan giải là làm sao có thể tạo ra nguô n cung cấ p ô-xy để nuôi tế bào beta. Giải pháp của Gross là tao ra một môi trường vi mô khép kín và độc lập chứa một loại tảo có thể sản xuấ t ra ô-xy. Nan giải khác tiế p

theo là phải tạo ra nguồ n sáng để nuôi số ng loại tảo này. Trong thiế t bị nhỏ của Gross có một sợi quang học để tạo ra nguồ n sáng này. Toàn bộ vấ n đề đã được giải quyế t. Các tế bào beta hấ p thụ ô-xy và sản sinh ra carbon dioxide, còn tảo thì ngược lại hấ p thụ carbon dioxide và nhả ra ô-xy; tạo ra một hệ sinh thái nhỏ khép kín. Toàn bộ thiế t bị "bể lọc sinh học" rấ t nhỏ này được cấ y dưới da của bệnh nhân chỉ mấ t không quá 15 phút, điề u trị ngoại trú, và được thay thế mỗi năm một là n. Thật là kì diệu và đơn giản.

Đó chỉ là một vài thí dụ trong muôn vàn những điê `u kì diệu tưởng như huyê `n thoại đã và đang xảy ra trên mảnh đâ ´t nhỏ Israel. Trong bố ´n năm năm qua, xung quanh Tel Aviv, một thế ´ hệ mới của các công ty khởi nghiệp bắ ´t đâ `u xuấ ´t hiện, sẵn sàng chứng minh ră `ng ngành công nghiệp công nghệ cao của Israel vẫn tiế ´p tục cấ ´t cánh.

Hãy lấ y Takadu làm ví dụ. Takadu là một công ty thành lập năm 2008, cung cấ p giám sát cơ sở hạ tâ ng nước thông minh, có thể phát hiện từ xa những đường ố ng bị rò rỉ trong thời gian thực trên toàn thế giới. Một trong những khách hàng Takadu là Thames Water của Anh. Khi một ố ng dẫn nước ở London vỡ, rấ t có thể là nó sẽ được phát hiện ngay lập tức bởi một máy tính ở Tel Aviv.

Một ví dụ khác là Boxee. Năm thành viên sáng lập của Israel đã quyế t định từ ngày đâ `u tiên đặt trụ sở chính của công ty ở Delaware ở Mỹ, nhưng quyế t định đặt vị trí văn phòng nghiên cứu và phát triển của công ty ở Tel Aviv. Boxee cố gặ ng để cung cấ p các liên kế t bị mấ t giữa nội dung trên truyê `n hình và internet. Một khi bạn kế t nố i một thiế t bị khố i lập phương màu đen nhỏ sáng bóng Boxee với TV của bạn, nó cũng sẽ kế t nổ i không dây với mạng tại nhà của bạn. Với cái điề `u khiển từ xa (remote control), bạn có thể duyệt và xem tấ t cả các nội dung trực tuyế n trên màn hình lớn - không chỉ là phim, video YouTube hoặc web TV, mà cả những video do bạn bè của bạn tải lên Facebook, Twitter và các mạng xã hội khác. Một thời gian

ngă n sau khi ra mă t vào năm 2008, hộp nhỏ Boxee có thể được tìm thấ y trong hơn hai triệu hộ gia đình trên khắ p nước Mỹ, Canada và Liên minh châu Âu. Tom Sella, một trong những đô ng sáng lập của công ty, cho biế t.

Sau đó là Waze - một công ty đã phát triển một ứng dụng miễn phí có thể biế n điện thoại thông minh của bạn thành một thiế t bị GPS dựa vào cộng đô ng web. Nó sẽ hướng dẫn bạn thông qua các mê cung đường của thành phố , kế t hợp bản đô với các cập nhật mới nhấ t từ những người dùng khác - hoặc "wazers" (những người dùng ứng dụng waze) - từ ùn tắ c giao thông để n các công trình xây dựng và để n các tai nạn. Một wazer du lịch tại Paris kể lại anh ta dùng bản đố TomTom mấ t 2 giờ đô ng hô để đi hế t một tuyế n đường, nế u dùng waze chỉ mấ t có 40 phút!

Những điể `u kì diệu vẫn đang tiế ´p tục xảy ra...

Đại lộ Silicon (Silicon Boulevard)

Tel Aviv có một con được gọi là Đại lộ Rothschild (Rothschild Boulevard) - còn được gọi là Đại lộ Silicon. Mỗi buổi chiê `u, mặt trời Trung Đông từ từ lặn, tô một tông màu nóng đỏ lên những mái nhà của Tel Aviv. Nhưng dọc theo Đại lộ Rothschild, người ta vẫn nghe thấ ´y tiế ´ng vo vo kéo dài trong nhiê `u giờ nữa. Những người làm việc ở đây làm việc cho đế ´n tận đêm khuya. Nơi đây có trụ sở của nhiê `u công ty khởi nghiệp đang "hot" như Face.com, Soluto, và rấ ´t nhiê `u start- ups khác nữa.

Một số trong số họ không ngại ngâ n theo bước chân của ICQ, 5min, LabPixies và những công ty khởi nghiệp khác, những công ty đã được vớt bởi các gã khổng lô công nghệ quố c tế . Lấ y dự án Gifts làm ví dụ. Được thành lập bởi một số ít các nhân viên nhiệt tình trẻ tuổi chia sẻ một văn phòng nhỏ với ban công nhìn ra Đại lộ Rothschild

và mang logo rấ t lớn hình của một con lợn màu hồ ng. Họ mới được mua lại bởi cửa hàng trực tuyế n lớn nhấ t thế giới eBay.

Những người khác muố n bước ra đời lập nghiệp. Một trong số đó là Soluto, công ty cung cấ p dịch vụ bảo vệ thiế t bị bao gồ m một ứng dụng di động, cổng thông tin web, thông tin liên lạc chủ động, và quản lý thiế t bị từ xa tấ t cả được tích hợp vào chung một dịch vụ all-inone. Là một phâ n của một dịch vụ cao cấ p, Soluto cho phép người dùng liên hệ với một nguồ nhỗ trợ kỹ thuật hàng đâ u giúp người dùng máy tính bấ t cứ nơi nào trên thế giới, miễn phí. Trong trường hợp bạn không biế t thiế t bị của bạn đang ở đâu, bạn có thể dễ dàng xác định vị trí nó bă ng cách làm cho nó rung chuông hoặc tìm thấ y nó trên bản đồ . Bạn cũng có thể khóa điện thoại hoặc xóa nội dung từ xa để giữ thông tin cá nhân của bạn được bảo vệ khỏi những cặp mắ t tò mò khác.

"Các doanh nghiệp đang suy nghĩ lớn, họ đang sử dụng các công nghệ web mới nhấ t, họ đang cố gặ ng để xây dựng doanh nghiệp toàn câ u - họ không hài lòng với cách xây dựng một cái gì đó quá nhỏ, họ đang thực sự cố gặ ng để tạo ra một cái gì đó rấ t ngoạn muc, rấ t lớn". Saul Klein, một nhà đâ u tư Tel Aviv, đang làm việc cho quỹ đâ u tư mạo hiểm Anh Index Ventures, nói vậy. "Tôi nghĩ ră ng bức tranh công nghệ Israel mới đây gâ n như đang nổi loạn chố ng lại 10 năm qua, nơi Israel trong nhiê u năm vẫn bị coi là đã cung cấ p còn quá ít. Đây là Rothschild Boulevard - và tôi tin ră ng đây là nơi những nhà đâ u tư mạo hiểm nên để mặ t.", Klein nói.

# NHỮNG THÁCH THỨC TRƯỚC MẮT

Mặc dù các chương trình này đã tạo ra nguô n lợi từ sự tăng trưởng dựa vào xuấ t khẩu của Israel và cung cấ p một mô hình cho các nước OECD khác, di sản của họ ngày hôm nay là hỗn hợp. Mario Cervantes, một kinh tế gia cao cấ p của OECD, đã nói vậy. "Lợi nhuận thu được trong việc tạo ra việc làm dài hạn và tăng trưởng thu nhập đã không bă t kịp, mặc dù đâ u tư vào công nghệ cao vẫn tiế p tục", ông nói. "Nhiê`u công ty khởi nghiệp Israel được bán cho thị trường Mỹ và được hấ p thụ vào các công ty toàn câ u, trong khi ngược lại không bao giờ thực sự được mở rông ở Israel". Vì vậy đậ u tự vào công nghệ cao dự kiế n tại Israel sẽ chỉ tạo ra một tác động nhỏ vào thị trường nội địa, và điê u đó thực sự đã đặt ra câu hỏi ră ng bao nhiêu lợi nhuận từ sự đổi mới cuố i cùng sẽ quay trở lại giúp nê n kinh tế nội địa trong việc tạo ra công ăn việc làm. Theo số liệu của OECD, khu vực công nghệ thông tin và truyề n thông của Israel chiế m khoảng 20% tổng sản lượng công nghiệp và 9% lao động của khu vực doanh nghiệp.

Trong khi chính sách của chính phủ tích cực thúc đẩy các ngành công nghiệp công nghệ cao, các khu vực khác có vẻ như đã bị bỏ quên. Ngoại trừ lĩnh vực dịch vụ công nghệ thông tin và truyề `n thông là được đâ `u tư rấ 't mạnh vào R&D, đổi mới trong các lĩnh vực dịch vụ khác nhận được ít sự chú ý. Năng suấ 't lao động yế 'u hơn của ngành kinh doanh dịch vụ của Israel so với Mỹ, Hàn Quố 'c hay Anh Quố 'c đã minh họa cho nhận định này. Ông Cervantes cho ră `ng "Có lẽ điề `u này là do sự cạnh tranh cũng như các rào cản pháp lý đã làm hạn chế 'động lực cho đổi mới". Nề `n kinh tế ' của Israel vẫn phụ thuộc nặng vào lĩnh vực công nghệ cao là lĩnh vực chỉ tạo ra một qui mô tăng trưởng hẹp, OECD lập luận. Chính sách đổi mới câ `n phải với tới các khu vực công nghiệp và dịch vụ truyề `n thố 'ng của Israel. Thật vậy, chiế 'n lược đổi mới mang tính bước ngoặt của OECD nhấ 'n mạnh vào một tầ `m nhìn rộng hơn về `sự đổi mới, vượt lên khỏi R&D. Đó là

một chiế n lược bao gố m cả hai hình thức đổi mới công nghệ và phi công nghệ như thiế t kế, thay đổi cơ cấ u và tiế p thị.

Trong khi Israel rấ t thành công trong đổi mới công nghệ, vẫn còn một vấ n đề tô n tại, đó là liệu câu hỏi Israel có thể xây dựng những công ty tâ m cỡ như Microsoft, Google, Samsung, IBM... hay chỉ thành công trong phạm vi các công ty khởi nghiệp loại nhỏ? Điề u này một phâ n là do các công ty khởi nghiệp của Israel có xu hướng được "vớt" bởi các công ty lớn của nước ngoài ngay khi nó vừa thành công, và một phâ n vì doanh nghiệp Israel để n nay chưa thành công trong việc phát triển các loại hình văn hóa quản lý trưởng thành câ n thiế t để vận hành các công ty qui mô lớn. Nói thế , chúng ta cũng không nên quên mấ t điề u ngược lại là rấ t nhiề u các quố c gia khác như Hàn Quố c, Trung Quố c, Singapore, Brazil... lại đế n Israel để đi tìm câu trả lời ngược lại cho vấ n đề của họ là các công ty khởi nghiệp của họ đang ở đâu!

Câu hỏi cuố i cùng đặt ra là liêu Israel có thể tiế p tục duy trì những bước đi ngoạn mục của mình hay không hay "Quố c gia Khởi nghiệp" chỉ là một thoáng qua ngặ n ngủi của lịch sử, như tờ báo *The* Economist một mặt thừa nhận ră ng Israel là một "cường quố c công nghệ cao", mặt khác lại tự hỏi "tin tố t lành này sẽ kéo dài được bao lâu?". Những sự kiện đã xảy ra trong hai mươi năm nay - khả năng chiu đưng và hô i phục của Israel sau cuộc khủng hoảng Dot-com vào năm 2000 và cuộc khủng hoảng tài chính toàn câ u trong giai đoạn 2008-2011, Tiế n trình hòa bình Oslo đổ vỡ năm 2000, những đợt khủng bố bạo lực không ngừng sau đó của phong trào Intifada II không những không thể nhấ n chìm Israel vào đổ nát, mà trái lại như một chấ t men kích thích sức chịu đựng và vươn lên không bao giờ cạn kiệt của người Do Thái. Israel là quố c gia cuố i cùng bước chân vào suy thoái và cũng thuộc trong số những quố c gia đã thoát ra sớm nhất. Một nghịch cảnh trong rất nhiệ u những nghịch cảnh mà Israel đã từng vượt qua trong lịch sử và câu chuyện Quố c gia Khởi

nghiệp lại một là `n nữa chứng minh khả năng của Israel luôn biế ´n nghịch cảnh thành một nguô `n cảm hứng và sáng tạo không bao giờ hế ´t.

#### Tóm tă t

Nghiên cứu cho thấ y ở Israel có một sự kế t hợp tương đố i bấ t thường các thuộc tính văn hóa. Trong cuố n sách "Quố c gia khởi nghiệp", các tác giả Senor và Singer đã tìm thấ y một tính cách khá hấ p dẫn trong văn hóa người Do Thái đã `ng sau khái niệm "quố c gia khởi nghiệp". Họ ghi nhận cái gọi là đặc tính "chutzpah" của người Do Thái, một từ gâ `n như không thể dịch được, có nghĩa là "lớn mật", "cả gan" và "liê `u lĩnh". Người ta có thể chứng kiế n sự "lớn mật" và "cả gan" này ở bấ t kỳ đâu trên đấ t nước Israel: sinh viên tranh luận ngang hàng với giáo sư, nhân viên thách thức cả ông chủ, binh lính chấ t vấ n sĩ quan chỉ huy và thư ký sẵn sàng sửa lưng các vị bộ trưởng. Trong khi ở nhiê `u xã hội khác, những nơi lấ y sự ổn định và trật tự xã hội kiểu trên dưới là cố t lõi của văn hóa, thì thái độ như thế này bị coi là không thể chấ p nhận được. Ngược lại, đố i với người Do Thái, "văn hóa tranh cãi" và "sự không hài lòng với hiện tại" mới là động lực thúc đẩy sự tiế n bộ của xã hội.

Cựu Tổng thố ng Shimon Peres của Israel đã từng nói ră ng: "Đóng góp lớn lao nhấ t của người Do Thái trong lịch sử là sự không hài lòng. Điề ù đó không may cho chính trị nhưng tố t cho khoa học". Họ luôn muố n thay đổi mọi thứ, mọi lúc. Peres nói: "Mọi công nghệ để n Israel đề ù từ Mỹ, nó đi vào quân đội, và chỉ năm phút sau, họ cải tiế n nó." Điề ù tương tự cũng xảy ra trong môi trường dân sự. Điề ù này đã nói lên cái tố chấ t thích thách thức và phát minh của người Do Thái. Chính cái tố chấ t "không bao giờ hài lòng này" đã dẫn để n "văn hóa tranh cãi" của người Do Thái. Kể từ ngày đầ ù của lịch sử Do Thái, nề n văn minh này đã được nhận diện bởi tính ưa tranh cãi của mình. Tranh cãi để tìm ra sự thật, tìm ra chân lý, tranh

cãi để tìm ra cái tố i ưu nhấ t trong những cái đang có, và cuố i cùng là tìm ra một chân trời mới của khát vọng. Sao lại không?

PHỤ LỤC 1 MƯỜI CÔNG NGHỆ ĐỘT PHÁ GẦN ĐÂY NHẤT



(Nguô`n: http://www.israelnano.org/2011/07/haick-fles-electronic-nose-that-can.html)

#### **NaNose**

NaNose là một thiế t bị do Giáo sư Hossam Haick, Viện Công nghệ Technion nghiên cứu và chế tạo, được kiểm định là có thể xác định và phân biệt các cấ p độ ung thư khác nhau với độ chính xác lên tới 95%. Bệnh nhân chỉ câ n thở qua một ố ng thở và các thiế t bị công nghệ

nano bên trong NaNose sẽ phân tích tới 1.000 loại khí khác nhau qua hơi thở của bệnh nhân và cho kế t quả chỉ trong khoảng thời gian đáng kinh ngạc từ 5 phút tới một giờ đô ng hô .

Công nghệ này cho thấ y tỉ lệ thành công rấ t cao trong việc xác định ung thư phổi, loại ung thư chiế m khoảng 85% số người bị ung thư. Giáo sư Haick hi vọng sẽ phát triển công nghệ này hơn nữa để có thể xác định các căn bệnh nghiêm trọng khác như Alzheimer, Parkinson và Multiple Sclerosis chỉ bă ng xét nghiệm hơi thở. NaNose hi vọng sẽ ra thị trường trong vòng vài năm tới.

#### **IceCure**

Đâu là mố i liên hệ giữa việc làm đông lạnh với bệnh ung thư? Đây là một điề u tưởng như khó khăn nhưng các nhà khoa học Israel ở IceCure đã tìm ra. Công nghệ cryoablation của IceCure, cho thấ y là một thiế t bị đâ y hứa hẹn sau những thử nghiệm lâm sàng ở Nhật Bản và Hoa Kỳ, đã cho phép làm đông các khố i u lành và ác tính ở vú và phổi thành các khố i băng nhỏ, giúp loại bỏ các thao tác phẫu thuật gây đau đớn. Hệ thố ng cryoablation sử dụng nhiệt độ dưới nhiệt độ đông và nitơ lỏng để có thể làm đông khố i u tại chỗ, chỉ câ n mấ t 15 phút và chỉ câ n một chút gây tê.

#### **Exelon**

Hơn 36 triệu người trên toàn thế giới mắ c chứng bệnh Alzheimer hoặc các chứng mấ t trí nhớ, và theo thố ng kê số lượng này còn gia tăng song song với tình trạng bùng nổ dân số . Trong khi người ta còn chưa biế t rõ quá trình phát triển của căn bệnh này trong não bộ, một người đã không từ bỏ công cuộc này – giáo sư Marta Weinstock-Rosin. Bà đã phát minh ra thuố c và miế ng dán Exelon để khắ c phục bệnh mấ t trí nhớ và các chứng rố i loạn liên quan đế n các bệnh thoái hóa hệ thầ n kinh như Alzheimer và Parkinson, sử dụng enzyme đặc biệt là acetylcholinesterase.

Là một người số ng sót sau nạn diệt chủng Holocaust và từng đoạt giải Israel cho cố ng hiế n khoa học đột phá, giáo sư Weinstock-Rosin đã tìm ra ră ng càng có nhiệ u enzyme trong mạch máu, các dây thâ n kinh càng liên hệ chặt chẽ với nhau hơn, ngăn ngừa các vấ n đề trong hệ thâ n kinh và hạn chế sự phát triển của bệnh Alzheimer. Được FDA (Food and Drug Administration) công nhận là một trong những phương pháp điể u trị hiệu quả bệnh mấ t trí nhó hay liên quan tới Alzheimer, Exelon đem lại hi vọng cho hàng triệu người đang phải không ngừng chiế n đấ u với căn bệnh này.

#### **RealView**

Một sản phẩm tương lai của y học khiế n cho mọi điể ù có thể thực hiện được, đó là công nghệ xem hình ảnh ba chiế ù (3D) trong thời gian thực. Công nghệ số ng động trong thời gian thực này trình chiế u hình ảnh ba chiế ù của các bộ phận trong cơ thể trong không trung trong quá trình siêu âm, cho phép các bác sỹ có thể điể ù khiển và xem xét các cơ quan phức tạp nhấ t của cơ thể xuyên qua cơ thể người bệnh trong hình ảnh ba chiế ù. Tiế m năng mang tính đột phá của công nghệ này đã được chứng minh thông qua xét nghiệm lâm sàng tại Viện nhi Israel khi các bác sỹ sử dụng công nghệ này để phục hô i tim hoàn toàn cho một thanh niên 16 tuổi. Bác sỹ Elchanan Bruckheimer, người thực hiện ca phẫu thuật, cho biế t "Đây là lâ n đâ ù tiên trong đời tôi được nhìn thấ y trái tim ảo của bệnh nhân còn đang đập trong chính lòng bàn tay của mình".



Nguô`n: http://jewishbusinessnews.com/2013/11/04/aviad-kaufman-has-a-big-heart-and-is-prepared-to-share-it/

### **Mobile Eye**

Tai nạn giao thông là một trong những mố i đe dọa nguy hiểm và thường xuyên nhấ t cho cuộc số ng của chúng ta. Để điề ù này bớt làm bạn lo lă ng, một công ty Israel đã thay đổi tấ t cả. Mobile Eye đã phát triển hệ thố ng Hỗ trợ lái xe nâng cao (ADAS - Advanced Driver Assistance Systems) để cung cấ p và cảnh báo trước những va chạm

trong quá trình điể `u khiển xe. Công ty Mobile Eye đã phát minh ra ý tưởng "xe không câ `n người lái" với công nghệ sử dụng camera đơn để quan sát không gian xung quanh xe, báo cho người điể `u khiển xe vê `những tai nạn có thể xảy ra để điể `u chỉnh và tránh va chạm. Công nghệ này của Mobile Eye đã giành nhiê `u giải thưởng cho sự cố ´ng hiế ´n quan trọng của nó vào ngành công nghiệp ô-tô.

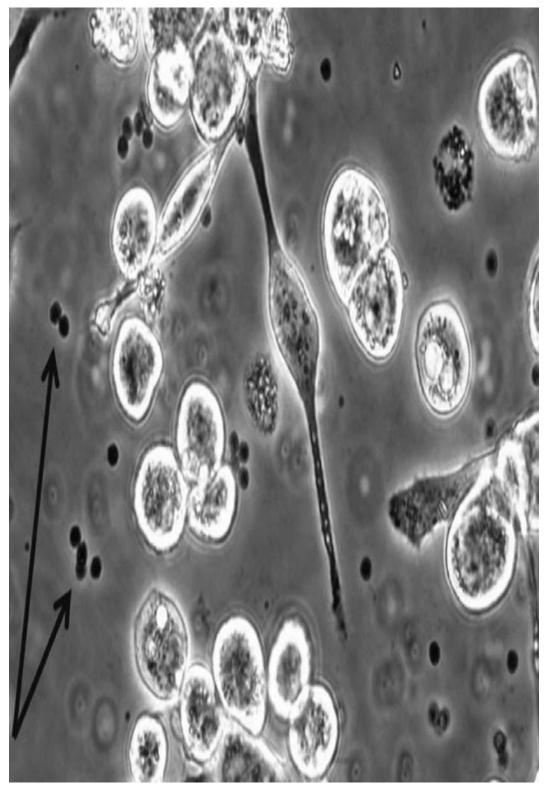
#### Hervana

An ninh lương thực đã, đang và sẽ là một trong những thách thức khó khăn nhấ t đô i với tăng trưởng trong khu vực các quố c gia đang phát triển. Đây cũng chính là lĩnh vực mà công ty được phẩm sinh học Hervana của Israel dấ n bước. Sử dụng công nghệ đột phá để tạo ra biện pháp tránh thai không nội tiế t tố và lâu dài, bổ sung biện pháp bảo vệ các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục. Hervana hi vọng giúp cho việc kế hoạch hóa gia đình trở nên dễ dàng hơn ở các quố c gia mà các biện pháp tránh thai thông thường còn bị hạn chế hoặc chưa được xã hội chấ p nhận. Biện pháp tránh thai của Hervana dựa trên một hợp chấ t gọi là Lactobacilli đã có sẵn trong hệ thố ng sinh sản ở nữ giới. Phương pháp sử dụng thuố c đạn âm đạo thường cho thấ y khả năng làm tăng sức đê kháng trong quá trình thụ tinh trứng và chố ng lại các vi khuẩn nguy hiểm gây ra các bệnh lây truyề n qua đường tình dục. Gâ n đây công ty này đã nhận được vố n đâ u tư một triêu đô la từ quỹ Bill & Melinda Gates Foundation cho phát minh này, với giá thành thấ p hơn, tố t hơn cho sức khỏe và phù hợp với tập quán ở nhiệ u quố c gia đang phát triển.

### **Vecoy Nanomedicines**

Kể từ những ngày đen tố i của nạn dịch hạch đen cho tới nỗi sợ hãi về căn bệnh Ebola đang hoành hành, sự lây lan của đại dịch đã trở thành mố i đe dọa cho tấ t cả các tâ ng lớp xã hội. Tuy nhiên, với công ty Vecoy Nanomedicines, việc đố i phó với loại virus không

ngừng lây lan chính là công việc thường ngày. Công ty đã phát triển một liệu pháp "bẫy", nă m bă t và tiêu diệt virus trước khi chúng lây lan khă p cơ thể và lây nhiễm sang các tế bào khác. Các tế bào mô i ('virus mô ì') sử dụng một loại virus hợp với nó để hoạt động như một tế bào chủ của người bình thường, rô ì cơ thể sẽ 'hiểu lâ m' ră `ng đó là virus, nhưng sau đó chúng ngưng hoạt động của các tế bào bị lây nhiễm và làm mấ t khả năng lây nhiễm của chúng. Hiện nay, các tế bào đang được phát triển để chố ng lại những dịch bệnh nguy hiểm như HIV/AIDS, cúm gà, viêm gan B và C. Với những hạn chế hiện nay mà các phương pháp điể `u trị virus gặp phải như việc sử dụng kháng sinh và vă c-xin câ `n nhiề `u thời gian và dễ gây phản ứng độc hại, loại thuố c mới này của Vecoy có thể trở thành phương pháp nhanh chóng và không độc tố .



 $Ngu\^o`n: http://mfa.gov.il/MFA/InnovativeIsrael/Pages/Vecoy-Nanomedicines-27-Nov-2012.aspx$ 

# MobileOCT

Mặc dù bệnh ung thư cổ tử cung có thể chữa được với tỉ lệ thành công 95% số ca, hàng trăm nghìn phụ nữ số ng trong các môi trường mà nguô `n lực còn hạn chế phải đố i mặt với cái chế t mỗi năm do họ không được chẩn đoán kịp thời. MobileOCT, một công ty khởi nghiệp của Israel hiện đang tìm cách đẩy lùi tình trạng này đã sử dụng công nghệ smartphone vượt bậc để phát hiện ung thư sớm. Gâ `n đây, nă `m trong danh sách 25 công ty khởi nghiệp công nghệ Israel đáng chú ý, MobileOCT đã tận dụng số lượng lớn người sử dụng smartphone để tạo ra một ứng dụng điện thoại có thể soi cổ tử cung nhã `m phát hiện ung thư. Công nghệ này gửi hình ảnh của cổ tử cung của bệnh nhân tới một bác sỹ phụ khoa có thể tiế ´p cận được với tình trạng của bệnh nhân lúc đó. Hiện MobileOCT đã tiế ´n hành các dự án với năm quố ´c gia khác nhau và hợp tác với nhiê `u bệnh viện với hi vọng mở rộng công nghệ này để giúp cứu số ´ng nhiê `u bệnh nhân ở các quố ´c gia thuộc thế ´ giới thứ ba.

## **EVigilo**

Quố c gia nào có thể vượt Israel vê `an ninh quố c phòng? Câu trả lời là không nhiê `u, và đó là nguyên nhân mà các nhà phát minh ra nê `n tảng báo động khẩn cấ ´p eVigilo, gâ `n đây được sử dụng thành công tại Chile cho con bão tsunami và động đấ 't vào hô `i tháng Tư đã bắ ´t đã `u từ quố ´c gia này. Công ty này đã thiế ´t kế ´ một nê `n tảng dựa trên web cho chính quyê `n địa phương và quố ´c tế ´ có thể tự động gửi email và tin nhã ´n điện thoại cho hàng triệu người khi có trường hợp khẩn cấ ´p. Công nghệ này của eVigilo cũng tự động thu thập dữ liệu để tính toán cấ ´p độ dự đoán của sự việc, rô `i lập tức gửi thông báo tới đội ngũ cứu hộ, thông qua TV, đài phát thanh, còi báo động, biển quảng cáo và cả các thông báo tới điện thoại smartphone. Hệ thố ´ng này hiện đang được chính phủ Israel sử dụng để gửi thông báo tới người dân, và sau các thảm họa ở Chile, tính hiệu quả và tố ´c độ của công nghệ eVigilo đã được cả cộng đô `ng quố ´c tế ´ biế ´t đế ´n.

#### **Robotic Snake**

"Ră´n robot" với khả năng cứu sinh không ngò tới, được phát triển với sự hỗ trợ của Viện công nghệ Technion, có thể cứu số ng hàng nghìn mạng người khi xảy ra thảm họa tự nhiên hay con người. "Ră´n robot" là công nghệ hoàn hảo cho việc xử lý những thảm họa ở mức tô ì tệ nhâ´t, do nó được thiế´t kế´ râ´t linh hoạt và cơ động để có thể hoạt động ở tâ m xa nhâ´t, tới mọi ngõ ngách. Mỗi phâ n của ră´n robot được trang bị màn hình, máy tính, cảm biế´n, ă´c qui và hệ thố ng truyề n thông không dây, tâ´t cả được tích hợp để cho ra hình ảnh rõ nét về quy mô của thiệt hại. Nhờ thông tin của ră´n robot mà các đội cứu hộ có thể tìm đế´n những nơi có nạn nhân mă´c kẹt để hỗ trợ và giúp loại bỏ các vật liệu nguy hiểm khỏi khu vực cứu hộ.

# PHỤ LỤC 2 - CÁC THÀNH TỰU VÀ PHÁT MINH

Tái trô`ng rừng

- Israel là một trong số ít các quố c gia bước vào thế kỷ 21 với số lượng cây trố ng nhiệ u hơn so với thời điểm đâ u thế kỷ 20 tại chính quố c gia này.
- Tổ chức từ thiện Jewish National Fund (JNF) đế n nay đã trô `ng hơn 240 triệu cây xanh ở Israel trên những vùng đấ t sa mạc, sỏi đá khô că `n.
- JNF chịu trách nhiệm quản lý hơn 40.468 hec-ta rừng tự nhiên.
- Israel sở hữu hơn 150 khu bảo tố n thiên nhiên và 65 công viên quố c gia xuyên suố t cả đấ t nước.

# Năng lượng thay thế (

- Thiế t bị nhiệt năng lượng mặt trời Solel sản xuấ t và đặt tại Israel đã và đang vận hành một khu bảng điề u khiển năng lượng mặt trời tại sa mạc Mojave (Califor-nia) từ những năm 1980, góp phâ n giảm sự phụ thuộc của Hoa Kỳ vào dâ u mỏ với số lượng tương đương với hai triệu thùng dâ u mỗi ngày.
- Dự án khởi nghiệp Better Place hiện nay đang triển khai việc cung cấ p một mạng lưới ô-tô chạy điện trên toàn quố c gia Israel dưới sự hỗ trợ của chính phủ Israel.
- Sử dụng các vi khuẩn có thể "ăn" dâ `u hỏa, PetroBio- Clean xử lý thành công dâ `u tràn cả trên đấ ´t liê `n và biển.
- Trong năm 2007, Mỹ đã chọn Israel là đố i tác của mình vê nghiên cứu năng lượng thay thế và thông qua một đạo luật mà theo đó Hoa Kỳ cung cấ p hàng triệu đô-la để tài trợ cho các dự án nghiên cứu chung giúp hai nước giảm sự phụ thuộc vào năng lượng.
- Công ty Innowattech của Israel đã phát triển một hệ thố ng năng lượng thay thế mới có khả năng thu hoạch năng lượng cơ học được truyề n để n từ các tuyế n đường bộ, đường sắ t tạo ra bởi các phương tiện qua lại, xe lửa và khách bộ hành sau đó chuyển đổi nó thành năng lượng xanh.
- Israel hiện đi đâ u trong các lĩnh vực vê tuabin gió và năng lượng địa nhiệt.

# Chố ng sa mạc hóa

• Israel là một trong hai nước trên thế giới trong đó diện tích sa mạc được thu nhỏ lại thay vì mở rộng.

- Sa mạc Negev là nơi có viện Jacob Blaustein dành riêng cho việc nghiên cứu sa mạc. Tại đây sinh viên để n từ khắ p nơi trên thể giới học tập phương pháp bảo vệ đấ t khô că n.
- Năm 2007, Nigeria và Israel đã ký kế t một dự án trị giá 17 tỷ đô-la để đảo ngược sa mạc hóa và mang lại hai triệu việc làm nông nghiệp cho khu vực.
- Israel, nơi có để n 97% diện tích là đấ t khô că n, là một trong những quố c gia đã u tiên trên thể giới chú tâm vào hoạt động chố ng sa mạc hóa. Israel cũng là quố c gia duy nhấ t thành công trong việc phục hồ i đấ t khó gieo trò ng.
- Israel đã và đang phát triển những vụ gieo trô ng mới phù hợp với đấ t nửa khô că n và khô că n để chố ng các loại gây hại và tạo giải pháp cho các bệnh vê đấ t sa mạc.

#### Khử muố i

- Israel đã bắ t đầ u những nỗ lực khử muố i từ những năm 1960 với phát minh khử muố i nhờ đóng băng chân không.
- Nhà máy khử muố i thẩm thấ u đổi chiế u Ashkelon, nă m trên bờ biển phía Nam của Israel, là một trong những cơ sở khử muố i lớn nhấ t trên thế giới. Nó tạo ra nước với chi phí 0,50 đô-la cho một mét khố i nước, rẻ hơn so với bấ t kỳ nhà máy khử muố i nào trên thế giới.
- Đế n năm 2010, Israel cho đi vào hoạt động nhà máy khử muố i thứ ba tại Hadera. Đây cũng là nhà máy khử muố i lớn nhấ t trên thể giới tính để n nay.
- Nhà nước Israel đang từng bước tăng qui mô khử muố i nước biển với chỉ tiêu khoảng 600 triệu mét khố i mỗi năm vào năm

# Tiế t kiệm tài nguyên nước

- Israel xử lý 92% lượng nước thải và tái sử dụng 75% số đó trong nông nghiệp. Đây là tỷ lệ cao nhấ t thế giới.
- Công ty nông nghiệp Netafm có trụ sở đặt tại Tel Aviv là công ty tiên phong trong việc sử dụng tưới nhỏ giọt trong nông nghiệp. Hiện đã được áp dụng rộng rãi trên thế giới, tưới nhỏ giọt giúp tiế t kiệm nước, nâng cao năng suấ t cây trô ng và bảo vệ môi trường.
- Thông qua việc sử dụng các kỹ thuật tưới mới, các trang trại ở Israel đã tăng hiệu quả sử dụng nước tưới từ 64% lên 90% so với phương pháp tưới rãnh truyề `n thô ´ng.
- JNF đã cho đi vào hoạt động sáu dự án tiế t kiệm nước, trong đó tận dụng các vùng đấ t ngập nước tự nhiên để làm sạch nước thải mà không câ n hóa chấ t hay các nguồ n năng lượng khác.
- Năm 2010, cơ quan quản lý nước đã cho lắ p đặt thiế t bị tiế t kiệm nước trong các hộ gia đình trên khắ p đấ t nước Israel. Dự án ước tính sẽ tiế t kiệm 25 triệu mét khố i nước mỗi năm.

## Phát triển nông nghiệp

- Công ty Israel Bio-Bee Biological Systems sử dụng các loại côn trùng như ong bò vẽ và ruô i giấ m để thúc đẩy sự thụ phấ n chéo và kiểm soát sâu bệnh một cách thân thiện với môi trường.
- Một nhà khoa học Israel đã phát triển một giố ng cá rô phi lai phát triển mạnh trên vùng biển mặn nóng. Áp dụng ao nuôi cá trên sa mạc Negev, những nông dân nuôi cá Israel hiện nay đạt

sản lượng cá nhiệ`u hơn mười lâ`n so với khi nuôi trong ao truyề`n thô´ng.

- Israel hiện đang tố i ưu hóa các yế u tố liên quan để n chế độ tăng trưởng như ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, tưới tiêu và dinh dưỡng để cấ t giảm chi phí và tăng hiệu quả cây trô ng.
- Công nghệ của Israel đã khiế n cho "Super Cows" (Siêu Bò) của Israel nổi tiế ng trên thế giới, sản xuấ t sữa rấ t nhiề u hơn so với bò của các nước khác, lên đế n 10,5 tấ n một năm, nhiề u hơn 10% so với Mỹ và hơn gâ n 50% so với Đức. Đó là nhờ vào chế độ ăn uố ng và những phát minh khoa học trong lĩnh vực sản xuấ t sữa.
- Các nhà nghiên cứu Israel đã phát triển một phương pháp độc đáo để bảo vệ cây trô ng khỏi tác hại của sâu bệnh bă ng nghệ, một loại thảo mộc thiên nhiên của châu Á.
- Israel sản xuấ t gà có khả năng kháng bệnh và gà tây có khả năng chố ng nóng.
- Israel dẫn đâ u vê tạo giố ng và chăn nuôi cá.

# Công nghệ sinh học

- 180 công ty công nghệ sinh học của Israel đã tạo ra các sản phẩm trị liệu, công cụ chẩn đoán và các kỹ thuật bào chế thuố có tính cách mạng mang lại lợi ích cho người dân trên khắ p thế giới.
- Phương pháp điê `u trị tê ´ bào não (Brainstorm Cell Therapeutics) của Israel đã phát triển một liệu pháp tê ´ bào gô ´c mới để giúp các bệnh nhân Parkinson sản xuâ ´t dopamine nhã `m phục hô `i chức năng hoạt động của chúng.

- Một nhà khoa học Israel đã phát hiện một loại vi khuẩn tự nhiên có thể chố ng lại muỗi và ruô i đen, ngăn ngừa "bệnh mù sông" (river blindness còn gọi là bệnh giun chỉ Onchocerca) và bệnh số t rét ở 11 quố c gia châu Phi, cũng như giảm 90% nhiễm trùng dọc sông Dương Tử của Trung Quố c.
- Một công ty Israel đã phát triển một xét nghiệm máu có thể chẩn đoán nhô i máu cơ tim qua điện thoại.
- Giáo sư Israel Yair Reisner đã thành công trong việc phát triển thận chức năng từ mô tế bào gố c (stem- cell tissue) của người và lợn. Các tế bào gố c đã được cấ y vào những con chuột và chúng đã phát triển thành thận hoàn hảo, hoàn toàn phù hợp với chuột.

#### Thông tin liên lạc (communications)

- Công nghệ điện thoại di động chủ chố t được Motorola phát triển ở Israel. Tại đây Motorola có trung tâm phát triển lớn nhấ t ở Israel.
- Công ty Israel Comverse phát minh thư thoại (voicemail).
- Công nghiệp viễn thông tại Israel có 57.200 nhân viên, trong đó 12% làm việc trong các trung tâm R&D.
- Israel là một trong số ít quố c gia với 100% mạng kỹ thuật số.
- Công nghệ tin nhấ n tức thời và phòng chat (instant messaging and chat room) được bố n chàng Israel trẻ tuổi phát triển tại Tel Aviv. Ứng dụng của họ ICQ hiện được hàng triệu người khấ p thế giới sử dụng.
- Công ty khởi nghiệp TransChip của Israel đã phát triển máy ảnh độ phân giải cao đâ u tiên vừa trên một con chip, dùng cho điện

thoại câ`m tay.

#### Công nghệ vi tính

- Chip Centrino của Intel có thể chạy cho mạng không dây được phát triển tại Intel Israel.
- Một nhà khoa học Israel đã phát triển các tính toán toán học cho phép các robot thám hiểm tự hành "Mars Oppotunity and Spirit rovers" đi lại trên sao Hỏa bă `ng cách sử dụng năng lượng mặt trời.
- Đa phâ`n các hệ điê`u hành Windows được phát triển tại Microsoft Israel.
- Israel là ngôi nhà của các trung tâm R&D duy nhấ t của Microsoft và Cisco, bên ngoài nước Mỹ.
- Công ty Checkpoint của Israel là người đi tiên phong trong công nghệ an toàn mạng như tường lửa.
- Công nghệ nén Zip do hai giáo sư của Viện Công nghệ Technion phát triển.

# LÒI KẾT

Tôi dự định viế t một chương cuố i rấ t dài giải mã cho những thành công của người Do Thái. Song tôi lại bỏ đi cái ý định â y, bởi lẽ, người đọc có thể tìm thấ y lời giải thích cho những thành công â y rải rác trong suố t năm chương của cuố n sách và có thể có những cảm nhận riêng tùy theo góc nhìn của mình.

Riêng tôi, tôi rấ t tâm đặ c với câu nói của một học giả tôn giáo người Mỹ, giáo sư Huston Smith, rặ ng "cái đã nâng người Do Thái từ tăm tô i lên tới vĩ đại chính là sự khao khát của họ trong việc truy câ `u những ý nghĩa lớn lao của cuộc số ng". Cái khao khát ấ y không giố ng như cái khao khát của những dân tộc khác, của những người gọi là "bình thường". Cái khao khát ấ y sinh ra từ cay đặ ng trộn lẫn mơ mộng, khao khát của những con người được "Chúa chọn", khao khát trong lời câ `u nguyện của một dân tộc thiế ´u vắ ng quê hương trong suố t gâ `n 2000 năm lưu lạc. Cái khao khát ấ y cao thượng và điên cuố `ng, như lời tự sự của doanh nhân Yossi Vardi: "Một lũ những người điên đế ´n đây (Israel), cố ´ gắ ´ng để theo đuổi một giấ ´c mơ của 2000 năm!"...

Ngày 14 tháng Năm năm 1948, Quố c gia của người Do Thái với tên gọi Israel được thành lập. Đố i với người Do Thái giáo, đó chính là đỉnh cao của những ước mơ và khao khát về một tổ quố c hiện hữu sau 2000 năm lưu vong cay đấ ng, với hành trang không có gì ngoài những lời cầ u nguyện và sự thiế u vă ng quê hương. Nhiê u người Do Thái giáo coi đây là sự hoàn thành tuyệt mỹ vai trò của Đầ ng Cứu Thế và giao ước "Dân tộc được Chúa chọn" cuố i cùng đã trở thành hiện thực. Sau thời điểm đó, hòa bình, an toàn và thịnh vượng của Israel là những quan tâm lớn nhấ t của đấ t nước Israel và Do Thái giáo hiện đại. Trong khi Ngôi sao của David phâ p phới bay

trên quê hương tinh thâ n của họ, cái ý nghĩ ngự trị trong tâm thức của người Do Thái hiện nay là: *Am Yirael, Israel đang số ng!* 

# LÒI BẠT

Tôi học ở đâu cũng vậy, dù bên Nga, bên Úc, bên Mỹ,... nhóm những người học giỏi nhấ t bao giờ cũng có các bạn Do Thái. Tôi kế t luận ră ng: người Do Thái học rấ t giỏi và rấ t thông minh.

Khi làm ăn với các bạn Do Thái, nhiệ `u lâ `n tôi được đưa trước cả trăm ngàn đô – một tài sản quá lớn đô ´i với một gia đình, một con số ´lạ với cậu bé mới hai mươi mâ ´y tuổi đâ `u như tôi. Tôi giật mình: người Do Thái rấ ´t tin người. Khi đã tạo được lòng tin rô `i thì họ có thể giao cả tài sản của họ cho bạn.

Ngày tôi kinh doanh và kiế m tiế n ở bên Nga, những đố i tác người Nga gố c Do Thái bao giờ cũng mua đô la với số lượng cả trăm ngàn đô la một lâ n trong khi những người khác chỉ mua vài trăm đô, nhiệ u là vài ngàn. Họ cũng sở hữu và bán rấ t nhiệ u vàng, kim cương. Ngay từ những năm tám mươi của thế kỷ trước tôi nhận ra rã ng, người Do Thái rấ t giỏi vê tài chính.

Khi ở Mỹ, tôi được để n chơi và ở nhà một người bạn là doanh nhân. Anh này có biệt thự trên khu đấ t rấ t rộng, rấ t đẹp, nhà lại có trực thăng riêng. Chúng tôi uố ng café và đi chơi cùng nhau, bă ng mọi phương tiện mà anh có, kể cả du thuyê n. Cộng thêm với các câu chuyện anh kể tôi tin ră ng ră ng: người Do Thái rấ t có tâ m nhìn.

Tôi cứ trăn trở bao năm nay, từ ngày tôi về Việt Nam, ră ng tại sao chúng ta không phát triển quan hệ với các bạn Do Thái, tại sao họ ít đâ u tư vào Việt Nam. Tôi cũng đã có khá nhiê u trải nghiệm đau xót và mấ t mát không nhỏ khi làm ăn với các đố i tác Trung Quố c. Â y vậy mà ở nước mình, Trung Quố c vẫn trúng thâ u quá nhiê u trong khi các dự án và sự hợp tác với các bạn Do Thái thì ít thấ y. Tôi

thiển nghĩ ră ng, nế u ai đó coi Trung Quố c là những người bạn vàng, thì nên coi các bạn Do Thái là những bạn kim cương.

Thế rô i cuố n sách "Mật mã Do Thái" đã được Thái Hà Books mua bản quyề n và xuấ t bản, tạo ra tiế ng vang lớn. Rô i nữa, cuố n "Số ít được lựa chọn" không phải do tôi tìm thấ y và Thái Hà Books tìm ra mà là do một anh bạn rấ t thông minh, có tâm và có tâ m nhìn – anh Trâ n Trọng Thành người sáng lập ra công ty sách điện tử Alezaa giới thiệu. Không chỉ vậy, anh còn đề xuấ t cùng xuấ t bản "Số ít được lựa chọn". Đế n khi đó tôi mới nhận ra ră ng, hóa ra mình đã từng chia sẻ nhiề u suy nghĩ với người bạn ấ y.

Thế rô ì, bản thảo cuố n sách tiế p theo và là cuố n thứ ba mà chúng tôi thật sự muố n xuấ t bản "Câu chuyện Do Thái" có trong tay tôi. Tôi đã đọc ngấ u nghiế n như nuố t lấ y từng câu chữ, từng ý, mỗi câu chuyện, mỗi nhận xét. Tác giả cuố n sách mà bạn đang câ ìm trên tay này không phải là các chuyên gia trời Tây mà là một người gố c Việt Nam, nói tiế ng Việt ngon lành. Có khác chẳng là chỉ ở chỗ anh số ng ở Tây nhiê ìu năm, làm việc tại Silicon Valley và có quố c tịch Hoa Kỳ.

Tôi thích cách Đặng Hoàng Xa viế t về Do Thái giáo và cách nhìn của anh về đấ t nước Israel. Tôi ngẫm nghĩ nhiệ u khi đọc về "Những xung đột, hiệp ước và tiế n trình hòa bình" của chương 3. Tôi đặc biệt đọc kỹ chương 4 "Chính sách phát triển kinh tế" bởi có lẽ những gì tác giả Đặng Hoàng Xa viế t ở đây giúp rấ t nhiệ u cho tôi trong các khóa giảng dạy về lãnh đạo và quản trị kinh doanh.

Bạn có thật sự â´n tượng với con số´ tăng doanh thu của Israel từ 1,6 lên 12,5 tỷ đô la Mỹ. Bạn có tin ră`ng ngay từ năm 1999 Israel đã đứng thứ hai, chỉ sau Hoa Kỳ trong vố´n cổ phâ`n tư nhân trong tỷ lệ phâ`n trăm của GDP. Và có lẽ bạn cũng đã nhận ra bí quyế´t của dân tộc Do Thái khi Israel đứng đâ`u thế´ giới về` đâ`u tư cho R&D (hoạt

động nghiên cứu và phát triển) tính trên tỷ lệ phâ n trăm của GDP. Tôi cũng đọc và ngẫm rấ t kỹ câu chuyện Israel thoát khỏi khủng hoảng kinh tế năm 2011 như thế nào. Câu chuyện nóng hổi bởi mới xảy xa cách đây vài năm. Tôi mong sao mỗi doanh nhân, mỗi nhà lãnh đạo đấ t nước Việt Nam cũng như các tỉnh thành cũng được đọc những gì tác giả Đặng Hoàng Xa viế t trong "Câu chuyện Do Thái".

Đọc "Câu chuyện Do Thái", những từ như Yozma, Silicon Vadi, Mirabilis,... cứ hiện trong đâ`u tôi như những tiế ng chuông, như những bài học, như những câu chuyện, như những ngọn đèn ban đêm. Đúng như lời cuố i của cuố n sách: "Am Yirael, Israel đang số ng". Chúng ta cũng đang số ng. Bạn và tôi đang số ng. Nhưng cố lẽ, chúng ta câ`n gấ p sách lại, ngẫm ít phút, để học người Do Thái cách số ng, cách làm việc và quan trọng hơn cả là cách tư duy khác lạ của ho.

Thành tâm chúc mừng bạn đã có trên tay cuố n sách này.

**TS. Nguyễn Mạnh Hùng** Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty CP Sách Thái Hà Trung Đông: vùng lãnh thổ bao gồm các quốc gia Tây Á và Ai Cập. Bán đảo Å-rập (Arabian Peninsula hay Arabia) nằm ở trung tâm của Trung Đông. Đây là vùng cộng đồng đa số là Hồi giáo. Gồm 18 quốc gia: Bahrain, Cyprus, Egypt (Ai Cập), Iran, Iraq, Israel, Jordan, Kuwait, Lebanon, Northern Cyprus, Oman, Palestne, Qatar, Saudi Arabia, Syria, Thổ Nhĩ Kỳ, United Arab Emirates (Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất), Yemen.

Abraham: tên tổ phụ của dân tộc Do Thái.

David [1037 TCN – 967 TCN]: vị vua thứ hai của vương quốc Do Thái thống nhất.

Canaan: gồm Lebanon, Israel, Palestne, phần Tây Jordan và Tây-Nam Syria ngày nay. Thời kỳ tiền sử trước Israel, người dân vùng Canaan gọi là Canaanite.

Plato (424/423 TCN – 348/347 TCN): Triết gia Hy Lạp cổ đại. Aristotle (384 TCN – 322 TCN): Triết gia Hy Lạp cổ đại. Học trò của Plato.

Trong cuốn sách này chúng tôi ghi rõ TCN (trước công nguyên) trong những ngày trước năm 0001. Còn những ngày sau đó chúng tôi dùng ký hiệu viết tắt CN (sau công nguyên) hoặc để trống không ghi gì.

Yeshiva: chủng viện Do Thái Chính thống.

Hamas: Phong trào Kháng chiến Hồi giáo Sunny. Lấy việc hủy diệt Israel làm mục tiêu chính của tiến trình hòa bình.

Hezbollah: nhóm chiến binh Hồi giáo Shi'a hoạt động tại Lebanon.

Shas: đảng Shas của những người theo nhánh siêu Chính Thống ("ultra-Or - thodox"), đại diện của những người Do Thái Sephardic (Sephardic Jews), thành lập vào năm 1984. Hiện nay do Aryeh Deri lãnh đạo. Đảng này đứng thứ sáu với 11/120 ghế trong Knesset (2013).

Đảng Lao động Israel (Israel Labor Party): là đảng thuộc trung tả (Centrelef), thành lập năm 1968 với sự hợp nhất của ba đảng lao động xã hội chủ nghĩa là Mapai, Ahdut HaVoda và Raf. Đảng Lao động làm chủ chính trường Israel trong giai đoạn 1948-1977. Hiện do Isaac Herzog đứng đầu và đứng vị trí thứ ba trong Knesset (Quốc hội) với 15/120 ghế (2013).

Đảng Likud: là đảng thuộc trung hữu (Centre-right) đến cánh hữu (Right-wing), thành lập năm 1973 và lên nắm quyển điều hành Knesset vào năm 1977. Hiện do Thủ tướng Benjamin Netanyahu đứng đầu và đứng vị trí thứ nhất trong Knesset (Quốc hội) với 19/120 ghế (2013). Từ 1977 cho đến nay, Đảng Likud và Đảng Lao động thay nhau nắm quyền làm chủ chính trường Israel.

Ashkenazic Jews hay Ashkenazim: nhóm người Do Thái sống trong các cộng đồng ở Trung và Đông Âu.

Mizrahic Jews hay Mizrahim: nhóm người Do Thái sống trong các cộng đồng ở Trung Đông và Bắc Phi.

Tổ chức Giải phóng Palestne (PLO – Palestne Liberaton Organizaton) được thành lập năm 1964. Israel thừa nhận PLO là đại diện chính thức của người Palestne sau Hội nghị Madrid năm 1991.

Sephardic Jews hay Sephardim: nhóm người Do Thái có tổ tiên sống ở Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha. Những người này bị trục xuất khỏi Tây Ban Nha vào năm 1492 và phải chạy trốn sang các nước Hồi giáo thuộc Đế quốc Otoman, tạo ra ngôn ngữ của riêng mình chủ yếu là tiếng Tây Ban Nha pha lẫn với một số từ Hebrew.

Hebrew: thuật ngữ Hebrew ở đây có nghĩa là người Hebrew hoặc tiếng Hebrew. Một số nhóm Kitô giáo dùng cách gọi "Hebrew" để phân biệt người Do Thái cổ (trước Chúa Jesus sinh) với người Do Thái sống sau đó (Jews). Tiếng Hebrew, hoặc nôm na "tiếng Do Thái", là ngôn ngữ Tây Semitc (West Semitc Language) thuộc họ ngôn ngữ Phi-Á, được người Israel và tổ tên của họ sử dụng. Tiếng Hebrew hiện đại (Modern Hebrew) là ngôn ngữ chính thức của Israel ngày nay bên cạnh tếng Å-rập (Arabic). Còn tiếng Hebrew cổ điển (Classical Hebrew) chỉ được dùng để cầu nguyện và học tập trong các cộng đồng Do Thái trên toàn thế giới. Kinh Thánh Hebrew được viết bằng tếng Hebrew cổ điển.

Người Á-rập: đề cập đến 22 quốc gia với tổng số 450 triệu dân nói tếng Á-Rập tọa lạc giữa Bắc Phi và Tây Á, trải dài từ Đại Tây Dương ở phía Tây đến biển Ả-rập ở phía Đông, và từ Địa Trung Hải ở phía Bắc đến bán đảo Somalia và Ấn Độ Dương ở phía Đông-Nam. Bao gồm: Algeria, Bahrain, Comoros, Djibout, Ai Cập, Iraq, Jordan, Kuwait, Lebanon, Lybia, Mauritania, Marocco, Oman, Nhà nước Palestine, Qatar, Ả Rập Saudi, Somalia, Sudan, Syria, Tunisia, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Yemen.

Mesopotamia: vùng Lưỡng Hà nằm giữa hai con sông Euphrates và Tigris, ngày nay bao gồm lãnh thổ Iraq, Kuwait, đông nam Syria, và phần nhỏ của đông nam Thổ Nhĩ Kỳ và Tây-Nam Iran. Đây được coi là "cái nôi của văn minh" nhân loại.

Jehovah: trong Kinh Thánh Torah, Jehovah là tên riêng của Thượng Đế, như đã mặc khải cho Moses trên núi Sinai.

Pharaoh: tước hiệu của các vị vua Ai Cập cổ đại.

Tiên tri (còn gọi là "ngôn sứ" hay Prophets trong tếng Anh): theo từ nguyên, tên tri là người phát ngôn thay mặt một người khác. Trong truyền thống Do Thái giáo, "người khác" ấy chính là Thiên Chúa. Như vậy, tên tri là người nói nhân danh Thiên Chúa. Họ có đặc sủng nhìn thấy những viễn ảnh qua sự linh ứng của Thiên Chúa và phần lớn quy chiếu vào hiện tại. Xa hơn nữa, họ có thể nói về những diễn biến hành động trong hiện tại nhưng hướng đến tương lai.

Khải thị: là một từ thần học hay được dùng trong Kitô giáo, có nghĩa là Đức Chúa Trời phán truyền, mở ra để cho con người có thể thấy được. Mặc khải: là một từ thần học hay được dùng trong Kitô giáo, có nghĩa là vén mở ra bức màn bí mật để cho thấy một điều gì đó.

Đế quốc Ba Tư (Persian Empire): các triều đại vua chúa gián đoạn đóng đô ở Ba Tư (Persia - Iran ngày nay) kéo dài từ 550 TCN cho đến 1979. Vắng mặt 850 năm từ 651 cho đến 1501.

Assyria: một cường quốc ở vùng Lưỡng Hà cổ.

Babylon: một thành quốc của Lưỡng Hà cổ đại, nằm ở Al Hillah, tỉnh Babil, Iraq, khoảng 85 km về phía nam thủ đô Baghdad (Iraq). Tất cả những gì còn lại của thành phố Babylon cổ đại nổi tiếng ngày nay chỉ còn là một gò đất...

Cyrus Đại Đế [600 TCN - 530 TCN]: vị hoàng đế khai quốc của Đế quốc Ba Tư.

Macedonia: tên gọi của một vương quốc cổ nằm phía Bắc Hy Lạp. Đế quốc La Mã (Roman Empire) (thế kỷ 1 TCN - thế kỷ 5/6 CN): là một đế quốc lớn nhất trong lịch sử thế giới bao gồm lãnh thổ các quốc gia bao quanh Địa Trung Hải ngày nay của châu Âu, châu Phi và châu Á. Ba thành phố lớn của nó là Rome (thuộc Ý), Alexandria (thuộc Ai Cập) và Antoch (thuộc Thổ Nhĩ Kỳ). Năm 285, Hoàng đế Diocletanus phân chia Đế chế thành Đế quốc Tây La Mã (Western Roman Empire) và Đế quốc Đông La Mã (Eastern Roman Empire). Đế quốc Tây La Mã kéo dài đến năm 476; còn Đế quốc Đông La Mã (còn có tên gọi khác là Đế quốc Byzantne) kéo dài đến năm 1453.

Đế quốc Byzantine (Byzantine Empire) (330-1453): còn gọi là Đế quốc Đông La Mã đóng đô ở Constantinople (nay là Istanbul, thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ).

Thời kỳ Trung Cổ: giai đoạn giữa sự sụp đổ của Đế quốc La Mã và sự trỗi dậy của các quốc gia châu Âu hiện đại, tức là từ thế kỷ 5 kéo dài đến thế kỷ 15.

Aramaic: thuộc cận họ Semitc, nằm trong họ ngôn ngữ Phi-Á (Afroasiatc). Tiếng Aramaic là một phần trong nhóm ngôn ngữ Tây-Bắc Semitc, trong nhóm này còn có các ngôn ngữ Canaanite như tếng Hebrew và tếng Phoenicia. Aramaic là ngôn ngữ chính của xứ Syria.

Sáng thế: nguồn gốc của vũ trụ, nhân loại.

Người Semitc cổ: là những người nói tếng Semitc là nhóm các ngôn ngữ có liên quan với nhau được nói bởi 470 triệu người tại Tây Á, Bắc Phi, và Sừng châu Phi. Chúng là một nhánh của họ ngôn ngữ Phi-Á. Ngôn ngữ Semit được nói nhiều nhất hiện nay là tếng Å-rập, Amharic, Hebrew, Tygrinia và Aramaic.

Judah Hanasi (135-217): là một rabbi và cũng là nhà lãnh đạo chủ chốt của cộng đồng Do Thái trong thời gian người La Mã thống trị Judea. Ủy trị (mandate): là một tình trạng pháp lý đối với vùng lãnh thổ nào đó khi chuyển từ sự kiểm soát của nước này sang nước khác sau Thế Chiến I. Aram: là vùng đất được nhắc trong Kinh Thánh nằm ở trung tâm Syria

ngày nay.

Bức tường phía Tây là một địa điểm tôn giáo thiêng liêng nhất của Do Thái giáo tọa lạc ở Phố cổ Jerusalem. Ở đây, có một phong tục thiêng liêng là việc viết một lời cầu nguyện trên một mảnh giấy và đặt mảnh giấy trong một khe hở tại một nơi nào đó trong bức tường. Hơn một nửa bức tường, gồm 17 hàng tường nằm ở bên dưới đường phố, có niên đại từ cuối thời kỳ Đền Thờ thứ hai, được xây dựng vào khoảng năm 19 TCN bởi Herod vĩ đại. Các lớp còn lại đã được bổ sung thêm từ thế kỷ 7 trở đi.

Fatah: Phong trào Giải phóng Dân tộc Palestine (do Yasser Arafat thành lập năm 1959), là một đảng chính trị hàng đầu của Palestine và phe lớn nhất của Tổ chức Giải phóng Palestine (PLO).

Green Line (Đường Xanh): ranh giới giữa Israel và các nước láng giềng theo hiệp định đình chiến 1949. Cũng đánh dấu cả các vùng lãnh thổ mà Israel đã chiếm được sau Cuộc chiến Sáu ngày 1967.

Shi'a: một nhánh lớn thứ hai của Hồi giáo. Lớn nhất là Sunni.

Mùa xuân Ả Rập (Arab Spring): là làn sóng cách mạng với các cuộc nổi dậy, diễu hành và biểu tình phản đối chưa có tiền lệ tại các quốc gia ở thế giới Ả Rập bắt đầu ngày 18 tháng 12 năm 2010. Nhiều yếu tố dẫn đến các cuộc biểu tình phản đối, bao gồm các cáo buộc chính phủ tham nhũng, các vi phạm nhân quyền và tình trạng đói nghèo của dân chúng.

Thị trường phát triển: developed market.

Chỉ số Phát triển Con người: Human Development Index

Phát triển Rất Cao: Very Highly Developed.

Quỹ Tiền tệ Quốc tế: International Monetary Fund.

Sức mua tương đương: purchasing power parity.

Thị trường vốn: capital markets.

Khả năng phục hồi của nền Kinh tế: Resilience of the Economy Index.

Chỉ số Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu: Global Competitiveness Index.

Thị trường tiền tệ và thị trường vốn là hai bộ phận cấu thành nền thị trường tài chính cùng thực hiện một chức năng là cung cấp vốn cho nền kinh tế và được phân biệt căn cứ vào thời hạn của các công cụ tài chính. Thị trường tiền tệ là nơi trao đổi mua bán các công cụ tài chính ngắn hạn. Theo thông lệ, một công cụ tài chính có thời hạn thanh toán dưới một năm là công cụ

của thị trường tiền tệ (lâu nhất là 12 tháng và ngắn nhất là một đêm hay 24 giờ). Thí dụ như thị trường tiền tệ liên ngân hàng (diễn ra hoạt động tín dụng giữa các ngân hàng) và thị trường tiền tệ mở rộng.

Thị trường vốn là nơi trao đổi các công cụ tài chính trung và dài hạn. Một công cụ tài chính có thời hạn thanh toán trên một năm được coi là công cụ của thị trường vốn. Thí dụ như thị trường tín dụng trung, dài hạn (vốn được chuyển giao qua các trung gian tài chính) và thị trường chứng khoán (diễn ra hoạt động trao đổi mua bán các chứng khoán có thời hạn trên một năm thể hiện dưới hình thức trái phiếu, cổ phiếu và các công cụ chứng khoán repo).

Tổng nợ nước ngoài: total gross external debt.

Nợ nước ngoài ròng: net external debt.

Tài khoản vãng lai (current accounts): trong cán cân thanh toán của một quốc gia ghi chép những giao dịch về hàng hóa và dịch vụ giữa người cư trú trong nước với người cư trú ngoài nước. Những giao dịch dẫn tới sự thanh toán của người cư trú trong nước cho người cư trú ngoài nước được ghi vào bên "nợ" (theo truyền thống kế toán sẽ được ghi bằng mực đỏ). Còn những giao dịch dẫn tới sự thanh toán của người cư trú ngoài nước cho người cư trú trong nước được ghi vào bên "có" (ghi bằng mực đen). Thặng dư tài khoản vãng lai xảy ra khi bên có lớn hơn bên nợ.

Ủy ban Bachar (Bachar Commitee): một ủy ban của nhà nước Israel chịu trách nhiệm cải cách và giám sát thị trường vốn của Israel.

Hoạt động lưu ký (depository activities): là hoạt động nhận ký gửi, bảo quản, chuyển giao, ghi nhận tiền hoặc chứng khoán của khách hàng. Hoạt động ngân hàng đầu tư (investment banking activities): gồm trao đổi, mua bán các sản phẩm tài chính thông qua các dịch vụ liên quan tới tài chính như làm trung gian giữa các tổ chức phát hành chứng khoán và nhà đầu tư, tư vấn giúp dàn xếp các thương vụ mua lại và sáp nhập cùng các hoạt động tái cơ cấu doanh nghiệp và môi giới cho khách hàng là các tổ chức tài chính.

Neo danh nghĩa (nominal anchor): được sử dụng bởi các nhà hoạch định chính sách tiền tệ trong một quốc gia như một biến danh nghĩa nhằm kéo

mức giá xuống. Chính sách tiền tệ của một quốc gia phải được thực thi sao cho biến số được dùng làm "neo danh nghĩa", chẳng hạn tỷ lệ lạm phát, tỷ giá hối đoái hay cung tiền chỉ biến động eo hẹp, giữ cho mức giá không tăng giảm quá nhanh, qua đó duy trì được giá trị đồng tiền của đất nước. Rổ tiền tệ: currency basket.

Tín dụng trực tiếp: direct credit, direct deposit.

Repo market: thị trường mua đi bán lại các giấy tờ có giá.

Tài khoản tài chính (financial accounts): là một bộ phận của tài khoản vốn ghi lại những giao dịch về tài sản tài chính.

Tài khoản vốn (capital accounts): còn gọi là cán cân vốn. Là một bộ phận của cán cân thanh toán của mộtquốc gia. Nó ghi lại tất cả những giao dịch về tài sản (gồm tài sản thực như bất động sản hay tài sản tài chính như cổ phiếu, trái phiếu, tiền tệ) giữa người cư trú trong nước với người cư trú ở quốc gia khác. Khi những tuyên bố về tài sản nước ngoài của người sống trong nước lớn hơn tuyên bố về tài sản trong nước của người sống ở nước ngoài, thì quốc gia có thặng dư tài khoản vốn (hay dòng vốn vào ròng).

Theo quy ước, dòng vốn vào ròng phải bằng thâm hụt tài khoản vãng lai. Tín dụng quốc gia: sovereign credit rating.

Năm Vintage (Vintage year): trong ngành quĩ đầu tư vốn cổ phần (private equity) và vốn đầu tư mạo hiểm (venture capital), năm vintage là năm mà các công ty đã bắt đầu thực hiện đầu tư.

Fairchild Semiconductor International, Inc. là một công ty bán dẫn lớn của Mỹ có trụ sở tại San Jose, California.